

**Bộ giáo dục và đào tạo
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân**

NGUYỄN THỊ HỒNG THÁI

**GIẢI PHÁP THU HÚT VÀ SỬ DỤNG
CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2010**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2007

**Bộ giáo dục và đào tạo
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân**

NGUYỄN THỊ HỒNG THÁI

**GIẢI PHÁP THU HÚT VÀ SỬ DỤNG
CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2010**

Chuyên ngành : *Kinh tế, quản lý và kế hoạch kinh tế quốc dân*

Mã số : 5.02.05

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Giáo viên hướng dẫn:

1. PGS.TS. Phạm Văn Vận
2. PGS.TS. Ngô Thắng Lợi

HÀ NỘI - 2007

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các tài liệu trích dẫn, các số liệu nêu trong luận án bảo đảm tính trung thực và có nguồn trích dẫn rõ ràng

Người cam đoan

Nguyễn Thị Hồng Thái

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	3
MỤC LỤC.....	4
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	5
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	6
PHẦN MỞ ĐẦU	7
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HOẠT ĐỘNG ĐIỆN ẢNH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM.....	11
<i>1.1. VAI TRÒ CỦA ĐIỆN ẢNH TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - VĂN HOÁ - XÃ HỘI CỦA ĐẤT NƯỚC.....</i>	<i>11</i>
<i>1.2. CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM.....</i>	<i>20</i>
<i>1.3. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẦU TƯ VÀ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH.....</i>	<i>26</i>
<i>1.4. NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ ĐẦU TƯ CHO HOẠT ĐỘNG ĐIỆN ẢNH TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG.....</i>	<i>48</i>
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG THU HÚT VÀ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM THỜI GIAN QUA.....	61
<i>2.1. TỔNG QUAN VỀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM.....</i>	<i>61</i>
<i>2.2. THỰC TRẠNG THU HÚT CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM TỪ NĂM 1995 ĐẾN NAY.....</i>	<i>75</i>
<i>2.3. THỰC TRẠNG SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM TỪ NĂM 1995 ĐẾN NAY.....</i>	<i>94</i>
CHƯƠNG 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THU HÚT VÀ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2010 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020	117
<i>3.1. PHƯƠNG HƯỚNG THU HÚT VÀ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2010 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020.....</i>	<i>117</i>
<i>3.2. CÁC GIẢI PHÁP THU HÚT VÀ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2010 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020</i>	<i>146</i>
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ.....	180
PHỤ LỤC.....	184

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ASEAN	Association of Southeast Nations (Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á)
CNH - HĐH	Công nghiệp hoá, hiện đại hoá
Dolby - SRA	Dolby Surround Analog (Âm thanh lập thể kỹ thuật điện tử)
Dolby - SRD	Dolby Surround Digital (Âm thanh lập thể kỹ thuật số)
Multiplex	Rạp chiếu phim gồm nhiều phòng chiếu
ODA	Official development assistance (Viện trợ phát triển chính thức)
FAFIM	Công ty xuất nhập khẩu và phát hành phim
FDI	Foreign direct investment (Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài)
Telesine	Chuyển từ phim nhựa sang băng hình
VHTT	Văn hoá - Thông tin
WTO	World trade organization (Tổ chức thương mại thế giới)

DANH MỤC CÁC BẢNG

		Trang
<u>Bảng 2.1</u>	Kết quả kinh doanh trên vốn đầu tư trong hai năm 1984 - 1985	61
<u>Bảng 2.2</u>	Số lượng sản xuất phim từ năm 1995 - 2005	64
<u>Bảng 2.3</u>	Quy mô và cơ cấu thu hút các nguồn vốn đầu tư	78
<u>Bảng 2.4</u>	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư hàng năm từ ngân sách thời kỳ 2001 - 2005	80
<u>Bảng 2.5</u>	Nguồn vốn đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu phát triển điện ảnh giai đoạn 1995 - 2005	81
<u>Bảng 2.6</u>	Cơ cấu thu hút nguồn vốn đầu tư theo quy trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm điện ảnh	82
<u>Bảng 2.7</u>	Vốn đầu tư phát triển điện ảnh theo tính chất chi tiêu từ 1995 - 2005	89
<u>Bảng 2.8</u>	Vốn đầu tư từ ngân sách theo phương thức cấp phát	90
<u>Bảng 2.9</u>	Cơ cấu vốn đầu tư theo nội dung sử dụng	92
<u>Bảng 2.10</u>	Vốn đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu điện ảnh từ trung ương và địa phương thời kỳ 1995 - 2000	93
<u>Bảng 2.11</u>	Vốn đầu tư mục tiêu điện ảnh thuộc Chương trình quốc gia về văn hoá thời kỳ 2001 - 2005	96
<u>Bảng 2.12</u>	Chi phí đầu tư sản xuất phim truyện nhựa nước ngoài và phim Việt Nam	99
<u>Bảng 2.13</u>	Quy mô vốn và doanh thu của các cơ sở sản xuất phim	101
<u>Bảng 2.14</u>	Số lượng phim sản xuất từ năm 2000 - 2005	102
<u>Bảng 2.15</u>	Kết quả hoạt động của một số Hãng phim	105
<u>Bảng 3.1</u>	Nhu cầu vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam đến 2010 và 2020 phân chia theo nguồn vốn và đối tượng sử dụng	118
<u>Bảng 3.2</u>	Vốn đầu tư từ ngân sách cho mục tiêu điện ảnh 2006 -2010	125
<u>Bảng 3.3</u>	Dự báo sản lượng phim đến 2010 và 2020	135

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế của đất nước phải đồng thời với việc xây dựng chiến lược phát triển Văn hoá, là quan điểm được thể hiện trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5, khoá VIII của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam "*Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội*". Điều này càng cần thiết hơn trong công cuộc đổi mới toàn diện của Việt Nam thực hiện tiến trình Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm thực hiện mục tiêu "*Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*".

Điện ảnh ra đời và phát triển rực rỡ trên thế giới đã hơn 100 năm. Với vai trò là ngành nghệ thuật - công nghiệp dịch vụ giải trí, điện ảnh đã đem lại giá trị tinh thần cho nhiều thế hệ, sản phẩm điện ảnh trở thành di sản văn hoá hình ảnh động của các quốc gia và còn là tài sản tinh thần chung của quốc tế.

Ở Việt Nam, điện ảnh ra đời và phát triển đã hơn nửa thế kỷ. Trải qua các cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, điện ảnh đã tạo được những tác phẩm đặc sắc ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng, góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng Chủ nghĩa xã hội. Bằng thủ pháp nghệ thuật độc đáo, tác phẩm điện ảnh có ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội, vừa là công cụ tuyên truyền chính trị tư tưởng của Đảng, vừa có vai trò giáo dục đạo đức, thẩm mỹ, đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân, nâng cao dân trí.

Trong cơ chế cũ, điện ảnh được nhà nước ta thực hiện các chính sách ưu đãi đặc biệt, bao cấp từ khâu đào tạo, sản xuất đến phổ biến phim vì thế đã có thời điện ảnh Việt Nam phát triển rực rỡ. Cơ chế mới vận hành nền kinh tế đất nước tạo cơ hội và cả thách thức đối với điện ảnh Việt Nam. Trong khi đầu tư của Nhà nước không thể là nguồn đáp ứng duy nhất đối với điện ảnh, làm sao để điện ảnh thoát khỏi tụt hậu, vực dậy một ngành nghệ thuật có ưu thế về công nghệ - kỹ thuật hiện đại, bảo tồn và phát triển nền điện ảnh dân tộc và hiện đại, điều này đòi hỏi lượng vốn đầu tư vô cùng lớn, đây là vấn đề rất trở ngại hiện nay đặt ra cho ngành.

Trong khi kỹ thuật công nghệ sản xuất phim trên thế giới ngày càng hiện đại và tiên bộ vượt bậc, truyền hình ra đời sau điện ảnh ba thập kỷ, cùng với các phương tiện

nghe nhìn khác phát triển nhảy vọt, thì điện ảnh Việt Nam thiếu vốn đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ cho sản xuất và phổ biến phim; thiếu vốn đầu tư đào tạo bổ sung và nâng cao đối với đội ngũ cán bộ, nghệ sĩ; Sản xuất phim không thu hồi được vốn. Thời gian qua một số bài viết trên các báo, tạp chí có đề cập đến vấn đề này, tác giả Vũ Ngọc Thanh (Viện Văn hoá-Thông tin) đã có đề tài nghiên cứu về “Xã hội hoá hoạt động điện ảnh”, tuy nhiên những bài viết mới chỉ nêu những bức xúc trước thực trạng trên, còn đề tài nghiên cứu chưa đề cập trực tiếp đến vấn đề thu hút vốn và sử dụng vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam.

Đề tài **"Giải pháp thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam đến năm 2010"** nghiên cứu hệ thống các vấn đề nhằm thu hút tối đa các nguồn vốn đầu tư cho điện ảnh, sử dụng vốn đầu tư để củng cố, phát triển điện ảnh Việt Nam theo hướng hiện đại hoá. Đề tài không chỉ là vấn đề thời sự mà còn mang tính cấp bách, lâu dài, cần được nghiên cứu nghiêm túc, thận trọng xuất phát từ cơ sở lý luận và đánh giá hoạt động thực tiễn của ngành để định hướng đầu tư phát triển điện ảnh phù hợp với chủ trương công nghiệp hoá- hiện đại hoá trong xu thế đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đề xuất những giải pháp có tính khả thi nhằm thu hút mọi nguồn vốn đáp ứng nhu cầu đầu tư, sử dụng vốn tiết kiệm và hiệu quả để phát triển ngành. Khẳng định vai trò, vị trí của điện ảnh trong đời sống xã hội đáp ứng yêu cầu nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, nâng cao dân trí; Vai trò của ngành công nghiệp dịch vụ giải trí tạo nguồn thu lớn góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Tổng quan về các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài

Trong những năm qua, ở nước ta có nhiều công trình nghiên cứu của các nhà khoa học, nhà quản lý đã đề cập đến vấn đề thu hút vốn đầu tư, đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư cho phát triển từ nhiều góc độ khác nhau thuộc các lĩnh vực kinh tế nói chung và các lĩnh vực văn hoá, giáo dục đào tạo, y tế... Trong lĩnh vực điện ảnh, thời gian qua một số Hội thảo chuyên ngành bàn về vấn đề làm thế nào để có phim hay; Vấn đề Điện ảnh Việt Nam trong xu thế hội nhập... có liên quan đến vốn cho sản xuất phim; Nhiều bài viết trên các báo, tạp chí có đề cập đến vấn đề này, tuy nhiên những bài viết mới chỉ nêu những bức xúc trước thực trạng phát triển điện ảnh Việt Nam. Tác giả Vũ Ngọc Thanh (Viện Văn hoá-Thông tin) đã có đề tài nghiên cứu về “Xã hội hoá hoạt động điện ảnh”, nhưng đề tài nghiên cứu chưa đề cập trực tiếp đến vấn đề thu hút vốn và sử dụng vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam.

Xuất phát từ đặc điểm của điện ảnh là một chuyên ngành hẹp, có tính đặc thù cao cho đến nay chưa có công trình, đề tài nào đặt vấn đề nghiên cứu một cách hệ thống về lý luận, thực tiễn, thực trạng và giải pháp thu hút, sử dụng vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam. Từ năm 2000 Luận văn thạc sĩ với đề tài “Định hướng và những giải pháp phát triển điện ảnh Việt Nam thời kỳ 2001 - 2010” và các bài viết của tác giả đăng trên tạp chí chuyên ngành đã đề cập tới việc đầu tư phát triển điện ảnh, đây cũng là điều kiện ban đầu để tác giả tiếp tục quá trình nghiên cứu phát triển trở thành Luận án khoa học với đề tài "Giải pháp thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam đến năm 2010" được nghiên cứu một cách hệ thống trên cơ sở các vấn đề lý luận về điện ảnh và đầu tư cho phát triển ngành điện ảnh; Xuất phát từ thực tiễn hoạt động của ngành và đặc thù của sản phẩm điện ảnh, thực trạng thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh thời gian qua, nêu mục tiêu quan điểm, đề xuất các giải pháp thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh đến 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam .

3. Mục đích nghiên cứu của luận án

- Trình bày có hệ thống để làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản và thực tiễn về điện ảnh và đầu tư phát triển điện ảnh, làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất các quan điểm, phương hướng, giải pháp thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

- Xác định vai trò vị trí của điện ảnh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tham khảo kinh nghiệm quốc tế về hoạt động và đầu tư phát triển điện ảnh.

- Phân tích thực trạng thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam thời gian qua, đánh giá kết quả đã đạt được, những hạn chế và nguyên nhân chủ yếu để làm căn cứ đề xuất các quan điểm, mục tiêu và giải pháp cơ bản nhằm thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là vấn đề thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam. Trọng tâm của đề tài là nghiên cứu thực trạng thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh, đặc biệt trong giai đoạn nền kinh tế nước ta vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, để đề xuất các giải pháp thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư cho phát triển điện ảnh Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu giới hạn trong lĩnh vực hoạt động điện ảnh bao gồm sản xuất phim, phát hành và phổ biến phim. Tham khảo kinh nghiệm hoạt động điện ảnh và đầu tư phát triển điện ảnh của một số nước có điều kiện tương đồng với điện ảnh Việt Nam.

5. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, phương pháp dự báo, phân tích thống kê toán học, phương pháp so sánh tổng hợp trong xử lý thông tin.

6. Những điểm mới của luận án

Đề tài nghiên cứu nhằm đóng góp những điểm mới như sau:

- Về lý luận: Hệ thống hoá một số lý luận cơ bản về điện ảnh và đầu tư phát triển điện ảnh. Luận án trình bày có hệ thống và làm sáng tỏ những vấn đề về đặc điểm, vai trò, vị trí, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của điện ảnh Việt Nam. Cơ sở của việc hình thành các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh.

- Về thực tiễn: Nghiên cứu phản ánh thực trạng thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển của điện ảnh Việt Nam; từ đó đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của thực trạng trên trong thời gian qua.

- Hệ thống những giải pháp đã có, hoàn thiện và đề xuất thêm những giải pháp đổi mới cơ chế chính sách và giải pháp tổ chức thực hiện nhằm đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

7. Nội dung và Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, nội dung chính của Luận án được chia làm 3 chương:

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HOẠT ĐỘNG ĐIỆN ẢNH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG THU HÚT VÀ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM THỜI GIAN QUA.

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THU HÚT VÀ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2010 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020.

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HOẠT ĐỘNG ĐIỆN ẢNH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM

1.1. VAI TRÒ CỦA ĐIỆN ẢNH TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - VĂN HOÁ - XÃ HỘI CỦA ĐẤT NƯỚC

1.1.1. Khái niệm về điện ảnh và hoạt động điện ảnh

Điện ảnh là nghệ thuật phản ánh hiện thực cuộc sống bằng những hình ảnh hoạt động liên tục, được ghi vào phim, chiếu lên màn ảnh truyền tới người xem.

Điện ảnh còn được hiểu là loại hình nghệ thuật tổng hợp bao gồm âm thanh, ánh sáng, hội hoạ, bối cảnh, đạo cụ, hoá trang, phục trang, kiến trúc... thể hiện bằng những hình ảnh hoạt động liên tục được ghi vào vật liệu phim nhựa (Hay còn gọi là phim sống, phim chưa ghi hình), băng từ, đĩa từ hoặc các vật liệu ghi hình khác, thông qua các phương tiện kỹ thuật sản xuất và chiếu phim để phổ biến đến công chúng.

Sản phẩm điện ảnh là sản phẩm văn hoá tinh thần được thể hiện qua phim bằng hình ảnh động kết hợp với âm thanh, ánh sáng, kỹ xảo... phản ánh cuộc sống xã hội và thiên nhiên, bao gồm các loại hình phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình (Còn được gọi là bộ phim) .

Bộ phim được tạo ra bởi sự sáng tạo riêng biệt của từng nghệ sĩ nhưng sự sáng tạo được gắn kết để cùng thể hiện một ý tưởng từ sáng tác kịch bản (Biên kịch), thiết kế bối cảnh, đạo cụ, phục trang, hoá trang (Hoạ sĩ thiết kế), đạo diễn, diễn xuất (diễn viên), quay phim, thu thanh, nhạc sĩ, dựng phim, biên tập đến in tráng ra bộ phim hoàn chỉnh. Vì vậy sản phẩm điện ảnh là sản phẩm của quá trình sáng tạo từ sáng tác kịch bản dưới dạng văn bản thể hiện toàn bộ diễn biến của nội dung phim được đưa vào sản xuất, thực hiện quá trình sáng tạo tiếp theo để hoàn thành bộ phim vì vậy sản phẩm điện ảnh còn được gọi là **Tác phẩm điện ảnh**.

Hoạt động Điện ảnh là những hoạt động của các tổ chức và cá nhân tiến hành những công việc có quan hệ chặt chẽ với nhau trong quá trình sản xuất phim, phát hành phim, phổ biến phim và lưu trữ phim.

Ngành Điện ảnh là một hệ thống tổ chức bao gồm các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, Hội, nghiệp đoàn, các cơ quan chuyên môn về điện ảnh từ Trung ương đến địa

phương, cơ sở để thực hiện các hoạt động điện ảnh từ nghiên cứu, sáng tác, sản xuất đến chiếu phim và quản lý hoạt động điện ảnh.

1.1.2. Đặc điểm của sản phẩm điện ảnh và hoạt động của ngành điện ảnh

1.1.2.1. Đặc điểm của sản phẩm điện ảnh

Điện ảnh là sản phẩm văn hoá, là hình thái ý thức xã hội đặc biệt, phản ánh toàn bộ truyền thống xã hội, bản sắc văn hoá và tinh thần dân tộc kết tinh từ ngàn đời; là một tổng thể phức hợp bao gồm sự hiểu biết, niềm tin, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, tập quán, thói quen mà con người là thành viên trong xã hội thiết lập nên, tuân thủ và tồn tại lâu đời.

Là loại hình nghệ thuật nghe nhìn được thể hiện bằng vốn sống và sự sáng tạo của người nghệ sĩ, người xem cảm thụ trực tiếp qua hình ảnh và âm thanh, được ghi lại bằng các phương tiện kỹ thuật, thể hiện cốt truyện, nhân vật, bối cảnh, không gian thời gian, diễn xuất của diễn viên, âm nhạc, hội hoạ, kiến trúc...

Trong cơ chế thị trường sản phẩm điện ảnh là hàng hoá đặc biệt vừa là sản phẩm tiêu dùng thông thường, vừa là giá trị biểu trưng cho bản sắc dân tộc, đạo đức lối sống. Giá trị vật chất của sản phẩm chính là yếu tố tinh thần chứa đựng trong sản phẩm và chỉ có giá trị khi nó là sản phẩm tinh thần vì con người; giá trị vật chất của sản phẩm chỉ là yếu tố để chuyển tải giá trị thực, giá trị tinh thần, giá trị vô hình của sản phẩm.

Giá trị sử dụng của sản phẩm điện ảnh là giá trị tinh thần được tạo nên bởi các yếu tố phi vật chất như nhận thức chính trị, quan điểm tư tưởng, giá trị đạo đức, nhân văn, trình độ thẩm mỹ, năng khiếu bẩm sinh, tích lũy vốn sống, giây phút xuất thần...kết tinh trong tác phẩm thông qua sự sáng tạo của người nghệ sĩ.

Sản phẩm điện ảnh do quá trình sáng tạo nghệ thuật tạo ra, sự sáng tạo càng độc đáo, tính tư tưởng nghệ thuật, tính nhân văn chứa đựng trong sản phẩm càng cao thì sản phẩm càng có giá trị.

Sản phẩm điện ảnh phản ánh hiện thực cuộc sống, có tính hướng dẫn và dự báo về xã hội và tự nhiên nên tác động mạnh đến tư tưởng tình cảm con người và định hướng hành động trong xã hội. Giá trị nghệ thuật, tư tưởng nhân văn trong tác phẩm được cảm thụ, trở thành nhận thức tư tưởng và hành động trong con người sử dụng nó.

Sản phẩm điện ảnh là sự kết tinh các giá trị lao động của người nghệ sĩ và các yếu tố lao động sáng tạo độc đáo khác để tạo nên sản phẩm. Giá trị sử dụng của sản phẩm điện

ảnh là một vật phẩm văn hoá nhằm thoả mãn nhu cầu hưởng thụ tinh thần của con người. Mỗi sản phẩm được sáng tạo với nội dung đơn chiếc, một sản phẩm đáp ứng tiêu dùng của nhiều người trên thị trường, chỉ khi thông qua phương tiện kỹ thuật chuyển tải nội dung đến người tiêu dùng, sản phẩm mới có giá trị sử dụng.

Sản phẩm điện ảnh chứa đựng yếu tố lao động quá khứ mang tính vật chất để tạo ra sản phẩm như nguyên vật liệu (phim sống, hoá chất...) công nghệ sản xuất, công cụ lao động như các sản phẩm thông thường khác (máy quay, hệ thống đèn chiếu sáng, thiết bị âm thanh, hệ thống máy dựng hình, hệ thống in tráng phim...)

Sản phẩm điện ảnh mang tính cộng đồng cao trong quá trình sản xuất cũng như khi hưởng thụ sản phẩm. Là kết quả lao động sáng tạo của một tập thể, gắn kết với nhau cùng thể hiện một ý tưởng của kịch bản. Cùng một lúc sản phẩm có thể thoả mãn nhu cầu hưởng thụ của đông đảo công chúng, sản phẩm được sử dụng lại nhiều lần nhưng gần như vẫn giữ nguyên giá trị ban đầu (hao mòn vật chất không đáng kể) vì vậy, phần lớn các quốc gia xếp sản phẩm điện ảnh vào loại hàng hoá dịch vụ công.

Từ những đặc điểm nêu trên, giúp ta xác định giá trị của sản phẩm điện ảnh không chỉ đơn thuần là lãi lỗ về giá trị kinh tế, quan trọng hơn đó là giá trị tinh thần, giá trị truyền thống, giá trị đạo đức, cảm thụ thẩm mỹ, giữ gìn bản sắc dân tộc... trong tác phẩm, được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Hiệu quả kinh tế phải gắn liền với hiệu quả xã hội trong quá trình sản xuất và phổ biến tác phẩm điện ảnh.

1.1.2.2. Đặc điểm về hoạt động của ngành

Là một ngành nghệ thuật tổng hợp, đồng thời cũng là một ngành sản xuất công nghiệp sản xuất vật chất và mang tính chất dịch vụ giải trí. Quy trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu thể hiện ở : Sản xuất phim - Phát hành phim - Phổ biến phim, 3 khâu luôn gắn bó với nhau mật thiết, khâu này là tiền đề đồng thời cũng là kết quả của khâu kia để sản xuất ra phim, hấp dẫn khán giả, thu hiệu quả kinh tế cao.

Khác với các ngành nghệ thuật khác, điện ảnh là một ngành sáng tạo nghệ thuật nhưng sản phẩm điện ảnh được tạo ra hoàn toàn bởi kỹ thuật hiện đại và công nghệ tiên tiến. Có thể hiểu rằng nếu không có công nghiệp điện ảnh thì không có ngành nghệ thuật điện ảnh. Từ thuở sơ khai anh em nhà LUMIERE người Pháp trước khi quay được bộ phim "*Đoàn tàu vào ga*" (tác phẩm điện ảnh đầu tiên trên thế giới) thì họ đã phải phát

minh ra chiếc máy quay phim là sản phẩm công nghiệp trước đó. Thuở khai sinh điện ảnh người ta còn gọi điện ảnh là "*Trò chơi kỹ thuật*".

Hoạt động điện ảnh bao gồm nhiều khâu được gắn bó liên kết chặt chẽ với nhau theo một quy trình từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm thuộc các lĩnh vực có đặc điểm chuyên môn không giống nhau từ sáng tạo nghệ thuật, kỹ thuật sản xuất phim đến lưu trữ phim gắn liền với công nghệ hiện đại; Từ nghiệp vụ chương trình phát hành phim đến tổ chức quảng cáo phim, tiêu thụ, phổ biến phim qua màn ảnh trên các địa bàn và các đối tượng hưởng thụ khác nhau...

Hoạt động điện ảnh không đơn nhất mà khá phức tạp, năng động và nhạy cảm bởi bao hàm trong nó các yếu tố nghệ thuật - kinh tế - kỹ thuật và đặc biệt là lĩnh vực tư tưởng, tình cảm, thẩm mỹ gắn với đông đảo công chúng trong xã hội. Vì vậy, điện ảnh luôn thể hiện là một trong những hoạt động dịch vụ công ích đặc biệt trong xã hội.

Các đặc điểm trên được thể hiện ở quy trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm điện ảnh và sơ đồ tổ chức ngành như sau:

1.1.2.3. Quy trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm điện ảnh theo công nghệ sản xuất phim truyền thống

Bao gồm 3 khâu là: Sản xuất phim - Phát hành phim - Chiếu phim được thể hiện như sau: Sản xuất phim (gồm sản xuất tiền kỳ và sản xuất hậu kỳ) từ sáng tác kịch bản phim - quay phim - in tráng phim negatip và phim nháp - dựng phim nháp theo ý đồ kịch bản - thu thanh lời thoại và âm nhạc - hoà âm (lồng âm thanh vào hình ảnh) - in tráng bản đầu - kiểm soát chất lượng và nội dung phim - in tráng bản phim hàng loạt - kiểm tra chất lượng kỹ thuật phim; phát hành phim (phân phối) trên hệ thống rạp; chiếu phim trong các rạp. Phim sau khi được phổ biến (phát hành phim và chiếu phim) được đưa vào kho lưu trữ và bảo quản bản phim negatip (bản gốc), bản phim positip (bản copy) và các vật liệu âm thanh khác kèm theo. Khâu này tuy không liên quan trực tiếp đến sản xuất và phổ biến phim, nhưng rất cần thiết cho các quá trình sản xuất sau và là nơi lưu giữ những tài sản tinh thần, những tinh hoa văn hoá của đất nước được thể hiện trong tác phẩm điện ảnh.

1.1.2.4. Quy trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm điện ảnh theo công nghệ kỹ thuật số hiện đại trong sản xuất phim và phổ biến phim

Vẫn bao gồm 3 khâu là: Sản xuất phim - phát hành phim - phổ biến phim được thể hiện như sau: Sản xuất phim (gồm sản xuất tiền kỳ và sản xuất hậu kỳ) từ sáng tác kịch

bản phim - quay phim và thu tiếng đồng bộ - in tráng phim negatip và chuyển sang số hoá hình ảnh (không in phim nháp để dựng phim) - dựng phi tuyến tính bằng kỹ thuật số, dựng trực tiếp trên phim negatip - thu tiếng động giả và âm nhạc - hoà âm (lồng âm thanh vào hình ảnh) - in tráng bản đầu - kiểm soát nội dung phim - in tráng bản phim hàng loạt - kiểm tra chất lượng kỹ thuật phim - phát hành phim (phân phối phim) trên hệ thống rạp, trên hệ thống đại lý video gia đình, trên hệ thống truyền hình, Internet và xuất khẩu, nhập khẩu phim - chiếu phim trong các rạp, đội chiếu lưu động, phát sóng trên truyền hình, chiếu phim qua thiết bị Video, trên mạng Internet.

Ba khâu trong hoạt động điện ảnh là một quá trình liên thông khép kín luôn gắn bó với nhau một cách mật thiết từ ý tưởng ban đầu của kịch bản điện ảnh đến bộ phim được sản xuất ra để chuyển tải đến công chúng và sự phản hồi đối với tác phẩm; gắn bó về công nghệ sản xuất, về đầu tư cho sản xuất và thu hồi vốn. Tham gia hoạt động điện ảnh là các đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, nhưng gắn kết với nhau bởi cùng một sản phẩm, được thực hiện ở nhiều khâu trong một chu trình từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Vì vậy đặc điểm lớn nhất chi phối toàn bộ quá trình hoạt động điện ảnh là tính đồng bộ về đầu tư công nghệ, tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của toàn ngành, được thể hiện như sau:

Khâu sản xuất phim: Thuộc các hãng sản xuất phim, được tổ chức thực hiện từ sáng tác kịch bản điện ảnh hoặc mua bản quyền kịch bản của các tác giả từ bên ngoài để đưa vào sản xuất; Thành lập các đoàn làm phim gồm các thành phần chủ yếu như đạo diễn chính, quay phim chính, hoạ sĩ chính, sáng tác nhạc cho phim, đạo diễn âm thanh, dựng phim, diễn viên chính, thứ, phụ...đoàn làm phim dàn dựng bối cảnh, đạo cụ, phục trang, âm thanh, ánh sáng...trong trường quay nội hoặc ngoài hiện trường (Trường quay ngoài cảnh) theo thiết kế mỹ thuật của hoạ sĩ, sau đó tiến hành quay phim; In tráng phim gốc negatip, in phim nháp; dựng phim; Làm tiếng động và thu thanh tiếng động trong phim, thu nhạc cho phim, thu lời thoại của từng nhân vật; hoà âm thanh vào hình ảnh để trở thành bộ phim hoàn chỉnh; Trình duyệt bản đầu phim để được phép phổ biến; In tráng bản hàng loạt (positive) để bán cho tổ chức phát hành phim hoặc trực tiếp phát hành trên hệ thống rạp chiếu phim.

Khâu phát hành phim: Là khâu lưu thông phân phối phim và chuyển tải thành quả của quá trình sản xuất đến người tiêu dùng, bao gồm hệ thống phát hành phim TW và phát hành phim thuộc các tỉnh và thành phố hoặc các chủ phim trong cả nước. Khâu này thực hiện chức năng phát hành phim trong nước và phát hành phim (xuất khẩu phim) ra nước ngoài; nhập khẩu phim để phục vụ mạng lưới phổ biến phim trong nước.

Ở nước ta trước kia, khâu phát hành phim tập trung chủ yếu vào Công ty Xuất nhập khẩu và Phát hành phim Việt Nam (Fafim Việt Nam). Việc nhập khẩu, phát hành phim trong nước và phát hành phim ra nước ngoài được thực hiện như sau:

- Nguồn phim từ các hãng sản xuất trong nước, phim do Fafim mua bản quyền nhập khẩu từ các nước, phim do nhà nước đặt hàng tài trợ... Fafim thực hiện việc phát hành đến các rạp chiếu phim, các cửa hàng bán và cho thuê băng hình, các Đài truyền hình trung ương và địa phương trong cả nước bằng các hình thức bán đứt bản quyền cho cơ sở chiếu phim, cho thuê phim, hợp tác chiếu phim cùng chia lợi nhuận...

- Hiện nay, ngoài hệ thống phát hành của Fafim, các hãng sản xuất tự phát hành phim trong nước ra hệ thống rạp, cửa hàng, đại lý, truyền hình, In ternet và phát hành ra nước ngoài những phim do chính hãng sản xuất. Các thành phần kinh tế khác trong xã hội có đủ điều kiện, có bản quyền phim hợp pháp cũng được phép kinh doanh phát hành phim.

Khâu phổ biến phim (Còn gọi là chiếu bóng): Do các Công ty điện ảnh thuộc tỉnh, thành phố đảm nhiệm hoặc các chủ kinh doanh chiếu phim, cửa hàng đại lý băng, đĩa hình, bằng các hình thức chiếu phim tại các rạp, bãi chiếu phim ngoài trời, chiếu phim lưu động, bán hoặc cho thuê băng đĩa hình tại các cửa hàng, đại lý, truyền hình, Internet...

Mặc dù chia thành 3 khâu nhưng khâu chiếu phim là đầu ra của hoạt động điện ảnh, là cầu nối giữa người sản xuất phim với khán giả, khâu cuối cùng thể hiện hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội của cả quá trình hoạt động điện ảnh về số lượng người xem; thu bán vé và thu cho thuê phim tại các cửa hàng để bù đắp chi phí và thu lợi nhuận cho khâu sản xuất phim, phát hành phim và chiếu phim...hiện nay với cơ chế mở rộng hoạt động kinh doanh tổng hợp, xu hướng gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, nên có nhiều cơ sở hoạt động điện ảnh bao gồm cả ba khâu sản xuất, phát hành và phổ biến hoạt động bước đầu đã đạt được hiệu quả kinh doanh đáng kể, góp phần định hướng sản xuất phim phù hợp với nhu cầu và thị hiếu lành mạnh của khán giả.

1.1.3. Vai trò vị trí của điện ảnh đối với phát triển văn hoá - xã hội

Nghệ thuật điện ảnh là một loại hình quy tụ được đông đảo công chúng trong xã hội, nó tác động lên tư tưởng, tình cảm, như một công cụ, một phương tiện tuyên truyền tư tưởng, giáo dục đạo đức thẩm mỹ, đáp ứng nhu cầu giải trí tinh thần không thể thiếu của nhân loại đã hơn 100 năm nay.

Trong lịch sử, điện ảnh ra đời và phát triển đã bổ sung và làm giàu thêm kho tàng nghệ thuật của nhân loại, nó phát triển thành một ngành công nghiệp nghệ thuật hiện đại, có sức cảm thụ sâu sắc, tác động đến lý trí và tình cảm của con người.

Với chức năng nghệ thuật phản ánh hiện thực cuộc sống, hướng dẫn và dự báo thông qua các ý tưởng sáng tạo, tác phẩm điện ảnh là một loại hình có ảnh hưởng sâu sắc đối với đông đảo công chúng trong xã hội. Điện ảnh góp phần phản ánh lịch sử bằng hình ảnh, giáo dục truyền thống, nâng cao dân trí, giúp con người nghỉ ngơi thư giãn tinh thần, bù đắp năng lượng đã bị tiêu hao qua quá trình lao động, tích tụ thêm năng lực cho quá trình lao động sau, nâng cao trí lực và hoàn thiện thêm nhân cách.

Ngay sau cách mạng Tháng mười Nga thành công, V.Lênin đã khẳng định vai trò của điện ảnh "Trong tất cả các nghệ thuật, đối với chúng ta, điện ảnh là quan trọng nhất", Lênin muốn nhấn mạnh vai trò vị trí của điện ảnh đối với cách mạng và chủ nghĩa xã hội. Điện ảnh mà đặc biệt là điện ảnh tài liệu đóng góp vai trò quan trọng trong những năm đầu của chính quyền Xô Viết, có sức cổ vũ động viên hàng chục triệu người đứng lên bảo vệ chính quyền Xô Viết và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, giành độc lập dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội, với bộn bề công việc nhưng Đảng và Bác Hồ đã đặc biệt quan tâm đến điện ảnh. Ngày 15/3/1953 Bác Hồ đã ký sắc lệnh khai sinh ra ngành điện ảnh Việt Nam tại chiến khu Việt Bắc. Ngay từ khi được thành lập, điện ảnh Việt Nam đã mau chóng trở thành đội quân xung kích trên mặt trận tư tưởng văn hoá, góp phần to lớn trong việc khích lệ, động viên tinh thần nhiều thế hệ người Việt Nam, tất cả vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước độc lập, tự do và giàu mạnh; Tuyên truyền tư tưởng, giáo dục đạo đức, thẩm mỹ, đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần, góp phần nâng cao dân trí cho các thành viên trong xã hội.

Điện ảnh đã chứng minh được vị trí không thể thay thế của nó qua các giai đoạn cách mạng của đất nước. Những tác phẩm xuất sắc ra đời phản ánh chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, những bộ phim ghi lại lịch sử hào hùng của dân tộc qua hai cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, là di sản văn hoá, trang sử vàng bằng hình ảnh động về đất nước, con người góp phần giáo dục truyền thống cho các thế hệ sau.

Những nhân vật trong phim đã khắc hoạ chân thật tâm hồn, tính cách, đạo lý của con người Việt Nam điển hình trong từng thời đại. Một thời đã rộ lên phong trào "học tập

và làm theo những gương sáng điển hình trong phim"; nhiều chiến sĩ đã anh dũng hy sinh cho tổ quốc, thanh thân ra đi khi đã được xem những bộ phim về đất nước và nhân dân mình trước giờ ra trận...

Trong các ngành nghệ thuật, điện ảnh vẫn là một bộ môn nghệ thuật tổng hợp được yêu thích nhất - chính truyền hình, một ngành có sức phổ cập một cách ghê gớm cũng phải sử dụng nghệ thuật điện ảnh và khai thác các tác phẩm điện ảnh phát trên sóng truyền hình để thu hút công chúng, nhằm thực hiện tốt hơn chức năng thông tấn báo chí của mình.

Trong điều kiện nền kinh tế đất nước chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, với tiềm năng trên, điện ảnh càng cần phối hợp với các loại hình nghệ thuật khác phát huy thế mạnh mọi mặt để cùng phát triển, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hoá tinh thần của nhân dân ngày càng cao.

Điện ảnh với tư cách và chức năng của một ngành tư tưởng nghệ thuật đã giữ một vị thế quan trọng trên lĩnh vực văn hoá văn nghệ, trong giai đoạn đổi mới của đất nước, điện ảnh vẫn giữ nguyên chức năng giáo dục chính trị tư tưởng và hình thành nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa, càng thể hiện vai trò là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu và động lực phát triển kinh tế xã hội khi bước sang xây dựng xã hội Việt Nam ngày càng tiên tiến và hiện đại.

Phấn đấu xây dựng một nền điện ảnh Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là mục đích cần đạt tới để khẳng định vai trò vị trí của bộ môn nghệ thuật thứ bảy trong quá trình đổi mới và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở Việt Nam.

1.1.4. Vai trò vị trí của điện ảnh đối với phát triển kinh tế đất nước

Điện ảnh là một ngành dịch vụ với nhiều ngành nghề tham gia, thu hút nhiều lực lượng lao động xã hội, tạo nguồn thu nhập cao. Điện ảnh đóng góp GDP cho ngành sản xuất và dịch vụ. Sự phát triển của ngành điện ảnh cũng trực tiếp góp phần làm tăng thu nhập GDP hàng năm cho đất nước.

Điện ảnh đóng vai trò chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo xu thế hiện đại. Trong xu thế mở cửa hội nhập của điện ảnh thế giới, điện ảnh cũng thu hút nguồn đầu tư đáng kể từ nước ngoài, thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. Trong phân ngành kinh tế nói chung, điện ảnh là một ngành cung ứng dịch vụ nghe nhìn.

Hoạt động điện ảnh phục vụ trực tiếp nhu cầu hưởng thụ văn hoá tinh thần của đông đảo công chúng trong xã hội. Điện ảnh thuộc các ngành dịch vụ cao cấp, tạo yếu tố về tinh thần thúc đẩy các ngành khác phát triển và tạo nguồn thu nhập cao trong xã hội.

Qua tham khảo điện ảnh các nước trên thế giới cho thấy, chi phí cho một bộ phim từ 1 triệu đến hàng trăm triệu Đôla, thu chiếu bóng có phim đạt doanh thu tới hàng tỷ Đôla. Diễn viên hay đạo diễn ngôi sao thế giới có thu nhập từ hàng triệu đô la đến vài chục triệu Đôla cho mỗi phim, điều đó chứng tỏ nguồn thu của điện ảnh đã đóng góp GDP cho ngành dịch vụ. Sự phát triển của ngành điện ảnh cũng góp phần làm tăng thu nhập GDP của đất nước.

Điện ảnh đóng vai trò chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo xu thế hiện đại, đó là:

- Tăng GDP của điện ảnh làm tăng GDP ngành dịch vụ, dẫn đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng phát triển.

- Tăng xuất khẩu phim làm tăng kim ngạch xuất khẩu, thu hồi vốn đầu tư với hiệu quả cao hơn, thực hiện được đường lối về phát triển nền kinh tế mở.

Điện ảnh tác động gián tiếp đến tăng trưởng kinh tế của các ngành khác như: Các phim giới thiệu về phong cảnh đất nước tác động và thu hút du lịch phát triển; các loại phim tài liệu khoa học về khuyến nông, phim giáo khoa... trang bị kiến thức khoa học, hướng dẫn cách sản xuất kinh doanh, tuyên truyền chính sách mới... tác động, tạo cơ sở phát triển kinh tế của các ngành khác.

Điện ảnh góp phần tăng thu nhập cho các ngành như: giao thông vận tải, hàng không, du lịch, xuất nhập khẩu và các hoạt động dịch vụ khác...

Nghị định 48/CP ngày 17/7/1995 của Chính phủ đã xếp các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực điện ảnh vào loại hình doanh nghiệp công ích. Điện ảnh được coi là một lực lượng kinh tế quan trọng, có trách nhiệm cung cấp các sản phẩm và dịch vụ công ích theo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của đất nước; thực hiện các đơn đặt hàng của nhà nước để đảm bảo sự cân đối hài hoà trong sự phát triển bền vững và ổn định kinh tế - xã hội.

Thừa nhận sản phẩm điện ảnh trước hết là sản phẩm hàng hoá như các sản phẩm hàng hoá thông thường khác, cũng chịu sự chi phối của các quy luật kinh tế trong xã hội, đặc biệt là quy luật giá trị, quy luật cung cầu...do vậy, nhu cầu tiêu dùng hay nhu cầu hưởng thụ điện ảnh kích thích sản xuất phát triển, sự phát triển đó tác động làm xuất hiện

những nhu cầu mới cao hơn trong hưởng thụ... Các quan hệ tác động qua lại trong hoạt động điện ảnh góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Như các ngành kinh tế khác, điện ảnh là một ngành sản xuất công nghiệp, ngành sản xuất vật chất, thực hiện hạch toán kinh doanh lấy thu bù chi tái sản xuất xã hội. Trước thời kỳ bùng nổ thông tin, điện ảnh là một ngành đã tạo ra một nguồn thu khổng lồ cho các nhà sản xuất và phát hành phim trên thế giới. Có thời kỳ người ta đã cho rằng, ở Mỹ doanh thu chiếu bóng chỉ đứng hàng thứ hai sau kinh doanh vũ khí. Ở Việt Nam trong thời kỳ thực hiện cơ chế kế hoạch hoá tập trung, công nghệ thông tin chưa bùng nổ, ngành điện ảnh đã đóng góp nguồn thu đáng kể cho ngân sách nhà nước; tạo lập được cơ sở vật chất kỹ thuật và thiết chế vững chắc và hoàn thiện; giữ vị trí hàng đầu về điện ảnh ở các nước trong khu vực từ trước năm 1995.

Trong xu thế mở cửa giao lưu hội nhập của điện ảnh thế giới, đổi mới công nghệ thiết bị của ngành, điện ảnh cũng thu hút nguồn đầu tư đáng kể từ nước ngoài, góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước. Dịch vụ và hợp tác làm phim với nước ngoài là một nguồn thu lớn hàng triệu Đôla mỗi phim, đồng thời tạo cơ hội cho điện ảnh Việt Nam tiếp cận với công nghệ sản xuất phim hiện đại của thế giới, giải quyết việc làm cho đội ngũ văn nghệ sĩ của ngành và lao động xã hội.

1.2. CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM

1.2.1. Tiến bộ khoa học kỹ thuật thúc đẩy phát triển điện ảnh

Lịch sử ra đời của điện ảnh là từ một "trò chơi kỹ thuật", xuất phát điểm là phát minh về kỹ thuật, điều được khẳng định từ trên một trăm năm nay, nếu không có kỹ thuật điện ảnh thì không có nghệ thuật điện ảnh ra đời và phát triển.

Điện ảnh ban đầu chỉ là những hình ảnh đen trắng biết cử động, chưa có tiếng nói, chưa có âm thanh trong phim...tiếp thu những thành tựu khoa học trong cách mạng công nghệ của thế giới, các nhà phát minh trong lĩnh vực điện ảnh đã sáng chế ra các loại thiết bị thu tiếng, thu nhạc cho phim, từ âm thanh Mono tiến tới âm thanh nổi, âm thanh lập thể, âm thanh vòm...từ phim đen trắng đến phim màu, phim đồng cảm, phim nổi. Mỗi một kỹ thuật mới trong lĩnh vực điện ảnh ra đời được ứng dụng đã tạo ra một sức hấp dẫn mới cho nghệ thuật điện ảnh, thu hút người xem, tạo sức sống mới cho điện ảnh.

Sự phát triển của điện ảnh Việt Nam cũng theo các bước tiến tuần tự của kỹ thuật điện ảnh thế giới. Tuy nhiên là một nước nghèo, nhiều năm trải qua chiến tranh, trong giai

đoạn bắt đầu cải tổ nền kinh tế đất nước ta không đủ tiềm lực về vốn đầu tư để đổi mới công nghệ sản xuất phim và thiết bị chiếu phim hiện đại nên điện ảnh Việt Nam nhiều năm qua vẫn thể hiện tụt hậu so với điện ảnh thế giới.

Truyền hình Việt Nam ra đời sau nhưng đã đổi mới và phát triển với tốc độ chóng mặt, bắt kịp tiến bộ kỹ thuật công nghệ của thế giới trong lĩnh vực nghe nhìn, khán giả ở nhà cũng có thể tiếp xúc với các tác phẩm điện ảnh kinh điển của thế giới mà chất lượng hình và tiếng không thua kém phim nhựa điện ảnh là bao. Nghệ thuật trong phim video được thể hiện bằng kỹ thuật kỹ xảo hiện đại, thậm chí còn thay cho cả diễn viên ở những cảnh đóng nguy hiểm, trong khi đó thiết bị sản xuất và chiếu phim hiện đại tạo hiệu quả nghệ thuật thu hút người xem của điện ảnh Việt Nam chậm được đổi mới, rạp bãi chiếu phim xuống cấp nghiêm trọng, khán giả mất dần thói quen đến rạp xem phim làm điện ảnh khủng hoảng về khán giả, dẫn đến khủng hoảng về kinh tế, không có khả năng đầu tư đổi mới và phát triển ngành.

Kinh nghiệm của điện ảnh các nước trên thế giới là nước nào nhanh chóng đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất phim và thiết bị chiếu phim theo kịp sự tiến bộ kỹ thuật của điện ảnh thế giới thì nước đó mau chóng thoát ra khỏi khủng hoảng, tồn tại và đồng hành phát triển cùng truyền hình, thu hút khán giả trở lại với điện ảnh, đồng thời là nơi cung cấp sản phẩm nghe nhìn cho hoạt động của truyền hình.

1.2.2. Sự phát triển trong lĩnh vực văn học và sự thay đổi môi trường xã hội tác động đến sự tồn tại và phát triển điện ảnh

Tác phẩm văn học là chất liệu đầu tiên tạo nên giá trị nghệ thuật của sản phẩm điện ảnh. Nền văn học của một dân tộc phát triển rực rỡ sẽ kéo theo sự phát triển của điện ảnh. Trong xu thế đổi mới mở cửa hội nhập với thế giới để phát triển đất nước, tác phẩm điện ảnh còn đòi hỏi phải đa dạng, cập nhật, nội dung tác phẩm phải bắt nguồn từ con người, vì con người, phù hợp với sự thay đổi môi trường xã hội qua từng thời kỳ điện ảnh mới tồn tại và phát triển đúng quy luật.

"Có bột mới gột nên hồ", phải khẳng định rằng chất liệu đầu tiên tạo nên giá trị nghệ thuật của tác phẩm điện ảnh chính là giá trị nhân văn trong tác phẩm văn học hoặc kịch bản văn học (yếu tố đạo diễn và diễn viên là quá trình thể hiện và sáng tạo ở giai đoạn sau). Bộ phim kinh điển của Liên Xô cũ "Chiến tranh và hoà bình" được dựng thành phim dựa trên tác phẩm cùng tên của đại văn hào Nga Lep Tônstôi; bộ phim "Sông Đông êm đềm" được xây dựng dựa vào tác phẩm cùng tên của nhà văn M.Sôlôkhốp; bộ phim "Thằng ngốc" và "Anh em nhà Karamadôp" dựa trên tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Nga Đôxtôiêpsky...

Bộ phim nổi tiếng của điện ảnh Việt Nam "Chị Tư Hậu" dựa trên tác phẩm "Một chuyện chép ở bệnh viện" của nhà văn Bùi Đức Ái. Bộ phim "Chị Dậu" dựa trên tác phẩm của nhà văn nổi tiếng Ngô Tất Tố. Bộ phim "Làng Vũ đại ngày ấy" chuyển thể từ tác phẩm của nhà văn Nam Cao...những tác phẩm văn học bất hủ và những bộ phim nổi tiếng trên không một độc giả hay một người yêu điện ảnh Việt Nam nào mà không biết tới. Tác phẩm văn học phản ánh bối cảnh lịch sử xã hội, con người qua các thời đại mang tính khái quát cao và giàu tính nhân văn còn được sống mãi bởi được diễn hình hoá chân thật, sinh động bằng hình ảnh động trong tác phẩm điện ảnh.

Trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường nhiều thành phần với chủ trương thực hiện công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, gần đây điện ảnh có nhiều cố gắng tiếp cận để tạo được những nhân vật điển hình của thời đại mới như những giám đốc của thời mở cửa, những lớp trẻ năng động sáng tạo; phê phán những thói hư tật xấu trong cơ chế thị trường, những mâu thuẫn xung đột, những vấn đề nhức nhối của xã hội trong nội tâm từng con người Việt Nam, có vậy điện ảnh mới ghi dấu ấn thời đại...

Hiện nay trong lĩnh vực văn học nước ta còn thiếu vắng những tác phẩm mang tầm vóc đất nước phản ánh sự xung đột nội tại, sự trăn trở chuyển mình, những thành tựu và sự thách thức đối mặt trong công cuộc đổi mới. Vì vậy, các nhà biên kịch điện ảnh Việt Nam đã không mấy thành công trong sáng tác khi tác phẩm mang đề tài đương đại mới chỉ quan sát những diễn biến bên ngoài xã hội, chưa sống bằng chính cuộc sống bên trong, chưa tạo ra những nhân vật đúng với sự tồn tại hiện thân của nó, vì thế phim chưa hấp dẫn và cuốn hút người xem, phản ánh cuộc sống và môi trường xã hội trong phim còn thiếu chân thực và dung dị; tác phẩm chưa có chỗ đứng trong lòng người xem và không có sức sống lâu bền cùng thời đại.

Trong xu thế đổi mới hội nhập quốc tế để phát triển đất nước, trong thời đại thông tin bùng nổ, khán giả thu nhận được thông tin nhiều chiều, cuộc sống con người nhiều góc cạnh, lăm lo toan, nhiều ham muốn, đòi hỏi tác phẩm điện ảnh phải đa dạng, cập nhật, chứa đựng bản sắc dân tộc ngàn đời nhưng phải tiết tấu nhanh mang hơi thở thời đại, nội dung tác phẩm phải bắt nguồn từ con người, vì con người, phản ánh tính đa diện của xã hội mới cuốn hút được khán giả, tồn tại và có sức sống.

1.2.3. Tập quán dân tộc, thị hiếu khán giả tác động đến sự phát triển nền điện ảnh dân tộc

Nghệ sĩ là người sản xuất và sáng tạo, khán giả là người thẩm định tác phẩm điện ảnh. Nội dung phim chân thật, nhân ái, giàu tính nhân văn, phù hợp với thị hiếu khán giả thì tác phẩm tồn tại, có đời sống lâu bền và thúc đẩy điện ảnh phát triển.

Khán giả là người thẩm định tác phẩm điện ảnh một cách công minh nhất, chính họ quyết định "đời sống" của tác phẩm. Chân thật, phù hợp thị hiếu khán giả thì tác phẩm tồn tại, ngược lại nó sẽ chết yểu. Khán giả là người nuôi sống và thúc đẩy điện ảnh phát triển qua nhu cầu thưởng thức và tâm vé của mình, chỉ dựa vào sự hỗ trợ của nhà nước thì điện ảnh sẽ khó khăn và sống cầm chừng như lâu nay.

Bước chân vào cơ chế thị trường, hàng loạt phim "thương trường" ra đời, trước những thước phim lạ mắt, những câu chuyện tình tay ba tay tư, những éo le trắc trở suốt mướt...đáp ứng thị hiếu của một bộ phận công chúng, nhiều khán giả của ta bị choáng ngợp. Do quá nhiều phim kiểu này, lặp lại, nhàm chán, xa lạ, khán giả không còn vò vập và quay lưng lại với dòng phim thương mại ấy, dòng phim này tồn tại thời gian ngắn ngủi và chết yểu, trả lại vị trí cho những dòng phim Điện ảnh chính thống, nghệ thuật đích thực gần gũi phù hợp với tâm hồn tình cảm của con người Việt Nam.

Thời gian qua, khán giả Việt Nam háo hức say mê những bộ phim Trung Quốc, Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan...vì nó mang phong cách Á Đông, những câu chuyện dung dị đời thường không đao to búa lớn, những cái kết có hậu trong phim gần gũi với tình cảm, cách nghĩ của người Việt Nam. Chiều theo thị hiếu khán giả, thu lợi kinh tế trước mắt, cơ quan phát hành phim, các Đài truyền hình nhập tràn lan những bộ phim trên. Có thời gian, nói không quá là nước ta biến thành thị trường tiêu thụ phim ảnh của nước ngoài. Nhiều nhà sản xuất tìm cách hợp tác với nước ngoài để sản xuất những phim Việt Nam với bối cảnh nước ngoài, diễn viên nước ngoài, cũng "chường Tàu", Hồng Kông, Đài Loan đủ loại xu hướng lai căng...nếu kéo dài e rằng sẽ đánh mất bản sắc văn hoá dân tộc - cũng chính là đánh mất dân tộc mình.

Tuy nhiên trào lưu trên chủ yếu diễn ra tại các thành phố, thị xã, còn tuyệt đại bộ phận công chúng ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng căn cứ kháng chiến cũ vẫn tha thiết xem những bộ phim Việt Nam. Ở đây họ như thấy lại quá khứ hào hùng, thấy gần gũi và như phảng phất bóng dáng mình trong đó. Đây còn là cơ may cho sự phát triển của điện ảnh dân tộc Việt Nam trong cơ chế thị trường.

1.2.4. Cơ chế vận hành nền kinh tế đất nước qua từng thời kỳ tác động đến sự phát triển điện ảnh

Từ những năm 90 trở về trước, khi nền kinh tế đất nước vận hành theo cơ chế kế hoạch hoá tập trung, chức năng chủ yếu của điện ảnh là công cụ tuyên truyền tư tưởng của Đảng, giáo dục đạo đức thẩm mỹ, nâng cao dân trí cho các tầng lớp nhân dân trong xã hội; chức năng kinh tế chưa thực sự được coi trọng. Thời kỳ này, các khâu sản xuất "đầu vào" đến phổ biến phim "đầu ra" của ngành điện ảnh đều do Nhà nước điều hành trực tiếp, điện ảnh được bao cấp về trang thiết bị cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn kinh phí sản xuất. Phim sản xuất theo kế hoạch được giao, một bộ phim làm kéo dài 1 năm đến vài năm, các nhà sản xuất, các nghệ sĩ chỉ lo sáng tạo không lo về vấn đề kinh doanh lỗ lãi. Các nhà phát hành phim không cần quan tâm đến quy luật cung cầu, thị hiếu người xem vì bao giờ "Cầu" cũng vượt "Cung" khá lớn.

Sản xuất và phát hành phim trong cơ chế kế hoạch hoá tập trung, nhà nước quyết định mọi vấn đề từ đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thông qua duyệt giá, mọi việc do nhà nước điều hành. Thu bộn tiền bán vé xem phim lúc này tất cả đều nộp ngân sách, có nhà quản lý điện ảnh đã vội ngộ nhận rằng thu ngân sách của điện ảnh ngang ngửa với nhiều ngành kinh tế quan trọng. Chính thời kỳ "hoàng kim" này của điện ảnh Việt Nam cũng là thời kỳ nảy sinh bên trong những yếu tố dẫn điện ảnh đến khủng hoảng nhanh chóng khi nền kinh tế đất nước chuyển đổi sang cơ chế vận hành theo mới kế tiếp ở giai đoạn sau.

Từ sau đổi mới 1986, nền kinh tế đất nước chuyển sang vận hành theo cơ chế thị trường, chức năng tuyên truyền tư tưởng của Đảng và giáo dục thẩm mỹ, nâng cao dân trí cho nhân dân của điện ảnh vẫn giữ vai trò quan trọng hàng đầu. Tuy nhiên hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội đã được đặt ra như các ngành kinh tế khác.

Trong cơ chế kinh tế mới "phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa", điện ảnh phải cọ sát với hàng loạt vấn đề thuộc các quy luật Giá trị, quy luật Cung - Cầu, giá cả, sản xuất, tiêu thụ... là sự cạnh tranh thường nhật với Truyền hình, các phương tiện nghe nhìn và nhiều lĩnh vực giải trí khác.

Cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, kết hợp với chủ trương mở rộng hợp tác đầu tư kinh tế quốc tế đã kích thích, tạo môi trường cho nhiều ngành kinh tế, văn hoá phát triển. Tuy nhiên cơ chế thị trường không phải là chìa khoá vạn năng thúc đẩy phát triển, thị trường đầy sự thách thức, có cơ hội là bộc lộ mặt trái của nó, tác động trực tiếp thường xuyên sâu sắc đến toàn bộ đời sống xã hội, đến văn học nghệ thuật và đặc biệt trong lĩnh vực điện ảnh, một ngành sản xuất công nghiệp hiện đại, một loại hình nghệ

thuật tổng hợp vừa mang chức năng kinh tế kỹ thuật, vừa giữ vai trò giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, thẩm mỹ, nhân cách và nâng cao dân trí.

Dẫu nhiều thách thức trước cơ chế kinh tế mới, nếu tìm được con đường đi thích hợp sẽ tạo cơ hội phát triển cả về kinh tế và nghệ thuật cho điện ảnh sau này.

1.2.5. Quan hệ quốc tế tác động thúc đẩy phát triển điện ảnh

Trong xu thế mở cửa và hội nhập, hợp tác quốc tế đúng định hướng và lành mạnh, tạo thêm nhiều điều kiện phát triển điện ảnh nước nhà. Điện ảnh ra đời và phát triển trước ở các nước Châu Âu và trên thế giới, giao lưu để giới thiệu đất nước, con người, nền văn hoá Việt Nam ra nước ngoài, đồng thời tiếp thu kỹ thuật hiện đại, công nghệ tiên tiến, tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại nhằm phát triển điện ảnh dân tộc là sự cần thiết tất yếu.

Giao lưu Văn hoá nói chung và điện ảnh nói riêng không chỉ thể hiện mối quan hệ song phương, ngoài những lợi ích vật chất và tinh thần thu được từ hai phía mà còn là sự quảng bá giới thiệu thông qua tác phẩm điện ảnh về lịch sử đất nước, con người, văn hoá, phong tục tập quán, bản lĩnh văn hoá Việt Nam...

Với nền điện ảnh non trẻ, nhất là về kỹ thuật công nghệ của ta thì hợp tác quốc tế trong lĩnh vực điện ảnh sẽ giúp các nhà sản xuất, sáng tạo phim Việt Nam làm quen, tiếp thu công nghệ, phương tiện thiết bị kỹ thuật hiện đại, học tập kỹ xảo, kỹ năng làm phim mới, quy trình tổ chức sản xuất tiên tiến của điện ảnh thế giới. Nâng cao tính chuyên nghiệp cho đội ngũ tham gia sản xuất phim, bổ sung cho sự sáng tạo tác phẩm điện ảnh đích thực giàu bản sắc văn hoá Việt Nam mang tầm vóc thời đại.

Nước ta cũng như các nước khác trên thế giới, vấn đề quan hệ giao lưu quốc tế đã trở thành truyền thống của điện ảnh từ lâu. Các nhà sản xuất và nghệ sĩ sáng tạo điện ảnh của mỗi quốc gia, ngoài việc khai thác chất liệu nghệ thuật điện ảnh trong nước, họ còn cần những chủ đề cốt truyện, những cảnh sắc con người, phong tục tập quán khác lạ tạo sự hấp dẫn cho tác phẩm điện ảnh nhằm thu hút người xem.

Hàng loạt những bộ phim hợp tác giữa các quốc gia trong thời gian qua đã thành công cả về nghệ thuật lẫn doanh thu, kéo theo nó là những mối lợi khác về kinh tế, văn hoá, xã hội, truyền tải tác phẩm thẩm đẫm tính nhân văn của các nền văn hoá đến công chúng (Ở ta có phim "*Điện Biên Phủ*" và "*Đông Dương*" dịch vụ hợp tác với Pháp; "*Bông sen*" hợp tác với Angiêri; "*Tạm biệt Sông Ba*" hợp tác với Hàn Quốc; "*Ba mùa*", "*Hà nội chiều thẳng đứng*", "*Người Mỹ trầm lặng*", "*Thời xa vắng*", "*Mùa len trâu*".... dịch vụ hợp tác với các nhà làm phim Mỹ và các nước khác).

Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực điện ảnh là một xu hướng vận động của điện ảnh trên toàn thế giới. Điện ảnh Việt Nam giao lưu và hợp tác quốc tế chủ yếu mới thể hiện trên hai lĩnh vực tham dự liên hoan phim quốc tế và cung cấp dịch vụ hợp tác làm phim. Những giải thưởng quốc tế đánh giá sự thành công và khích lệ đáng quý đối với điện ảnh Việt Nam trong quá trình đi tới giao lưu hợp tác đa dạng, phong phú hơn. Hợp tác quốc tế và dịch vụ làm phim với nước ngoài không chỉ đơn thuần kiếm tìm nguồn tài trợ từ nước ngoài, không chỉ cung cấp nhân lực, diễn viên, cán bộ kỹ thuật mà còn rút ra được những bài học nâng cao trình độ quản lý, giám sát điều hành sản xuất, thẩm định nội dung kịch bản phim giữ vững định hướng tư tưởng trong dịch vụ và hợp tác quốc tế trong hoạt động điện ảnh.

Hợp tác quốc tế và cung cấp dịch vụ làm phim cho thấy ý nghĩa và giá trị to lớn của giao lưu, trao đổi, hợp tác văn hoá trong hoạt động điện ảnh, thấy cái được và cái chưa được trong bối cảnh chính trị thế giới hết sức phức tạp. Tiếp cận, giao lưu, trao đổi sẽ tạo ra sức đề kháng, tránh sự choáng ngợp về quyền lợi kinh tế mà quên đi những vấn đề quan trọng khác như độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, sự phản ánh thiếu trung thực, méo mó về hiện thực đất nước con người Việt Nam, do tính hai mặt ẩn dụ suy đoán của hình tượng trong phim ảnh. Đây mạnh hợp tác quốc tế đúng định hướng và lành mạnh, tạo thêm nhiều điều kiện thu hút các nguồn vốn, thúc đẩy chấn hưng phát triển điện ảnh nước nhà.

1.3. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẦU TƯ VÀ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH

1.3.1. Hoạt động đầu tư phát triển điện ảnh

1.3.1.1. Khái niệm

Đầu tư hiểu theo nghĩa rộng là sự bỏ vốn hay nguồn lực hiện tại để thực hiện một hoạt động nào đó nhằm thu được lợi ích nhất định trong tương lai lớn hơn nguồn lực bỏ ra ban đầu. Nếu hiểu theo nghĩa hẹp, hoạt động đầu tư phát triển là hoạt động sử dụng các nguồn lực hiện tại để trực tiếp làm tăng thêm các tài sản vật chất, vốn nhân lực, tài sản trí tuệ hoặc duy trì hoạt động của tài sản vật chất và vốn nhân lực trong tương lai.

Hoạt động đầu tư là công việc khởi đầu quan trọng nhất và cũng khó khăn nhất của quá trình sản xuất kinh doanh. Chất lượng đầu tư hôm nay quyết định sự thành công hay thất bại của mai sau; Khối lượng đầu tư hiện tại sẽ quyết định quy mô của sản xuất, tốc độ tăng trưởng kinh tế, mức độ cải thiện đời sống và hiệu quả thu được trong tương lai.

Nguồn vốn đầu tư là những nguồn vốn từ tài sản hữu hình như vốn bằng tiền, nhà cửa, xưởng máy, thiết bị, hàng hoá hoặc các tài sản vô hình như bằng sáng chế, phát minh, nhãn hiệu hàng hoá, bí quyết kỹ thuật, uy tín kinh doanh, bí quyết thương mại... các doanh nghiệp còn có nguồn vốn đầu tư bằng cổ phần, trái phiếu, các quyền sở hữu tài sản khác như quyền thế chấp, cầm cố hoặc các quyền có giá trị về mặt kinh tế như các quyền thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên...

1.3.1.2 Đặc điểm của đầu tư phát triển điện ảnh

Đầu tư cho điện ảnh là hoạt động đầu tư phát triển tạo ra tài sản tăng thêm về vật thể và phi vật thể, nó là các hoạt động bỏ vốn để tạo ra sản phẩm, khôi phục hoặc làm tăng năng lực của ngành điện ảnh, năng lực tăng thêm có thể là năng lực vật chất, năng lực kỹ thuật công nghệ hoặc năng lực vốn nhân lực của ngành điện ảnh.

Điện ảnh là một ngành nghệ thuật tổng hợp, sản phẩm được sáng tạo ra từ các yếu tố văn học, nghệ thuật, kiến trúc, hội họa, âm thanh, âm nhạc... từ các yếu tố phi vật chất trong tư duy của con người nghệ sĩ như nhận thức chính trị, quan điểm tư tưởng quan niệm về giá trị đạo đức, nhân văn, trình độ thẩm mỹ, năng khiếu bẩm sinh, kinh nghiệm, vốn sống, giây phút xuất thần kết tinh tạo nên giá trị tinh thần của tác phẩm...được sản xuất dựa trên dây chuyền thiết bị và công nghệ hiện đại tạo nên giá trị vật chất của sản phẩm điện ảnh. Vì vậy, đầu tư thiết bị công nghệ và đầu tư cho con người tạo nguồn nhân lực để phát triển điện ảnh đều quan trọng như nhau.

Sản phẩm điện ảnh là sản phẩm của ngành công nghiệp điện ảnh. Mỗi sự tiến bộ qua từng thời kỳ của khoa học kỹ thuật thế giới, điện ảnh đều tiếp thu, tận dụng triệt để, sáng tạo để làm mới sản phẩm và phát triển ngành. Sản phẩm điện ảnh là những bộ phim được sản xuất ra bởi sự sáng tạo nghệ thuật tổng hợp thể hiện bằng các hình ảnh động, âm thanh, ánh sáng ghi lại trên phim bằng thiết bị kỹ thuật và chuyển tải đến người xem thông qua màn ảnh bằng thiết bị kỹ thuật chiếu phim. Mọi hoạt động sản xuất và phổ biến phim đều phải thực hiện thông qua các thiết bị kỹ thuật tiên tiến, hiện đại (kể cả việc sản xuất ra vật liệu cho sản xuất và phổ biến phim mà hiện nay ở Việt Nam chưa làm được).

Khác với các ngành nghệ thuật khác, điện ảnh là một ngành nghệ thuật, sản xuất ra sản phẩm dịch vụ giải trí, được sản xuất theo dây chuyền công nghiệp, phụ thuộc hoàn toàn vào công nghệ kỹ thuật cao. Công nghiệp điện ảnh tạo tiền đề và thúc đẩy sáng tạo nghệ thuật điện ảnh, là ngành nghệ thuật đồng thời cũng là một ngành sản xuất công nghiệp hiện đại, nên ngày nay xu hướng thế giới đã coi điện ảnh là loại hình công nghiệp nghệ thuật hay công nghệ giải trí.

Quy trình hoạt động điện ảnh từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm bao gồm ba khâu Sản xuất - phát hành - chiếu phim đặc điểm hoạt động không giống nhau nhưng gắn bó với nhau mật thiết, khâu này là tiền đề đồng thời là kết quả của khâu kia, đều bao hàm các yếu tố không thể tách rời nhau là nghệ thuật - kinh tế - kỹ thuật.

Đầu tư phát triển điện ảnh ngoài các yếu tố đầu tư thông thường như các ngành sản xuất khác, còn thể hiện các đặc điểm riêng là:

+ Đầu tư cho sản xuất hàng hoá đặc biệt, đầu tư thiết bị kỹ thuật hiện đại, công nghệ tiên tiến phải đồng bộ với đầu tư cho con người với năng khiếu bẩm sinh là đầu tư cho sự sáng tạo; để phát triển điện ảnh thì hai yếu tố này đều quan trọng như nhau.

+ Đầu tư phát triển điện ảnh là một sự đầu tư lớn và vô cùng tốn kém. Đặc biệt trong thời kỳ công nghệ kỹ thuật điện tử và kỹ thuật số phát triển nhảy vọt hiện nay, kỹ thuật hiện đại là tiền đề để thể hiện và kích thích sự sáng tạo nghệ thuật điện ảnh.

+ Đầu tư phát triển điện ảnh đòi hỏi phải đồng bộ, đồng bộ trong dây chuyền công nghệ từ thiết bị kỹ thuật sản xuất phim đến thiết bị phổ biến phim, đồng bộ về đầu tư cho con người từ các thành phần sáng tạo (biên kịch, đạo diễn, quay phim, hoạ sĩ, diễn viên...) đến các thành phần kỹ thuật khai thác sử dụng thiết bị (quay phim, âm thanh, ánh sáng, kỹ xảo, dựng phim, in tráng...). Chỉ một yếu tố trong quá trình sản xuất thiếu đồng bộ sẽ giảm chất lượng phim và hiệu quả cuối cùng của đầu tư.

1.3.1.3. Các nội dung đầu tư phát triển điện ảnh

Căn cứ đặc điểm quy trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo công nghệ hiện đại, việc đầu tư cho ngành điện ảnh tập trung vào các nội dung chính sau đây:

a/ Đầu tư trong khâu sản xuất phim: Bao gồm đầu tư sản xuất phim khâu tiền kỳ và đầu tư sản xuất phim khâu hậu kỳ.

+ Đầu tư sản xuất phim khâu tiền kỳ: Bao gồm đầu tư tài sản cố định như nhà xưởng, trường quay, máy quay phim, thiết bị thu thanh, thiết bị ánh sáng; các loại thiết bị chuyên dùng phục vụ cho việc quay phim như xe bảo ôn, cần cầu, Doly, Filter... Đầu tư cho sản xuất phim như đầu tư kịch bản, phim sống (Negative để quay bản gốc phim), các loại vật liệu làm phim, đầu tư chọn cảnh, thiết kế mỹ thuật cho phim, đầu tư bối cảnh, đạo cụ (khói lửa, chất nổ, vũ khí khí tài đối với phim chiến tranh...) phục trang nhân vật, đầu tư cho đạo diễn, hoạ sĩ, quay phim, diễn viên và các thành phần kỹ thuật khác...

Khâu tiền kỳ là khâu đầu tiên tạo ra bộ phim tương lai có chất lượng kỹ thuật tốt và giá trị tư tưởng nghệ thuật cao nếu được đầu tư công nghệ tiên tiến, thiết bị kỹ thuật hiện

đại, đội ngũ những người làm phim chuyên nghiệp, đáp ứng đủ vốn làm phim cho quá trình sáng tạo nghệ thuật từ bộ phim thể hiện bằng văn bản là kịch bản chuyển thành bộ phim thể hiện bằng hình ảnh.

+ Đầu tư sản xuất phim khâu hậu kỳ: Bao gồm vốn đầu tư tài sản cố định như nhà xưởng, thiết bị in và tráng phim, thiết bị dựng phim, thiết bị hoà âm (hoà âm thanh, âm nhạc, lời thoại khớp với hình ảnh trong phim), thiết bị máy chiếu, vốn đầu tư cho phim sống (positive để in bản phim hàng loạt), vật liệu, hoá chất các loại phục vụ cho in tráng phim negative và phim positive...

Sau khi quay ở khâu tiền kỳ, các dữ liệu (phim âm bản), được đưa vào làm hậu kỳ bằng các thiết bị in, tráng phim, Telecine, thiết bị dựng phim và hoà âm, là khâu hoàn thiện cuối cùng về kỹ thuật và nghệ thuật của bộ phim (từ âm bản sang dương bản) để phim có thể chiếu lên màn ảnh và đưa vào khâu phát hành phim và chiếu phim. Đầu tư cho khâu tiền kỳ và hậu kỳ yêu cầu phải luôn đồng bộ, khâu đầu tư tiền kỳ tốt nhưng khâu đầu tư hậu kỳ kém sẽ không thể tạo ra được bộ phim có nội dung tốt và chất lượng kỹ thuật cao. Đầu tư thiết bị kỹ thuật lớn nhưng không đầu tư vốn làm phim hoặc ngược lại trong đầu tư sản xuất phim đều không đạt hiệu quả và dẫn đến lãng phí lớn trong đầu tư.

b/ Đầu tư trong khâu phát hành phim: Bao gồm vốn mua phim trong nước và vốn nhập khẩu phim để phân phối (bán đứt bản quyền hoặc cho thuê) trên mạng lưới chiếu phim trong nước và xuất khẩu phim ra nước ngoài.

Các cơ sở phát hành phim được đảm bảo nguồn vốn thì sẽ chủ động mua bản quyền phim của các chủ phim ở trong và ngoài nước, chủ động in tráng các bản phim hàng loạt, cung cấp được chương trình phim phong phú, nhiều thể loại cho mạng lưới chiếu phim cả nước, tạo điều kiện cho khán giả lựa chọn được “món ăn tinh thần” phù hợp với từng đối tượng khán giả khi đến rạp xem phim.

c/ Đầu tư trong khâu chiếu phim: Bao gồm vốn đầu tư tài sản cố định như đầu tư xây dựng rạp, đầu tư trang bị thiết bị chiếu phim trong rạp hoặc thiết bị chiếu phim lưu động ngoài trời, vốn đầu tư mua phim hoặc thuê phim từ khâu phát hành phim.

Đây là khâu cuối cùng của quy trình khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm điện ảnh, là nơi thu hồi vốn của cả ba khâu, thể hiện kết quả kinh doanh của cả chu trình; là cầu nối quan trọng nhất giữa nhà sản xuất với khán giả, là nơi phản hồi nhu cầu và thị hiếu khán giả để điều chỉnh đề tài phim phù hợp của nhà sản xuất.

Về mặt kỹ thuật, nếu thiết bị kỹ thuật chiếu phim lạc hậu không thể chuyển tải được bộ phim tốt, chất lượng kỹ thuật cao đến với khán giả; phim tốt, thiết bị kỹ thuật chiếu phim tốt nhưng rạp chiếu phim, ghế ngồi cũ kỹ lạc hậu, việc quảng bá phim và tinh thần phục vụ của nhân viên rạp kém cũng không thể thu hút khán giả đến rạp xem phim, làm giảm sút hiệu quả kinh tế và xã hội của cả quá trình đầu tư trong hoạt động điện ảnh.

1.3.2. Các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh

Nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh của các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng tập trung vào hai nguồn chủ yếu là nguồn vốn đầu tư trong nước và nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài; Đánh giá đúng vai trò vị trí và mối quan hệ giữa các nguồn vốn trong đầu tư sẽ giúp chúng ta khai thác có hiệu quả trong đầu tư phát triển điện ảnh trong nước.

1.3.2.1. Nguồn vốn đầu tư trong nước cho phát triển điện ảnh

Nguồn vốn đầu tư trong nước bao gồm: Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; Nguồn vốn đầu tư tự huy động từ các cơ sở sản xuất phim; Nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội; Nguồn vốn đầu tư của tư nhân, hộ gia đình.

a/ Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước

+ Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản để đầu tư xây dựng, trang thiết bị cơ sở hạ tầng trường quay; đầu tư xây dựng cụm rạp, rạp chiếu phim; đầu tư đổi mới thiết bị máy móc theo dự án, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho các trường đào tạo điện ảnh...

+ Nguồn vốn đầu tư theo mục tiêu phát triển điện ảnh trong Chương trình Quốc gia về văn hoá để hiện đại hoá kỹ thuật công nghệ, trang thiết bị sản xuất phim, thiết bị phổ biến phim, thiết bị bảo quản phim và đào tạo chuyển giao công nghệ nâng cao trình độ khai thác sử dụng thiết bị hiện đại cho đội ngũ kỹ thuật và nâng cao trình độ cho đội ngũ nghệ sĩ sáng tác.

+ Nguồn vốn đặt hàng tài trợ theo chính sách cho sản xuất phim có đề tài về lịch sử, truyền thống cách mạng, dân tộc thiểu số, thiếu nhi và phim thử nghiệm; nguồn tài trợ 100% cho chiếu phim miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, hải đảo; tài trợ 50% cho chiếu phim lưu động ở các vùng nông thôn khác; nguồn tài trợ cho công tác phát hành phim và chiếu phim phục vụ nhiệm vụ chính trị.

+ Nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp điện ảnh thuộc sở hữu nhà nước.

Nguồn vốn ngân sách có vai trò và vị trí quan trọng nhất trong các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh bởi những lý do chính như sau:

+ Sản phẩm điện ảnh là công cụ giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, thẩm mỹ đối với quảng đại quần chúng, là một ngành nghệ thuật có tác động lớn về mặt xã hội ở trong nước và mở rộng giao lưu văn hoá với nước ngoài, nguồn vốn đầu tư từ ngân sách để đáp ứng yêu cầu bảo tồn và phát triển nền điện ảnh dân tộc.

+ Sự hỗ trợ của nhà nước để sản xuất sản phẩm hàng hoá đặc biệt, sản phẩm sáng tạo nghệ thuật thuộc lĩnh vực văn hoá tư tưởng, đáp ứng đời sống tinh thần, nâng cao dân trí, đầu tư phát triển điện ảnh chính là đầu tư cho chiến lược về con người và nguồn nhân lực cho xã hội.

+ Điện ảnh có tác động đến tăng trưởng kinh tế đất nước, thay đổi cơ cấu kinh tế, thu hút lao động dịch vụ lớn, nguồn vốn đầu tư từ ngân sách mang tính định hướng, kích thích thúc đẩy thu hút nguồn vốn đầu tư từ các khu vực khác, phù hợp với đường lối phát triển của Đảng và chính sách của Nhà nước. Đây là nguồn đầu tư lớn nhất và tăng theo tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước, nguồn đầu tư từ ngân sách mang tính quyết định đối với quá trình đổi mới và phát triển điện ảnh Việt Nam.

+ Đầu tư của nhà nước nhằm khắc phục các khiếm khuyết của thị trường vốn ở Việt Nam. Trên thực tế, ở hầu hết các nước thị trường vốn đầu tư cho các hoạt động dịch vụ mang tính xã hội cao như điện ảnh thường không hoàn hảo, có nhiều rủi ro. Vì vậy các nhà cho vay thường không dễ dàng cho vay như đầu tư vào sản xuất kinh doanh sản phẩm vật chất hay dịch vụ kinh tế. Nhà nước đầu tư vào ngành Điện ảnh nhằm hạn chế sự thiếu hụt trong nguồn vốn đầu tư nhằm hướng hoạt động Điện ảnh vào những mục tiêu mà chính phủ mong muốn, đặc biệt là những sản phẩm Điện ảnh mang tính phục vụ xã hội, phục vụ công cộng, phục vụ cộng đồng và mang tính chất tuyên truyền, quảng bá thông tin phục vụ cho những hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của đất nước.

+ Nguồn vốn đầu tư của nhà nước vào điện ảnh nhằm giảm bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ xã hội. Như chúng ta biết, trong xã hội không phải tất cả các nhóm dân cư đều có khả năng trả các khoản chi phí cho hưởng thụ dịch vụ điện ảnh. Vì vậy nếu tất cả các dịch vụ điện ảnh được cung cấp như hàng hoá thông thường thì chỉ có không nhiều thành viên trong xã hội tham gia dịch vụ điện ảnh. Ở Việt Nam, khoảng 80% dân số sống ở nông

thôn, các vùng sâu, vùng xa, vì vậy cần phải có đầu tư nhà nước vào điện ảnh, đặc biệt là đầu tư vào lĩnh vực xây dựng rạp chiếu phim, các cơ sở hạ tầng khác phục vụ cho dịch vụ điện ảnh ở vùng sâu, vùng xa để thực hiện sự công bằng xã hội. Hơn nữa, sản phẩm Điện ảnh là hàng hoá mang tính công cộng không thuần túy, nó cũng tạo ra ảnh hưởng ngoại lai tích cực đối với xã hội. Vì vậy, nhà nước đầu tư để mở rộng hơn nữa vai trò của điện ảnh cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

+ Nguồn đầu tư từ nhà nước thúc đẩy mở rộng và tạo đà, hỗ trợ cho các nguồn vốn đầu tư tư nhân. Đầu tư điện ảnh đòi hỏi một khối lượng vốn cao, thời gian thu hồi vốn tương đối chậm, quá trình đầu tư đòi hỏi liên tục và lâu dài. Vốn đầu tư nhà nước đóng vai trò tích cực cho việc đảm bảo nhu cầu đầu tư cơ bản cho toàn ngành điện ảnh. Khi vấn đề xã hội hoá hoạt động đầu tư phát triển điện ảnh ở Việt Nam chưa cao thì vai trò của nguồn vốn nhà nước lại càng quan trọng và nặng nề hơn rất nhiều.

b/ Nguồn vốn đầu tư tự huy động từ các cơ sở hoạt động điện ảnh

Nguồn vốn này xuất phát từ hoạt động sản xuất kinh doanh của điện ảnh đem lại thu nhập lợi nhuận và khấu hao để đầu tư tái mở rộng sản xuất. Vốn đầu tư do hoạt động điện ảnh tạo ra bao gồm :

+ Nguồn vốn đầu tư được huy động từ lợi nhuận và vốn khấu hao tài sản cố định của cơ sở sản xuất phim. Nguồn vốn ở khu vực này thường dùng để tái đầu tư cho sản xuất các bộ phim; đầu tư thiết bị kỹ thuật cho sản xuất phim.

+ Nguồn vốn đầu tư được huy động từ lợi nhuận và vốn khấu hao tài sản cố định của các cơ sở kinh doanh phát hành và phổ biến phim, nguồn vốn này thường dùng để đầu tư mở rộng nguồn phim, góp vốn sản xuất phim đáp ứng việc phát hành và chiếu phim tại rạp; đầu tư xây dựng, nâng cấp rạp và thiết bị chiếu phim.

Nguồn vốn đầu tư tự huy động từ các cơ sở hoạt động điện ảnh có vị trí rất quan trọng trong đầu tư phát triển điện ảnh bởi những lý do chính như sau:

Nguồn vốn này do tự chủ trong hạch toán kinh doanh của điện ảnh đem lại thu nhập và lợi nhuận đầu tư cho sản xuất, thể hiện tiềm năng tái sản xuất mở rộng bằng chính nguồn lực từ hoạt động điện ảnh, đây chính là thực chất của đầu tư phát triển, vì vậy nguồn vốn này cần được khai thác triệt để và khuyến khích trong đầu tư.

+ Nguồn vốn do điện ảnh tạo ra huy động được ngày càng lớn là thể hiện sự gia tăng nguồn vốn lành mạnh, vững chắc, phản ánh việc hoạt động điện ảnh đạt hiệu quả

kinh tế cao. Tỷ trọng nguồn vốn do hoạt động điện ảnh tạo ra tăng lên sẽ chia sẻ bớt gánh nặng đầu tư cho ngân sách, giảm dần bao cấp về vốn trong hoạt động điện ảnh.

c/ Các nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội

Nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, bao gồm:

+ Nguồn vốn tự huy động của các doanh nghiệp, của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc các ngành nghề khác trong xã hội hợp tác đầu tư để sản xuất từng bộ phim theo hợp đồng hợp tác kinh doanh, hoặc góp vốn để lập các cơ sở liên doanh hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phim.

+ Nguồn vốn hợp tác phát hành phim của các doanh nghiệp, của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp hợp đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh để xuất khẩu phim Việt Nam ra nước ngoài hoặc nhập khẩu phim nước ngoài để phát hành ở thị trường trong nước hoặc góp vốn đầu tư để lập các cơ sở liên doanh trong lĩnh vực phát hành phim và phổ biến phim.

+ Nguồn vốn của các doanh nghiệp, của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp hợp tác đầu tư để xây dựng cụm rạp hiện đại nhiều phòng chiếu, hoặc thuê lại rạp của Nhà nước để đầu tư cải tạo lại cho chiếu phim theo hình thức thành lập cơ sở liên doanh để hoạt động theo Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Đầu tư nếu có vốn đầu tư nước ngoài.

Nguồn vốn của các doanh nghiệp khác, của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp đầu tư cải tạo rạp để tham gia phổ biến phim, đầu tư cho sản xuất phim là lĩnh vực đầu tư chủ yếu của khu vực này vì có thể phát hành phim ra nước ngoài và có thể thu hút được vốn đóng góp hoặc khai thác các nguồn tài trợ khác ở trong nước và nước ngoài.

Nguồn vốn đầu tư khác cho phát hành và phổ biến phim có xu hướng tăng mạnh vì việc đầu tư vào khu vực này sẽ mở ra thị trường điện ảnh hoạt động ổn định, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư lựa chọn phim phù hợp với khán giả, lưu thông và thu hồi vốn, đây là kinh nghiệm của điện ảnh các nước đã trải qua giai đoạn khủng hoảng để thu hút nguồn vốn đầu tư và thu hút khán giả đến xem phim tại rạp.

Nguồn vốn khác trong xã hội sẽ có tốc độ tăng nhanh, tỷ trọng ngày càng lớn, xu hướng sẽ thay thế cho nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trong khu vực sản xuất sản phẩm

điện ảnh, khu vực phát hành và phổ biến phim vì quy mô vốn đầu tư vừa phải, thời gian thu hồi vốn nhanh, dự đoán trước được khả năng thu lợi nhuận. Nguồn vốn ngoài ngân sách tăng sẽ tạo điều kiện cho nguồn vốn tự huy động do điện ảnh tạo ra cũng tăng lên vì hoạt động sản xuất kinh doanh của khu vực tư nhân luôn đạt hiệu quả cao và vững chắc hơn khu vực nhà nước.

d/ Nguồn vốn đầu tư của tư nhân, hộ gia đình

Nguồn vốn đầu tư của tư nhân từ nguồn hợp tác đầu tư để sản xuất từng bộ phim, đầu tư để xây dựng cụm rạp nhiều phòng chiếu, hoặc thuê lại rạp của Nhà nước để đầu tư cải tạo lại cho chiếu phim, xuất nhập khẩu và phát hành phim, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật điện ảnh như trường quay, thiết bị sản xuất phim.

Nguồn vốn từ khu vực này cũng có xu hướng tăng mạnh, tuy nhiên không đủ nguồn lực để đầu tư lớn vì có xu hướng liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế khác trong xã hội, liên doanh với nước ngoài hoặc đầu tư sản xuất phim theo thời vụ, nội dung giải trí hướng tới doanh thu và khán giả.

1.3.2.2. Nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài

Các nguồn vốn đầu tư nước ngoài bao gồm: Nguồn vốn đầu tư từ các hãng phim, các nhà sản xuất và phát hành phim nước ngoài tạo ra từ cung cấp dịch vụ sản xuất phim; nguồn vốn hợp tác đầu tư để sản xuất từng bộ phim; nguồn vốn đầu tư xây dựng rạp, cụm rạp hiện đại nhiều phòng chiếu; nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật điện ảnh như trường quay, thiết bị sản xuất phim giai đoạn tiền kỳ theo hình thức doanh nghiệp liên doanh theo Luật đầu tư; nguồn vốn hợp tác xuất khẩu, nhập khẩu và phát hành phim của đối tác nước ngoài; nguồn vốn viện trợ từ Chính phủ các nước; nguồn vốn tài trợ từ các cá nhân, tổ chức phi chính phủ.

Nguồn vốn tài trợ từ các cá nhân, tổ chức phi chính phủ, chủ yếu là tài trợ một phần cho sản xuất phim, thường là nhằm mục đích nhân đạo hoặc căn cứ kịch bản tài trợ sản xuất phim nếu phía nước ngoài thấy phù hợp với tiêu chí tài trợ. Các hình thức tài trợ khác về cấp thiết bị, đào tạo nghệ sĩ theo dự án được duyệt của phía nước ngoài. Nguồn vốn viện trợ từ Chính phủ các nước ODA, nguồn vốn này thường có cho đào tạo ngắn ngày ở trong và ngoài nước hoặc đầu tư máy chiếu phim tại rạp; nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài FDI chưa phát sinh trong điện ảnh.

Thực hiện Hiệp định Thương mại song phương Việt Mỹ và gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới WTO cho phép phía đối tác nước ngoài được thành lập doanh nghiệp liên doanh sản xuất phim tại Việt Nam, tỷ lệ góp vốn của nước ngoài trong liên doanh tối đa đến 51% vào năm 2006 sẽ tạo ra nguồn vốn tăng thêm do thành lập cơ sở liên doanh hoạt động điện ảnh theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Vai trò của nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài:

+ Các nguồn vốn hợp tác đầu tư để sản xuất từng bộ phim theo hợp đồng hợp tác kinh doanh, nguồn vốn của đối tác nước ngoài thành lập liên doanh phát hành và phổ biến phim tại Việt Nam có xu hướng tăng mạnh khi thị trường điện ảnh mở ra và hoạt động ổn định, đồng thời khi tỷ lệ góp vốn của nước ngoài trong liên doanh quy định tối đa đến 51% vào năm 2006 khi Việt Nam ra nhập tổ chức thương mại quốc tế WTO. Nguồn vốn này sẽ nâng mức chi phí sản xuất phim, tạo điều kiện nâng cao chất lượng phim Việt Nam, tạo điều kiện nâng cao năng lực con người cả về nghệ thuật và kỹ thuật, tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập cho lao động trong nước.

Trước mắt, vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật điện ảnh như trường quay, thiết bị sản xuất phim giai đoạn tiền kỳ theo hình thức doanh nghiệp liên doanh tại Việt Nam rất nhỏ vì vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn dài và khó thu hồi, nhưng khi các Hãng phim trong nước thành lập nhiều, lĩnh vực đầu tư này sẽ thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài vì đối tác nước ngoài có lợi thế về thiết bị kỹ thuật hiện đại, đội ngũ chuyên gia cao cấp có thể thu lợi lớn về cung cấp dịch vụ kỹ thuật cao cho khu vực sản xuất phim trong nước.

Nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài sẽ tăng rất nhanh và khối lượng đầu tư rất lớn sau khi nước ta ra nhập tổ chức thương mại thế giới WTO. Nguồn vốn này có thể thay thế hẳn các nguồn vốn ngân sách đầu tư hiện đại hoá rạp chiếu phim ở các thành phố lớn. Khi thị trường điện ảnh Việt Nam có sự thông thoáng, mở cửa và bình đẳng trong đối xử quốc gia, tạo nên sức hấp dẫn rất lớn đối với các hãng phim nước ngoài nhất là Mỹ, nguồn vốn này sẽ tạo ra các cụm rạp hiện đại bậc nhất Việt Nam đồng thời vốn đầu tư sản xuất phim truyện hợp tác cũng sẽ tăng cao vì chi phí sản xuất phim trong nước tạo lợi thế so sánh rất lớn cho các nhà sản xuất phim và phổ biến phim quốc tế.

Nguồn vốn viện trợ từ Chính phủ các nước ODA; nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài FDI; hiện tại nguồn vốn này rất nhỏ, trước mắt ít có khả năng phát triển.

1.3.2.3. Các nhân tố chủ yếu tác động đến việc đầu tư của nhà nước cho phát triển điện ảnh Việt Nam

Tăng trưởng kinh tế nhanh là yếu tố tác động thứ nhất tạo điều kiện tăng các nguồn lực tiềm năng cho điện ảnh mà trước hết là nguồn lực tài chính, vì quy mô của vốn ngân sách đầu tư cho điện ảnh là phụ thuộc vào ngân sách nhà nước và tỷ trọng thu ngân sách trong GDP. Giả thiết các yếu tố khác không đổi, nền kinh tế tăng trưởng với nhịp độ cao, tỷ lệ thu ngân sách trong GDP tăng thì dẫn đến quy mô ngân sách cũng gia tăng và ngược lại. Như vậy, tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao sẽ ảnh hưởng đến tăng khả năng huy động vốn ngân sách cho đầu tư phát triển điện ảnh.

Chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm phát triển nền điện ảnh Việt Nam theo hướng dân tộc và hiện đại nhằm bảo tồn và phát huy nền văn hoá dân tộc, nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho nhân dân, đặc biệt là nhân dân các dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, hải đảo nhằm giảm chênh lệch về mức hưởng thụ văn hoá nói chung và điện ảnh nói riêng giữa thành phố với các vùng miền... Các nhân tố này có tác động tích cực đến mức tăng ngân sách thực hiện mục tiêu tăng cường đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ và con người theo hướng hiện đại hoá ngành điện ảnh nước ta.

Trong những năm gần đây, kể từ năm 1995, sự phát triển nội tại của điện ảnh Việt Nam đã tạo những bước đổi mới, sự mở cửa hội nhập cùng với chủ trương xã hội hoá hoạt động văn hoá đã đem lại cho điện ảnh Việt Nam những cơ hội nhưng cũng tạo ra nhiều thách thức khi mở cửa, hội nhập và hiện đại hoá ngành. Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách tạo tiền đề quan trọng cho việc tiếp nhận các nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như các nguồn vốn trong nước khác. Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách đóng vai trò chủ đạo trong việc tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho sản xuất phim, phương tiện phổ biến phim, rạp chiếu phim để thực hiện chính sách phát triển ngành.

Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách cho điện ảnh Việt Nam được quyết định bởi nguồn vốn đầu tư chung cho phát triển ngành văn hoá của đất nước. Những năm trước đây, mức đầu tư cho văn hoá hàng năm dựa trên khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, khi ngân sách khó khăn, việc cắt giảm đầu tiên là nhằm vào ngân sách đầu tư cho văn hoá, vì vậy đã tác động trực tiếp đến nguồn vốn ngân sách đầu tư cho phát triển điện ảnh. Từ sau Hội nghị Trung ương 10 khoá IX của Đảng đã khẳng định ngân sách đầu tư cho văn hoá sẽ đạt tỷ lệ 1,2% và tiến tới đạt 1,8% tổng chi ngân sách nhà nước đến năm 2010, đây là yếu tố tác

động trực tiếp và ổn định mức tăng đầu tư cho phát triển điện ảnh, vì vậy hy vọng mức đầu tư phát triển điện ảnh hàng năm sẽ được tăng dần theo mức tăng trưởng chung của nền kinh tế đất nước.

Đầu tư cho phát triển điện ảnh là đầu tư công nghệ cao, thiết bị đắt tiền, vốn đầu tư rất lớn đồng thời đòi hỏi đầu tư phải đồng bộ. Đầu tư đồng bộ về thiết bị kỹ thuật, công nghệ với đầu tư cho con người khai thác và sử dụng, đầu tư đồng bộ về kỹ thuật công nghệ cao với năng lực sáng tạo (kỹ thuật phải gắn liền với sáng tạo nghệ thuật). Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa nhu cầu đầu tư lớn với khả năng vốn đầu tư cho điện ảnh có hạn vì vậy bất kỳ một khâu đầu tư nào trong quá trình sáng tác và sản xuất phim thiếu đồng bộ đều dẫn đến sự kém hiệu quả trong quá trình đầu tư phát triển điện ảnh; đó là chưa tính đến yếu tố duy ý chí trong ý chí hoặc mong muốn đốt cháy giai đoạn của các cấp quản lý ngành đều tác động trực tiếp đến hiệu quả đầu tư.

1.3.3. Sử dụng vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam và các chỉ tiêu đánh giá

1.3.3.1. Sử dụng vốn đầu tư phát triển điện ảnh

Nghiên cứu về sử dụng vốn đầu tư phát triển điện ảnh là xem xét các vấn đề sau:

Thứ nhất, các nguồn vốn đầu tư được phân bổ hợp lý cho các công đoạn trong quy trình sản xuất và phổ biến phim. Xuất phát từ đặc điểm của quy trình sản xuất và phổ biến, mỗi khâu đòi hỏi tính chất đầu tư khác nhau, những khâu sản xuất phim đóng vai trò quyết định và chiếm một tỷ lệ đầu tư nhiều nhất. Tuy nhiên, vốn đầu tư trong khâu phổ biến phim, nhất là khâu chiếu phim lại đóng vai trò quan trọng để sản phẩm điện ảnh đi đến với người tiêu dùng, đây là khâu cuối cùng để thu hồi các nguồn vốn đầu tư từ khâu sản xuất phim, thể hiện hiệu quả kinh tế trong hoạt động.

Thứ hai, các nguồn vốn đầu tư cho điện ảnh được sử dụng như thế nào trong việc đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng sản phẩm điện ảnh, điều này thể hiện việc cân đối sử dụng hợp lý vốn đầu tư trong các khâu cụ thể của quá trình sản xuất phim điện ảnh và phổ biến sản phẩm điện ảnh đến người tiêu dùng.

Vốn đầu tư trong khâu sản xuất phim gồm các bộ phận cấu thành sản phẩm từ khâu kịch bản phim, đạo diễn, họa sĩ thiết kế, quay phim, diễn viên, bối cảnh, đạo cụ, phục trang hoá trang, phim sống...vốn đầu tư cơ bản và đặc biệt quan trọng để chuyển hoá các yếu tố trên thành phim. Bộ phận vốn thiết bị và công nghệ sản xuất phim tiền kỳ và hậu

kỳ, để chuyên hoá các yếu tố sáng tạo trên thành phim, các yếu tố này bao gồm máy quay phim, thiết bị âm thanh và ánh sáng, thiết bị dựng phim và hoà âm, thiết bị in và tráng phim, trường quay, thiết bị chiếu phim... cần đầu tư hợp lý để khai thác sử dụng có hiệu quả.

Vốn đầu tư trong lĩnh vực phát hành phim bao gồm: Vốn xây dựng cải tạo rạp, cụm rạp nhiều phòng chiếu, thiết bị chiếu phim, thiết bị lồng tiếng và các thiết bị phụ trợ khác; vốn mua phim trong nước và nhập khẩu phim nước ngoài cũng phải cân đối, đồng bộ với việc đầu tư cho sản xuất và nhập khẩu phim để phổ biến có hiệu quả.

1.3.3.2. Tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư phát triển điện ảnh

a/ Khái niệm về hiệu quả đầu tư

Hiệu quả là sự tương quan so sánh giữa kết quả đạt được theo mục tiêu đã được xác định với chi phí bỏ ra để đạt được mục tiêu đó. Đánh giá hiệu quả trong đầu tư được phân tích trên hai lĩnh vực là hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội

Hiệu quả kinh tế thể hiện trên hai mặt là định tính và định lượng. Định lượng biểu hiện mối tương quan giữa kết quả đạt được với chi phí bỏ ra để thực hiện một nhiệm vụ kinh tế xã hội; Tổng lượng thu được lớn hơn chi phí bỏ ra là có hiệu quả, chênh lệch thu được càng lớn hiệu quả càng cao. Định tính thể hiện trình độ quản lý, sự đạt được do sự nỗ lực của mỗi khâu công việc, mỗi thành viên trong hệ thống để đạt được mục tiêu chính trị - xã hội đặt ra.

Hiệu quả xã hội thể hiện mục đích đạt được của xã hội mà ta hướng tới là nâng cao mức sống vật chất, văn hoá tinh thần và sự phát triển toàn diện của người dân trong xã hội hay là sự nâng cao chất lượng cuộc sống trong mọi lĩnh vực của xã hội.

b/ Tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư

+ Tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả kinh tế thể hiện mối tương quan giữa thu và chi trong hoạt động điện ảnh theo hướng tối đa hoá khoản thu trong sản xuất phim, phát hành phim và phổ biến phim đồng thời tối thiểu hoá khoản chi đầu tư trong các lĩnh vực tương ứng. Tiêu chuẩn này thể hiện mục đích hoạt động của ngành điện ảnh trong điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể của đất nước qua phân tích các chỉ tiêu như năng suất lao động, thời gian hoàn vốn đầu tư, doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận trên vốn và đóng góp nguồn thu cho ngành và ngân sách từ hoạt động điện ảnh...

+ Tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả xã hội của việc sử dụng vốn đầu tư phát triển điện ảnh là kết quả đạt được do đáp ứng yêu cầu lợi ích của xã hội đặt ra cho ngành như nâng cao đời sống tinh thần của người dân từ việc hưởng thụ sản phẩm điện ảnh; giảm dần mức chênh lệch về hưởng thụ văn hoá giữa miền núi và miền xuôi, giữa nông thôn và thành thị; giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, tuyên truyền đường lối chính sách nâng cao dân trí, giải quyết việc làm cho người lao động.

Là ngành nghệ thuật có tác động rộng lớn về mặt xã hội vì vậy, tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư trong lĩnh vực điện ảnh coi trọng hiệu quả kinh tế nhưng cần nhấn mạnh hơn việc đánh giá hiệu quả xã hội. Sử dụng vốn đầu tư trong hoạt động điện ảnh đạt hiệu quả khi đồng thời bảo đảm chỉ tiêu hiệu quả kinh tế cao gắn liền với hiệu quả xã hội rộng lớn, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân và tạo môi trường xã hội lành mạnh.

Đánh giá hiệu quả kinh tế của đầu tư trong điện ảnh:

Cũng như các hoạt động đầu tư khác, hiệu quả kinh tế trong sử dụng vốn đầu tư điện ảnh được thể hiện qua các chỉ tiêu: Tỷ suất lợi nhuận đạt được trên vốn đầu tư cho sản xuất phim, phát hành phim hoặc chiếu phim; thời gian hoàn vốn đầu tư...các chỉ tiêu cụ thể về hiệu quả kinh tế có thể tính riêng cho từng dự án đầu tư cho sản xuất phim, phát hành phim và phổ biến phim hoặc tính chung cho cả một thời kỳ bỏ vốn nhất định từ đầu tư vốn thiết bị công nghệ cho sản xuất phim, phát hành và phổ biến phim theo chu trình kinh doanh khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm cuối cùng.

Đánh giá hiệu quả xã hội của đầu tư trong điện ảnh:

Khi đất nước có chiến tranh nhiều bộ phim đã phản ánh lịch sử hào hùng về truyền thống lịch sử đấu tranh giữ nước và dựng nước của dân tộc, phim là mắt nhìn chứa đựng hình ảnh lịch sử và ký ức của dân tộc. Với vai trò phản ánh hiện thực cuộc sống, hướng dẫn và dự báo xã hội, sức cảm thụ lớn của điện ảnh đã góp phần hun đúc tâm hồn bao thế hệ người Việt Nam về khát vọng tự do và độc lập dân tộc, vì vậy trong chiến tranh cách mạng nhiều thế hệ thanh niên Việt Nam đã mang ý chí quật cường ra trận đánh đuổi ngoại xâm giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.

Điện ảnh trong hoà bình đã thể hiện vai trò chức năng giáo dục chính trị tư tưởng và thẩm mỹ, xây dựng tâm hồn, tình cảm, nhân cách của con người Việt Nam luôn vươn tới ước mơ khát vọng về tình yêu cuộc sống, yêu nước thương nòi. Đồng thời với hiệu quả

xã hội về giáo dục tư tưởng thâm mỹ, giáo dục nhân cách, sản phẩm điện ảnh còn là nhu cầu giải trí lành mạnh, là loại hình sinh hoạt văn hoá tinh thần, giao tiếp cộng đồng của mọi tầng lớp công chúng trong xã hội, nâng cao dân trí.

Phim về đề tài lịch sử truyền thống góp phần giáo dục truyền thống, về tính tự tôn dân tộc, lòng nhân ái thông qua những tấm gương về lòng quả cảm quên mình vì đất nước, gương người tốt, việc tốt trong phim...được người xem cảm nhận, tạo thành tiềm thức, hành động, đức tính tốt trong mỗi con người và trong toàn xã hội.

Phim thời sự tài liệu là những bộ phim ghi lại lịch sử dân tộc bằng hình ảnh động chân thực, giúp khán giả hiểu được truyền thống dân tộc, đất nước và con người Việt Nam trong tiến trình phát triển, định hướng cho hành động tốt đẹp cho mỗi người, mang lại lợi ích cho đất nước và cộng đồng trong tương lai.

Phim có đề tài về nông nghiệp giúp bà con nông dân những kỹ năng trong lao động sản xuất, biết cách nghĩ, cách làm, phát triển nuôi trồng, phòng chống thiên tai, thâm canh tăng năng xuất, chất lượng, đạt hiệu quả cao trong nông nghiệp, nâng cao đời sống, xoá đói giảm nghèo...

Phim có đề tài về xây dựng nông thôn mới: Vấn đề về hiện đại hoá nông thôn, điện, đường, trường, trạm... giúp người nông dân nhận thức mới, tạo dựng cuộc sống văn minh, giảm dần sự chênh lệch giữa nông thôn và thành thị về mọi mặt.

Phim có đề tài về xây dựng nền văn hoá mới có tác dụng giáo dục đạo đức, lối sống, hướng dẫn nếp sống đẹp giữa con người với con người, giữ đạo lý giữa Cha-Mẹ Vợ-Chồng-Con; tình làng nghĩa xóm, tạo môi trường xã hội trong sạch, lành mạnh.

Phim có đề tài về thiếu nhi có nội dung về tình yêu thiên nhiên, yêu ông bà, cha mẹ, kính trên, nhường dưới...là điểm xuất phát từ bé thơ của mỗi con người cho tình yêu Tổ quốc, non sông...thành tiềm thức đến khi trưởng thành ở mỗi con người.

Trong quan hệ quốc tế, nhiều tác phẩm điện ảnh có giá trị cao được trình chiếu giới thiệu ở nước ngoài đã góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam giàu truyền thống lịch sử, phong phú đa dạng về bản sắc văn hoá, đang ngày một vươn lên làm giàu về của cải, vật chất và trí tuệ; nhiều giải thưởng lớn trong nước và quốc tế được trao cho các tác phẩm điện ảnh Việt Nam, nhiều nghệ sĩ tài năng, có tên tuổi, có uy tín nghề nghiệp trong nước và quốc tế được tôn vinh.

1.3.4. Sự cần thiết phải tăng cường thu hút và sử dụng vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam

Sự cần thiết phải tăng cường thu hút và sử dụng vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam được xuất phát từ những căn cứ chủ yếu sau đây:

1.3.4.1. Sự gia tăng nhu cầu đầu tư phát triển điện ảnh

Ngành điện ảnh Việt Nam hiện nay đang đứng trước những thách thức lớn, muốn tồn tại và phát triển đòi hỏi phải tăng cường đầu tư cả về quy mô và chất lượng. Những nhu cầu đó xuất phát từ các yếu tố sau:

Thứ nhất: Sự đòi hỏi nâng cao chất lượng hoạt động điện ảnh

Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã nêu “*Tăng nhanh mức đầu tư của nhà nước và của xã hội cho sự nghiệp phát triển văn hoá*”. Đầu tư cho văn hoá là đầu tư cho con người, đầu tư cho toàn xã hội. Nhiều năm qua điện ảnh Việt Nam đã đạt được những thành tích trong nước, được bạn bè quốc tế đánh giá cao, tuy nhiên điện ảnh vẫn đang trong tình trạng đầy khó khăn thách thức về sự tụt hậu đối ngành truyền hình và với chính sự đòi hỏi của điện ảnh trong nước và quốc tế.

Đảng và nhà nước luôn quan tâm đầu tư cho ngành, luôn coi điện ảnh là một công cụ sắc bén nhằm giáo dục tư tưởng, đạo đức, thẩm mỹ, nâng cao dân trí. Khán giả Việt Nam vẫn ưu ái dành tình cảm cho điện ảnh dân tộc, nhưng khán giả cũng đòi hỏi điện ảnh phải vươn lên tương xứng với tầm vóc dân tộc và thời đại, tạo ra được những tác phẩm điện ảnh lớn, những bộ phim hấp dẫn, có giá trị tư tưởng nghệ thuật cao; với công nghệ sản xuất phim tiên tiến, hệ thống rạp chiếu phim hiện đại.

Điện ảnh đích thực phải được thể hiện trên chất liệu phim nhựa, vì thế thiết bị sản xuất và chuyển tải tác phẩm đến khán giả phải được đổi mới để tăng sức cảm thụ nghệ thuật đến người xem. Khán giả đến rạp xem phim để thưởng thức nghệ thuật và đáp ứng nhu cầu giao lưu xã hội, chiêm ngưỡng những công trình văn hoá lớn, hoà đồng vào xã hội, người xem được tiếp cận với sự văn minh, tiên bộ của nhân loại...

Nâng cao chất lượng hoạt động điện ảnh là những cơ hội và đòi hỏi chính đáng bức thiết của khán giả mà ngành điện ảnh, trước hết là các nghệ sĩ và các nhà quản lý điện ảnh phải trân trọng, phải nỗ lực, phải tìm được sự bứt phá quyết liệt mới mong vượt lên, đòi hỏi phải đầu tư nhiều mới đáp ứng được nhu cầu phát triển. Sử dụng mọi nguồn lực, nâng cao

chất lượng hoạt động điện ảnh là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển là yêu cầu và trách nhiệm lớn của nhân, của đất nước đối với ngành.

Công chúng là người nuôi dưỡng điện ảnh nhưng chính họ là người làm cho điện ảnh lụi tàn. Qua thực tế khảo sát khán giả tại các địa phương khác nhau, nhất là khán giả ở các vùng nông thôn (chiếm khoảng 75% dân số cả nước), đều thừa nhận rằng: Họ thích phim Việt Nam; công chúng không quay lưng lại với phim ảnh nước nhà, có điều họ đòi hỏi điện ảnh Việt Nam phải làm được những bộ phim hay không chỉ ở tính tư tưởng nghệ thuật mà phải có sức hấp dẫn, thể hiện tâm tư tình cảm, khát vọng của con người Việt Nam đương đại, phong phú về thể loại, đáp ứng được nhu cầu đa dạng lành mạnh và ngày càng cao của công chúng.

Thứ hai: *Những tiến bộ khoa học kỹ thuật của điện ảnh thế giới*

Điện ảnh là ngành nghệ thuật ra đời dựa trên tiền đề là kỹ thuật điện ảnh. Trong giai đoạn kỹ thuật công nghệ thế giới phát triển đột biến, kỹ thuật điện ảnh thế giới cũng tiến bộ không ngừng. Công nghệ sản xuất phim trên thế giới đã sử dụng hầu hết thiết bị kỹ thuật số trong quay phim, dựng phim, xử lý âm thanh, quay thu đồng bộ hình và tiếng trong phim. Khán giả không chỉ xem phim nhựa chất lượng cao mà còn thưởng thức các loại hình cao cấp khác trong điện ảnh như xem phim hình ảnh nổi, rạp chiếu phim hình cầu, điện ảnh đồng cảm (Xinelax), phim kỹ xảo, phim 3D... điện ảnh Việt Nam bước đầu tiếp cận ở trình độ thấp, nhiều loại sản phẩm mới lạ như phim hình ảnh nổi, rạp chiếu phim hình cầu, phim đồng cảm (Xinelax) ta chưa có thiết bị sản xuất và các loại sản phẩm điện ảnh này chưa có mặt tại Việt Nam.

Nếu muốn tiến kịp điện ảnh thế giới, nâng cao nhu cầu hưởng thụ điện ảnh cần phải đầu tư hiện đại hoá điện ảnh Việt nam, tiếp thu nhanh nhất tiến bộ kỹ thuật của điện ảnh thế giới, điều đó là hoàn toàn phù hợp với chủ trương công nghiệp hoá - hiện đại hoá nền kinh tế đất nước của Đảng và Chính phủ và sự đòi hỏi của khán giả.

Xác định phương hướng đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam để đạt mục tiêu đến năm 2010 điện ảnh Việt Nam sẽ có những bước tiến vượt bậc về mặt nghệ thuật, kỹ thuật - công nghệ sản xuất phim; xác định bước đi thích hợp phù hợp với điều kiện kinh tế đất nước; tập trung đầu tư, tăng cường thu hút mọi nguồn đầu tư giúp điện ảnh Việt Nam tránh tụt hậu so với phát triển của điện ảnh khu vực và thế giới.

Thứ ba: Sự phát triển nhảy vọt của truyền hình và các phương tiện nghe nhìn

So với các loại hình nghệ thuật khác, điện ảnh là một loại hình nghệ thuật còn non trẻ, khi điện ảnh ra đời, nhiều người đã lo ngại rằng điện ảnh sẽ thay thế các loại hình nghệ thuật khác vì tính ưu việt của nó - Nhưng không, các loại hình nghệ thuật vẫn cùng tồn tại, bổ xung hỗ trợ cho nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển ngày càng rực rỡ và điều đó đã được khẳng định từ hơn một thế kỷ qua.

Truyền hình ra đời sau nhưng nó đã tận dụng được những ưu thế của cách mạng công nghệ trên thế giới, từ kỹ thuật điện tử đến kỹ thuật số truyền hình đã có những bước tiến kỹ thuật đột biến. Phải thừa nhận rằng, ngày nay truyền hình là một phương tiện chuyên tải tác phẩm đến người xem nhanh nhất, phổ cập nhất.

Với ưu thế của phương tiện sản xuất hiện đại, thông tin nhanh nhạy, cập nhật, truyền hình đã tạo sức ép và cạnh tranh rất mạnh với điện ảnh và các loại hình nghệ thuật khác, hoạt động điện ảnh có xu hướng bị thu hẹp vì phải "chia xẻ" khán giả với truyền hình, điện ảnh không thể trở lại thời hoàng kim như trước.

Các phương tiện nghe nhìn khác như Video, VCD, DVD, Internet... rất hấp dẫn và tiện lợi, thu hút khán giả của điện ảnh, chỉ cần xem phim tại nhà mà không cần phải đến rạp. Tuy nhiên loại hình nghệ thuật thứ bảy này không thể trở thành hoài niệm của đất nước, con đường để điện ảnh tồn tại và phát triển trong xu thế phát triển chung của điện ảnh thế giới, với các loại hình nghệ thuật khác đặc biệt, người bạn đồng hành là truyền hình và các phương tiện nghe nhìn tiên tiến, hiện đại.

Điện ảnh cần phải được đầu tư hiện đại hoá, tạo ra những loại hình sản phẩm đa dạng, phong phú, hấp dẫn, mới mẻ cho người xem. Tạo sự phối hợp đồng bộ hiệu quả, cạnh tranh nhưng đồng thời tận dụng triệt để những ưu thế về kỹ thuật của truyền hình, giúp điện ảnh phát huy sức mạnh và khả năng tiềm tàng về mặt nghệ thuật của mình trong suốt quá trình phát triển.

Thứ tư: Mục tiêu phát triển nền điện ảnh Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Mục tiêu "Xây dựng và phát triển nền điện ảnh Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc" được đặt ra là hoàn toàn phù hợp với đường lối đổi mới và phát triển của Đảng trong lĩnh vực văn hoá nghệ thuật. Giữ gìn và phát huy bản sắc Văn hoá Việt Nam trong

nội dung tác phẩm, đồng thời phải đẩy mạnh giao lưu hợp tác quốc tế, tiếp thu tinh hoa văn hoá của thế giới. Tiên tiến về hình thức thể hiện, hiện đại về phương tiện chuyển tải nội dung nghệ thuật đến với công chúng.

Trong tiến trình mở cửa và hội nhập với thế giới, tác phẩm điện ảnh Việt Nam phải giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. Vì vậy điện ảnh cần được thu hút các nguồn vốn để sử dụng vốn đầu tư cho phát triển, đáp ứng yêu cầu hiện đại hoá cả về trình độ và phương tiện kỹ thuật, nhất là khi phim nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam đã vượt xa ta về kỹ thuật như âm thanh nổi, âm thanh vòm, âm thanh lập thể, hình ảnh trong sáng rõ nét, kỹ xảo hiện đại gây hiệu quả nghệ thuật cao, đặc biệt hấp dẫn và tác động mạnh đến tư tưởng, tình cảm của khán giả Việt Nam.

Từ những thách thức nêu trên, nếu không hiện đại hoá kỹ thuật công nghệ, đầu tư cho sản xuất phim để trong một thời gian ngắn, phim trong nước đạt chất lượng cao, nâng cao sức cạnh tranh của phim Việt Nam với phim nước ngoài, đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ ngày càng cao của nhiều tầng lớp khán giả trong nước; Nếu không sẽ dẫn đến nguy cơ biến nước ta thành thị trường tiêu thụ phim của thế giới, hấp thu, du nhập thiếu chọn lọc mọi nền văn hoá qua phim ảnh nhất là đối với lớp trẻ. Họ sẽ ngày càng xa rời lịch sử truyền thống là nguồn gốc của dân tộc, đánh mất dần bản sắc văn hoá Việt Nam.

1.3.4.2. Sự thay đổi cơ chế vận hành nền kinh tế đất nước nói chung và điện ảnh nói riêng .

Tiến hành xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo nhằm thu hút mọi tiềm năng kinh tế của đất nước. Chủ trương trên đã tác động trực diện đến điện ảnh Việt Nam, trong một thập kỷ đổi mới đầu tiên, điện ảnh Việt Nam từ chỗ độc quyền nhà nước nay đã biến chuyển, độc quyền trong hoạt động điện ảnh được dỡ bỏ, các thành phần trong xã hội được tham gia hoạt động điện ảnh.

Các hãng sản xuất phim thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin là những đơn vị chủ đạo được tiếp cận và đổi mới công nghệ kỹ thuật sản xuất phim, phim sản xuất mang tính định hướng tư tưởng nghệ thuật cao theo đường lối văn hoá văn nghệ của Đảng, được đầu tư củng cố và phát triển theo chương trình mục tiêu của Chính phủ, việc đầu tư của Nhà nước là đầu tư cơ bản, tạo ra cơ sở hạ tầng, tạo đà vững chắc cho phát triển. Trong quá trình phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, nhà nước đầu tư phát triển điện

ảnh là sự thể hiện vai trò chủ đạo đặc biệt đối với ngành công nghiệp trong lĩnh vực sáng tạo ra sản phẩm văn hoá tư tưởng.

Trong cơ chế vận hành mới, lĩnh vực hoạt động điện ảnh không còn là độc quyền nhà nước, nhiều thành phần kinh tế khác trong xã hội được đầu tư vốn để sản xuất phim, được đầu tư xây dựng và cải tạo rạp và tự nhập phim nhựa để chiếu tại các rạp, nhiều hãng phim nước ngoài đầu tư vốn vào Việt Nam để sản xuất phim, xây dựng rạp chiếu phim và hợp tác dịch vụ làm phim...

Đây là thời kỳ hoạt động đầy khó khăn nhưng cũng sôi động nhất từ sau gần nửa thế kỷ ra đời và phát triển của điện ảnh Việt Nam. Tuy nhiên, những thiếu sót yếu kém, lệch lạc về nhận thức chỉ đạo điều hành hoạt động, sự xơ cứng về nội dung nghệ thuật của tác phẩm điện ảnh trong giai đoạn này làm các nhà sản xuất không mạnh dạn đầu tư sản xuất, khán giả đôi khi thờ ơ lạnh nhạt với phim trong nước dẫn điện ảnh đến khủng hoảng.

Điện ảnh là một loại hình không thể thay thế bởi một loại hình nghệ thuật khác, đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam để phù hợp với sự đổi mới cơ chế điều hành nền kinh tế đất nước, theo kịp sự tiến bộ nhảy vọt của công nghệ kỹ thuật điện ảnh thế giới.

Đầu tư để điện ảnh Việt Nam phát triển phù hợp với định hướng của Đảng là đòi hỏi bức thiết để bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, phù hợp với xu thế đổi mới toàn diện theo đường lối công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước trong giai đoạn hiện nay. Đây cũng là những đòi hỏi chính đáng của đội ngũ những người làm công tác điện ảnh khát khao cháy bỏng được làm nghề, được cống hiến, được sống bằng chính nghề nghiệp của mình và hội nhập với nền điện ảnh tiên tiến của thế giới.

1.3.4.3. Nhu cầu vốn đầu tư phát triển điện ảnh rất cao nhưng việc thu hút và sử dụng còn nhiều bất cập

Thứ nhất, nhu cầu vốn đầu tư cho điện ảnh ngày càng lớn, vốn ngân sách Nhà nước không thể đáp ứng.

Sản phẩm điện ảnh được sản xuất trên dây truyền công nghiệp hiện đại và tiên tiến như các ngành công nghiệp hiện đại khác và tiến bộ kỹ thuật không ngừng để đáp ứng cho sáng tạo nghệ thuật.

Đầu tư cho điện ảnh yêu cầu phải đồng bộ từ thiết bị kỹ thuật đến đội ngũ cán bộ. Trong khi trang bị công nghệ và thiết bị kỹ thuật cho điện ảnh Việt Nam hoàn toàn phải nhập khẩu rất đắt tiền, đội ngũ cán bộ kỹ thuật sử dụng thiết bị đến người làm sáng tác phải được đào tạo lành nghề, rất tốn kém và thường xuyên phải đào tạo nâng cao để đáp ứng với tiến bộ kỹ thuật và sáng tạo không ngừng.

Hoạt động điện ảnh thuộc lĩnh vực văn hoá tư tưởng và nghệ thuật, vừa đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân và nâng cao dân trí, vừa góp phần phát triển kinh tế, mở rộng giao lưu và giới thiệu văn hoá Việt Nam với thế giới. Vì vậy nhu cầu đầu tư đặt ra cho ngành điện ảnh Việt Nam càng lớn, hơn nữa việc đầu tư cho điện ảnh được xác định chính là sự đầu tư cho phát triển của con người.

Thứ hai, tình hình thu hút vốn đầu tư cho điện ảnh trong thời gian qua còn nhiều bất cập. Cụ thể:

+ Vốn đầu tư chủ yếu được đáp ứng bằng nguồn vốn ngân sách, như vậy sẽ thiếu rất nhiều vốn đầu tư, không thể đáp ứng được nhu cầu đầu tư hiện đại và đồng bộ trong giai đoạn tới, đồng thời sẽ không khai thác được tiềm năng trong nhân dân.

+ Việc đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư bước đầu được đặt ra để giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhưng chưa có phương hướng và giải pháp cụ thể, chủ yếu là phân cấp nguồn chi đầu tư phát triển giữa Trung ương và địa phương nhưng vẫn là nguồn ngân sách. Nguồn vốn đầu tư phát triển khác chiếm tỷ trọng không đáng kể so với đầu tư từ ngân sách, nguồn vốn tư nhân và nước ngoài chủ yếu đầu tư cho sản xuất phim. Những quan điểm đổi mới trong phát triển điện ảnh đã góp phần mở rộng các thành phần tham gia hoạt động điện ảnh nhưng về cơ bản môi trường kinh doanh chưa bình đẳng và thông thoáng, vẫn chưa có được các chính sách khuyến khích các nhà đầu tư yên tâm đầu tư vốn lớn và ổn định lâu dài trong hoạt động điện ảnh.

+ Việc sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách chưa đạt được hiệu quả, nguyên nhân là do thiếu vốn và việc đầu tư còn dàn trải trong thời gian rất dài; nhiều mục tiêu đầu tư cùng đặt ra rất bức thiết, yêu cầu phải đầu tư đồng bộ... dẫn tới đầu tư không tập trung dứt điểm, không đưa vào khai thác sử dụng để phát huy hiệu quả kịp thời.

+ Chưa có phương thức phân bổ vốn thực sự khoa học dẫn đến tỷ trọng đầu tư giữa các khâu chưa hợp lý như đầu tư thiết bị sản xuất tiền kỳ lớn nhưng đầu tư thiết bị hậu kỳ nhỏ và không đồng bộ; chú trọng đến đầu tư cho thiết bị nhưng chưa chú trọng đầu tư cho con người để làm chủ kỹ thuật và công nghệ mới... và nhiều nguyên nhân chủ quan và

khách quan khác ảnh hưởng đến hiệu quả thu hút và sử dụng vốn đầu tư phát triển Điện ảnh thời gian qua.

+ Còn nặng tư tưởng bao cấp chủ yếu trông chờ vào ngân sách. Vốn đầu tư phát triển điện ảnh rất ít, chỉ bó hẹp một nguồn vốn duy nhất là vốn ngân sách nhà nước, kể cả nguồn vốn từ Trung ương và địa phương, không khai thác được các tiềm lực vật chất từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước vì vậy mức vốn đầu tư rất hạn hẹp không đáp ứng yêu cầu đầu tư phát triển.

+ Thu hút và sử dụng vốn đầu tư còn phân tán, thiếu đồng bộ, thiếu trọng tâm mang tính đột phá, thời gian đầu tư kéo dài, vốn đầu tư phân tán, tràn lan “rải mảnh mảnh”, cân đối vốn theo tiêu chí “tất cả đều phải được hưởng lợi từ ngân sách” công bằng cho Điện ảnh cả nước nên dẫn đến lãng phí vốn đầu tư.

- Đầu tư còn thiếu đồng bộ cho thực hiện các mục tiêu cần ưu tiên, cụ thể: Tỷ trọng loại vốn đầu tư cho thiết bị rất lớn nhưng và đào tạo sử dụng để khai thác và đầu tư sản xuất rất nhỏ; Đầu tư cho thiết bị tiên kỳ cao (Hãng sản xuất phim) nhưng đầu tư cho khâu hậu kỳ rất thấp (Trung tâm kỹ thuật về âm thanh, dựng phim và in tráng phim). Đầu tư công nghệ mới cho sản xuất phim nhưng việc đào tạo chuyên gia công nghệ chưa được coi trọng dẫn đến chưa khai thác sử dụng đã bị lạc hậu, kém hiệu quả trong đầu tư. Đầu tư cho thiết bị, xây dựng, cải tạo rạp lớn nhưng không cân đối với số lượng phim sản xuất và nhập khẩu, không thu hút khán giả vào rạp, kém hiệu quả kinh tế và xã hội. Vốn ít nhưng chưa kiên quyết tập trung đầu tư cho công nghệ sản xuất phim nhựa là chính, thiết bị video chỉ là phụ trợ dẫn đến đầu tư thiếu tập trung..., chưa đạt được mục tiêu đặt ra và chưa phát huy hiệu quả sử dụng.

- Tỷ lệ thu hồi vốn thấp bởi trong thời gian qua đầu tư đổi mới thiết bị sản xuất phim mới chỉ tập trung vào thiết bị tiên kỳ như máy quay phim, đèn chiếu phim và một vài thiết bị phụ trợ khác mà chưa chú ý đầu tư cho thiết bị hậu kỳ và các thiết bị âm thanh, kỹ xảo hình ảnh khác, do đó chưa có chuyển biến nâng cao chất lượng phim. Đầu tư tài trợ cho sản xuất phim còn mang tính chất giải quyết chính sách, duy trì đội ngũ nghệ sĩ và chống "trượt dốc" đối với ngành, do đó chi phí sản xuất ít tập trung cho các yếu tố nghệ thuật mà giải quyết chi trả lương và bộ máy hành chính công kênh, thiếu hấp dẫn, không có khán giả và không thu hồi được vốn.

- Đã đầu tư xây dựng, cải tạo rạp và đổi mới thiết bị chiếu phim trong hệ thống rạp cả nước nhưng đầu tư không tập trung dứt điểm từng công trình. Quan niệm "hưởng lợi" được quán triệt trong phân phối vốn ở Trung ương nên phải dàn đều "công bằng, bình đẳng" nhưng không phát huy hiệu quả và tình trạng này đã kéo dài trong nhiều năm qua.

- Mới quan tâm nhiều đến đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ, chưa quan tâm đúng mức đến yếu tố con người trong đầu tư phát triển điện ảnh trong khi đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển điện ảnh là vô cùng khó khăn và tốn kém (đào tạo phải gắn liền với năng khiếu bẩm sinh) trong khi mục tiêu đào tạo trong chương trình thì đầu tư thấp, đầu tư đào tạo dài hạn tại các trường điện ảnh thì thu hẹp.

1.4. NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ ĐẦU TƯ CHO HOẠT ĐỘNG ĐIỆN ẢNH TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

Tác giả đã tham gia nghiên cứu khảo sát hoạt động điện ảnh một số nước trong khu vực và các nước có nền điện ảnh lâu đời trên thế giới để rút ra các bài học kinh nghiệm cho qua trình đầu tư phát triển điện ảnh ở Việt Nam như sau

1.4.1. Điện ảnh Nhật Bản

1.4.1.1 Những nét tổng quan về điện ảnh Nhật Bản

Về quản lý hoạt động điện ảnh: Hoạt động điện ảnh ở Nhật Bản được tư nhân hoá hoàn toàn trong tất cả các lĩnh vực: đào tạo, sản xuất, phát hành và chiếu bóng. Phim phát hành ở Nhật đều phải được Ủy ban ELIM duyệt dựa trên những tiêu chuẩn cụ thể; Cảnh bạo lực, sex bị cắt hoặc cấm.

Sản xuất do thị trường điều tiết, không có sự định hướng về tư tưởng, vì vậy phim Nhật Bản chủ yếu là những phim hành động hoặc phim tình yêu tay ba chủ yếu mang tính giải trí, nội dung phim hợp thị hiếu của thế hệ trẻ trong xã hội, tập trung thu hút nhiều nhất là đối tượng thanh niên trên dưới 20 tuổi.

Thuế chiếu phim tại rạp 3%, năm 1997 tăng lên 5%, thuế nhập khẩu 10%, đối với các nước ký hiệp định tối huệ quốc với Nhật thì không đánh thuế; Có khoảng 100 công ty nhập khẩu phim trên toàn nước Nhật. Cả nước Nhật có khoảng 5.000 cửa hàng cho thuê băng hình, có dán nhãn kiểm soát. Cơ quan tự chủ liên kết với cảnh sát để kiểm soát những trường hợp vi phạm.

Lệ phí duyệt phim 250.000 Yên (tương đương 25 triệu đồng Việt Nam).

Về sản xuất phim: Hàng năm, Nhật Bản sản xuất được 40 bộ phim truyện nhựa có giá thành trên 400 triệu Yên/bộ, 100 bộ phim truyện nhựa có giá thành dưới 400 triệu Yên/bộ, từ 500 đến 1000 bộ phim truyện video (Trong đó có khoảng 120 - 140 bộ phim sex). Phim nghệ thuật chiếm 60% về số lượng nhưng chỉ chiếm 40% về doanh thu. Cũng có tới 80% phim sản xuất ra bị rủi ro (bị lỗ).

Hàng năm, Bộ Văn hoá chọn ra những phim, kịch bản xuất sắc để khen thưởng khoảng 10 phim/năm. Ngoài ra, Quỹ thúc đẩy nghệ thuật văn hoá thưởng cho 7-8 bộ phim truyện nhựa, Bộ Công thương mại thưởng 20 triệu Yên và Liên hoan phim Quốc tế Tokyo thưởng 20 triệu Yên. Đây là hình thức tài trợ sau cho kết quả sản xuất phim.

Về chiếu bóng: Khán giả ưa thích nhất phim lịch sử về Samurai và phim hoạt hình. Có những phim hoạt hình chiếu ở rạp 6 tháng liền mà vẫn đông khách. Cả nước Nhật có khoảng 1.900 màn ảnh chiếu phim nhựa, trong đó có 90% âm thanh DOLBY là thiết bị chiếu phim hiện đại nhất hiện nay.

Về đào tạo: Ở Nhật Bản không có trường đại học điện ảnh, mà chỉ có các khoa điện ảnh trong trường đại học tư nhân. Việc đào tạo không chỉ đáp ứng yêu cầu của xã hội mà còn theo yêu cầu của học sinh, chi phí đào tạo do học sinh tự đài thọ.

1.4.1.2. Vấn đề đầu tư phát triển Điện ảnh ở Nhật Bản

Về đầu tư vốn cho khâu sản xuất phim: Hãng phim NIKKATSU (TOKYO) là hãng phim lớn nhất của Tokyo; Hãng NIKKATSU (Có 13 trường quay); Xưởng thu âm AOI (Tokyo); Tổ hợp gia công phim video IMAGICA (Tokyo) thành lập từ năm 1935 và một số công ty con (17 công ty con) của IMAGICA ở Tokyo, Osaka, Kyoto và Los Angeles (Hoa Kỳ); Hãng TOEI (Được thành lập từ năm 1951 tại Tokyo) và Trường quay TOEI (gồm 19 trường quay quy mô khác nhau tại Kyoto) thuộc Hãng...

Thời gian chuẩn bị để sản xuất 1 bộ phim nhựa 35 ly, đầu tư sản xuất thường là 2 năm, vốn sản xuất một bộ phim truyện nhựa từ 200 triệu đến 400 triệu Yên. Phim truyện có bối cảnh lớn chi phí khoảng 1 tỷ Yên, thời gian thực hiện đến 4 năm, phim truyền hình và phim video kinh phí trung bình là 50 triệu Yên/bộ.

Có 3 cách đầu tư sản xuất phim: Do hãng phim độc lập làm hoặc góp cổ phần từng bộ phim (Gọi vốn các cơ sở cùng sản xuất phim); Góp vốn hợp tác với nước ngoài nhưng dịch vụ quay phim tại Nhật; Nếu đề tài phù hợp, có thể góp vốn làm phim với các nước và thực hiện quay ở nước ngoài.

Các hãng có ít nhất là 2 kênh truyền hình phát trên vệ tinh, ngoài việc sản xuất phim Điện ảnh còn sản xuất các chương trình truyền hình để phát sóng thu quảng cáo hỗ trợ vốn đầu tư sản xuất phim truyện nhựa phát hành trên hệ thống rạp.

Về đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ, thiết bị kỹ thuật: Thiết bị quay phim nhựa 35 ly và 16 hầu hết do Hãng Michel (Mỹ) sản xuất; Hệ thống máy quay phim nhựa 35 ly ARRIFLEX 535 và 535B rất hiện đại nhập của Đức. Đã sử dụng quay thu đồng bộ theo quy trình sản xuất phim hiện đại, đòi hỏi tính chuyên nghiệp rất cao. Thiết bị quay video Betacam SONY, hệ NTSC sản xuất tại Nhật. Thiết bị đầu tư rất hiện đại nhưng khâu dựng và hoà âm tại các hãng vẫn thực hiện kết hợp cả 3 quy trình: Dựng phim cắt dán theo truyền thống; Dựng phim - băng video - đĩa: chuyển phim sang băng, đĩa bằng telecine; Dựng phim bằng hệ thống máy tính theo công nghệ kỹ thuật số với trình độ kỹ thuật cao. Quá trình in tráng được trang bị các thiết bị kiểm tra hiện đại, các hãng phim có quy mô lớn và tương đối hiện đại, thiết bị chủ yếu do Nhật sản xuất (Hãng Imagica và Seiki). Ngoài ra, các Hãng cũng sử dụng các thiết bị quay phim và dựng phim của Anh và Mỹ.

Về đầu tư cho khâu phổ biến phim, chiếu phim: Rạp cụm chiếu bóng MARIO (Multiplex) gồm 5 phòng chiếu từ 500 đến 1000 chỗ ngồi, được trang bị thiết bị chiếu phim màn ảnh rộng 35 ly chiếu 1 cuộn vòng tròn kiểu castric hoàn toàn tự động. Máy chiếu chủ yếu do Nhật Bản sản xuất như MAZDA xenon Lampose, model Deluxe TP - 705, Toshiba Denko Co.Ltd. Hệ thống đọc tiếng và khuếch đại kỹ thuật hiện đại Analog và đọc Digital. Thiết bị kiểm tra chất lượng buổi chiếu gồm các màn hình và hệ thống amply rất hiện đại.

Nhìn chung: Một đất nước phát triển như Nhật Bản, các phương tiện nghe nhìn phát triển ở trình độ rất cao, phim nhựa (Phim Điện ảnh) từ năm 1970 đến nay số lượng đã giảm nhiều, nhưng vẫn có số lượng khán giả nhất định. Người dân vẫn xếp hàng mua vé vào rạp xem phim, mặc dù giá vé tương đối cao 1800 Yên (Trên 200.000 VND). Tuy nhiên, hệ thống rạp chiếu bóng ở Nhật Bản như phân trên đã nêu trên chủ yếu là thiết bị hiện đại, âm thanh DOLBY. Rạp thường bố trí rạp cụm (Multiplex) nằm trong các siêu thị để phục vụ và thu hút khán giả. Theo số liệu thống kê hiện hành, phim Mỹ nhập khẩu vào Nhật là chủ yếu và chiếm trên 50%, số lượng phim còn lại là của 20 nước khác nhau. Tuy vậy, Nhật đang có chính sách cố gắng giảm phim nhập, tăng phim sản xuất trong nước.

Việc sản xuất phim nhựa kết hợp công nghệ truyền thống với thiết bị công nghệ hiện đại nhất thế giới hiện nay nên trình độ của đội ngũ những người làm phim ở Nhật rất

cao. Ngoài sản xuất phim nhựa để chiếu ở rạp, ngành Điện ảnh Nhật Bản còn làm phim video gia đình, làm phim cho các đài Truyền hình và đặc biệt làm phim kỹ xảo cho quảng cáo. Cơ chế thị trường với sự tự do cá nhân cao độ có những mặt trái nhất định đó là sự giải trí nhiều khi vô thưởng vô phạt trong những phim hành động, thậm chí có lúc gây tác hại. Ví dụ như truyền hình Nhật chiếu bộ phim hoạt hình làm cho trẻ em bị nôn mửa, phải đi cấp cứu, gây phản ứng trong dư luận xã hội.

Về công nghệ kỹ thuật, các thiết bị chủ yếu ở các khâu vẫn là của Nhật, một số thiết bị đặc biệt như thiết bị dựng, âm thanh được mua của Mỹ, Anh. Tuy nhiên, vẫn kết hợp các phương pháp truyền thống nhằm tận dụng tiết kiệm vốn đầu tư.

1.4.2. Điện ảnh Trung Quốc

1.4.2.1. Những nét tổng quan về điện ảnh Trung Quốc

Những bước đi, giải pháp phát triển điện ảnh song hành với những bước đi của cải cách mở cửa trong đời sống xã hội của Trung Quốc. Nhà nước khuyến khích các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đoàn thể xã hội khác cũng như mỗi công dân tham gia vào việc sản xuất phim bằng các hình thức tài trợ, đầu tư cho điện ảnh. Chủ trương trên từng bước được luật pháp hoá để đảm bảo những tiền đề tốt cho quá trình xã hội hoá hoạt động điện ảnh trong cả nước.

Trung Quốc bắt đầu tiến hành cải cách mở cửa từ những năm 1978. Về mặt định hướng tư tưởng, Trung Quốc chủ trương: Phát huy giai điệu chính (Tức định hướng xã hội chủ nghĩa), đề xướng đa dạng hoá (Tức phát huy tính chủ động sáng tạo, "trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng"). Điện ảnh Trung quốc đạt được nhiều thành tựu thời gian qua là do Chính phủ Trung quốc cởi mở hơn nên đã hình thành một số chính sách về quản lý điện ảnh từ đầu tư, xét duyệt khen thưởng tác phẩm, có tác dụng lớn đối với ngành điện ảnh và trong toàn xã hội.

Về quản lý ngành: Trung Quốc nhập điện ảnh vào truyền hình thành Bộ phát thanh - điện ảnh và truyền hình để phát huy tiềm năng tương hỗ, nhân quả. Truyền hình là một trong ba thị trường tiêu thụ của điện ảnh (Bao gồm hệ thống rạp và đội chiếu phim lưu động - Hệ thống đài truyền hình - Thị trường băng đĩa hình tức video gia đình) do đó đã giải quyết tốt đầu ra của điện ảnh nước này.

Vấn đề giải quyết đầu vào - đầu ra của điện ảnh thống nhất bởi một cơ chế vận hành mở, tự hạch toán để phát triển. Tuy nhiên từng khâu trong kết cấu hệ thống thiết chế

của toàn bộ quá trình hoạt động điện ảnh, Nhà nước đều có những tổ chức cực mạnh của mình. Những đơn vị này, Nhà nước đầu tư toàn diện hoặc có cơ chế chính sách thuận lợi, thích hợp, khiến chúng không chỉ mạnh về sáng tác, sản xuất, xuất nhập khẩu, phổ biến phim mà còn có tác dụng hướng dẫn, kích thích hoạt động điện ảnh của đất nước, cạnh tranh lành mạnh theo đúng pháp luật. Hệ thống thiết chế điện ảnh nhà nước thì liên hoàn khép kín, vận hành phối hợp với nhau, hỗ trợ nhau về mọi mặt cùng phát triển. Toàn ngành điện ảnh cả nước là hệ thống thiết chế kết cấu mở hoạt động bình đẳng trước pháp luật và định hướng phát triển điện ảnh của nhà nước.

1.4.2.2. Công tác đầu tư phát triển Điện ảnh ở Trung Quốc

Chính sách đầu tư: Nhà nước Trung Quốc đầu tư ban đầu cơ sở vật chất, trang thiết bị, vốn cho điện ảnh. Ngoài phần đầu tư kinh phí từ ngân sách, Nhà nước Trung Quốc còn trích một phần doanh thu từ bán vé xem phim để hỗ trợ cho điện ảnh; đồng thời hỗ trợ đào tạo lại, hoặc chuyển cán bộ sang ngành nghề khác phù hợp (nếu không có điều kiện đào tạo lại thì cấp 95% lương cho cán bộ đó đến tuổi nghỉ hưu).

Trung Quốc có áp dụng chính sách thuế đối với hoạt động điện ảnh. Các hoạt động dịch vụ nhà hàng khách sạn... nằm trong đơn vị điện ảnh thì chỉ thu thuế xuất doanh thu 1% nhằm thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực điện ảnh. Do chính sách bảo vệ điện ảnh nội địa nên mỗi năm Trung Quốc chỉ cho nhập khẩu khoảng 10 phim truyện, phần lớn là những phim có giá trị của Mỹ.

Huy động các nguồn vốn đầu tư: Giải quyết tốt vấn đề huy động vốn đầu tư trong và ngoài nước, chú trọng 3 giải pháp chủ yếu huy động vốn làm phim như sau:

Một là: Các tổ chức xã hội, xí nghiệp góp vốn làm phim.

Hai là: Do nước ngoài đầu tư (Mỹ, Nhật, Đài Loan, Châu Âu...). Chỉ có đạo diễn nổi tiếng mới được đầu tư làm phim.

Ba là: Vay vốn các cá nhân để đầu tư sản xuất phim.

Ba giải pháp mang tính xã hội hoá cao: nhà nước, cá nhân và nước ngoài phối hợp để tìm nguồn vốn cho điện ảnh Trung Quốc, những giải pháp này khá hiệu quả, thúc đẩy điện ảnh Trung Quốc phát triển và thích nghi với cơ chế thị trường.

Trung Quốc cho rằng việc đầu tiên trong cải cách điện ảnh là tiếp cận với thị trường quốc tế, tức là xác định quan niệm thị trường một cách toàn diện trong suốt quá

trình từ đầu tư đến sản xuất. Đầu tư là biện pháp, là cơ sở, nhưng sản xuất và tăng giá trị mới là mục đích, vì vậy những nhà đạo diễn làm phim nổi tiếng như Tạ Tấn, Trương Nghệ Mưu, Trần Khải Ca...quyết tâm và mạnh dạn trong việc đầu tư làm phim để tác phẩm của họ có điều kiện tiến vào thị trường quốc tế. Việc phát hành phim của họ ở nước ngoài chắc chắn có một phần vốn do nước ngoài đóng góp.

Một trong những mô hình hoạt động của điện ảnh Trung Quốc trong cơ chế thị trường là xây dựng các thành phố Điện ảnh và truyền hình như Trác Châu (Tỉnh Hà Bắc), Đông Hải (Thành phố Thượng Hải), Vô Tích (Tỉnh Giang Tô). Cả 3 cơ sở đều do Bộ Phát thanh - Điện ảnh - Truyền hình Trung Quốc đầu tư. Các cơ sở này đã sản xuất nhiều phim truyện và phim truyền hình đem lại lợi ích kinh tế cao. Các cơ sở này ngoài việc dùng làm trường quay cho các cơ sở sản xuất phim trong và ngoài nước, tổ chức liên hoan điện ảnh tầm cỡ trong nước và quốc tế, nó còn là điểm thu bán vé tham quan du lịch, bán vật lưu niệm, dịch vụ nhà hàng, giải khát thu lợi nhuận.

Trung Quốc có kinh nghiệm tốt về mô hình kinh doanh tổng hợp trong một tổ chức điện ảnh, tiến hành hàng loạt các cải cách hoạt động và kỹ thuật làm phim để có thể đuổi kịp các nước tiên tiến trên thế giới, lắp đặt các thiết bị kỹ thuật cao cho thuê và thu hút hợp tác dịch vụ làm phim với nước ngoài.

Mỗi ngày ra đời trung bình 80 bộ phim, mỗi năm khoảng 1.000 phim với 20.000 tập. Nhiều diễn viên, đạo diễn nổi tiếng không trong biên chế của hãng, họ hành nghề tự do và tự bỏ tiền làm phim, tự tìm đối tác hợp tác liên doanh... Điện ảnh Trung Quốc đang xoá bỏ dần bao cấp, xã hội hoá nhiều khâu, nhiều mặt, đa dạng hoá hoạt động nghệ thuật và kinh doanh cho các hãng phim, các đơn vị và công ty lấy tiền từ các nguồn kinh doanh dịch vụ khác hỗ trợ bù đắp cho việc làm phim, cho việc duy trì phát triển nghệ thuật, các hãng phim, các nghệ sĩ có thể sống bằng chính nghề của mình. Từ đó tạo ra động lực, sự cạnh tranh đua sức đua tài lành mạnh.

Những kinh nghiệm nêu trên cũng chính là những nguyên nhân để phim Trung Quốc đạt chất lượng cao. Nhiều bộ phim Trung Quốc giành giải thưởng lớn trong các liên hoan phim quốc tế có uy tín nhất không chỉ thu hút khán giả trong nước, mà còn đặc biệt ở Việt Nam và quốc tế.

1.4.3. Điện ảnh Liên Xô cũ và Liên bang Nga

Đã từng là những cường quốc điện ảnh thế giới, chính sách biện pháp mới làm cho toàn dân quan tâm tới vai trò của điện ảnh; cấp vốn và tăng cường các cán bộ có chất lượng chuyên môn và chính trị cho ngành; khẳng định sự quản lý điều tiết của nhà nước đối với điện ảnh; giảm thuế tới mức tối thiểu, tăng cường sản xuất phim và đặc biệt chú ý tới tổ chức các rạp chiếu bóng trong cả nước... ngay từ đầu những năm 80, Liên Xô đã hình thành những đề án đầu tư những loại rạp chiếu phim đa dạng phục vụ kinh doanh và hoạt động điện ảnh để thu hút khán giả.

Loại thứ nhất: Rạp được xây dựng dành cho khán giả thuộc nhiều đối tượng. Rạp này chiếu những bộ phim màn ảnh rộng hấp dẫn được đông đảo khán giả, cùng lúc cho hàng nghìn người xem, những người không còn muốn thưởng thức các phương tiện giải trí tại nhà, muốn thưởng thức và có nhu cầu giao lưu với xã hội. loại rạp này đã đạt được hiệu quả kinh tế cũng như hiệu quả xã hội.

Loại thứ hai: Là những rạp hoàn toàn theo kiểu mới, gồm từ 2-3 phòng chiếu loại nhỏ và vừa. Phòng nhỏ từ 100- 150 ghế ngồi; phòng nhiều nhất là 400 chỗ cho khán giả. Rạp loại này có thể chiếu những bộ phim tâm lý xã hội với yêu cầu thẩm mỹ vừa phải nhưng có sức hấp dẫn được công chúng. Những phim loại này không thể chiếu tại các rạp 1000-1500 ghế ngồi. Trong nhiều thành phố lớn của Liên Xô, những rạp mini kiểu này hoạt động đã đạt được những hiệu quả nhất định.

Loại thứ ba: Được xem là một trong những phương án khả thi nhất đó là rạp chiếu bóng đa chức năng nhiều phòng chiếu, người xem có thể đến rạp kiểu này sau giờ làm việc và sử dụng toàn bộ thời gian buổi tối cho giải trí ở nơi đây, sức chứa lên tới 2000-3000 người. Kiểu rạp này đã đạt được những thành công nhất định.

Gần đây, trước những thách thức to lớn do việc thay đổi chế độ chính trị và sự xâm thực của văn hoá phương tây, nhiều nhà làm phim Liên bang Nga có tài vẫn trung thành với lý tưởng nghệ thuật, vẫn làm ra những tác phẩm điện ảnh có giá trị nghệ thuật cao được đầu tư tài trợ từ nguồn vốn của một số tổ chức xã hội và cá nhân cũng như các nhà bảo trợ. Một trong những phim nổi tiếng thế giới gần đây đó là phim "Người thợ cạo Xibêri" của đạo diễn lừng danh N. Mikhancov.

Trong thập niên từ những năm 80 trở về trước, Liên Xô (Cũ) mỗi năm sản xuất hơn 150 phim truyện nhựa, khá nhiều phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình, phim truyền hình. Trên lãnh thổ Liên Xô có tới 36.000 rạp chưa kể hệ thống câu lạc bộ điện ảnh

trên toàn lãnh thổ liên bang. Các hãng phim của Liên xô chịu trách nhiệm ở khâu đầu vào, đủ khả năng sản xuất phim cho nhu cầu nội địa và cả xuất khẩu, đồng thời ngân sách hàng năm của ngành điện ảnh cho phép nhập các phim Âu - Mỹ có giá trị nghệ thuật cao để phục vụ người xem trong nước.

Tuy nhiên, hệ thống đầu vào - đầu ra nằm trong một chỉnh thể khép kín trên dễ dẫn đến sự trì trệ, độc quyền của cơ sở nhà nước, là rào cản đối với các thành phần xã hội khác muốn tham gia vào hoạt động điện ảnh. Lúc này, nguồn vốn cho sản xuất phim chủ yếu và duy nhất là từ ngân sách nhà nước đã cản trở quá trình đa dạng hoá, đa phương hoá trong việc tìm thêm các nguồn vốn đầu tư cho việc cải tiến trang thiết bị công nghệ. Vì thế, chất lượng kỹ thuật của phim Liên Xô và trình độ công nghệ sản xuất phim Liên Xô không những không vượt mà còn tụt hậu so với công nghiệp của một số cường quốc điện ảnh trên thế, nhất là Mỹ.

Hiện nay Liên bang Nga sản xuất được khoảng 70-75 phim truyện nhựa/năm, số lượng phim này bao gồm cả của nhà nước và tư nhân, nhưng đóng vai trò quan trọng hơn vẫn thuộc về nhà nước. Goskinô - Ủy ban Điện ảnh Liên xô, cơ quan quản lý nhà nước về điện ảnh vẫn giữ chức năng nhiệm vụ như trước, nhưng nay còn có nhiệm vụ giúp đỡ tài trợ cho một số phim của điện ảnh. Các kênh truyền hình của Liên bang Nga cũng tham gia vào sản xuất phim, truyền hình liên kết sản xuất phim với các hãng sản xuất đã tạo thêm nguồn vốn cho điện ảnh.

Tóm lại, thời Liên Xô cũ, điện ảnh vận hành trong cơ chế kế hoạch hoá, có sự quản lý chặt chẽ thống nhất của nhà nước, các sản phẩm điện ảnh tránh được sự khủng hoảng thừa thiếu. Khi không còn sự điều tiết của nhà nước, việc quản lý hệ thống sản xuất - phát hành phim và chiếu bóng sẽ không dễ dàng gì. Hiện tại điện ảnh Liên bang Nga có xu hướng thành lập các tập đoàn lớn, giống như các tập đoàn kinh tế để phù hợp với cơ chế thị trường.

1.4.4. Đầu tư phát triển điện ảnh của Hiệp hội các nước Đông Nam Á - ASEAN

1.4.4.1. Đầu tư phát triển của điện ảnh Thái Lan

Điện ảnh Thái Lan nặng về thương mại, việc sản xuất phim hoàn toàn do tư nhân đảm nhận, không có sự tham gia của các tổ chức nhà nước. Nhà nước chỉ tham gia ở khâu quản lý, kiểm duyệt.

Điện ảnh Thái Lan được duy trì bằng chính sách nhà nước "Ăn đồ Thái, uống đồ Thái, du Lịch Thái, XEM PHIM Thái". Chiến dịch xem phim Thái đã giúp quay vòng các phim nội và ngăn chặn sự xâm nhập bành trướng của phim ngoại.

Nền công nghiệp điện ảnh Thái Lan đã trải qua cơn khủng hoảng do sự cạnh tranh mạnh mẽ của các phương tiện nghe nhìn hiện đại như kỹ thuật video, truyền hình... người dân Thái Lan vốn rất yêu thích phim ảnh, nhưng cách đây chưa lâu số lượng rạp và người xem đã giảm đi quá nửa. Đến nay do có sự đầu tư thiết bị kỹ thuật chiếu phim mới và hiện đại hoá các rạp, nâng cao chất lượng phim..., các rạp chiếu bóng lại thu hút được khán giả.

Hệ thống rạp chiếu bóng ở Thái Lan đều do tư nhân quản lý. Riêng ở Bangkok có tới 200 rạp, các rạp này thường xây dựng theo hình thức cụm rạp, phần lớn được đặt ở các siêu thị trung tâm lớn của thành phố. Trước mỗi rạp đều có dấu xác nhận của Hiệp hội điện ảnh quốc tế về tiêu chuẩn rạp. Tại mỗi cụm rạp có từ 5 đến 10 phòng chiếu, mỗi phòng chiếu có từ 200 ghế đến 400 ghế cùng lúc có thể chiếu 5 hoặc nhiều bộ phim nhựa khác nhau. Quy định của Chính phủ Thái Lan là các rạp hàng năm phải đạt tỷ lệ tối thiểu 30% số buổi chiếu và số bộ phim phát hành tại rạp là phim của điện ảnh Thái Lan để bảo hộ điện ảnh dân tộc.

Hoạt động điện ảnh Thái Lan được đặt trong khuôn khổ pháp lý, ở đó quy định rõ trách nhiệm của các chủ sở hữu các cơ sở điện ảnh. Nhà nước ít làm các công việc trực tiếp, nếu có chỉ là những việc lớn thường uỷ thác cụ thể cho một tổ chức xã hội nào đó. Điện ảnh Thái Lan ngoài việc tổ chức liên hoan phim toàn quốc để khán giả quan tâm hơn đến phim Thái Lan, mặt khác để chọn phim gửi đi dự các liên hoan phim quốc tế và gửi phim đi tiếp thị ở nước ngoài qua Bộ ngoại giao, Bộ Thương mại, Bộ công nghiệp và các tổ chức quan hệ quốc tế khác của Thái Lan.

1.4.4.2. Đầu tư phát triển của điện ảnh Singapore

Vào những năm 1970, các trường quay phim ở Singapore đã phải đóng cửa vì truyền hình là phương tiện giải trí đại chúng hơn. Không sản xuất, cả nước là một thị trường tiêu thụ phim ảnh của nước ngoài.

Với chủ trương bảo vệ điện ảnh dân tộc, bằng nhiều nỗ lực gần đây của Cục điện ảnh Singapore, Điện ảnh dần trở lại vị trí của mình. Để duy trì bản sắc dân tộc, ban kiểm duyệt phim của Bộ Thông tin đã duyệt tất cả các phim trước khi chiếu ở rạp. Pháp luật tại đây không chỉ ngăn chặn độc hại trong nghệ thuật mà còn là cơ sở hỗ trợ cho sự sáng tạo.

Việc thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước để đổi mới công nghệ cho ngành điện ảnh, xây dựng các cụm rạp, thiết bị chiếu phim hiện đại giống như ở Thái Lan và các nước trong khu vực đáng để cho ta rút ra những bài học bổ ích.

Việc kiểm duyệt phim thương mại cho ta nhiều kinh nghiệm tham khảo: Họ cho phép một số phim nghệ thuật có xen cảnh tình dục (Gọi là loại R.A) chỉ được chiếu sau 23 giờ tối thứ sáu hàng tuần, nhưng cấm thanh niên dưới 21 tuổi đến xem, trên 21 tuổi phải có chứng minh thư mới được vào rạp. Ngoài ra nước này còn có uỷ ban khiêu tố điện ảnh, có trách nhiệm phê chuẩn việc phân loại phim và chiếu phim, kiến nghị các cơ quan cắt các cảnh trong phim thiếu lành mạnh, có hại cho giáo dục đạo đức và thị hiếu nghệ thuật.

1.4.4.3. Đầu tư phát triển điện ảnh Indônêxia

Một đặc điểm lớn nhất trong đầu tư vốn cho phát triển điện ảnh ở Indônêxia là hoạt động đầu tư của các hãng phim tư nhân. Đất nước này có tới trên 200 hãng phim tư nhân trên cả nước, trong khi đó chỉ có 5 hãng phim quốc doanh. Số rạp kỷ lục lên tới 2.200 rạp. Điện ảnh Indônêxia nằm trong Bộ Thông tin, có 6 đài truyền hình với số lượng phim sản xuất hàng năm khoảng 30 phim truyện nhựa (trong đó mỗi năm nhà nước chỉ đặt hàng sản xuất 3 phim); 400 đến 500 phim truyền hình (Những năm 1970 là 1.000 phim video/năm).

Trước đây các nhà làm phim nước này thường tìm những kịch bản có cốt truyện về tầng lớp quý tộc, giàu có ở Indônêxia, dễ khai thác tính hấp dẫn và hợp thị hiếu đặc biệt là lớp trẻ. Hiện tại đời sống người dân gặp nhiều khó khăn, đất nước khủng hoảng chính trị trầm trọng, nên nhu cầu về loại phim này giảm sút nhiều.

1.4.4.4. Đầu tư phát triển điện ảnh Philippin

Tốc độ đầu tư vốn cho khâu sản xuất phim của Philippin cao hơn ở từng năm. Trong 3 năm gần đây, lượng phim sản xuất hàng năm là 150 phim nhựa, trên 400 phim video. Do khủng hoảng kinh tế và sự xâm thực của phim nước ngoài làm điện ảnh Philippin sa sút, tuy nhiên các nhà làm phim nước này không hề nao núng, họ vẫn tìm mọi cách để đầu tư sản xuất ra những bộ phim có chất lượng cao phục vụ khán giả trong nước. Điện ảnh Philippin đã sản xuất những bộ phim giải trí có sự "cởi mở" hơn... và chỉ dành cho xuất khẩu để thu hút vốn làm phim trong nước - Đây là một biện pháp khá hiệu quả cả về kinh tế và sáng tạo nghệ thuật đối với điện ảnh nước này.

Philippin thực hiện chế độ tiền thưởng thích đáng nhằm khuyến khích việc đầu tư vốn vào làm phim chất lượng, nhất là những phim đoạt các giải cao đến với người

xem...phim đến chiếu ở các thôn xóm bằng điện ảnh lưu động miễn phí. Nhà nước Philippin khuyến khích các dịch vụ ưu đãi cho điện ảnh, tạo thuận lợi cho các nhà làm phim nước ngoài đến liên doanh liên kết sản xuất và quay phim tại Philippin. Chú trọng đến đầu tư hiện đại hoá nền công nghiệp điện ảnh trong nước, tạo ra những tác phẩm điện ảnh có chất lượng cao nhằm thu hút khán giả trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài, mục tiêu của điện ảnh Philippin phải mạnh mẽ tạo thế cạnh tranh khốc liệt với các phương tiện nghe nhìn, truyền hình và các loại hình giải trí khác.

1.4.4.5. Đầu tư phát triển điện ảnh Malaysia

Sự độc đáo của Malaysia là họ cho thành lập Viện hàn lâm điện ảnh, ngoài ra có 6 cơ sở đào tạo nghệ thuật điện ảnh tư nhân và nhà nước để khuyến khích đào tạo tài năng cho điện ảnh.

Thị phần phim trong nước chỉ chiếm 6%, phim Mỹ chiếm 57%; 32% phim Trung Quốc, còn lại là phim của các nước khác. Malaysia đứng trước thử thách là công nghiệp điện ảnh trong nước chưa phát triển, lại phải cạnh tranh với phim nước ngoài, hệ thống truyền hình và các phương tiện nghe nhìn như các nước trong khu vực và trên thế giới.

Chính phủ có chính sách ưu đãi để phát triển điện ảnh Malaysia như thực hiện chính sách xã hội hoá hoạt động điện ảnh để thu hút nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước. Trước đó Chính phủ đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại cho một trung tâm kỹ thuật điện ảnh, sau đó cơ sở này phải tách ra tự hạch toán kinh doanh để tồn tại và phát triển. Phim quảng cáo của nước ngoài trên hệ thống truyền hình phải được sản xuất tại Malaysia nhằm tạo việc làm, nâng cao tay nghề cho những người làm nghề điện ảnh trong nước, đồng thời quản lý nội dung và bảo vệ bản sắc dân tộc.

1.4.5. Một số bài học cho Việt Nam trong đầu tư phát triển điện ảnh

Từ việc phân tích kinh nghiệm của các nước về đầu tư phát triển Điện ảnh, có thể rút ra những bài học vận dụng cho đầu tư phát triển Điện ảnh Việt Nam như sau:

Thứ nhất Các nước đều thành công trong chiến lược đa dạng hoá hoạt động điện ảnh và đầu tư phát triển điện ảnh. Ở các nước này, mọi thành phần trong xã hội đều được tham gia hoạt động điện ảnh, nguồn vốn được đa dạng hoá, thể hiện ở 3 khu vực với sự phân định tương đối về nội dung đầu tư, đó là: Khu vực nhà nước trực tiếp quản lý đồng thời đầu tư toàn bộ các khâu về con người, cơ sở vật chất kỹ thuật và vốn sản xuất phim, được xem như khối công ích trong xã hội; Khu vực tư nhân chủ yếu do tư nhân đầu tư vốn nhưng được Nhà nước hỗ trợ một phần vốn thông qua chính sách khuyến khích phát

triển điện ảnh trong từng thời kỳ và khu vực tư nhân hoàn toàn, khu vực này do tư nhân đầu tư toàn bộ vốn thiết bị kỹ thuật và vốn sản xuất phim, họ có toàn quyền định đoạt mọi hoạt động, tự chịu trách nhiệm về nội dung phim cũng như kết quả kinh doanh trước pháp luật. Vấn đề xã hội hoá đầu tư phát triển điện ảnh ở một số nước hết sức thành công và hiệu quả, thành phần kinh tế tư nhân có vai trò rất quan trọng trong sự bảo tồn và phát triển nền điện ảnh dân tộc.

Thứ hai Muốn điện ảnh trong nước phát triển cần phải có một nền công nghiệp điện ảnh phát triển. Việt Nam, trong thời gian tới cần phải tập trung đầu tư cho điện ảnh đủ mạnh về con người và cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo ra những tác phẩm mang tầm vóc thời đại của mỗi dân tộc, hấp dẫn về nội dung, giàu hình tượng nghệ thuật. đặc biệt là ngành công nghiệp điện ảnh phải thực hiện đầu tư đổi mới trang thiết phục vụ sản xuất phim, phổ biến phim. Ngành công nghiệp điện ảnh phải được phát triển tương xứng với những ngành công nghiệp hiện đại nhất của quốc gia.

Thứ ba Đầu tư đồng bộ cho các khâu của quy trình sản xuất phim là điều kiện tiên quyết bảo đảm tính hiệu quả của đầu tư phát triển triển điện ảnh, trong đó đầu tư cho khâu sản xuất đóng vai trò chủ đạo và phải được xem là khâu trọng yếu trong quy trình, cần đầu tư đồng bộ từ khâu kịch bản, diễn viên, đạo diễn, cán bộ quản lý, kỹ thuật cho đến khâu kỹ thuật làm phim, lồng tiếng, trường quay... Kết hợp chặt chẽ giữa Điện ảnh với Truyền hình để khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật cho sản xuất phim, mở rộng đầu ra, tăng nguồn thu quảng cáo đầu tư cho sản xuất phim và chương trình truyền hình, khai thác và bảo vệ bản quyền phim.

Thứ tư Tăng cường hợp tác trong khu vực và trên thế giới trong đầu tư phát triển điện ảnh. Trong quá trình thực hiện đa phương hoá quan hệ phát triển Điện ảnh, lựa chọn đối tác có hiệu quả, trên cơ sở nắm bắt được thế mạnh của Điện ảnh các nước trên thế giới và trong khu vực. Điện ảnh Nhật Bản là một mô hình đáng hợp tác về kỹ thuật công nghệ sản xuất và phổ biến phim; Điện ảnh các nước ASEAN và Trung Quốc là những đối tác hợp lý về tính chất đa dạng trong nội dung, chủ đề làm phim, nhất là những chủ đề phản ánh cuộc sống xã hội đương đại hoặc phản ánh lịch sử, truyền thống dân tộc. Điện ảnh Liên Xô cũ và Nga có thể cho phép học tập những kinh nghiệm về tổ chức và bố trí mạng lưới rạp chiếu phim v.v...

Thứ năm Đồng thời với việc mở rộng xã hội hoá hoạt động Điện ảnh để thu hút nguồn vốn đầu tư của các tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước, Chính phủ cũng thực hiện các chính sách ưu đãi đặc biệt về đầu tư, tài chính, thuế... thành lập các loại quỹ

hỗ trợ phát triển để khuyến khích phát triển hoạt động Điện ảnh, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo hộ Điện ảnh trong nước, tăng cường xuất khẩu phim, thu hút dịch vụ và hợp tác làm phim với nước ngoài.

Thứ sáu Khâu phổ biến phim phải được đầu tư một cách đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng phát triển hệ thống rạp chiếu phim vì đây là đầu ra và là hệ thống thị trường điện ảnh hệ thống rạp cần bảo đảm tính chuyên dụng và phù hợp với các đối tượng, thành phần dân cư trong xã hội. Rạp được xây dựng theo mô hình rạp cụm hiện đại (MULTIPLEX) có nhiều phòng chiếu, thường bố trí trong các siêu thị hoặc các khu tập trung đông dân cư nhằm kết hợp nhiều tiện ích cho công chúng. Các rạp cụm thường kết hợp hoạt động chiếu phim với kinh doanh dịch vụ tổng hợp khác để bảo đảm độ hấp dẫn, phục vụ và thu hút khán giả đồng thời lấy thu của hoạt động này bù đắp cho hoạt kia, các hoạt động này đều được ưu đãi về chính sách thuế, tạo điều kiện thu hồi vốn và thúc đẩy phát triển hoạt động điện ảnh.

*

* *

Qua nghiên cứu phân tích đặc điểm, vai trò và vị trí của điện ảnh trong nền kinh tế - xã hội của đất nước, những nhân tố chủ yếu tác động đến quá trình phát triển của điện ảnh Việt Nam; Những vấn đề về đầu tư và sự cần thiết phải đầu tư phát triển điện ảnh, vai trò của các nguồn vốn trong đầu tư phát triển điện ảnh, ta nhìn nhận thấy: Trong giai đoạn cách mạng công nghệ của thế giới, các phương tiện kỹ thuật nghe nhìn phát triển nhảy vọt, thông tin bùng nổ, điện ảnh các nước đều rơi vào khủng hoảng. Khủng hoảng điện ảnh mang tính toàn cầu, có điều nó xảy ra ở những thời gian và không gian khác nhau. Nghiên cứu, khảo sát hoạt động điện ảnh một số nước có nền điện ảnh tương đồng với ta để tiếp thu kinh nghiệm từ các nước, góp phần tìm ra con đường thích hợp cho điện ảnh Việt Nam, rút ra bài học về đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam trong đổi mới và hội nhập là mục đích đặt ra được phân tích tại chương 1.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG THU HÚT VÀ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM THỜI GIAN QUA

2.1. TỔNG QUAN VỀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM

2.1.1. Khái quát giai đoạn phát triển từ 1953 đến 1986

2.1.1.1. Quy mô phát triển

a/ Mô hình hoạt động Điện ảnh

Doanh nghiệp Quốc gia chiếu bóng và chụp ảnh Việt Nam, tiền thân của ngành Điện ảnh Việt Nam được Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh thành lập năm 1953 tại chiến khu Việt Bắc trong giai đoạn quyết liệt kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc. Ban đầu hoạt động chủ yếu của điện ảnh là chiếu bóng phục vụ nhân dân và quân đội bằng các phim nhựa và máy chiếu phim 35 ly, 16 ly của Liên Xô cũ và Tiệp Khắc tặng. Từ quá trình nghiên cứu thử nghiệm sản xuất và in tráng một số phim thời sự tài liệu do ta quay tại các mặt trận thuộc chiến khu Việt Bắc như "Chiến thắng Tây Bắc", "Chiến thắng Điện Biên Phủ", "Chiến dịch Cao Bắc Lạng", "Giữ nước giữ làng", "Năm đất miền Nam"... Sau hoà bình lập lại, đến năm 1959 Điện ảnh Việt Nam mới sản xuất được bộ phim truyện nhựa đầu tiên là "Chung một dòng sông", sau đó là phim "Vợ chồng A Phủ" và một số phim thời sự tài liệu, phim hoạt hình khác... Từ ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, năm 1975 đến năm 1979, sản lượng phim sản xuất trong nước tăng dần và đạt sản lượng cao nhất trong thời kỳ này.

Giai đoạn này, Nhà nước là người duy nhất quyết định sự phát triển Điện ảnh, chỉ có một thành phần kinh tế quốc doanh duy nhất hoạt động, chưa có sự tham gia của thị trường và các thành phần kinh tế khác. Hoạt động điện ảnh thể hiện chính ở 3 khâu là : Sản xuất phim - Phát hành phim - Phổ biến phim. Sự phân bố sản xuất và tiêu thụ sản phẩm điện ảnh thời kỳ này như sau:

Các xưởng sản xuất phim: Xưởng phim Việt Nam được thành lập từ năm 1956, đến năm 1959 xưởng phim Thời sự tài liệu Trung ương, Xưởng phim Hoạt hoạ và búp bê, sau này là Xưởng in tráng phim Cổ Loa thuộc Bộ Văn hoá lần lượt ra đời. Các cơ sở này hoạt động mang tính chuyên môn hoá để sản xuất các loại phim truyện, phim thời sự tài liệu, phim hoạt hoạ búp bê, in tráng phim bản đầu và các bản hàng loạt để cung cấp cho phát hành

phim và hệ thống chiếu bóng cả nước. Sản phẩm Điện ảnh thời kỳ này chỉ có một loại duy nhất là phim nhựa 35mm hoặc 16mm đen trắng, âm thanh mono.

Quốc doanh phát hành phim: Quốc doanh phát hành phim và chiếu bóng Việt Nam được thành lập năm 1956 tiền thân là Doanh nghiệp quốc gia chiếu bóng và chụp ảnh Việt Nam, làm nhiệm vụ lưu thông phân phối phim trong mạng lưới chiếu bóng, đơn vị duy nhất độc quyền tiêu thụ sản phẩm của các đơn vị sản xuất phim trong nước, xuất khẩu phim ra nước ngoài và nhập khẩu phim nước ngoài để bán hoặc cho thuê trong mạng lưới chiếu bóng cả nước.

Hệ thống Công ty chiếu bóng địa phương: Tại địa phương, mỗi tỉnh có một công ty chiếu bóng làm nhiệm vụ chuyển tải nội dung tác phẩm Điện ảnh tới công chúng, quản lý các rạp chiếu bóng ở các thành phố, thị xã, bãi chiếu bóng ngoài trời, các đội chiếu bóng lưu động... phục vụ trải đều khắp cả nước. Đây là đầu ra cuối cùng để thu hồi vốn bù đắp cho quá trình sản xuất và lưu thông sản phẩm Điện ảnh, là nơi phản ánh đầy đủ nhất hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội của toàn ngành Điện ảnh.

Thời kỳ này, cơ chế hoạt động tài chính của các đơn vị là hạch toán kinh tế độc lập. Về tổ chức, các đơn vị tuy tách rời nhau nhưng hoạt động mang tính liên hoàn, gắn bó với nhau bởi tác phẩm Điện ảnh. Về kinh tế, việc sản xuất ra sản phẩm được thực hiện tại các doanh nghiệp Trung ương nhưng thu hồi vốn lại thực hiện tại các doanh nghiệp địa phương bằng nguồn thu bán vé xem phim trong các rạp, bãi, đội chiếu bóng cả nước để bù đắp cho tái sản xuất của các khâu trước nó.

Công ty vật tư Điện ảnh là đơn vị chuyên đảm nhiệm cung ứng vật tư, thiết bị Điện ảnh cho các xưởng phim, các đơn vị phát hành phim và chiếu bóng trong cả nước. Xưởng cơ khí Điện ảnh chuyên làm nhiệm vụ sửa chữa và sản xuất một số phụ tùng thay thế thiết bị Điện ảnh phục vụ ngành.

Cơ quan quản lý ngành: Từ năm 1956 đến năm 1988, Cục Điện ảnh được thành lập, là cơ quan quản lý trực tiếp, toàn diện các hoạt động Điện ảnh đối với các cơ sở điện ảnh ở Trung ương như: Quản lý tổ chức, cán bộ, quản lý nội dung như duyệt kịch bản, cho phép sản xuất, kiểm duyệt phim cho phép phổ biến, quản lý kinh tế như duyệt tổng dự toán sản xuất phim, duyệt giá bán phim giữa các khâu, duyệt quyết toán sản xuất tài chính hàng năm. Thời kỳ này Cục Điện ảnh giữ vai trò trong quản lý và điều tiết đối với toàn ngành cả về kinh tế và tổ chức, vừa có chức năng quản lý nhà nước về điện ảnh trong cả

nước, vừa trực tiếp thực hiện điều hành sản xuất, đóng vai trò như một Tổng công ty hoạt động kinh doanh vì vậy phương thức quản lý hoạt động Điện ảnh trong giai đoạn đầu phát huy tác dụng và rất phù hợp với cơ chế quản lý kế hoạch hoá tập trung.

b/Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Khu vực sản xuất phim: Thời kỳ này số lượng sản xuất bình quân năm đối với Phim truyện 18 bộ/năm (Bằng 9% so với phim nhập khẩu của nước ngoài); Phim thời sự tài liệu: 67 bộ/năm; Phim hoạt hình: 12 bộ/năm.

Về chất lượng kỹ thuật mới chỉ sản xuất được phim nhựa đen trắng 16mm và 35mm, âm thanh mono, chưa sản xuất được phim màu đặc biệt là phim truyện nhựa màu. Mặc dù còn nhiều khó khăn và thiếu thốn trong sản xuất nhưng năm 1959 bộ phim truyện nhựa Việt Nam đầu tiên "Chung một dòng sông" đã ra đời, đánh dấu bước tiến mới của điện ảnh phim truyện, phần không thể thiếu của nền điện ảnh mỗi quốc gia. Sau đó các bộ phim truyện "Chị Tư Hậu", "Vợ chồng A Phủ", "Con chim vành khuyên", "Nồi gió", "Bao giờ cho đến tháng 10", "Cánh đồng hoang"... lần lượt ra đời, để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng khán giả Việt Nam nhiều thế hệ, giành được nhiều giải thưởng quốc gia và giải thưởng quốc tế. Thế giới đã biết đến một nền điện ảnh cách mạng Việt Nam, nhất là trong thời kỳ tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thần thánh của dân tộc.

Từ khi ra đời tại chiến khu Việt Bắc, khởi đầu của Điện ảnh Việt Nam là Điện ảnh tài liệu, ban đầu ta chỉ sản xuất được một số phim câm 16mm. Bộ phim đầu tiên 16mm có lời thuyết minh, có nhạc nền và tiếng động đó là phim "Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất". Tiếp sau đó là phim "Giữ làng giữ nước"; phim 35 mm "Chiến thắng Điện Biên Phủ"; "Nước về Bắc Hưng Hải"; "Như đón cả 14 triệu đồng bào miền Nam anh hùng"; "Vài hình ảnh về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch"; "Bắn rơi chiếc máy bay thứ 2.500"; "Du kích Củ Chi"; "Mở đường Trường Sơn"; "Những cô gái Ngự Thủy"; "Hà Nội bản anh hùng ca"... và hàng loạt phim được đánh giá cao ở trong nước và quốc tế, góp phần động viên cả đất nước ta hăng say lao động xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Phim hoạt hoạ và búp bê đầu tiên ra đời là phim nhựa đen trắng "Đáng đời thằng cáo", sau đó hàng loạt phim hoạt hình chuyện cổ tích, phim về đề tài hiện đại được sản xuất, phim hoạt hình đã góp phần làm hoàn thiện nền Điện ảnh Việt Nam, quan tâm và làm phong phú sinh động tâm hồn trẻ thơ Việt Nam.

Thời kỳ này tất cả các cơ sở sản xuất kinh doanh đều có lãi, phim đã phản ánh được cuộc sống dụng dị chân thật giàu truyền thống của đất nước và con người Việt Nam, những bộ phim đầu tiên ra đời đã chiếm được lòng mến mộ của công chúng yêu Điện ảnh cả nước, góp phần giáo dục tư tưởng truyền thống đối với các thế hệ, xây dựng nhân cách và tình cảm cao đẹp của con người Việt Nam.

Nhập khẩu phim: Mỗi năm số lượng phim truyện nhập khẩu bình quân khoảng 200 bộ/năm chiếm 91% tổng số phim truyện phát hành cả nước trong một năm, các loại phim khác nhập không đáng kể.

Phim nhập thời kỳ này đã bao gồm cả phim nhựa màu và phim nhựa đen trắng. Thị trường phim chủ yếu là Liên Xô cũ và các nước XHCN, phim mang nội dung đề tài gần gũi, cùng hệ tư tưởng, cùng chí hướng với phim ta nên được người xem chấp nhận. Nhập khẩu với giá ưu đãi, được trừ chiết khấu đến 85% giá nhập khẩu, nên thời kỳ này lợi nhuận thu từ phim nhập khẩu rất lớn, là nguồn bù đắp cho phim Việt Nam.

Khu vực phát hành phim: Với nhiệm vụ lưu thông phân phối phim trong mạng lưới chiếu bóng cả nước, vì vậy Quốc doanh phát hành phim Trung ương chịu trách nhiệm thu mua toàn bộ phim sản xuất trong nước và nhập khẩu phim theo chỉ tiêu kế hoạch được giao để cung ứng đến các công ty chiếu bóng địa phương.

Cũng như các thị trường hàng hoá khác, khâu phát hành phát sinh quan hệ trao đổi hàng hoá thông qua hoạt động mua bán phim giữa phát hành phim với các đơn vị sản xuất phim. Ngoài việc mua bán trao đổi như hàng hoá thông thường, phim Điện ảnh thời kỳ này là công cụ tuyên truyền với chức năng tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục thẩm mỹ, giáo dục văn hoá chính trị cho con người Việt Nam. Vì vậy Quốc doanh phát hành phim Trung ương còn có vai trò vừa là tổng điều hành phân phối phim, vừa là cơ quan tuyên truyền chính trị của toàn ngành điện ảnh.

Khu vực chiếu phim: Thời kỳ này sản phẩm văn hoá nói chung và Điện ảnh nói riêng mục đích tuyên truyền, giáo dục, hiệu quả xã hội được đặt lên hàng đầu. Do đó, Điện ảnh được nhà nước bảo hộ, bao cấp trong mọi hoạt động, không có sự cạnh tranh của nước ngoài, cạnh tranh từ các loại hình nghệ thuật hoặc các ngành kinh tế khác. Giá vé xem phim do Nhà nước quy định chiếm khoảng 1% đến 1,5% so với mức lương trung bình của một cán bộ công chức ở thành phố, giá vé cũng phù hợp với thu nhập ở nông thôn nên hoạt động chiếu bóng thời kỳ này rất phát triển.

Bình quân hàng năm phổ biến gần 300 đầu phim các loại, cung cấp cho mạng lưới chiếu bóng gồm trên 300 rạp, 1100 đội chiếu bóng lưu động cả nước. Mạng lưới chiếu phim là nơi chuyển tải nội dung phim đến công chúng, nhưng qua thu nhận tình hình điều tra xã hội học qua công tác chiếu bóng ở các vùng miền, các lứa tuổi khác nhau trên đất nước như nêu trên, giúp cho khâu sản xuất và nhập khẩu phim đáp ứng được khán giả điện ảnh trong nước.

c/ Đánh giá tình hình hoạt động Điện ảnh giai đoạn trước năm 1986

Về hiệu quả kinh tế: Xuất phát từ đặc điểm quy trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm mang tính chất khép kín trong toàn ngành nên thời kỳ này tất cả các đơn vị sản xuất phim, phát hành phim và chiếu bóng trong cả nước hoạt động kinh doanh đều đạt hiệu quả kinh tế cao, thông qua sự điều tiết trong nội bộ ngành, đã tạo nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước. Đơn cử số liệu kết quả tài chính của các khối sản xuất phim trong 2 năm điển hình :

Bảng (2.1): KẾT QUẢ KINH DOANH TRÊN VỐN ĐẦU TƯ TRONG 2 NĂM 1984 & 1985

Đơn vị: Triệu đồng

NĂM	TỔNG VỐN KINH DOANH	VỐN CÓ ĐỊNH	VỐN LƯU ĐỘNG	LÃI THỰC HIỆN	LÃI/VỐN KINH DOANH
1984	33.968	19.574	14.394	7.199	0,21
1985	6.069	2.706	3.363	5.064	0,83

Nguồn: Báo cáo tổng hợp quyết toán năm của Bộ Văn hoá - Thông tin

Về hiệu quả xã hội: Bình quân đạt 5-6 lượt người xem phim trong một năm. Bên cạnh hiệu quả kinh tế nêu tại bảng trên, điện ảnh còn tạo hiệu quả về giáo dục tư tưởng thẩm mỹ, giáo dục nhân cách, là nhu cầu giải trí lành mạnh, là loại hình sinh hoạt văn hoá tinh thần, giao tiếp cộng đồng của mọi tầng lớp dân chúng trong xã hội. Nội dung phim thời kỳ này chủ yếu tập trung làm các đề tài chiến tranh để động viên cả nước quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược miền Nam, chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, đẩy mạnh sản xuất để chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

2.1.1.2. Cơ cấu sản phẩm và đánh giá về khán giả điện ảnh

Với các mảng đề tài phim phong phú về giáo dục truyền thống: Về đề tài cách mạng; về lòng nhân ái; về lòng tự tôn dân tộc; những tấm gương về lòng quả cảm quên mình vì đất nước, gương người tốt, việc tốt... được người xem cảm nhận, tạo thành tiềm thức, đức tính tốt trong mỗi con người và trong toàn xã hội. Phim về vấn đề phục vụ xã

hội như phim thời sự tài liệu giúp khán giả nắm bắt tình hình đất nước con người, định hướng tốt cho nhận thức và hành động. Phim phục vụ nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới giúp bà con nông dân biết cách nghĩ, cách làm, đề phòng thiên tai, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả. đề tài về hiện đại hoá nông thôn Điện - Đường - Trường trạm..., giúp người nông dân nhận thức, tạo cuộc sống văn minh, giảm dần sự chênh lệch giữa nông thôn và thành thị về mọi mặt. Phim về xây dựng nền văn hoá mới giáo dục đạo đức, gia đình tình yêu tổ quốc, non sông luôn hướng tới lớp khán giả trẻ.

Lớp khán giả điện ảnh chiếm tỷ lệ lớn nhất trong xã hội là các lứa tuổi từ 18 đến 35 rất quan tâm đến việc hưởng thụ tác phẩm Điện ảnh. Lứa tuổi thiếu nhi thích xem phim hoạt hình. Lứa tuổi thanh niên và trung niên thích xem phim tâm lý xã hội gần gũi với cuộc sống đời thường. Thanh niên thành phố thích xem phim nước ngoài. Khán giả nông thôn thích xem phim Việt Nam. Khán giả lớn tuổi thích xem phim về các đề tài chiến tranh cách mạng, lịch sử truyền thống. Các đề tài và thể loại phim trên cơ bản đáp ứng nhu cầu thưởng thức của khán giả, hiệu quả xã hội cao.

Đánh giá tổng quan giai đoạn phát triển 1953 - 1986:

Thành lập năm 1953 đến năm 1959 điện ảnh Việt Nam mới sản xuất được hai bộ phim truyện nhựa đầu tiên là “Chung một dòng sông”, “Vợ chồng A Phủ” và một số phim thời sự tài liệu khác. Sau giải phóng miền Nam 1975 đến năm 1979 phim sản xuất trong nước tăng dần, sản lượng phim sản xuất trong nước đạt cao nhất trong thời kỳ này, tuy nhiên chỉ đạt 1/10 so với nhu cầu hưởng thụ và so với số phim nhập khẩu hàng năm. Chất lượng nghệ thuật cao, phù hợp với thị hiếu trong lúc này.

Có thể nói đây là thời kỳ huy hoàng nhất của điện ảnh Việt Nam, ra đời và phát triển với những chính sách hỗ trợ đặc biệt của Nhà nước, nhiều tác phẩm điện ảnh có giá trị cao được sản xuất và trình chiếu, nhiều giải thưởng lớn trong nước và quốc tế được trao tặng, nhiều nghệ sĩ có tên tuổi nổi lên trong thời kỳ này; Tạo ra hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, một thiết chế văn hoá lớn cho đất nước. Hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao, thông qua sự điều tiết của nội bộ ngành, tạo nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước,

Mặc dù chiến tranh ác liệt, Nhà nước đã dành sự quan tâm đặc biệt về mọi mặt đối với điện ảnh như đầu tư cho con người, hàng loạt sinh viên gửi đi đào tạo ở nước ngoài, trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ. Đặc biệt là cơ chế bao cấp toàn bộ đối với ngành,

với cơ chế điều hành kế hoạch hoá tập trung đã tạo tiền đề và nhiều ưu thế thuận lợi cho ngành; Đến giai đoạn chuyển đổi cơ chế vận hành mới đối với nền kinh tế đất nước, điện ảnh Việt Nam bắt đầu chuyển sang một giai đoạn mới.

2.1.2. Khái quát giai đoạn phát triển từ 1986 đến nay

Từ cuối những năm 80, khi nền kinh tế đất nước chuyển đổi từ cơ chế quản lý kế hoạch hoá tập trung bao cấp sang vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, cơ chế mới đã tác động tích cực và cả tác động ngược lại đối với ngành, cơ hội và thách thức luôn song tồn và thay đổi đáng kể đối với quy mô phát triển của ngành Điện ảnh.

Giai đoạn này Nhà nước không còn là lực lượng duy nhất quyết định mọi hoạt động và phát triển Điện ảnh, tách chức năng quản lý nhà nước về Điện ảnh ra khỏi quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, thị trường đã từng bước can thiệp vào mọi hoạt động và tác động quan trọng đến sự phát triển của Điện ảnh Việt Nam.

Do thay đổi mô hình quản lý nền kinh tế chung của đất nước đã dẫn đến sự thay đổi mô hình hoạt động và phát triển của Điện ảnh. Đây là giai đoạn thể hiện bước chuyển đổi quan trọng của Điện ảnh Việt Nam, vì vậy cần đánh giá thực trạng rút ra bài học, để đề xuất chính sách phù hợp cho sự phát triển điện ảnh ở giai đoạn sau.

2.1.2.1. Khu vực sản xuất phim

Số lượng các Hãng sản xuất phim thời kỳ này ngày càng tăng lên và không chỉ tập trung ở Bộ Văn hoá - Thông tin như Hãng phim Truyện Việt Nam, Hãng phim Giải phóng, Hãng phim Truyện I, Hãng phim Tài liệu khoa học trung ương, Hãng phim Hoạt hình Việt Nam. Ngoài ngành còn điện ảnh quân đội, điện ảnh công an.

Hãng phim thuộc các ngành, đoàn thể, các Hội nghề nghiệp được thành lập mới như: Điện ảnh Thể thao; Hãng phim Thanh niên; Hãng phim Hội Điện ảnh; Hãng phim Hội Nhà văn; Hãng phim Bến Nghé...

Hãng phim thuộc địa phương như: Hãng phim Hà Nội; Hãng phim Phương Nam; Hãng phim Bông Sen; Hãng phim Phương Đông; Hãng phim Người bảo vệ...

Đặc biệt từ khi Quyết định số 38/2002/QĐ-BVHTT của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin ban hành quy định điều kiện thành lập cơ sở sản xuất phim tư nhân và thẩm quyền thủ tục duyệt phim thì hàng loạt các Hãng sản xuất phim tư nhân ra đời như Hãng phim Thiên Ngân; Hãng phim Phước Sang; Hãng phim Liên Việt Mỹ; Hãng phim Việt;

Hãng phim Lý Huỳnh; Hãng phim Kỳ Đồng; Hãng phim Đông A; Hãng phim Đào Thu; Hãng phim Mỹ Á,...

Từ đó, chủng loại sản phẩm Điện ảnh sản xuất đã đa dạng và phong phú hơn như: phim nhựa màu 35mm, phim nhựa 16mm, phim video, đĩa hình. Thể loại phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình, phim giáo khoa, phim thể thao, thời trang ngày càng phát triển.

Đề tài được đề cập trong phim đa dạng phong phú nhiều chiều, không chỉ phản ánh về cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại của dân tộc, đề tài hậu chiến, mà còn nhiều mảng đề tài phản ánh ước mơ khát vọng tình yêu của tuổi trẻ, đề tài về con người mới trong cuộc sống Việt Nam đương đại. Đặc biệt phim chủ đề về chiến tranh cách mạng là thế mạnh của Điện ảnh Việt Nam, chiếm ưu thế hơn các đề tài khác; Chủ đề về hậu chiến cũng được đề cập với bao nỗi trăn trở, khó khăn về vật chất, tinh thần, tình cảm... mà đất nước và con người Việt Nam phải vượt qua, vừa phải hàn gắn vết thương chiến tranh, vừa tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả hai miền đất nước.

Số lượng tác phẩm Điện ảnh sản xuất ra tăng lên qua từng năm, những năm số lượng phim sản xuất tăng vọt, cho thấy chủ trương đổi mới trong điều hành nền kinh tế đất nước đã có những mặt tác động tích cực đến hoạt động Điện ảnh Việt Nam.

Thể hiện qua số lượng phim sản xuất từ năm 1995 đến 2005 như sau:

Bảng (2.2): SỐ LƯỢNG PHIM SẢN XUẤT TỪ NĂM 1995 ĐẾN 2005

Đơn vị: Bộ phim

Năm sản xuất	Phim truyện			Phim tài liệu khoa học	Phim hoạt hình	Tổng số phim sản xuất
	Tổng số	Truyện nhựa	Phim video			
1995	44	17	27	13	8	65
1996	45	14	31	10	5	60
1997	29	9	20	29	4	62
1998	30	9	21	26	10	66
1999	29	9	20	25	6	60
2000	24	11	13	28	3	55
2001	19	4	15	36	7	62
2002	27	14	13	30	10	67
2003	19	8	11	24	5	58

2004	59	15	44	38	7	104
2005	61	15	46	36	14	111

Nguồn: Niên giám thống kê Bộ Văn hoá-Thông tin và Cục Điện ảnh

Số liệu bảng (2.2) cho thấy, số lượng phim truyện sản xuất trước năm 2000 có xu hướng giảm, vì phim chủ yếu do Nhà nước đặt hàng, tài trợ theo tiêu chí phục vụ nhiệm vụ chính trị, ngân sách tài trợ hàng năm không tăng trong khi chi phí sản xuất phim mỗi năm một tăng dẫn đến số lượng phim giảm nhất là phim truyện nhựa. Số lượng phim video có xu hướng tăng để thay thế cho số lượng phim nhựa giảm sút hàng năm. Từ năm 1993 mỗi năm sản xuất 12 đến 18 chương trình băng hình miền núi bằng ngân sách sự nghiệp của Bộ Văn hoá - Thông tin để có phim phục vụ cho đồng bào miền núi, dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa.

Chất lượng phim sản xuất trong nước có được nâng lên: Ngoài dòng phim nghệ thuật chính thống nêu trên, thời kỳ này còn có một số phim mang tính giải trí, dòng phim mới này chưa từng có ở Điện ảnh Việt Nam, đó là dòng phim thương mại được giới nghệ thuật thường gọi là phim “thị trường” hay phim “mỳ ăn liền”. Phim loại này thường do các thành phần khác bỏ vốn sản xuất thông qua các hãng phim có giấy phép hành nghề (thường gọi là tư nhân đội mũ nhà nước, mục đích chủ yếu là tìm kiếm lợi nhuận), những năm gần đây nội dung tư tưởng và chất lượng nghệ thuật phim sau mỗi năm đều tiến bộ vượt bậc nhằm phần nào đáp ứng thị hiếu đa dạng lành mạnh của đông đảo người xem nhất là đối với khán giả ở thành thị.

Về chất lượng kỹ thuật có nhiều tiến bộ: Do được đầu tư một số thiết bị mới nên đã có những bước phát triển hơn trước, hình ảnh phim trong sáng rõ nét hơn, hạn chế tối đa phim bụi và xước; từ sau năm 2000 đã thực hiện làm âm thanh Stereo (HiFi) trong phim và từ năm 2003 một số phim đã làm âm thanh lập thể (Dolby Surround). Phim màu đã thay thế hoàn toàn phim đen trắng. Phim được thực hiện trên nhiều loại vật liệu khác nhau như phim nhựa màu màn ảnh rộng, phim làm trên băng hình, đĩa hình... đáp ứng các hình thức hưởng thụ tác phẩm Điện ảnh của khán giả.

Về chất lượng đội ngũ những người làm phim: Đội ngũ biên kịch, đạo diễn, quay phim, hoạ sĩ đã tích lũy nhiều kinh nghiệm nghề nghiệp, thể hiện được nhiều bộ phim có nội dung cốt truyện sâu sắc, nội dung tư tưởng tốt... Tuy nhiên thời kỳ này, một số nghệ sĩ đã bộc lộ sự lúng túng, sự sơ cứng trong sáng tác và thể hiện tác phẩm của mình khi nền kinh tế đất nước chuyển mình sang một cơ chế điều hành mới. Lớp diễn viên mới thay thế

chưa tích lũy nhiều kinh nghiệm, vốn sống, xuất hiện một lớp diễn viên, nghệ sĩ "chạy sô" không còn thời gian cho tư duy sáng tạo đã phần nào làm giảm sút chất lượng nghệ thuật, giảm sút tính chân thật hấp dẫn của phim.

2.1.2.2. Khu vực xuất khẩu, nhập khẩu và phát hành phim

Sau thời kỳ tan rã của Đông Âu và khối các nước XHCN, nguồn phim nhập chủ yếu từ các nước nói tiếng Trung Quốc kể cả phim nhựa và đặc biệt là băng hình bộ (video gia đình). Thời kỳ đầu đổi mới, ta chưa mở rộng được thị trường nhập khẩu phim sang các nước khác, một phần bởi bản thân công tác tiếp thị tìm hiểu thị trường xuất nhập khẩu phim yếu; phần nữa các nước thiếu tin tưởng vào việc bảo vệ bản quyền tác phẩm điện ảnh tại Việt Nam.

Do chính sách mới ban hành nên thị trường nhập khẩu phim được mở rộng hơn, mỗi năm nhập bình quân từ 100 đến 120 phim video nhiều tập, nhập từ 20 đến 30 phim truyện nhựa một năm. Ngoài phim khu vực nói tiếng Trung Quốc, phim các nước khác như Mỹ, Hàn Quốc, Pháp đã được FaFim và các chủ rạp nhập kịp thời, được phát hành và chiếu tại các rạp đồng thời với các nước trên thế giới nhất là phim truyện nhựa. Khán giả Điện ảnh không phải chỉ tập trung xem phim một nước như trước kia mà được xem nhiều bộ phim có giá trị nghệ thuật cao và thưởng thức nhiều nền văn hoá khác nhau trên thế giới thông qua tác phẩm Điện ảnh.

Chức năng và cơ chế hoạt động của các hãng sản xuất phim được mở rộng hơn thời kỳ trước, ngoài việc cung cấp phim cho Phát hành phim TW, các hãng còn được tự phát hành sản phẩm của mình ở trong nước và trực tiếp xuất khẩu phim ra nước ngoài, chính sách này nhằm tăng cường giới thiệu phim Việt Nam với thế giới, tạo điều kiện thúc đẩy khả năng hợp tác và cung cấp dịch vụ làm phim với nước ngoài.

Về số lượng phim phát hành: Phim nước ngoài chiếm trên 80% tổng số đầu phim phát hành cả nước (chưa tính phim nhập để phát trên hệ thống truyền hình). Trong đó phim nói tiếng Hoa (Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan...) chiếm đa số: 85% trên tổng số phim nhập hàng năm. Phim các nước khác rất ít: chiếm 15% còn lại, trong đó chủ yếu phim Mỹ chiếm khoảng 10%.

Công ty xuất nhập khẩu và phát hành phim Trung ương (FaFim Việt Nam) ngoài tiêu thụ phim của các hãng sản xuất phim như trước, nay vẫn là đơn vị độc quyền nhập phim để cung cấp cho mạng lưới chiếu bóng trong nước. Năm 2000, khi Chính phủ ban

hành Nghị định 26/2000/NĐ-CP ngày 03/8/2000 đã phá thế độc quyền của FaFim, cho phép các doanh nghiệp điện ảnh trong nước và liên doanh với nước ngoài có rạp chiếu phim được trực tiếp nhập khẩu phim nhựa để chiếu tại các rạp. Chính sách mới đã mở rộng thị trường, nhập khẩu được nhiều phim mới có giá trị ở nhiều nước khác nhau, đáp ứng cho hệ thống phát hành phim và khán giả trong nước.

2.1.2.3. Khu vực chiếu bóng

Các công ty chiếu bóng thời kỳ này vẫn là nơi tiêu thụ sản phẩm cuối cùng của ngành Điện ảnh; tuy nhiên nó không còn giữ được vai trò đầu ra duy nhất để thu hồi vốn bù đắp cho quá trình sản xuất và lưu thông sản phẩm Điện ảnh trong toàn ngành như trước. Nguyên nhân các yếu tố điểm của nó được bộc lộ qua các mâu thuẫn trong tổ chức và điều hành, trong nhu cầu đổi mới để phát triển nhưng với sự trì trệ nghèo nàn xuống cấp của cả hệ thống, khán giả đến rạp xem phim giảm sút vì rạp xuống cấp, phim chưa hấp dẫn nên khán giả thay thế sử dụng bằng các sản phẩm nghe nhìn khác.

Các công ty điện ảnh địa phương có thời gian dài rạp đóng cửa không hoạt động chủ yếu tập trung kinh doanh bán và cho thuê băng đĩa hình do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác ở trong và ngoài nước như: bùng nổ thông tin, các phương tiện nghe nhìn phát triển cũng tác động mạnh đến hoạt động của ngành, vấn đề nổi bật nhất là sự khủng hoảng về khán giả, là người xem không đến rạp, chiếu bóng thất thu, rạp chiếu phim đóng cửa hàng loạt trên cả nước.

Những năm gần đây, do nhập được nhiều phim truyện nhựa hay (chủ yếu là phim Mỹ) đồng thời phim Việt Nam do các hãng sản xuất từ sau năm 2000, nhất là từ khi một số hãng phim tư nhân được thành lập và đi vào hoạt động, nội dung phim đã chú trọng đến tính hấp dẫn, phim đã hướng tới khán giả nên khán giả đã quay lại rạp xem phim, tình hình chiếu phim và chất lượng rạp đã có nhiều tiến bộ.

2.1.2.4. Cơ chế quản lý ngành và cơ chế chính sách

Từ năm 1986 đến năm 1990 Liên hiệp điện ảnh Việt Nam được thành lập hoạt động như chức năng một tổng công ty điện ảnh nhằm mục đích tăng cường vai trò điều tiết và hạch toán kinh tế toàn ngành đối với các đơn vị hoạt động điện ảnh ở trung ương. Ngược lại, cũng thời kỳ này ở địa phương các công ty chiếu bóng lại phân cấp hạch toán kinh tế xuống đến các rạp chiếu bóng cấp huyện. Trung ương thì tập trung quản lý còn địa phương thì quá phân tán ở cấp cơ sở dẫn đến nhiều mâu thuẫn nảy sinh, đây là một trong

những nguyên nhân dẫn đến sự tan rã và xuống cấp của ngành điện ảnh thời kỳ này. Do đó Bộ Văn hoá - Thông tin thành lập Vụ Điện ảnh giúp Bộ quản lý nhà nước về điện ảnh trong cả nước, đồng thời đến năm 1990 giải thể Liên hiệp điện ảnh Việt Nam.

Thực hiện chính sách mới về xoá bỏ bao cấp trong hoạt động Điện ảnh: Trong giai đoạn này cơ chế vay ngân hàng 100% chi phí sản xuất phim và trả lãi như các ngành kinh tế khác; Chế độ cho vay chi phí sản xuất phim không tính lãi thay việc cấp vốn lưu động cho các cơ sở sản xuất phim, vì vậy khi thay đổi cơ chế quản lý hãng phim không có vốn lưu động để đầu tư cho sản xuất phim. Vật tư và phim sống cung cấp cho sản xuất phim được nhập khẩu theo giá ưu đãi, khi nguồn cung cấp từ Liên Xô cũ và các nước XHCN không còn, nhập khẩu cho nhu cầu cho sản xuất phải tính bằng đồng Đôla theo tỷ giá quy đổi của thị trường trong nước và thế giới gây khó khăn cho sản xuất phim. Đến năm 1995, mọi nhu cầu đầu tư xây dựng, cải tạo, đổi mới máy móc thiết bị công nghệ đều phải vay ngân hàng, bỏ chế độ cấp ngoại tệ (đồng Rúp) để nhập hoặc phân phối theo chỉ tiêu.

Thời kỳ này sinh viên đào tạo về điện ảnh như biên kịch, đạo diễn, quay phim, dựng phim...không được gửi ra nước ngoài đào tạo, việc đào tạo trong nước vừa thiếu vừa yếu. Trường trung cấp điện ảnh trong nước chuyên đào tạo kỹ thuật máy chiếu phim, tuyên truyền và thuyết minh phim sau này sát nhập và không đào tạo tiếp. Đây là thời kỳ thiếu hụt trầm trọng đội ngũ cán bộ bổ sung thay thế cho ngành cả về số lượng cũng như chất lượng, trong khi đó kỹ năng, kỹ thuật sản xuất phim trên thế giới về âm thanh, ánh sáng, kỹ xảo...tiến bộ nhảy vọt từng ngày từng giờ, giai đoạn đầu đổi mới đã bộc lộ sự tụt hậu khá xa của điện ảnh Việt Nam so với điện ảnh thế giới.

Chỉ trong thời gian 5 năm đã ba lần thay đổi tổ chức ngành, điều đó bộc lộ sự lúng túng mất phương hướng trong lãnh đạo điều hành của Bộ Văn hoá - Thông tin đối với ngành điện ảnh trước yêu cầu đổi mới trong lĩnh vực quản lý nghệ thuật. Sự thiếu ổn định về tổ chức và cơ chế quản lý ngành cùng với việc xoá bỏ bao cấp đột ngột đã ảnh hưởng đến chủ trương đầu tư phát triển ngành.

Trước nguy cơ suy thoái và khủng hoảng trầm trọng, xu thế giao lưu quốc tế trong lĩnh vực văn hoá nói chung và điện ảnh được mở rộng, yêu cầu củng cố tổ chức và phát triển ngành được đặt ra, vì vậy năm 1992 Cục điện ảnh được thành lập lại trên cơ sở Vụ điện ảnh, có chức năng quản lý nhà nước và quản lý phát triển sự nghiệp điện ảnh trong cả nước để phù hợp với cơ chế mới điều hành nền kinh tế đất nước.

Năm 1995, khi Chính phủ ban hành Nghị định 48/CP ngày 17/07/1995 về tổ chức và hoạt động điện ảnh; các hãng sản xuất phim thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin được nhà nước thực hiện chính sách tài trợ 60% chi phí, đơn vị tự bỏ vốn 40% để sản xuất phim theo định hướng đề tài; cấp một phần vốn lưu động cho đơn vị, thực hiện chương trình mục tiêu củng cố và phát triển điện ảnh. Đây là chủ trương, chính sách mới như một sự “cứu cánh” và mở ra một giai đoạn mới cho điện ảnh Việt Nam

2.1.3. Đánh giá chung

2.1.3.1. Những thành công

Mặc dù còn nhiều khó khăn mọi mặt trong quá trình hoạt động, nhưng công chúng yêu thích Điện ảnh trong nước đã nhanh chóng được tiếp cận và hưởng thụ các loại hình nghệ thuật và kỹ thuật Điện ảnh tiên tiến của thế giới. Trong xu hướng mở cửa, hội nhập của đất nước, đặc biệt trong lĩnh vực văn hoá nghệ thuật thời gian gần đây, khán giả điện ảnh Việt Nam hy vọng trong thời gian không lâu nữa sẽ được xem các loại hình phim đồng cảm, rạp chiếu phim hình cầu... hiện đại như các nước trong khu vực và trên thế giới.

Nội dung tư tưởng trong tác phẩm điện ảnh tốt, thường theo xu hướng hiện thực; Mạnh dạn hơn trong sáng tạo nghệ thuật, đề tài táo bạo, gai góc hơn, nội dung thể hiện cuộc sống xã hội đương đại sôi động, đa diện, nhiều chiều thông qua phản ánh quá khứ, hiện tại, tương lai, ước mơ, khát vọng, tình yêu cuộc sống, quê hương của con người Việt Nam ở mọi lứa tuổi, mọi miền đất nước.

Việc sản xuất và lưu hành tác phẩm điện ảnh thời kỳ này được phát triển đa dạng và phong phú hơn về nội dung tác phẩm, đề tài, thể loại, kỹ thuật thể hiện và phương tiện kỹ thuật phổ biến phim với chất lượng kỹ thuật tốt hơn trước. Hình thức thể hiện của sản phẩm không chỉ là phim nhựa đen trắng trước kia mà còn có phim nhựa màu màn ảnh rộng 35mm, phim hoạt hình không gian 3 chiều (phim nổi 3D), băng hình, đĩa hình VCD, DVD... khán giả có thể hưởng thụ sản phẩm điện ảnh bằng các phương tiện thuận tiện nhất.

Việc mở rộng nhập khẩu phim nước ngoài, khán giả trong nước được tiếp cận với nhiều tác phẩm Điện ảnh nổi tiếng thế giới và có quyền lựa chọn cho mình những "món ăn tinh thần" hợp khẩu vị hơn trước, tuy nhiên phim nhập khẩu tạo ra sự so sánh lựa chọn giữa phim Việt Nam và phim nước ngoài, có ảnh hưởng lớn tới phim Việt Nam và tác động trực tiếp đến các hãng sản xuất phim, các nghệ sĩ.

Đã bước đầu tiếp cận với công nghệ, kỹ thuật sản xuất phim hiện đại, bằng nhiều con đường tạo nguồn vốn trong và ngoài nước để đổi mới ngành, đáp ứng đòi hỏi của khán giả điện ảnh trong nước, tạo ra một số phim đạt tiêu chuẩn cao để có thể xuất khẩu, giành nhiều giải thưởng tại các liên hoan phim khu vực và quốc tế.

Quán triệt quan điểm sáng tạo trong văn hoá nghệ thuật cũng chính là hoạt động sáng tạo ra sản phẩm tiêu dùng cho xã hội bởi ngoài giá trị tinh thần, sản phẩm Điện ảnh còn mang thuộc tính hàng hoá vật chất và chịu sự chi phối của quy luật giá trị, phải được bù đắp để đem lại hiệu quả kinh tế cho hoạt động điện ảnh và toàn xã hội.

Trong quá trình chuyển đổi về tổ chức, cơ chế chính sách trong hoạt động, Điện ảnh Việt Nam đã có những tìm tòi, thử nghiệm và từng bước hoà nhập vào xu thế tất yếu của cơ chế thị trường. Cơ chế huy động vốn từ các tổ chức kinh tế, từ các đoàn thể quần chúng, tập thể, cá nhân vào làm phim nhằm thu hút nhiều khán giả đến rạp có xu hướng thay thế và giảm dần cơ chế nhà nước bao cấp kinh phí hoàn toàn như trước.

Từng bước đề xuất các chính sách, thu hút sự tài trợ của nhà nước tạo điều kiện cho ngành trong quá trình tiếp cận với cơ chế thị trường, khích lệ và hỗ trợ cho sự sáng tạo nghệ thuật của các nghệ sĩ trong ngành như chính sách tài trợ cho phim với đề tài chiến tranh cách mạng, lịch sử, truyền thống, đề tài về dân tộc miền núi, đề tài thiếu nhi. tài trợ cho chiếu phim phục vụ dân tộc, miền núi... nhằm duy trì hoạt động Điện ảnh trong cơ chế thị trường có sự quản lý và điều tiết của nhà nước, xoá đói giảm nghèo trong lĩnh vực hưởng thụ văn hoá ở vùng cao...

2.1.3.2. Những mặt hạn chế

Nếu như thời kỳ trước năm 1986 là thời kỳ hoàng kim của Điện ảnh Việt Nam trong cơ chế cũ thì có thể nói thời kỳ 1986 đến 1995 là thời kỳ khủng hoảng của Điện ảnh Việt Nam. Tính chất khủng hoảng này thể hiện rõ ở số lượng khán giả mua vé vào rạp xem phim giảm sút trầm trọng và kém hiệu quả về mặt tài chính.

Các chỉ tiêu về doanh thu, lãi, đóng góp ngân sách giảm sút liên tục. Ứ đọng vốn do phim sản xuất ra ít người xem, kém sức cạnh tranh so với phim nước ngoài. Các hãng phim luôn chìm đắm trong cảnh không có việc làm, thường phải xin xoá nợ với ngân hàng, xin nhà nước cấp bù lỗ hàng năm nhiều tỷ đồng để có tiền trả lương...

Khả năng cạnh tranh của sản phẩm Điện ảnh Việt Nam trên thị trường yếu, phim nước ngoài tràn lan. Nguyên nhân khách quan trên là do các phương tiện nghe nhìn phát

triển và thuận tiện hơn cho người tiêu dùng; nhưng phần nhiều bắt nguồn từ nguyên nhân chủ quan đó là sự lạc hậu về kỹ thuật sản xuất phim trong nước, nội dung đề tài chậm được tìm tòi đổi mới, thiếu sự cập nhật với cuộc sống đương đại, diễn xuất và tiết tấu phim chậm chạp so với sự năng động trong đời sống hiện tại, nhiều khi hơi hợt, khiến cường thiếu tính chân thực của cuộc sống đời thường.

Nguyên nhân quan trọng là thiếu sự chuẩn bị cần thiết về mọi mặt khi chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế thị trường, nóng vội về nhận thức nên bước đầu đã xoá bỏ ngay chế độ bao cấp của ngành một cách máy móc, tràn lan, nên thời kỳ đầu Điện ảnh đã lâm vào khủng hoảng, đi theo hướng kinh doanh hàng hoá thuần tuý, làm cho các cơ sở Điện ảnh, đặc biệt là các hãng sản xuất phim lúng túng, hẫng hụt, thậm chí có đơn vị mắc sai lầm nghiêm trọng trong quản lý và khuynh hướng sáng tác.

Nguyên nhân chính dẫn đến những hạn chế trên là do thiếu vốn đầu tư cho hiện đại hoá thiết bị kỹ thuật sản xuất phim để nâng cao chất lượng phim, thiếu vốn đầu tư cho đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật và đội ngũ sáng tác để có thể tiếp thu khai thác sử dụng hiệu quả các loại thiết bị sản xuất phim hiện đại và nâng cao chất lượng về nội dung tư tưởng nghệ thuật và tính hấp dẫn trong phim, thiếu vốn đầu tư cho sản xuất phim, chi phí tài trợ sản xuất phim thấp nên khó có thể làm ra phim tốt kéo khán giả đến rạp để thu hồi vốn phim. Tư tưởng bao cấp còn quá nặng nề trong ngành Điện ảnh, mọi nhu cầu vốn đầu tư đều dựa vào ngân sách trong khi ngân sách không có khả năng đáp ứng cho các nhu cầu đầu tư của Điện ảnh, mức vốn ngân sách cho ngành hàng năm thấp nên đầu tư thiếu tập trung, phân tán, dàn trải, bình quân dẫn đến lãng phí vốn và kém hiệu quả.

Thời kỳ này, phần nhiều trong đội ngũ cán bộ nghệ sĩ của ngành thiếu về số lượng, hạn chế cả về trình độ đây cũng là nguyên nhân do thiếu vốn đào tạo, ngược lại với sự năng động của cơ chế thị trường, đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên môn còn nặng tư tưởng bao cấp, trông chờ sự hỗ trợ từ nhà nước, thiếu năng động sáng tạo, rụt rè chưa quán triệt chủ trương xã hội hoá hoạt động Điện ảnh nhằm khai thác mọi tiềm năng, tạo nguồn lực cho phát triển Điện ảnh.

2.2. THỰC TRẠNG THU HÚT CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM TỪ NĂM 1995 ĐẾN NAY

Cuối những năm 80 khi đất nước chuyển sang cơ chế mới phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, đặc biệt từ sau Đại hội VI năm 1986 được xem là Đại hội đổi mới của Đảng Cộng sản

Việt Nam, cơ chế thị trường thay cho cơ chế kế hoạch hoá tập trung, cơ chế bao cấp trong đầu tư phát triển điện ảnh dần được xoá bỏ.

Từ 1986 đến trước năm 1995 là thời kỳ đầu chuyển đổi sang cơ chế kinh tế mới, nền kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn, nhiều vấn đề trọng đại của đất nước cần được ưu tiên phát triển nên vấn đề định hướng phát triển điện ảnh Việt Nam có nhiều lúng túng, dẫn đến khủng hoảng trầm trọng trong ngành, cơ sở vật chất kỹ thuật cho sản xuất phim và chiếu phim lạc hậu kỹ thuật và xuống cấp nghiêm trọng, sản xuất giảm sút, khán giả không đến rạp, tình hình tổ chức và hoạt động điện ảnh trong giai đoạn này đã thể hiện sự tan rã trong toàn ngành từ sản xuất đến phổ biến phim, từ điện ảnh Trung ương đến địa phương cơ sở trong cả nước.

Năm 1995, năm đầu của chiến lược phát triển kinh tế đất nước giai đoạn 1995-2000, giai đoạn ghi nhiều dấu mốc quan trọng trong công cuộc 20 năm đổi mới đất nước, nhiều thành tựu đạt được trong trong giai đoạn này, kinh tế phát triển mạnh... tạo cơ hội cho việc ra đời các chính sách mới của nhà nước đối với điện ảnh.

Nghị định 48/CP ngày 17/7/1995 của Chính phủ quy định “Về tổ chức và hoạt động điện ảnh” và chương trình củng cố và phát triển điện ảnh Việt Nam ra đời nhằm chặn đứng sự suy thoái và khủng hoảng của toàn ngành, vực dậy bộ môn nghệ thuật thứ bảy đã ra đời, phát triển và để lại khối di sản văn hóa hình ảnh động lớn cho đất nước, chiếm lĩnh được tình cảm của nhiều thế hệ khán giả trong nước và quốc tế; cơ chế chính sách giai đoạn này nhằm từng bước sắp xếp và ổn định tổ chức, đầu tư hỗ trợ để thúc đẩy phát triển hoạt động điện ảnh.

Vì vậy, nghiên cứu thực trạng thu hút và sử dụng vốn đầu tư phát triển Điện ảnh giai đoạn 1995 - 2005 nhằm đánh giá mặt được và chưa được trong giai đoạn này, đề xuất chính sách đầu tư phát triển phù hợp trong giai đoạn sau.

2.2.1. Sự thay đổi của chính sách mới tác động đến thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam

2.2.1.1. Bối cảnh ra đời của chính sách mới đối với phát triển điện ảnh

Trước năm 1995 có thể coi là thời kỳ khủng hoảng của điện ảnh Việt Nam, tính chất khủng hoảng này thể hiện rõ ở tính kém hiệu quả về lĩnh vực tài chính đó là: Các Hãng sản xuất không dám vay vốn mở rộng sản xuất và tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của đơn vị. Phim sản xuất ra không có nơi tiêu thụ (Fafim không mua), tự phát

hành thì không có rạp riêng, hãng cũng không có đội ngũ chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực phát hành phim và chiếu bóng. Phim càng sản xuất ra càng lỗ do không thu hồi được vốn để bù đắp chi phí và trả nợ ngân hàng.

Trong điều kiện khoa học công nghệ trên thế giới tiến bộ nhảy vọt, kỹ thuật nghe nhìn phát triển cùng với chính sách đổi mới hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hoá đã tác động và chi phối mạnh mẽ đến qua trình đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam thời kỳ này. Do cơ chế đầu tư thay đổi, không có vốn đầu tư thay thế thiết bị sản xuất phim, in tráng phim đã cũ nát, gần hết thời gian sử dụng, nhà xưởng xuống cấp trầm trọng không được cải tạo sửa chữa, nâng cấp đổi mới dẫn đến phim sản xuất ra kém chất lượng, kỹ thuật lạc hậu thiếu hấp dẫn, đội ngũ không được đào tạo bổ sung, nâng cao trình độ để đáp ứng với chế mới, sự phát triển công nghệ hiện đại của điện ảnh khu vực và thế giới.

Phim đặt hàng, tài trợ trong nước chất lượng thấp, trong khi đó phim của thế giới nhập khẩu vào Việt Nam đã vượt xa ta về kỹ thuật như âm thanh nổi, âm thanh vòng, âm thanh lập thể, âm thanh kỹ thuật số... hình ảnh trong sáng rõ nét, kết hợp với kỹ xảo hiện đại gây hiệu quả nghệ thuật cao... Phim Việt Nam không đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ của nhiều tầng lớp khán giả, đặc biệt là tầng lớp khán giả có trình độ ngày càng cao tại các thành phố lớn trong nước.

Các hãng phim nhà nước triền miên xảy ra tình trạng thiếu vốn đầu tư cho sản xuất, kinh doanh thua lỗ do phim sản xuất ra ít người xem, kém sức cạnh tranh so với phim nước ngoài. Phim không về được các vùng nông thôn, miền núi mà chỉ phục vụ tại các thành phố thị xã, số lượt người xem giảm sút, hiệu quả kinh tế và xã hội thấp, doanh thu, lãi, đóng góp ngân sách giảm sút liên tục. Các hãng phim luôn trong cảnh thiếu việc làm và thiếu tiền trả lương...

Thời kỳ này, Công ty Xuất nhập khẩu và phát hành phim thường thiếu vốn để mua hết phim của các hãng sản xuất trong nước và nhập khẩu phim hay của nước ngoài vì phim nhập phải trả giá bán bản quyền cho chủ phim nước ngoài rất cao, phim vừa nhập về đã bị ăn cắp bản quyền, phát hành không thu hồi được vốn, tình hình thị trường điện ảnh hỗn độn, Fafim Việt Nam ngày càng bị động lúng túng, nợ nần chồng chất, không còn giữ vai trò là chỗ dựa và người phân phối điều hoà về nội dung và tài chính của toàn ngành điện ảnh như trước.

Hệ thống chiếu bóng trong cả nước khủng hoảng về khán giả, người xem không đến rạp, chiếu bóng thất thu, nguyên nhân từ cuối những năm 80 kỹ thuật nghe nhìn bùng nổ, ngoài phim nhựa truyền thống, các loại phim video, đĩa hình, tràn ngập thị trường như những hàng hoá thông thường, các loại đầu video nhập hàng loạt vào Việt Nam. Bất kỳ nơi đâu như hội trường, sân kho hợp tác xã, quán ăn... bất kể nội dung gì, người dân đều có thể được xem một cách dễ dàng, thói quen đến rạp, thói quen sinh hoạt cộng đồng của người dân đã mất. Nguyên nhân các yếu điểm trên là sự bộc lộ từ các mâu thuẫn trong tổ chức và điều hành, trong nhu cầu và khả năng đổi mới để phát triển của cả hệ thống.

2.2.1.2. Nội dung của chính sách mới về đầu tư phát triển điện ảnh

Nghị định 48/CP ngày 17/7/1995 của Chính phủ quy định “Về tổ chức và hoạt động Điện ảnh” là văn bản pháp quy cao nhất quy định về tổ chức, hoạt động và các chính sách ưu đãi đối với ngành, khẳng định vai trò vị trí của Điện ảnh

"Là loại hình nghệ thuật tổng hợp gắn liền với phương thức sản xuất công nghiệp. Hoạt động Điện ảnh nhằm giáo dục chính trị, tưởng, tình cảm, nâng cao dân trí và trình độ thẩm mỹ, góp phần đáp ứng nhu cầu chính đáng về sinh hoạt Văn hoá và tinh thần cho nhân dân... Hoạt động Điện ảnh không mang tính chất kinh doanh đơn thuần; các doanh nghiệp hoạt động Điện ảnh là loại hình doanh nghiệp hoạt động công ích". [Trang 2]

Thông tư 25/TTLB ngày 19/4/1997 của Liên Bộ Văn hoá thông tin - Tài chính ban hành hướng dẫn thực hiện chính sách đặt hàng tài trợ đối với Điện ảnh theo Nghị định 48/CP ngày 17/7/1995 của Chính phủ. Nội dung của các chính sách mới như sau:

Đối với lĩnh vực sản xuất phim:

+ Nhà nước thực hiện chính sách đặt hàng và tài trợ các hãng sản xuất theo kế hoạch hàng năm phim về các đề tài lịch sử, truyền thống cách mạng, công cuộc đổi mới, thiếu nhi, dân tộc thiểu số và phim thử nghiệm để phục vụ những dịp kỷ niệm lớn của đất nước. Thời gian đầu, nhà nước tài trợ 60% tổng chi phí sản xuất phim, sau do không thu hồi đủ phần vốn còn lại nên tăng lên 80%, ban đầu tài trợ theo chỉ tiêu kế hoạch không gắn trách nhiệm của hãng sản xuất với kết quả tài chính. Vì vậy, xu hướng sẽ tài trợ cho phim để không tài trợ tràn lan và nâng cao chất lượng phim.

+ Khuyến khích các hãng sản xuất phim tự thu hút vốn để phát triển và mở rộng sản xuất phim. Mở rộng việc thành lập các cơ sở sản xuất phim trực thuộc các Bộ, ngành, địa

phương, các đoàn thể, và hội nghề nghiệp mở ra khả năng thu hút vốn đầu tư để mở rộng sản xuất phim trên nhiều lĩnh vực hoạt động.

+ Cho phép các cơ sở sản xuất phim trong nước được hợp tác, cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho các tổ chức và cá nhân nước ngoài để khai thác thiết bị và nhân lực, tạo cơ hội tiếp thu công nghệ kỹ thuật điện ảnh hiện đại của thế giới và nâng cao thu nhập.

+ Mở rộng sản xuất sản phẩm điện ảnh như phim nhựa màu 35mm, phim nhựa 16mm, phim video, đĩa hình... để các nhà sản xuất trong và ngoài nước có nhiều cơ hội lựa chọn đầu tư đồng thời mở ra nhiều khả năng thu hút các nguồn vốn đầu tư.

Đối với lĩnh vực phát hành phim và chiếu phim:

+ Công ty xuất nhập khẩu và phát hành phim Trung ương (FaFim Việt Nam) là đơn vị độc quyền nhập khẩu các loại phim truyện nước ngoài để phát hành trên hệ thống chiếu phim cả nước. Khi Nghị định 26/2000 NĐ-CP ngày 03/8/2000 của Chính phủ ban hành bổ xung đã xoá bỏ độc quyền nhập khẩu phim nhựa của FaFim (chỉ độc quyền nhập băng, đĩa hình phim truyện). Chính sách mới đã mở ra cho các thành phần kinh tế, được trực tiếp nhập khẩu phim nhựa để tăng nguồn phim nhập khẩu cho phổ biến phim trong nước.

+ Các hãng sản xuất phim được tự phát hành sản phẩm của mình ở trong nước và trực tiếp xuất khẩu phim, được trực tiếp hợp tác hoặc cung cấp dịch vụ làm phim với nước ngoài... đã tạo điều kiện cho các hãng phim tăng khả năng thu hồi vốn sản xuất phim, mở rộng cơ hội hợp tác đầu tư trong nước và ngoài nước.

+ Các thành phần kinh tế được mở đại lý phát hành băng đĩa hình cung cấp cho mạng lưới video gia đình, liên doanh phát hành phim và chiếu phim tại rạp.

+ Các công ty chiếu bóng thời kỳ này vẫn là nơi tiêu thụ sản phẩm cuối cùng của điện ảnh nhưng không còn vai trò đầu ra duy nhất để thu hồi vốn bù đắp cho quá trình sản xuất và lưu thông sản phẩm điện ảnh trong toàn ngành như trước.

Cơ chế chính sách đầu tư nổi bật thời kỳ này:

+ Về cơ chế đầu tư vốn cho đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và sản xuất phim: Vay ngân hàng 100% nhu cầu vốn đầu tư và chi phí sản xuất phim thay thế cơ chế cấp phát 100% vốn đầu tư đối với các doanh nghiệp hoạt động Điện ảnh.. trong đó ngân

sách đầu tư thiết bị, xây dựng cải tạo rạp, đặt hàng sản xuất phim lớn phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt, tài trợ một phần để sản xuất phim theo tiêu chí và định hướng sáng tác.

Về đào tạo: Chỉ đào tạo trong nước tại hai Trường sân khấu và Điện ảnh, không gửi sinh viên ra nước ngoài đào tạo mới, đào tạo lại và đào tạo nâng cao cho ngành.

Ngày 12/12/1995 Chính phủ ban hành Nghị định 87/CP ngày 12/12/1995 và Nghị định 88/CP về lập lại trật tự trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ và quy định về xử phạt các hành vi vi phạm trong lĩnh vực này. Các văn bản của Chính phủ ban hành kịp thời trong năm 1995 như một sự "cứu cánh, chống suy thoái, trượt dốc" đối với điện ảnh Việt Nam trước mắt và sau này

Chương trình mục tiêu đầu tư củng cố và phát triển điện ảnh thời kỳ 1995-2000 được thực hiện; thời kỳ 2001-2005 tiếp tục thực hiện các mục tiêu đầu tư cho điện ảnh thuộc Chương trình quốc gia về văn hoá nhằm hiện đại hoá các khâu sản xuất phim, phổ biến phim và lưu trữ phim.

Giai đoạn 1995-2005 nhiều chính sách mới được thực hiện đối với hoạt động điện ảnh giúp điện ảnh từng bước hoà nhập với cơ chế thị trường, tuy nhiên do chính sách còn nhiều điểm hạn chế, nhất là chính sách về thu hút và sử dụng vốn nên hầu như chỉ nguồn vốn thu hút từ ngân sách, các nguồn vốn khác thu hút không đáng kể.

2.2.1.3. Đánh giá tác động của chính sách mới đến đầu tư phát triển điện ảnh

Cơ chế mới hình thành mặc dù chưa hoàn thiện và chưa thực sự phù hợp với xu thế hiện tại nhưng nó đã thúc đẩy các nhà sản xuất thuộc các thành phần kinh tế khác mạnh dạn đầu tư vốn cho sản xuất phim và cũng chưa lúc nào hoạt động Điện ảnh lại được quan tâm, sôi động và thu hút được nhiều nguồn vốn cho sản xuất phim như thời kỳ gần đây. Chính sách mới đã có tác động chuyển động rất lớn đối với ngành và tạo xu hướng tốt thúc đẩy phát triển. Cụ thể là:

- Về tổ chức: Từ cuối năm 2002 chính sách mới về thành lập hãng phim tư nhân, nhập phim thông thoáng hơn, các hãng phim thuộc nhà nước tiếp tục hoạt động, duy trì được đội ngũ nghệ sĩ chuyên nghiệp và cán bộ kỹ thuật lành nghề. Nhiều cơ sở sản xuất phim thuộc các ngành và địa phương được thành lập, khai thác thế mạnh của từng ngành, tạo sự phong phú đa dạng về sản phẩm điện ảnh. Các hãng phim tư nhân được thành lập, được tự chủ và tự quyết định việc đầu tư vốn sản xuất phim.

- Về đầu tư theo chương trình mục tiêu: Cơ sở vật chất kỹ thuật của các hãng phim nhà nước từng bước được đầu tư đổi mới thiết bị theo công nghệ sản xuất phim hiện đại; khu vực phổ biến phim được nâng cấp rạp và trang bị máy chiếu phim nhựa âm thanh lập thể hiện đại. Nhà nước thực hiện chính sách đầu tư máy chiếu phim lưu động và tài trợ chi chí buổi chiếu theo kế hoạch hàng năm nên các đội chiếu phim ở địa phương được phục hồi phục chiếu phim lưu động phục vụ nhân dân ở các vùng nông thôn, dân tộc, miền núi..., xoá dần các “Điểm trắng về chiếu phim”, góp phần nâng cao đời sống văn hoá cho nhân dân và tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị.

Chính sách đặt hàng, tài trợ sản xuất phim đã duy trì số lượng cũng như chất lượng phim trong thời kỳ này. Nhiều phim lớn có giá trị ra đời như phim *Tổ quốc tiếng gà trưa* (Phim truyện nhựa về cuộc đời và sự nghiệp của Bác Tôn Đức Thắng), phim *Hà Nội mùa đông năm 1946* (Phim truyện nhựa về Bác Hồ trong giai đoạn Bác lãnh đạo toàn quốc kháng chiến), Phim truyện nhựa lịch sử *Giải phóng Sài gòn*, phim *Ký ức Điện Biên*... Nhiều phim truyện nhựa, phim tài liệu khoa học cũng như phim hoạt hình được khán giả yêu thích đạt nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế như phim truyện *Đời cát* (Giải phim xuất sắc nhất Liên hoan phim Châu Á - Thái Bình Dương năm 2000), phim truyện *Người đàn bà mộng du* (Giải đặc biệt Liên hoan phim Châu Á - Thái Bình Dương năm 2004), các phim tài liệu nhựa: *Trở lại Ngự Thủy*; *Tiếng vĩ cầm ở Mỹ Lai*; *Chị Năm khùng*; *Chốn quê*, trong 4 năm liền từ 1998 đến 2001 đoạt giải phim ngắn xuất sắc nhất tại Liên hoan phim Châu Á - Thái Bình Dương... và nhiều giải thưởng tại các liên hoan phim quốc tế khác như Liên hoan phim Sudansen, Liên hoan phim Newport Beach, Liên hoan phim Chicago (Mỹ), Liên hoan phim Môi trường Brazil; Liên hoan phim Fribour (Đức); Liên hoan phim Tokyo (Nhật Bản); Liên hoan phim Nantes (Pháp); Liên hoan phim Singapore... đã nâng vị thế của Điện ảnh Việt Nam trong khu vực và bạn bè Quốc tế đã biết đến một nền Điện ảnh giàu bản sắc văn hoá Việt Nam.

Nhiều phim giải trí lành mạnh ra đời đạt doanh thu rất cao (Phim *Gái nhảy* chi phí 800 triệu, thu 11 tỷ đồng; phim *Lọ Lem* hè phố chi 2 tỷ đồng thu 7 tỷ đồng; phim *Đàn ông có bầu* chi 3 tỷ đồng, thu 13 tỷ đồng; phim *Đẻ mướn* chi 4 tỷ đồng, thu 12 tỷ đồng...). Khán giả Việt Nam có quyền lựa chọn cho mình “món ăn” tinh thần thích hợp, được xem nhiều tác phẩm Điện ảnh trong và ngoài nước bằng các phương tiện truyền tải hiện đại, tiện dụng.

Nhiều phim truyện (mỗi năm từ 3 đến 5 phim) và phim tài liệu (mỗi năm từ 5 đến 10 phim) hợp tác và cung cấp dịch vụ cho nước ngoài như: Phim truyện nhựa *Bông sen* (Hợp tác với Angiêri); phim truyện nhựa *Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông* (Hợp tác với

Trung Quốc); phim truyện nhựa *Mùa len trâu* (Hợp tác với Bỉ và Pháp); phim truyện nhựa (Mỹ) *Ba mùa*; phim truyện nhựa (Pháp) *Mùa hè chiều thẳng đứng*; phim truyện nhựa (Na Uy) *Miền đất hứa*; phim truyện nhựa (Mỹ) *Người Mỹ trầm lặng...* đã đem lại nguồn thu lớn cho các hãng phim, giúp đội ngũ những người làm phim trong nước tiếp cận với kỹ thuật hiện đại, công nghệ sản xuất phim tiên tiến của Điện ảnh thế giới, giúp nâng cao trình độ cán bộ nghệ sĩ Điện ảnh tại Việt Nam.

+ Trong điều kiện ta chưa có nhiều vốn để sản xuất phim nhựa, đầu ra và khả năng thu hồi vốn làm phim còn nhiều hạn chế, việc thay thế phim nhựa bằng phim video, đĩa hình, phim truyền hình đã phần nào đáp ứng nhu cầu xem nội dung phim của khán giả. Xem truyền hình ở nước ta không phải trả tiền do đó cũng đáp ứng được nhu cầu giải trí của lớp khán giả có thu nhập quá thấp trong xã hội. Tuy nhiên, điều này đã đánh mất thói quen đến rạp để hưởng thụ tác phẩm Điện ảnh đích thực; thu hẹp thị trường Điện ảnh, người xem không đến rạp mà chờ sau một thời gian phim nhựa sẽ chiếu trên truyền hình.

+ Do thiếu vốn để mở rộng sản xuất phim nên việc phối hợp giữa điện ảnh và truyền hình là cần thiết nhưng chưa làm được nhiều đó là sản xuất phim nhựa với nội dung nghệ thuật và kỹ thuật cao để phát hành trên hệ thống rạp; sau thời gian nhất định sẽ telecine để phát trên truyền hình. Điện ảnh còn sản xuất phim cung cấp phim truyện cho truyền hình với phương pháp của điện ảnh, tạo nguồn vốn để tiếp tục đầu tư cho sản xuất phim nhựa. Rạp chiếu phim nhựa xu hướng được hiện đại hoá, để tạo cảm giác hơn hẳn về thưởng thức nghệ thuật nhằm kéo khán giả từ màn ảnh nhỏ đến rạp xem và thưởng thức tác phẩm Điện ảnh đích thực trên màn ảnh lớn...

+ Về đào tạo: Mặc dù nguồn vốn đầu tư rất thấp (khoảng 10 tỷ đồng trong 10 năm qua) nhưng đã tổ chức được một số lớp đào tạo có chất lượng trong nước như: Lớp nâng cao trình độ sử dụng thiết bị chiếu phim hiện đại; lớp do chuyên gia nước ngoài giảng dạy về nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất phim hoạt hình 2D và 3D; lớp đào tạo kỹ thuật làm âm thanh (Dolby Surround) và dựng phim theo công nghệ kỹ thuật số (Digital).

+ Về đào tạo mũi nhọn: Cử cán bộ lãnh nghề đi đào tạo nâng cao tại Cộng hoà Liên bang Đức về quay phim; đào tạo tại Hàn Quốc về làm âm thanh; đào tạo tại Thái Lan về in và tráng phim...và các đoàn cán bộ lãnh đạo quản lý đi khảo sát học tập tiếp thu công nghệ mới, học tập nâng cao trình độ quản lý của điện ảnh nhiều nước.

2.2.2. Phân tích thực trạng thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh từ 1995 đến nay

2.2.2.1. Quy mô và cơ cấu thu hút các nguồn vốn đầu tư

Quy mô và cơ cấu thu hút các nguồn vốn đầu tư cho phát triển Điện ảnh Việt Nam từ 1995 đến nay thể hiện qua bảng sau:

Bảng (2.3): QUY MÔ VÀ CƠ CẤU THU HÚT CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	1995 - 2000	2001 - 2005	TỔNG CỘNG	TỶ LỆ
1.	Nguồn vốn ngân sách	210.600	299.300	509.900	83,8%
	- Mục tiêu chương trình	126.300	132.200	259.500	51%
	- Dự án hậu kỳ SX phim	18.100	49.300	67.400	13%
	- Tài trợ SX phim	66.200	117.800	184.000	36%
2.	Nguồn vốn khác:	12.500	86.000	98.500	16,2%
	- Thiết bị và rạp	3.000	38.000	41.000	41,6%
	- Sản xuất phim	9.500	48.000	57.500	58,4%
	Trong đó: <i>Chia theo nguồn đầu tư</i>				
	- Vốn trong nước	2.500	24.500	27.000	27,4%
	- Vốn nước ngoài	10.000	61.500	71.500	72,6%
	TỔNG CỘNG (1 + 2)	223.100	385.300	608.400	100%

Nguồn: Số liệu thống kê các nguồn vốn đầu tư từ Cục Điện ảnh

Số liệu bảng (2.3) cho thấy:

+ Nguồn vốn đầu tư thu hút cho phát triển điện ảnh đã tăng lên đáng kể qua 2 thời kỳ, thời kỳ 1995-2000 là 223.100 triệu đồng; Thời kỳ 2001-2005 là 385.300 triệu đồng (Thời kỳ sau 63,3%; thời kỳ trước 36,7% so với tổng vốn đầu tư), điều này thể hiện chính sách của nhà nước về đầu tư củng cố phát triển điện ảnh và những yếu tố đổi mới trong nội tại ngành đã có tác động tích cực về thu hút các nguồn vốn đầu tư.

+ Trong sự gia tăng về quy mô vốn đầu tư phải nói tới sự gia tăng đáng kể và vai trò chủ đạo của nguồn vốn thu hút từ ngân sách chiếm 83,8% tổng vốn đầu tư. Nguồn vốn thu hút từ ngân sách thời kỳ 2001-2005 là 299.300 triệu đồng chiếm 58,7%, tăng so với thời kỳ 1995-2000 là 210.600 triệu đồng chiếm 41,3% trong tổng số.

+ Nguồn vốn thu hút từ ngân sách lớn, là nguồn vốn cơ bản quyết định quá trình đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam, đồng thời cũng thể hiện chính sách của nhà nước quyết tâm đầu

tư xây dựng và phát triển nền điện ảnh dân tộc và hiện đại, đáp ứng nhu cầu đời sống văn hoá tinh thần cho nhân dân và mở rộng giao lưu văn hoá quốc tế.

+ Đặc biệt, thu hút nguồn vốn khác thời kỳ 2001-2005 tăng đột biến 588% so với thời kỳ 1995-2000, nguồn vốn khác tăng nhanh thể hiện sự thu hút đúng hướng và khả năng tiềm tàng về mở rộng nguồn vốn thu hút trong khu vực này. Hơn thế nữa phải kể đến sự gia tăng nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài bắt đầu xuất hiện ngày càng nhiều hơn ở nước ta, nếu thời kỳ 1995-2000 nguồn vốn này chỉ chiếm khoảng 6% thì đến thời kỳ 2001-2005 đã lên tới 22% so với tổng số vốn thu hút trong kỳ. Nguồn vốn đầu tư giai đoạn này đã thể hiện được sự tác động đúng hướng của chính sách xã hội hoá phát triển điện ảnh.

+ Nếu xét trên góc độ quy mô, thì lượng vốn đầu tư thu hút được từ lĩnh vực ngoài ngân sách (bảng 2.3) vẫn còn quá nhỏ so với nguồn vốn thu hút từ ngân sách và tổng vốn thu hút đầu tư cho ngành điện ảnh. Đây là điều không hợp lý vì điện ảnh không chỉ là ngành phục vụ xã hội mà về cơ bản phải là một ngành kinh doanh dịch vụ, sớm hay muộn phải thay đổi được cơ cấu thu hút vốn đầu tư theo xu hướng tăng tỷ trọng nguồn vốn ngoài ngân sách. Chỉ khi nào nguồn vốn từ khu vực tư nhân, nguồn vốn tự kinh doanh của các hãng phim, các nhà làm phim tăng lên và chiếm tỷ trọng chính thì mới nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành điện ảnh.

+ Vốn đầu tư thu hút bằng con đường đầu tư trực tiếp nước ngoài còn chưa nhiều, nếu xét cả thời kỳ 1995-2005 thì tỷ trọng vốn đầu tư nước ngoài mới chỉ chiếm 11,6% trong đó chủ yếu là thời kỳ 2001-2005. Vốn thu hút từ nước ngoài thời kỳ này chủ yếu được đầu tư trong lĩnh vực phổ biến phim như hợp tác nhập khẩu phim, cải tạo rạp chiếu phim, hợp tác sản xuất phim và cung cấp dịch vụ làm phim... với mục đích vốn đầu tư nhỏ, thời gian thu hồi vốn nhanh.

+ Thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài thời kỳ 2001-2005 tăng đột biến (gấp hơn 6 lần) so với giai đoạn 1995-2000. Việc tăng cường thu hút vốn đầu tư từ nguồn vốn nước ngoài sẽ tạo điều kiện cho điện ảnh thực hiện được chính sách xã hội hoá trong phát triển và đi tắt đón đầu về công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm và chất lượng hoạt động của điện ảnh nước nhà. Những lĩnh vực cần vốn đầu tư lớn, thời gian đầu tư lâu dài như đầu tư vào các Trung tâm kỹ thuật điện ảnh, đầu tư trường quay hiện đại, đầu tư các cụm rạp hiện đại nhiều phòng chiếu... cần khuyến khích phát triển thì chưa thu hút được nguồn

vốn đầu tư từ nước ngoài, chưa tạo được sự hấp dẫn đối với nhà đầu tư là các hãng phim danh tiếng, các tập đoàn điện ảnh có tiềm lực lớn hoạt động kinh doanh xuyên quốc gia.

+ Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách còn đóng vai trò chủ đạo và quyết định đến sự phát triển điện ảnh Việt Nam cho thấy điện ảnh nước ta chưa thực sự tiếp cận được với kinh tế thị trường nên chưa thu hút được tiềm năng về vốn đầu tư cả trong nước và nước ngoài để đáp ứng phát triển ngành.

**Bảng (2.4): CƠ CẤU NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HÀNG NĂM TỪ NGÂN SÁCH
THỜI KỲ 2001 - 2005**

Đơn vị: Triệu đồng

NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	2001	2002	2003	2004	2005	Tổng số	Tỷ lệ
Mục tiêu C.Tr	22.180	22.960	30.500	24.060	32.500	132.200	44,2%
Dự án hậu kỳ	-	31.290	11.550	6.460	-	49.300	16,5%
Sản xuất phim	27.500	25.000	28.500	17.500	19.300	117.800	39,3%
Tổng cộng	49.680	79.250	70.550	48.020	51.800	299.300	100%

Nguồn: Số liệu thống kê các nguồn vốn đầu tư từ Cục Điện ảnh

Nguồn vốn đầu tư hàng năm từ ngân sách qua bảng (2.4) cho thấy việc phân bổ vốn đã chú trọng đến yêu cầu đầu tư đồng bộ cho khâu tiền kỳ và hậu kỳ để khai thác hiệu quả đầu tư trong công nghệ sản xuất phim; Vốn đầu tư từ ngân sách cho sản xuất phim đặt hàng và tài trợ của nhà nước lại giảm dần điều này cũng thể hiện mục tiêu đầu tư phát triển Điện ảnh Việt Nam theo hướng nhà nước chỉ tập trung đầu tư hiện đại hoá cơ sở hạ tầng của ngành, khuyến khích tăng cường xã hội hoá các lĩnh vực khác như sản xuất phim và phổ biến phim .

2.2.2.2. Phân tích nguồn vốn đầu tư thu hút từ ngân sách

Số liệu bảng (2.4) cho thấy thời kỳ 2001-2005 nguồn vốn đầu tư từ ngân sách đã tập trung thực hiện đầu tư theo các chương trình và dự án phát triển (chiếm khoảng 61%) đây là việc đầu tư hiện đại hoá và nâng cao năng lực của ngành điện ảnh, nhằm thực hiện mục tiêu phát triển ngành điện ảnh nước nhà.

Tuy nhiên, nguồn vốn đầu tư từ ngân sách còn khá lớn vẫn dùng để tài trợ cho quá trình sản xuất sản phẩm (phim) và xu hướng lại có phần tăng lên qua 2 thời kỳ, hiện

nguồn vốn ngân sách sử dụng tài trợ sản xuất phim chiếm gần 30% tổng nguồn vốn ngân sách. Nguồn vốn ngân sách đầu tư đặt hàng, tài trợ sản xuất phim lớn đã ảnh hưởng đến việc đầu tư cho phát triển và thể hiện sự thiếu hiệu quả trong thu hút nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh từ ngân sách.

Xét về cơ cấu nguồn vốn đầu tư từ ngân sách thể hiện qua bảng sau:

**Bảng (2.5): NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH GIAI ĐOẠN 1995 - 2005**

Đơn vị: Triệu đồng

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ	1995 - 2000	Tỷ lệ	2001- 2005	Tỷ lệ
I. ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH TW	114.797	100%	181.500	100%
1. Thiết bị sản xuất & lưu trữ phim	40.392	35,2%	121.217	66,8%
Trong đó:				
+ <i>Thiết bị tiền kỳ và lưu trữ phim</i>	40.392	35,2%	71.917	39,6%
+ <i>Dự án đổi mới thiết bị hậu kỳ thuộc Trung tâm kỹ thuật điện ảnh</i>	-	-	49.300	27,2%
2. Phổ biến phim	53.226	46,3%	49.575	27,3%
Trong đó:				
+ <i>Đầu tư xây mới và nâng cấp rạp ở địa phương</i>	23.570	20,5%	-	-
+ <i>Máy chiếu phim nhựa âm thanh lập thể lắp đặt cho các rạp tại địa phương</i>	20.702	18%	12.500	6,9%
+ <i>Video 100 Inches, máy chiếu phim nhựa lưu động và thiết bị lồng tiếng</i>	8.954	7,8%	37.075	20,4%
3. Đào tạo nâng cao trình độ trong quản lý, sản xuất và phổ biến phim	3.850	3,4%	10.708	5,9%
4. Đặt hàng sản xuất phim về ngày lễ lớn	17.329	15,1%	-	-
II. ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	11.500		-	
TỔNG CỘNG (TW & ĐP)	<u>126.297</u>		<u>181.500</u>	

Nguồn: Niên giám thống kê Bộ Văn hoá-Thông tin và Cục điện ảnh

Số liệu bảng (2.5) cho thấy vốn đầu tư theo các chương trình và dự án phát triển Điện ảnh được thu hút cho các mục tiêu phát triển điện ảnh như sau:

1- Nâng cấp kỹ thuật khâu sản xuất phim thời kỳ 1995-2000 là 35,2%; Thời kỳ 2001-2005 là 66,8%.

2- Khâu phổ biến phim và nâng cao chất lượng phục vụ chiếu phim thời kỳ 1995-2000 là 46,3%; Thời kỳ 2001-2005 là 27,3%.

3- Khâu đào tạo và nâng cao trình độ lao động, cán bộ ngành Điện ảnh (Mục 3) thời kỳ 1995-2000 là 3,4%; Thời kỳ 2001-2005 là 8,1%.

4- Đặt hàng sản xuất phim phục vụ ngày lễ lớn thời kỳ 1995-2000 chiếm 15,7% vốn đầu tư; Thời kỳ 2001-2005 không còn đưa việc này vào mục tiêu chương trình.

Nếu phân tích theo mục tiêu phát triển Điện ảnh, vốn đầu tư từ ngân sách thu hút vào khâu 1 và 3 tăng lên thì đó là điều hợp lý vì đây là những khâu cần phải có sự tác động của nhà nước vì vốn đầu tư cho sản xuất và đào tạo như đầu tư cho cơ sở hạ tầng làm nền tảng cho sự phát triển, mặt khác vốn đầu tư cho hai khâu này là rất lớn trên thực tế, tư nhân khó có điều kiện thực hiện, mặt khác đây cũng là chính sách của Nhà nước đầu tư hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong cơ chế thị trường và thực hiện mục tiêu sản xuất nhiều phim Việt Nam cho quảng đại quần chúng nhân dân.

Bộ phận vốn ngân sách thu hút vào lĩnh vực phổ biến phim và nâng cao chất lượng phục vụ chiếu phim như: Đầu tư xây dựng rạp, nâng cấp rạp và hiện đại hoá thiết bị chiếu phim cần phải giảm đi và thay vào đó là nguồn vốn thu hút được ở khu vực ngoài ngân sách, nhất là nguồn vốn từ các cơ sở sản phát hành phim, chiếu phim hoặc liên doanh với nước ngoài vào lĩnh vực này.

Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương còn quá nhỏ bé, chỉ chiếm 7% cơ cấu vốn ngân sách. Điều này cho thấy việc xã hội hoá đầu tư phát triển Điện ảnh chưa thực sự phát huy tính chủ động của các địa phương trong việc xây dựng, cải tạo các cơ sở chiếu phim và nâng cao chất lượng hoạt động, còn trông chờ nhiều vào ngân sách trung ương.

2.2.2.3. Cơ cấu thu hút nguồn vốn đầu tư theo quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm điện ảnh

a/ Thu hút nguồn vốn đầu tư theo quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

Cơ cấu thu hút nguồn vốn đầu tư trong quy trình sản xuất và tiêu thụ được thể hiện theo hai giai đoạn là sản xuất phim, Phát hành phim và chiếu phim qua bảng sau:

Bảng (2.6): CƠ CẤU THU HÚT NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ THEO QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM ĐIỆN ẢNH

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG	1995-2000	2001-2005	1995-2005	Tỷ lệ
1. Đầu tư cho khâu sản xuất phim	160.121	310.156	470.277	77,3%
2. Đầu tư cho khâu phát hành phim và chiếu phim	62.979	75.144	138.123	22,7%
TỔNG SỐ	223.100	385.300	608.400	100%

Nguồn: Số liệu thống kê từ Cục điện ảnh

Số liệu bảng (2.6) cho thấy, nguồn vốn đầu tư thu hút cho khâu sản xuất phim có tốc độ tăng khá nhanh và chiếm tỷ trọng ngày càng lớn, thể hiện trong thời kỳ 2001-2005 tăng lên gần 2 lần so với giai đoạn 1995-2000. Trong cả thời kỳ 1995-2005, nguồn vốn đầu tư thu hút vào khâu sản xuất phim chiếm khoảng 77,3% tổng nguồn vốn thu hút được. Đóng góp vào sự gia tăng nguồn vốn đầu tư thu hút được chủ yếu là từ ngân sách, thể hiện trong thời kỳ 1995-2005 trên 80% vốn đầu tư vào khâu sản xuất là từ nguồn vốn ngân sách.

Từ năm 1995, Nhà nước đầu tư thiết bị cho các hãng sản xuất phim theo mục tiêu chương trình phát triển Điện ảnh nên vốn đầu tư tăng lên rất lớn vào khâu này. Điều này đã góp phần rất lớn trong việc đổi mới trang thiết bị sản xuất và tăng số lượng và chất lượng phim sản xuất ra.

Vốn đầu tư thu hút vào khâu phát hành và chiếu phim thời kỳ 2001-2005 tăng lên rất chậm khoảng 19% so với thời kỳ 1995-2000 và làm cho tỷ trọng vốn đầu tư vào khâu này ngày càng giảm đi so với tổng vốn đầu tư trong toàn giai đoạn nghiên cứu 1995-2005: Thời kỳ 1995-2000 là 39%, thời kỳ 2001-2005 chỉ còn 24%, vốn đầu tư khâu phát hành và chiếu phim chỉ chiếm 22,7% so với tổng vốn thu hút được. Sự thiếu cân đối với nguồn vốn thu hút vào khâu phát hành và chiếu phim đã dẫn đến sự hạn chế trong hiệu quả kinh tế và xã hội của sản phẩm Điện ảnh.

Từ sau năm 1997, Nhà nước có chính sách tăng mức tài trợ tối đa đến 80% chi phí sản xuất phim thuộc diện tài trợ và hàng năm đặt hàng sản xuất một số phim nên số lượng phim sản xuất gần đây có xu hướng tăng. Điều đó là thể hiện rõ sự quan tâm của nhà nước trong việc đầu tư phát triển ngành Điện ảnh dân tộc trên mọi lĩnh vực.

b/ Thu hút nguồn vốn đầu tư trong khu vực sản xuất phim

Thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng và vốn thiết bị sản xuất phim: Thời kỳ trước năm 1995, mọi nhu cầu vốn đầu tư xây dựng nhà xưởng, vốn đầu tư thiết bị và vốn sản xuất phim được thu hút từ nguồn vốn vay ngân hàng; Không còn nguồn vốn cấp phát 100% từ ngân sách cho các doanh nghiệp hoạt động điện ảnh. Thời kỳ này mạng lưới

chiếu phim bị thu hẹp do lượng khán giả xem phim giảm sút, chiếu bóng thất thu, các hãng sản xuất không thu hồi được vốn phim, vì vậy trên thực tế gần như không thu hút được nguồn vốn vay đầu tư cho các nhu cầu trên.

Trước tình hình sản xuất và phổ biến phim ngày càng thu hẹp, thiết bị, nhà xưởng lạc hậu, xuống cấp, toàn ngành khó khăn, nhà nước thực hiện chính sách đầu tư củng cố và phát triển điện ảnh theo chương trình mục tiêu; Vì vậy từ năm 1995 – 2005 vốn đầu tư cho xây dựng và vốn thiết bị sản xuất phim thu hút chủ yếu từ nguồn ngân sách; Nguồn vốn tự huy động của các doanh nghiệp điện ảnh không đáng kể.

Từ sau khi phá bỏ độc quyền nhập khẩu phim truyện nhựa của Công ty xuất nhập khẩu và phát hành phim TW và đặc biệt cơ chế kiểm duyệt phim thông thoáng hơn trước cho nên bước đầu mở ra nguồn vốn thu hút đầu tư từ đối tác nước ngoài.

Thu hút nguồn vốn đầu tư cho sản xuất các tác phẩm điện ảnh: Do mạng lưới chiếu phim bị thu hẹp, lượng khán giả xem phim giảm sút, chiếu bóng thất thu, các hãng sản xuất không thu hồi được vốn phim, vì vậy trên thực tế thời kỳ này gần như không thu hút được nguồn vốn vay từ ngân hàng.

Trước kia do nhu cầu chi tiêu cho sản xuất phim được vay ưu đãi, các hãng sản xuất phim không được ngân sách cấp vốn lưu động để hoạt động, khi chuyển sang cơ chế mới các hãng sản xuất các bộ phim không có nguồn vốn lưu động cho sản xuất dẫn đến nguồn vốn thu hút cho sản xuất các tác phẩm điện ảnh giảm về tổng mức vốn đầu tư và giảm sút về số đầu phim sản xuất mỗi năm, đặc biệt là phim truyện nhựa. Nguyên nhân dẫn đến việc thu hút nguồn vốn cho sản xuất phim bị thu hẹp vì chi phí sản xuất phim lớn và ngày càng tăng, phim không thu hồi được vốn vì mất bản quyền và không cạnh tranh nổi với phim ngoại nhập.

Thu hút nguồn vốn đầu tư vật tư cho sản xuất phim: Giai đoạn này các cơ sở phát hành phim và chiếu phim phải vay vốn ngân hàng hoặc tự đầu tư cho các nhu cầu sản xuất phim. Thời kỳ sau đổi mới các cơ sở phát hành phim và phổ biến phim kinh doanh thua lỗ nên việc tự đầu tư của các Hãng sản xuất phim gần như không phát sinh, vốn đáp ứng cho sản xuất phim chủ yếu từ nguồn tài trợ của ngân sách.

c/Thu hút nguồn vốn đầu tư trong khu vực phát hành phim và phổ biến phim

Thu hút nguồn vốn đầu tư trong khu vực phát hành phim: Công ty xuất nhập khẩu và phát hành phim TW là nơi mua bản quyền phim để phát hành và phổ biến phim nhưng khả năng thu hồi vốn rất thấp vì vậy không sử dụng nguồn vốn vay để nhập khẩu trực tiếp.

Việc nhập khẩu phim dựa vào nguồn vốn của các đối tác nước ngoài với nhiều hình thức hợp tác kinh doanh phát hành phim ở Việt Nam như phía nước ngoài ứng trước vốn phim, thanh toán tiền bán phim sau theo tỷ lệ chia nguồn thu chiếu phim; Cho thuê phim; Hợp tác cùng chiếu phim để chia lợi nhuận... Vì vậy vốn đáp ứng cho khâu nhập khẩu phim chủ yếu được thu hút từ nguồn vốn nước ngoài.

Phương thức thu hút nguồn vốn trên đã giải quyết được cơ bản nguồn phim cung cấp cho thị trường trong nước nhưng chủ yếu chỉ tập trung vào khu vực phim của các nước nói tiếng Trung Quốc (85% số lượng phát hành), chưa mở rộng được thị trường nhập khẩu phim sang các nước khác một phần do chi phí mua bản quyền rất đắt, đặc biệt là những phim có giá trị nghệ thuật cao. Vì vậy, không có vốn nhập phim, mặt khác khó có khả năng thu hồi vốn, thậm chí thua lỗ, một phần bởi bản thân công tác tiếp thị tìm hiểu thị trường xuất nhập khẩu phim yếu; phần nữa các nước thiếu tin tưởng vào việc bảo vệ bản quyền tác phẩm tại Việt Nam...

Thu hút nguồn vốn đầu tư trong khu vực phổ biến phim: Vốn cho khâu phổ biến phim bao gồm vốn mua phim hoặc thuê phim cũng được thu hút chủ yếu từ nguồn vốn nước ngoài thông qua hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh với chủ phim để phổ biến phim tại rạp hoặc bán và cho thuê phim video gia đình nhiều tập.

Vốn đầu tư xây dựng cải tạo rạp và vốn đầu tư đổi mới thiết bị chiếu phim chủ yếu được thu hút từ nguồn vốn ngân sách thông qua chương trình mục tiêu củng cố và phát triển điện ảnh. Mấy năm gần đây đã thu hút được nguồn vốn từ nước ngoài đầu tư cho xây dựng, cải tạo nâng cấp rạp chiếu phim để được trực tiếp nhập khẩu phim.

2.2.3. Tác động của tình hình thu hút các nguồn vốn đầu tư đến hoạt động của thị trường điện ảnh

Về hình thức đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật và thiết bị chiếu phim: Đầu tư cải tạo nâng cấp rạp để nâng cao chất lượng phục vụ người xem phim trong rạp; đầu tư nhập khẩu đầu video màn hình tivi và nhập khẩu băng bộ của nước ngoài để cung cấp phim cho khán giả xem phim tại nhà; đầu tư cho hệ thống truyền hình xem phim miễn phí; đầu tư thiết bị chiếu phim lưu động để chiếu phim lưu động phục vụ tại các vùng nông thôn, miền núi....

Thành phần tham gia thị trường mở rộng hơn trước: Các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài được tham gia hoạt động trên thị trường điện ảnh nên sản phẩm cung cấp trên thị trường gồm cả phim trong nước và phim nước ngoài với nhiều đề tài, thể loại

đáp ứng mọi nhu cầu và thị hiếu người xem đồng thời tạo điều kiện cho sự lựa chọn các hình thức xem phim khác nhau cho mọi tầng lớp khán giả từ thành thị tới nông thôn và mọi lứa tuổi khán giả trong xã hội.

Quy mô sản xuất được cải thiện hơn trước: Cơ sở điện ảnh được đầu tư nâng cấp và mở rộng để một hãng sản xuất phim có thể sản xuất ra nhiều loại phim khác nhau như phim truyện nhựa, phim truyện video, phim tài liệu khoa học, phim hoạt hình...đáp ứng mọi nhu cầu tiêu dùng của khán giả.

Tuy nhiên, các sản phẩm điện ảnh ghi trên các loại vật liệu khác nhau như phim nhựa, băng đĩa hình... nhưng phim nhựa vẫn là loại hình điện ảnh đích thực được hướng tới để chiếu tại rạp, các rạp cụm với màn ảnh rộng, nhiều phòng chiếu, với chất lượng nghệ thuật và kỹ thuật cao, đáp ứng cảm thụ nghệ thuật của khán giả. Ngoài ra băng hình phim truyện dài nhiều tập xem tại nhà, xem phim bằng máy phóng 100 Inches, 300 Inches do các đội chiếu phim lưu động phục vụ ở nông thôn, miền núi, phim nhựa được telecine sang băng hình đĩa hình hoặc phim do truyền hình nhập khẩu và sản xuất phát sóng là sản phẩm thay thế cho phim nhựa của điện ảnh.

Giai đoạn này điện ảnh nước ta đã tạo ra một thị trường thực sự về hình thức thể hiện, sản phẩm, quy mô và thành phần tham gia, các quy luật kinh tế vốn có đang được vận hành. Tuy nhiên nó chưa đủ mạnh để phát huy tác dụng bởi còn tùy thuộc nội lực vốn có của điện ảnh trong nước, sự nhận thức vận dụng sáng tạo và cơ chế chính sách đồng bộ với quy luật và sự vận hành trên thực tiễn của thị trường.

Hình thức sản xuất và lưu hành tác phẩm điện ảnh trên thị trường đa dạng và phong phú, thể hiện không chỉ về nội dung tác phẩm, đề tài, thể loại mà cả kỹ thuật thể hiện và phương tiện kỹ thuật phổ biến phim nhằm chuyển tải nội dung đến với người xem thuận tiện nhất, với chất lượng kỹ thuật cao.

Mặc dù có nhiều cố gắng nhưng với đặc điểm về thị trường và sản phẩm điện ảnh nêu trên, từ nhiều nguồn cung cấp hợp pháp như hợp đồng hợp tác kinh doanh, liên doanh liên kết góp vốn sản xuất hoặc nhập khẩu phim cho thị trường trong nước; hoặc không hợp pháp như nhập lậu băng đĩa hình từ nước ngoài không qua kiểm duyệt của nhà nước (do gọn nhẹ dễ vận chuyển) đã gây ra nạn video “đen” cộng với sự lúng túng về định hướng sáng tác và lĩnh vực quản lý nhà nước trong bước đầu chuyển đổi cơ chế mới, đã thu hẹp

và phá vỡ thị trường chính thống của điện ảnh, không thu hút được vốn để mở rộng thị trường trong nước, có lúc còn trở nên hỗn loạn và độc hại.

2.2.4. Đánh giá thực trạng thu hút nguồn vốn đầu tư phát triển ngành điện ảnh Việt Nam thời gian qua

Những phân tích trên về thực trạng thu hút nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh trong thời gian qua có thể rút ra những kết luận chính sau đây:

+ Trong thời gian qua, chính sách đầu tư phát triển Điện ảnh đã có những sự thay đổi nhất định theo hướng đa dạng hoá, đa phương hoá, xã hội hoá, nên quy mô vốn đầu tư cho ngành có xu hướng tăng lên đáng kể và ngày càng có biểu hiện tích cực giữa hai giai đoạn nghiên cứu. Tốc độ tăng vốn đầu tư vào điện ảnh đã nhanh hơn tốc độ tăng vốn đầu tư xã hội của cả nước.

+ Cơ cấu thu hút vốn cũng có sự thay đổi và theo hướng tích cực. Cuối thời kỳ sau 2001-2005, vốn đầu tư từ khu vực ngoài ngân sách đã tăng nhanh hơn, đã bắt đầu xuất hiện bộ phận vốn đầu tư từ nước ngoài, tuy chiếm tỷ trọng rất nhỏ nhưng đã tác động tích cực đến xu hướng làm phim sơ cứng của các hãng phim thuộc khu vực nhà nước. Nguồn vốn ngoài ngân sách thường đầu tư sản xuất các phim có đề tài giải trí hướng tới khán giả với mục đích doanh thu và lợi nhuận.

+ Nguồn vốn đầu tư thu hút từ ngân sách chiếm tỷ trọng cao trong tổng nguồn vốn thu hút đầu tư cho điện ảnh, điều này một mặt thể hiện sự quan tâm đáng kể của Chính phủ cho phát triển nhằm hiện đại hoá điện ảnh Việt Nam, thực hiện chức năng phát triển văn hoá, xã hội và nâng cao trình độ dân trí đất nước, khắc phục những hạn chế về nguồn vốn đầu tư tự tạo ra của các cơ sở điện ảnh, nâng cao năng lực mọi mặt cho Điện ảnh. Tuy vậy, đây cũng là một hạn chế đáng nói trong cơ chế đầu tư, việc tỷ trọng đầu tư từ nguồn ngân sách vẫn đóng vai trò chủ yếu chứng tỏ chính sách đổi mới trong lĩnh vực này cần phải xem lại để đảm bảo độ hấp dẫn cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước ở lĩnh vực này.

+ Nguồn vốn đầu tư thu hút được từ các nguồn ngoài ngân sách hiện còn nhỏ về quy mô và đơn điệu về cơ cấu. Nhìn chung là chưa có vị trí đáng kể trong việc đáp ứng nhu cầu đầu tư cho ngành, các hãng phim còn chưa chủ động trong việc tự bỏ vốn đầu tư, bóng dáng các nhà đầu tư nước ngoài còn rất hiếm hoi, điều này cũng thể hiện tính chất thấp kém trong hoạt động đầu tư phát triển ngành.

+ Cơ cấu đầu tư trong ngành còn mất cân đối đứng trên góc độ nội dung. Vốn đầu tư vào khâu phát hành phim và phổ biến phim còn rất ít và thiếu kịp thời làm cho hiệu quả phục

vụ chưa cao. Các cơ sở chiếu phim với hệ thống thiết bị, âm thanh lạc hậu đã không đủ hấp dẫn để lôi kéo công chúng đến rạp, làm mất khả năng cạnh tranh của điện ảnh với truyền hình và những phương tiện nghe nhìn phổ biến khác.

Nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên:

+ Do không thu hút được các nguồn vốn đầu tư đổi mới công nghệ, thay thế và hiện đại hóa máy móc thiết bị sản xuất phim, in tráng phim nên hầu hết máy móc thiết bị lạc hậu, gần hết thời gian sử dụng; nhà xưởng không được cải tạo sửa chữa, nâng cấp đổi mới nên xuống cấp trầm trọng, không có điều kiện nâng cao chất lượng sản xuất sản phẩm; nguồn vốn thu hút chủ yếu từ ngân sách nhà nước nhưng nguồn vốn này lại rất hạn chế nên cũng chưa đáp ứng được yêu cầu đầu tư phát triển.

+ Chất lượng kỹ thuật phim sản xuất trong nước thấp, chất lượng nghệ thuật và tính hấp dẫn trong phim còn nhiều hạn chế. Trong khi đó phim nhập của thế giới đã vượt xa ta về kỹ thuật như âm thanh nổi, âm thanh vòng, âm thanh lập thể..., hình ảnh trong sáng rõ nét, kết hợp với kỹ xảo hiện đại gây hiệu quả nghệ thuật cao. Thu hút nguồn vốn đầu tư hiện đại hoá rạp và thiết bị chiếu phim còn nhiều hạn chế, chủ yếu trong chờ vào nguồn ngân sách vì vậy chưa đáp ứng được không đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ của nhiều tầng lớp khán giả, phim Việt Nam ngày càng vắng bóng trên hệ thống rạp cả nước, điện ảnh Việt Nam có xu hướng sa sút và tụt hậu.

+ Các chỉ tiêu như doanh thu, lãi, đóng góp ngân sách giảm sút liên tục, ứ đọng vốn do phim sản xuất ra ít người xem, kém sức cạnh tranh so với phim nước ngoài; phim không về được các vùng nông thôn, miền núi mà chỉ phục vụ tại các thành phố thị xã, số lượt người xem giảm sút, hiệu quả xã hội kém. Đội ngũ cán bộ nghệ sĩ được đào tạo công phu ở nước ngoài trước kia, nay hầu như tan rã, không gắn bó với nghề, bỏ đi làm những ngành nghề khác để kiếm sống.

+ Phim Việt Nam sản xuất trong nước giảm sút nhiều về số lượng đặc biệt là phim truyện nhựa, chủ đề đa dạng phong phú hơn, chất lượng kỹ thuật có nhiều tiến bộ hơn nhưng chất lượng nghệ thuật chưa cao. Khi chuyển sang cơ chế mới bộc lộ sự lúng túng, sơ cứng trong hoạt động, chưa tiếp cận được với thị trường điện ảnh.. Phim nhập khẩu từ nước ngoài chiếm trên 80% lượng phim phát hành trong cả nước đã chèn ép, chiếm lĩnh thị trường phim Việt Nam, thay đổi thị hiếu khán giả...

+ Hiệu quả kinh tế-xã hội kém: Đây là thời kỳ khủng hoảng của điện ảnh Việt Nam, chất lượng nghệ thuật và kỹ thuật sản xuất phim trong nước thấp, phim sản xuất ra thiếu tính

hấp dẫn, không có sức cạnh tranh so với phim nước ngoài, chưa thu hút được các nguồn vốn đầu tư để đáp ứng nhu cầu cho sản xuất và phát triển ngành.

2.3. THỰC TRẠNG SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM TỪ NĂM 1995 ĐẾN NAY

Điện ảnh là ngành nghệ thuật tổng hợp, vừa là ngành sản xuất công nghiệp, sản phẩm điện ảnh vừa là công cụ tuyên truyền tư tưởng của Đảng vừa là sản phẩm kinh doanh dịch vụ giải trí nhưng điện ảnh không phải là ngành kinh doanh đơn thuần. Từ cuối những năm 80, đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, do chưa thích ứng với cơ chế vận hành của nền kinh tế mới, ngành điện ảnh Việt Nam đã lâm vào khủng hoảng, nguy cơ có thể dẫn đến tan rã trong toàn hệ thống. Thời kỳ này có thể nói điện ảnh Việt Nam “*đang đứng bên bờ vực thẳm*”. Vì vậy, cuối năm 1994, Chính phủ đã thực hiện chương trình Chấn hưng nền điện ảnh dân tộc, sau này được đổi thành Chương trình mục tiêu Quốc gia về củng cố và phát triển điện ảnh thời kỳ 1995-2000 và thời kỳ 2001- 2005 với các mục tiêu hiện đại hoá sản xuất, lưu trữ và phổ biến phim thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia về văn hoá.

Có thể thấy thời kỳ 1995-2005 là thời kỳ chuyển biến quan trọng của ngành, với sự quan tâm đầu tư của nhà nước, so với mục tiêu cần đạt tới trong quá trình thu hút và sử dụng vốn đầu tư phát triển ngành chưa được như mong muốn, nhưng điện ảnh Việt Nam đã có những bước chuyển đáng kể, vì vậy nghiên cứu thực trạng, phân tích khách quan để có cơ sở đề xuất hướng sử dụng vốn đầu tư hiệu quả trong thời kỳ tới.

2.3.1. Phân tích thực trạng sử dụng vốn đầu tư phát triển điện ảnh thời kỳ 1995-2005

2.3.1.1. Cơ cấu sử dụng vốn theo tính chất hoạt động

Tình hình sử dụng vốn đầu tư phát triển Điện ảnh theo tính chất chi tiêu được thể hiện qua bảng sau đây:

**Bảng (2.7): VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH
THEO TÍNH CHẤT CHI TIÊU THỜI KỲ 1995-2005**

Đơn vị: Triệu đồng

TÍNH CHẤT CHI TIÊU	1995-2000	2001-2005	1995-2005	Tỷ lệ
1. Chi thường xuyên	69.080	79.500	148.580	25%
2. Chi đầu tư	154.020	305.800	459.820	75%
TỔNG SỐ	223.100	385.300	608.400	100%

Nguồn: Niên giám thống kê Bộ VHTT và Cục Điện ảnh

Số liệu bảng (2.7) cho thấy, chi đầu tư phát triển trong thời kỳ 1995- 2005 có xu hướng ngày càng tăng lên và chiếm tỷ trọng cao dần trong thời kỳ này. Tốc độ tăng tổng chi tiêu thời kỳ 2001-2005 so với thời kỳ 1995-2000 là 72% trong đó chi đầu tư tăng gần 2 lần, đây cũng phần nào thể hiện sự hợp lý trong cơ cấu chi tiêu theo tính chất. Chi thường xuyên chiếm tỷ trọng ngày càng nhỏ đi trong tổng chi tiêu và nhỏ hơn nhiều so với cơ cấu này của toàn nền kinh tế. Nhìn chung toàn thời kỳ 1995-2005 chi thường xuyên chỉ còn chiếm khoảng 25% tổng chi tiêu. Chi cho đầu tư phát triển được chú ý ở tất cả các nội dung chi và có xu hướng hợp lý hơn theo thời gian. Điều này được thể hiện cụ thể hơn qua các phân phân tích sau.

2.3.1.2. Tình hình sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách theo phương thức cấp phát

Bảng (2.8): VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH THEO PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT

Đơn vị: Triệu đồng

PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT	1995-2000	2001-2005	1995-2005
1. Tài trợ trực tiếp	66.200	117.800	184.000
2. Chương trình và dự án	177.400	181.500	357.900
TỔNG SỐ	183.600	299.300	541.900

Nguồn: Tính toán từ niên giám thống kê Bộ VHTT và Cục Điện ảnh

Số liệu bảng (2.8) cho thấy, phương thức mới trong giai đoạn 1995-2005 vừa qua là chính sách đầu tư phát triển điện ảnh được thực hiện theo chương trình dự án thay cho phương thức đầu tư theo kiểu cấp phát, tài trợ trực tiếp đơn thuần thiếu trọng tâm trọng điểm. Nguồn vốn ngân sách nhà nước là nguồn vốn đầu tư quyết định đến sự phát triển của điện ảnh Việt Nam. Vốn ngân sách được sử dụng theo phương thức cấp phát, tài trợ trực tiếp và theo chương trình, dự án đầu tư phát triển được phê duyệt.

Trước năm 1995, từ thực trạng điện ảnh Việt Nam suy thoái và “trượt dốc” nghiêm trọng, cần thiết phải tập trung đầu tư vốn từ ngân sách để kịp thời củng cố và phát triển điện ảnh Việt Nam, cuối năm 1994 Chính phủ quyết định đầu tư cho ngành bằng chương trình và các dự án theo hai giai đoạn từ 1995-2005 (ban đầu có tên là chương trình Chấn hưng điện ảnh Việt Nam nhằm thể hiện được tầm quan trọng và tính cấp thiết để giữ gìn và phát triển nền điện ảnh dân tộc). Tổng mức vốn đầu tư theo chương trình, dự án trên 300 tỷ đồng,

chiếm khoảng 63% tổng vốn đầu tư, vốn đầu tư giai đoạn sau cao hơn giai đoạn trước, vốn đầu tư sử dụng tư có mục tiêu.

Đầu tư phát triển điện ảnh theo chương trình mục tiêu đặt ra trong giai đoạn này là một chủ trương đúng đắn, hết sức cần thiết và kịp thời, mục tiêu đầu tư đặt ra sát với yêu cầu thực tế và bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định. Đầu tư cho điện ảnh trở thành mục tiêu trong tổng thể Chương trình quốc gia phát triển văn hoá của ngành văn hoá thông tin trên cả nước. Ba mục tiêu chính được tập trung đầu tư là: Sản xuất phim và lưu trữ phim (tập trung đầu tư công nghệ hiện đại cho sản xuất phim nhựa 35 ly, kỹ thuật công nghệ sản xuất phim ngang bằng khu vực và đạt khá so với các nước có nền điện ảnh phát triển, đầu tư thiết bị công nghệ sản xuất phim đồng bộ với các khâu trong ngành); mục tiêu phổ biến phim; mục tiêu đào tạo nâng cao trình độ sử dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất, lưu trữ và phổ biến phim.

Cùng với việc đầu tư theo chương trình mục tiêu phát triển điện ảnh, ngân sách nhà nước đầu tư cho phát triển điện ảnh được thay đổi dưới hai hình thức chính là đầu tư từ nguồn vay ngân hàng và cấp phát từ ngân sách:

Một là, mọi nhu cầu đầu tư kể cả đầu tư xây dựng cũng như đầu tư vốn cho sản xuất phim phát hành phim và chiếu phim đều vay ngân hàng, điều đó làm cho các cơ sở phải tính toán cân nhắc nhu cầu chi tiêu và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn vay ngân hàng. Vật tư cho sản xuất, các loại phim sống và thiết bị chiếu phim. Đến giai đoạn này các cơ sở điện ảnh phải tự đầu tư cho các nhu cầu sản xuất và phổ biến phim; hình thức này đã trở thành phổ biến nên các đơn vị sản xuất và chiếu phim đã buộc phải quan tâm đến kết quả hoạt động của mình. Tuy nhiên trong những năm đầu đổi mới các cơ sở kinh doanh thua lỗ nên việc tự đầu tư gần như không phát sinh, chủ yếu dựa vào nguồn đầu tư cấp phát từ ngân sách.

Hai là, cấp phát trực tiếp đầu tư phát triển điện ảnh theo chương trình, dự án; đặt hàng các hãng sản xuất phim theo các tiêu chí của nhà nước đề ra. Chính sách đặt hàng, tài trợ ngành Điện ảnh để sản xuất một số phim với nội dung phục vụ nhiệm vụ chính trị đồng thời nhằm mục đích duy trì đội ngũ cán bộ, nghệ sĩ. Từ năm 1995-2005 mỗi năm đặt hàng sản xuất 12-18 chương trình băng hình băng hình chuyên đề miền núi bằng ngân sách sự nghiệp của Bộ Văn hoá-Thông tin; loại này chuyên cung cấp cho đội chiếu phim lưu động phục vụ đồng bào miền núi, dân tộc thiểu số, biên giới hải đảo, vùng sâu, vùng xa để xoá các điểm trắng về xem phim, tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, nâng cao đời sống văn hoá, nâng cao dân trí cho nhân dân các vùng nêu trên.

2.3.1.3. Tình hình sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách theo nội dung sử dụng

Khả năng định nguồn vốn đầu tư của nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong tất cả các khâu của hoạt động điện ảnh: Từ khâu đào tạo nguồn nhân lực cho cả ba lĩnh vực nghệ thuật - kinh tế - kỹ thuật đến khâu sản xuất phim, bảo quản phim, đến khâu phổ biến phim. Nguồn vốn này được đầu tư từ ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương, tuy nhiên so với yêu cầu đầu tư phát triển điện ảnh trong từng thời kỳ còn rất hạn chế, thậm chí còn nhỏ giọt, phân tán và thiếu đồng bộ.

Bảng (2.9): CƠ CẤU VỐN ĐẦU TƯ THEO NỘI DUNG SỬ DỤNG

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG SỬ DỤNG	1995-2000	2001-2005	1995-2005	Tỷ lệ
1.Thiết bị sản xuất phim	58.571	71.917	130.488	50,3%
2.Thiết bị phổ biến phim	41.156	49.575	90.731	35%
3.Xây dựng, cải tạo rạp	23.570	0	23.570	9%
4.Khâu đào tạo	3.800	10.708	14.508	5,7%
TỔNG SỐ	126.297	132.200	259.297	100%

Nguồn: Niên giám thống kê Bộ Văn hoá-Thông tin và Cục Điện ảnh

Số liệu bảng (2.9) cho thấy, nếu xét về nội dung đầu tư thì vốn đầu tư chủ yếu được sử dụng cho khâu mua sắm và đổi mới thiết bị phục vụ sản xuất và chiếu phim. Tổng vốn sử dụng cho lĩnh vực này thời kỳ 1995-2005 chiếm 85,3% tổng vốn huy động, trong đó đầu tư cho thiết bị xuất phim chiếm cao nhất 50,3%, khâu phổ biến phim là 35%. Điều này thể hiện quan điểm đổi mới và hiện đại hoá ngành điện ảnh Việt Nam nhằm khắc phục lạc hậu về thiết bị kỹ thuật của sản xuất và phổ biến phim.

Bảng (2.9) cũng bộc lộ sự mất cân đối trong sử dụng vốn đầu tư. Chỉ chú trọng đến đầu tư cho thiết bị chiếm 85,3% trong tổng đầu tư; vốn đầu tư sử dụng cho khâu đổi mới, nâng cấp hệ thống rạp chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ, chiếm 9%; không chú trọng đầu tư cho con người, chỉ chiếm 5,7%; trong khi điện ảnh đòi hỏi phải đầu tư đồng bộ giữa thiết bị với con người. Sự mất cân đối này thể hiện sự kém hiệu quả trong sử dụng vốn, kém hiệu quả trong đầu tư và chất lượng của sản phẩm điện ảnh, không tạo được các yếu tố đồng bộ để thị trường điện ảnh mở ra và phát huy tác dụng.

Việc sử dụng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách vào các lĩnh vực hoạt động điện ảnh được thực hiện trong thời gian qua chủ yếu thông qua các chương trình, dự án và cơ cấu sử dụng cũng có sự thay đổi theo 2 giai đoạn khác nhau. Vì vậy, để hiểu rõ hơn việc sử dụng vốn đầu tư trong các nội dung hoạt động điện ảnh, cần phân tích cơ cấu vốn đầu tư thông qua sử dụng vốn thuộc chương trình mục tiêu trong 2 giai đoạn 1995-2000 và giai đoạn 2001-2005, cụ thể của mỗi giai đoạn như sau:

2.3.1.4. Thực trạng sử dụng vốn đầu tư ngân sách thuộc “Chương trình mục tiêu củng cố và phát triển điện ảnh” giai đoạn 1995 - 2005

Xuất phát từ sự thay đổi mục tiêu đầu tư trong chương trình nên việc phân tích thực trạng sử dụng vốn đầu tư trên được chia làm hai thời kỳ khác nhau như sau:

a/ Thực trạng sử dụng vốn đầu tư ngân sách thuộc chương trình mục tiêu củng cố và phát triển điện ảnh Việt Nam thời kỳ 1995-2000

Vốn đầu tư theo mục tiêu chương trình điện ảnh Thời kỳ 1995 - 2000 thực chất là đầu tư chống xuống cấp cho ngành điện ảnh cả nước vì vậy ban đầu có tên gọi là “Chương trình chấn hưng điện ảnh Việt Nam”.

Bảng (2.10): VỐN ĐẦU TƯ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU ĐIỆN ẢNH TỪ TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG THỜI KỲ 1995 - 2000

Đơn vị: Triệu đồng

TT	MỤC TIÊU ĐẦU TƯ	SỐ TIỀN	TỶ LỆ
	ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	114.797	100%
	Thiết bị sản xuất phim Trong đó:	40.392	35,2%
	- Đầu tư thiết bị giai đoạn sản xuất tiền kỳ	34.510	85,4%
	- Đầu tư thiết bị giai đoạn sản xuất hậu kỳ	5.882	14,6%
	Đầu tư xây mới và nâng cấp rạp ở địa phương Trong đó: Xây dựng mới 10 rạp, cải tạo nâng cấp 33 rạp	23.570	20,5%
	Máy chiếu phim âm thanh lập thể lắp đặt cho rạp Trong đó:	20.702	18%
	- Máy chiếu phim nhựa âm thanh lập thể 21 bộ	12.735	
	- Máy chiếu Video 300 Inches trang bị cho rạp 40 bộ	7.967	
	Thiết bị Video 100Inches và lồng tiếng dân tộc Trong đó:	8.954	7,8%
	- Máy chiếu phim lưu động Vieo 100 Inches 114 bộ	8.202	
	- Thiết bị trang bị cho cơ sở lồng tiếng dân tộc	752	
	Đào tạo Trong đó:	3.850	3,4%
	- Đào tạo ở nước ngoài về kỹ thuật âm thanh, in tráng phim, quay phim, cán bộ quản lý...		
	- Đào tạo trong nước về sử dụng thiết bị chiếu phim hiện đại, làm âm thanh lập thể, phim hoạt hình 3D...		
	Đặt hàng sản xuất phim phục vụ ngày lễ lớn Trong đó:	17.329	15,1%

- Phim tài liệu nhựa “Hồi ức Điện biên”	313	
- Phim truyện nhựa:		
+ “Đất nước đứng lên” Đề tài về Anh hùng Núp	1.911	
+ “Hà Nội mùa đông năm 46” Đề tài về Bác Hồ	3.263	
+ “Tổ quốc tiếng gà trưa” Đề tài về Tôn Đức Thắng	2.527	
+ “Ngã ba đồng lộc” Đề tài về 10 cô gái Đồng Lộc	2.165	
+ “Điện biên phủ trên không” Về 12 ngày đêm Hà Nội	7.150	
ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	11.500	
TỔNG CỘNG (ĐẦU TƯ TỪ TW & ĐP)	126.297	

Nguồn: Niên giám thống kê Bộ VH TT và Cục Điện ảnh

Chương trình mục tiêu củng cố và phát triển Điện ảnh Việt Nam thời kỳ 1995-2000 bước đầu thu được kết quả trên một số mặt nhất định qua đánh giá kết quả sử dụng vốn ngân sách đầu tư qua số liệu bảng (2.10) như sau:

+ Các mục tiêu đặt ra phù hợp với thực tế và yêu cầu cấp bách để kịp thời củng cố và phát triển ngành Điện ảnh trong thời kỳ này.

+ Việc đầu tư trang thiết bị tiên kỳ cho các Hãng sản xuất phim đã thay đổi một phần về kỹ thuật sản xuất phim theo công nghệ mới;

+ Đào tạo nâng cao trình độ cho một số cán bộ nghệ sĩ điện ảnh, việc đào tạo đã giúp đội ngũ những người làm phim bước đầu tiếp cận được với kỹ thuật công nghệ sản xuất phim mới trên thế giới, nâng cao năng lực chuyên môn.

+ Nhiều rạp trong hệ thống chiếu phim cả nước đã được cải tạo nâng cấp, trang bị máy chiếu phim nhựa 35 mm hoặc máy chiếu phim 300 Inches hiện đại hoặc xây dựng rạp chiếu phim mới tại những tỉnh mới thành lập chưa có rạp chiếu phim.

+ Phục hồi được các đội chiếu phim lưu động trên địa bàn cả nước thông qua việc cấp trang bị thiết bị chiếu phim lưu động và lồng tiếng dân tộc trong phim để chiếu phục vụ đồng bào dân tộc miền núi, vùng sâu, vùng xa, căn cứ cách mạng cũ nhằm nâng cao đời sống văn hóa, tuyên truyền đường lối chính sách đến đồng bào.

+ Sản xuất được một số phim lớn về lãnh tụ, phim lịch sử, truyền thống có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao kịp thời tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ trong những ngày kỷ niệm lớn của đất nước...

Tuy nhiên, thực trạng sử dụng vốn ngân sách đầu tư cho các mục tiêu chương trình qua số liệu và tình hình trên còn thể hiện những hạn chế nhất định:

+ Vốn đầu tư phát triển điện ảnh không lớn, chỉ có một nguồn vốn duy nhất là vốn ngân sách nhà nước, kể cả nguồn vốn từ địa phương; trong đó 90% là nguồn vốn từ Trung ương, vốn địa phương chỉ chiếm 10% tổng đầu tư, vì vậy mức vốn đầu tư rất hạn hẹp không đáp ứng yêu cầu tập trung đầu tư để phát triển.

+ Thời gian đầu tư kéo dài trong 5 năm, đầu tư phân tán, tràn lan “rải mảnh mảnh” do nhiều cơ sở Điện ảnh trong cả nước và 61 (Nay là 64) tỉnh thành phố đều phải được cân đối vốn theo tiêu chí “tất cả đều phải được hưởng lợi từ ngân sách”.

+ Nhiều mục tiêu đặt ra nhưng đầu tư cho các mục tiêu chưa đồng bộ đó là: Tỷ trọng loại vốn đầu tư cho thiết bị là lớn nhất (81.5%), nhưng đào tạo con người sử dụng để khai thác thiết bị và đầu tư cho sản xuất phim rất nhỏ (3,4% đào tạo; 15,1% sản xuất 6 phim trong 5 năm).

+ Trong phần vốn đầu tư thiết bị sản xuất phim cũng thiếu sự đồng bộ, cụ thể là: Đầu tư cho thiết bị tiền kỳ cao (85,4% vốn cho hãng sản xuất phim) nhưng không đồng bộ với đầu tư vốn cho khâu hậu kỳ (14,6% vốn cho Trung tâm kỹ thuật về âm thanh, dựng phim và in tráng phim). Kết quả là các khâu tiền kỳ như kịch bản phim, quay phim, thu lồng tiếng được cải tiến rõ rệt. Chúng ta đã có những kịch bản phim hay hơn, hấp dẫn hơn, phim sản xuất trong thời kỳ này có kỹ thuật quay, hình ảnh chất lượng cao hơn trước, Tuy nhiên khâu hậu kỳ không được đầu tư đúng mức nên kết quả cuối cùng là phim vẫn chưa được nâng cao chất lượng toàn diện.

+ Đầu tư cho thiết bị, xây dựng, cải tạo rạp lớn nhưng không cân đối với số lượng phim sản xuất và nhập khẩu mặt khác các phim phục vụ nhiệm vụ chính trị đôi khi khô cứng thiếu hấp dẫn, ít thu hút khán giả vào rạp, không đạt hiệu quả kinh tế và kéo theo hiệu quả xã hội chưa cao. Cơ sở chiếu phim ít được đổi mới, cải tiến hiện đại hoá, thiết bị chiếu phim lạc hậu không theo kịp với nhu cầu thị hiếu của nhân dân. Vốn đầu tư thiết bị và cải tạo rạp quá thấp nên có tới 330 rạp chiếu bóng gần như đóng cửa hoàn toàn, chỉ có Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh còn vài rạp hoạt động thưa thớt. Các rạp còn lại hoặc đóng cửa hoặc chuyển mục đích sử dụng khác như làm khách sạn nhà hàng hoặc bán đi để trang trải nợ nần và trả lương. Trên 1.100 đội chiếu bóng lưu động phục vụ các vùng nông thôn, miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa bị giải thể....

+ Giai đoạn này đã đầu tư được một phần thiết bị công nghệ mới cho sản xuất phim giai đoạn tiền kỳ nhưng chưa coi trọng đào tạo con người khai thác sử dụng vì vậy thiết bị chưa khai thác đã bị lạc hậu, không phát huy hiệu quả trong đầu tư.

+ Vốn thiếu so với nhu cầu đầu tư phát triển nhưng chưa xác định tập trung đầu tư cho công nghệ sản xuất phim truyện nhựa là chính, thiết bị video chỉ là phụ trợ, dẫn đến đầu tư thiếu tập trung; Thiết bị video đầu tư cho rạp không thu hút được khán giả đến rạp, thiết bị lạc hậu nhanh và hỏng không sử dụng được. Nhiều nguyên nhân khác cũng dẫn đến việc đầu tư và sử dụng vốn đầu tư phát triển điện ảnh thời kỳ 1995-2000 chưa đạt được các mục tiêu đặt ra và chưa phát huy hiệu quả sử dụng vốn.

b/ Thực trạng sử dụng vốn đầu tư ngân sách “Mục tiêu phát triển Điện ảnh thuộc chương trình Quốc gia về Văn hoá” thời kỳ 2001 - 2005.

Vốn đầu tư cho chương trình mục tiêu điện ảnh thời kỳ 1995-2000 chưa đạt được như mong muốn vì nhiều lý do, tuy nhiên đã chặn được sự suy thoái, xuống cấp trầm trọng trong toàn ngành. Thời kỳ 2001 - 2005 tiếp theo được chuyển hướng đầu tư phát triển theo các mục tiêu và dự án hiện đại hoá khâu sản xuất, phổ biến phim, lưu trữ phim và đào tạo cán bộ trong chương trình quốc gia về văn hoá.

Bảng (2.11): VỐN ĐẦU TƯ MỤC TIÊU ĐIỆN ẢNH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA VỀ VĂN HOÁ THỜI KỲ 2001 - 2005

Đơn vị: Triệu đồng

	MỤC TIÊU ĐẦU TƯ	SỐ TIỀN	TỶ LỆ
I	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	132.200	100%
	Sản xuất phim và lưu trữ phim Trong đó:	71.917	54,4%
	- Đầu tư thiết bị sản xuất phim khâu sản xuất tiền kỳ	59.131	
	- Đầu tư thiết bị lưu trữ, bảo quản phim	12.786	
	Phổ biến phim Trong đó:	49.575	37,5%
	- Máy chiếu phim nhựa âm thanh lập thể cho rạp	14.500	
	- Máy chiếu phim nhựa 35 ly lưu động	9.623	
	- Máy chiếu Video 100 Inches	10.752	
	- Thiết bị lồng tiếng dân tộc 2 bộ	700	
	- Thiết bị lồng tiếng in sao băng đĩa hình hiện đại 2 bộ	7.000	
	- Đầu tư cho trung tâm đào tạo chuyên giao công nghệ	7.000	
	Đào tạo nâng cao trình độ sử dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất, lưu trữ và phổ biến phim	10.708	8,1%

	Trong đó: - Đào tạo ở nước ngoài về kỹ thuật âm thanh, in tráng phim, quay phim, cán bộ bộ quản lý... - Đào tạo trong nước về sử dụng thiết bị chiếu phim hiện đại, làm âm thanh lập thể, đồ hoạ hoạt hình 3D...	8.462 2.246	
II	ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐỔI MỚI THIẾT BỊ HẬU KỲ THUỘC TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐIỆN ẢNH	49.300	
	TỔNG CỘNG (I + II)	181.500	

Nguồn: Niên giám thống kê Bộ VH TT và Cục Điện ảnh

Tiếp tục thực hiện các mục tiêu phát triển điện ảnh thuộc chương trình quốc gia về văn hoá thời kỳ 2001-2005 đã đạt được kết quả trên một số mặt nhất định qua việc đánh giá kết quả sử dụng vốn ngân sách đầu tư qua số liệu bảng (2.11) như sau:

+ Mục tiêu đặt ra phù hợp với yêu cầu thực tế, đầu tư tiếp nhằm đồng bộ hoá, khai thác và phát huy vốn đầu tư giai đoạn 1995-2000. Sự mất cân đối trong sử dụng vốn đầu tư vào khâu hậu kỳ so với khâu tiền kỳ ở thời kỳ trước đã từng bước được khắc phục bằng một dự án đầu tư hậu kỳ khá quy mô và có hệ thống được thực hiện tại Trung tâm Kỹ thuật điện ảnh. Vốn đầu tư sử dụng ở khâu tiền kỳ vẫn được coi trọng đúng mức trong thời kỳ này, vì vậy nhiều tác phẩm điện ảnh Việt Nam thời kỳ 2001-2005 được nâng cao chất lượng kỹ thuật hơn thời kỳ trước.

+ Đầu tư cho khâu sản xuất và lưu trữ phim đã thay đổi cơ bản về thiết bị theo công nghệ sản xuất phim hiện đại của các nước trong khu vực và các nước có nền điện ảnh phát triển trên thế giới. Viện lưu trữ phim có điều kiện bảo quản an toàn và khai thác phim thuận lợi, đáp ứng yêu cầu lưu trữ và trao đổi tư liệu phim quốc tế.

+ Trang bị máy chiếu phim nhựa âm thanh lập thể cho các rạp chiếu phim và cơ sở lồng tiếng, in sao băng đĩa hình hiện đại, mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động của thị trường điện ảnh, tạo điều kiện thu hồi vốn sản xuất phim và tiền bản quyền; đưa phim nhựa đến phục vụ góp phần nâng cao đời sống văn hoá đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, khu căn cứ kháng chiến cũ.

+ Đào tạo trong nước và nước ngoài bước đầu nâng cao được trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật sử dụng thiết bị chiếu phim hiện đại, kỹ thuật quay phim, kỹ

thuật âm thanh, kỹ thuật in tráng phim, họa sĩ thiết kế mỹ thuật cho phim... mở rộng khả năng cung cấp dịch vụ và hợp tác làm phim với nước ngoài.

+ Do chủ trương đầu tư của trung ương cho chương trình mục tiêu đúng hướng, bước đầu đã đạt được hiệu quả nên lãnh đạo các địa phương đã quan tâm tạo điều kiện hỗ trợ vốn sửa chữa nâng cấp rạp chiếu phim, hỗ trợ mua máy chiếu phim nhựa âm thanh lập thể hiện đại, hỗ trợ trang thiết bị cho hoạt động chiếu phim lưu động.

2.3.1.5. Thực trạng sử dụng vốn đầu tư ngoài ngân sách

Vốn đầu tư ngoài ngân sách bao gồm vốn đầu tư tự bỏ ra của các hãng phim nhà nước, hãng phim tư nhân, vốn của các nhà đầu tư khác ở trong nước và vốn đầu tư của nước ngoài. Vốn đầu tư này hiện chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng vốn đầu tư nhưng ngày càng trở nên quan trọng, khi thực hiện chủ trương xã hội hoá hoạt động điện ảnh, tỷ trọng vốn này sẽ tăng nhanh do khuyến khích nhằm huy động các nguồn lực trong xã hội đầu tư cho điện ảnh. Nguồn vốn ngoài ngân sách được tập trung đầu tư vào sản xuất phim nhưng chủ yếu chỉ sản xuất những bộ phim truyện giải trí, mang tính vụ việc nhất thời.

Nguồn nước ngoài rất hạn hẹp, chủ yếu do cơ sở sản xuất phim trong nước cung cấp dịch vụ sản xuất cho nước ngoài. Gần đây, một vài nhà phát hành phim nước ngoài liên doanh đầu tư cải tạo rạp với quy mô nhỏ (Rạp Dân chủ, lớn hơn có cụm rạp Megastar ở Hà Nội; cá biệt có nguồn vốn ODA của Nhật đầu tư cho Trung tâm chiếu phim quốc gia tại Hà Nội 01 máy chiếu phim nhựa âm thanh lập thể.

2.3.1.6. Đánh giá chung thực trạng sử dụng vốn đầu tư phát triển điện ảnh thời gian qua

Qua phân tích chi tiết các góc độ sử dụng vốn đầu tư cho phát triển điện ảnh giai đoạn 1995-2005, có thể rút ra những kết luận chủ yếu sau đây:

+ Nhìn tổng quan thời gian qua, việc sử dụng vốn đầu tư đã bắt đầu phù hợp với yêu cầu của hiện đại hoá và phát triển ngành trong điều kiện kinh tế thị trường. Việc sử dụng vốn bước đầu đã tạo điều kiện cho điện ảnh tiếp cận với công nghệ tiên tiến, kỹ thuật sản xuất phim hiện đại, hỗ trợ cho sự sáng tạo nghệ thuật để tạo ra được một số phim đạt tiêu chuẩn cao, tác phẩm điện ảnh phản ánh cuộc sống xã hội đương đại đa diện, nhiều chiều... Ý thức được hiệu quả kinh tế phải gắn liền với hiệu quả xã hội trong đầu tư. Cơ cấu sản phẩm điện ảnh trong thời kỳ này được phát triển và đổi mới sản

phẩm, nội dung phong phú, giải trí, lôi cuốn người xem, tăng khả năng thu hồi vốn đầu tư cho sản xuất.

+ Tuy nhiên hạn chế khá rõ nét trong quá trình sử dụng vốn nổi lên là: sử dụng vốn đầu tư còn phân tán thể hiện việc rải ra quá nhiều mục tiêu; thiếu đồng bộ giữa các khâu tiền kỳ và hậu kỳ sản xuất phim, đầu tư thiết bị không gắn liền với đào tạo chuyển giao kỹ thuật, chỉ chú trọng đầu tư cho kỹ thuật mà chưa chú trọng đầu tư cho các yếu tố sáng tạo nghệ thuật; thiếu sự đầu tư trọng tâm, dứt điểm mang tính đột phá; chưa coi trọng và tạo ra môi trường đầu tư hấp dẫn để tăng cường thu hút vốn đầu tư ngoài ngân sách để giảm gánh nặng đầu tư ngân sách mà còn nặng tư tưởng bao cấp chủ yếu trông chờ vào nhà nước.

+ Tỷ trọng vốn đầu tư sử dụng còn thiếu cân đối trong các khâu của hoạt động Điện ảnh, đầu tư đổi mới thiết bị sản xuất phim mới chỉ tập trung vào thiết bị tiền kỳ như máy quay phim, đèn chiếu phim và thiết bị phụ trợ mà chưa chú ý đầu tư cho thiết bị hậu kỳ và các thiết bị âm thanh, kỹ xảo hình ảnh khác do đó chưa có chuyển biến nhiều về nâng cao chất lượng phim.

+ Đã đầu tư xây dựng, cải tạo rạp và đổi mới thiết bị chiếu phim trong hệ thống rạp cả nước nhưng đầu tư không tập trung dứt điểm từng công trình. Quan niệm "hưởng lợi" được quán triệt trong phân phối vốn ở trung ương nên phải dàn đều "công bằng, bình đẳng" nhưng không phát huy hiệu quả và tình trạng này đã kéo dài trong nhiều năm qua.

+ Đầu tư vốn cho sản xuất phim còn mang tính chất giải quyết chính sách hỗ trợ để tồn tại, duy trì đội ngũ nghệ sĩ và chống "trượt dốc" đối với ngành do đó chi phí sản xuất ít tập trung cho các yếu tố nghệ thuật mà giải quyết chi trả lương và bộ máy hành chính công kênh và tổ chức bộ máy tồn tại từ thời bao cấp.

+ Chi phí tài trợ sản xuất một phim truyện nhựa rất thấp, không bảo đảm chi phí cho các yếu tố sáng tạo như kỹ xảo trong phim, đạo cụ, phục trang, hoá trang trong những phim lịch sử, phim chiến tranh dẫn đến phim không chân thực, thiếu hấp dẫn khán giả, phát hành và phổ biến phim không thu hồi được vốn. đơn cử tại bảng sau:

**Bảng (2.12): CHI PHÍ ĐẦU TƯ SẢN XUẤT MỘT PHIM TRUYỆN NHỰA
PHIM NƯỚC NGOÀI VÀ PHIM VIỆT NAM**

Đơn vị : Triệu USD

STT	TÊN PHIM	ĐƠN VỊ	NƯỚC SẢN XUẤT	CHI PHÍ SẢN XUẤT PHIM
1	Titanic	Bộ phim	Mỹ	200 triệu USD
2	Cướp biển vùng Cariber	nt	Mỹ	207 triệuUSD
3	Kinhkong	nt	Mỹ	203 triệu USD
4	Ngoạ hồ Tàng long	nt	Trung quốc	30 triệu USD
5	Vô cực	nt	Trung quốc	35 triệu USD
6	Hoàng kim giáp	nt	Trung quốc	45 triệu USD
7	Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông	nt	Phim hợp tác	01 triệu USD
8	Ký ức Điện Biên	nt	Việt Nam	0,90 triệuUSD
9	Giải phóng Sài Gòn	nt	Việt Nam	0,84 triệuUSD
10	Áo lụa Hà Đông	nt	Việt Nam	0,40 triệu USD
11	Chuyện của Pao	nt	Việt Nam	0,20 triệuUSD
12	Tài trợ phim truyện bình quân	nt	Việt Nam	0,08 triệu USD

Nguồn: Số liệu thống kê của Cục điện ảnh

+ Chưa đặc biệt quan tâm nhiều đến yếu tố con người trong đầu tư phát triển điện ảnh trong khi đào tạo chuyên ngành điện ảnh rất công phu và tốn kém. Đầu tư đào tạo dài hạn thì thu hẹp, mục tiêu đào tạo trong chương trình đầu tư thấp, lại phân tán kéo dài, nên phát huy hiệu quả thấp.

+ Việc sử dụng nguồn vốn đầu tư từ các nguồn khác ngoài ngân sách chưa được khai thác và coi trọng vì vậy đã thể hiện sự yếu kém rõ rệt trên lĩnh vực này. Các nhà đầu tư tư nhân, các hãng phim tư nhân còn rất ít, đầu tư còn mang tính chất thăm dò, dè dặt; Các hãng phim nhà nước chưa hình thành thói quen tự bỏ vốn đầu tư cho sản xuất và phải tự thu hồi vốn. Các nhà đầu tư lớn ở nước ngoài vẫn còn chưa xuất hiện mà chỉ đầu tư mang tính nhỏ, lẻ trong ngành Điện ảnh. Điều này chủ yếu là do chúng ta chưa có sự chuẩn bị cần thiết cho sự chuyển đổi điện ảnh sang hoạt động theo cơ chế thị trường, chưa tạo được môi trường và lòng tin đối với các nhà đầu tư tư nhân trong và ngoài nước cho Điện ảnh nước nhà.

+ Tư tưởng coi phim ảnh là sản phẩm tư tưởng và là hàng hoá công cộng thuần túy nên chưa chú trọng đến yếu tố sáng tạo của các nghệ sĩ để nâng cao tính hấp dẫn của phim

Việt Nam nhằm hướng tới khán giả và doanh thu. Sản phẩm Điện ảnh nước ta có sức cạnh tranh rất kém trên thị trường, phim thiếu tính chân thật, kém hấp dẫn; đội ngũ cán bộ, nghệ sĩ của ngành còn tư tưởng trông chờ sự hỗ trợ từ nhà nước, thiếu năng động sáng tạo. Tất cả những vấn đề đó đã tạo ra những rào cản lớn trong việc sử dụng nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách cho lĩnh vực này.

2.3.2. Đánh giá tác động của thu hút và sử dụng vốn đầu tư đến phát triển điện ảnh Việt Nam thời gian qua

Từ việc phân tích thực trạng thu hút và sử dụng nguồn vốn đầu tư cho phát triển Điện ảnh thời gian qua, chúng ta có thể rút ra những tác động tổng hợp của cả hai vấn đề này đến hoạt động Điện ảnh Việt Nam giai đoạn 1995-2005 dưới dạng những kết luận chính như sau:

2.3.2.1. Những mặt được từ kết quả của quá trình đầu tư phát triển điện ảnh

a/ Tạo nên sự gia tăng trong quy mô hoạt động của toàn ngành cũng như từng đơn vị sản xuất phim

Quy mô vốn sản xuất và phổ biến phim vừa qua có sự gia tăng, gia tăng về tài sản cố định, vốn chủ sở hữu cũng như thu nhập của toàn ngành. Có thể theo dõi điều này qua biểu sau:

Bảng (2.13): QUY MÔ VỐN VÀ DOANH THU CỦA CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT PHIM

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	VỐN CHỦ SỞ HỮU	DOANH THU
1	Hãng phim Truyền VN			
	Năm 2001	11.934	15.648	4.998
	Năm 2002	16.119	19.316	8.460
	Năm 2003	19.870	23.991	15.122
	Năm 2004	21.388	26.607	17.289
2	Hãng phim Truyền I			
	Năm 2001	2.630	4.163	11.458
	Năm 2002	2.933	4.597	8.699
	Năm 2003	2.570	4.638	14.828
	Năm 2004	1.975	4.689	15.877
3	Hãng phim Giải Phóng			

	Năm 2001	11.322	15.063	8.323
	Năm 2002	10.200	15.433	8.228
	Năm 2003	9.819	18.261	10.383
	Năm 2004	15.122	19.500	13.501
4	Hãng phim Tài liệu KHTW			
	Năm 2001	4.705	9.652	4.310
	Năm 2002	5.123	8.960	3.798
	Năm 2003	13.991	18.687	4.137
	Năm 2004	20.972	25.805	4.543
5	Hãng phim Hoạt hình VN			
	Năm 2001	10.126	13.976	2.481
	Năm 2002	9.295	12.397	3.212
	Năm 2003	8.467	12.264	2.628
	Năm 2004	7.627	18.748	2.825
6	Công ty Fafim Việt Nam			
	Năm 2001	28.653	32.675	57.094
	Năm 2002	27.188	33.253	48.181
	Năm 2003	25.899	29.729	45.838
	Năm 2004	28.739	33.219	44.536

Nguồn: Tổng hợp báo cáo quyết toán các đơn vị Điện ảnh thuộc Bộ VH TT

Số liệu bảng (2.13) cho thấy các Hãng phim thời kỳ 2001-2004 đều gia tăng về tài sản cố định và vốn chủ sở hữu, điều đó cũng phản ánh kết quả của giai đoạn đầu tư 1995-2000 làm gia tăng vốn ở giai đoạn 2001-2005. Đặc biệt phải nói đến sự gia tăng với quy mô khá lớn về vốn cố định cũng như vốn chủ sở hữu của Hãng phim Truyện Việt Nam, Hãng phim Giải Phóng, Hãng phim Tài liệu khoa học TW. Cùng với sự gia tăng về quy mô vốn là sự gia tăng đáng kể về doanh thu của các hãng phim, điều này phản ánh trên một mức độ nhất định ảnh hưởng tốt từ đầu tư phát triển đến hoạt động của ngành điện ảnh. Sự gia tăng này chủ yếu tập trung vào năng lực thiết bị máy móc trong các khâu sản xuất và phát hành phim làm cho cơ cấu tài sản cố định của các hãng phim cũng được thay đổi theo hướng tích cực hơn.

b/ Quy mô và chủng loại sản phẩm điện ảnh có xu hướng tăng lên đáng kể

Với sự gia tăng trong yếu tố cấu thành năng lực sản xuất của các hãng phim, nên kết quả cho thấy số đầu phim sản xuất ra trong thời gian gần đây có sự gia tăng ngày càng lớn. Có thể theo dõi qua bảng sau:

Bảng (2.14): SỐ LƯỢNG PHIM SẢN XUẤT TỪ NĂM 2000 - 2005

Đơn vị: Bộ phim

Năm sản xuất	Phim truyện			Phim tài liệu khoa học	Phim hoạt hình	Tổng số phim sản xuất
	Tổng số	Truyện nhựa	Phim video			
2000	24	11	13	28	3	55
2001	19	4	15	36	7	62
2002	27	14	13	30	10	67
2003	29	18	11	24	5	78
2004	59	15	44	38	7	104
2005	61	15	46	36	14	111

Nguồn: Niên giám thống kê Bộ VH TT và Cục điện ảnh

Qua số liệu bảng (2.14) cho thấy số lượng phim sản xuất được tăng lên qua các năm, đặc biệt là trong năm 2004-2005 số lượng sản xuất ra tăng gấp 2 lần so với năm 2000. Trong điều kiện ta chưa có nhiều vốn để sản xuất phim nhựa, đầu ra và khả năng thu hồi vốn làm phim còn nhiều hạn chế, việc thay thế phim nhựa bằng phim truyền hình đã phần nào đáp ứng nhu cầu xem nội dung phim của khán giả. Điều thấy rất rõ là nhờ kết quả của đầu tư phát triển, nên các cơ sở sản xuất ra sản phẩm điện ảnh được đầu tư nâng cấp và mở rộng để sản xuất phim cung cấp cho thị trường tăng lên về số lượng và chủng loại phim. Một hãng sản xuất có thể sản xuất ra nhiều loại phim khác nhau như phim truyện nhựa, phim truyện video, phim tài liệu khoa học, hoạt hình, sản phẩm điện ảnh được phổ biến phong phú hơn...

Xu thế hiện nay ở Việt Nam cũng như các nước là kết hợp giữa điện ảnh và truyền hình đó là: Ngoài việc vẫn sản xuất phim nhựa với nội dung nghệ thuật và kỹ thuật cao để phát hành trên hệ thống rạp; điện ảnh còn sản xuất phim cho Truyền hình với phương pháp của điện ảnh, tạo nguồn thu để tiếp tục đầu tư cho sản xuất phim nhựa. Ngoài ra, các rạp chiếu phim nhựa được hiện đại hoá, tạo cảm giác hơn hẳn về thưởng thức nghệ thuật nhằm kéo khán giả từ màn ảnh nhỏ đến rạp xem phim màn ảnh lớn... Đây cũng là kết quả của quá trình đổi mới quan điểm đầu tư phát triển điện ảnh nước ta.

c/ Chất lượng sản phẩm điện ảnh được cải thiện nhất định, điều này thể hiện ở cả nội dung, kỹ thuật và đội ngũ những người làm phim

+ Về nội dung: Ngoài dòng phim nghệ thuật chính thống nêu trên, thời kỳ này còn có một số phim mang tính giải trí, dòng phim mới này chưa từng có ở điện ảnh Việt Nam đó là dòng phim thương mại nhưng phần nào đáp ứng thị hiếu đa dạng lành mạnh của đông đảo người xem. Chất lượng nội dung tư tưởng không sai lệch và chất lượng nghệ thuật sau mỗi năm đều tiến bộ hơn những năm trước.

+ Về chất lượng kỹ thuật: Thiết bị quay phim, in tráng phim và thiết bị phục vụ sản xuất phim khác từng bước được nâng cấp nên phim có hình ảnh trong sáng, rõ nét hơn, hạn chế nhiều phim bụi và xước; từ sau năm 2000 đã thực hiện làm âm thanh Stereo (HiFi) cho phim, từ năm 2003 một số phim đã làm âm thanh lập thể (Dolby Surround). Phim màu đã thay thế hoàn toàn phim đen trắng. Phim được làm trên nhiều loại vật liệu khác nhau như phim nhựa màu màn ảnh rộng, phim làm trên băng, đĩa hình, đáp ứng các hình thức xem phim của khán giả. Tuy nhiên về nhiều mặt Điện ảnh của ta chưa tiến kịp với chất lượng kỹ thuật của điện ảnh thế giới.

+ Về đội ngũ những người làm phim: Đội ngũ biên kịch, đạo diễn, quay phim, họa sĩ đã tích lũy thêm kinh nghiệm nghề nghiệp, thể hiện được một số bộ phim có cốt truyện sâu sắc, nội dung tư tưởng tốt... tuy nhiên thời kỳ này, một số nghệ sĩ vẫn bộc lộ sự lúng túng, sự sơ cứng trong sáng tác và thể hiện tác phẩm của mình trong khi nền kinh tế đất nước chuyển mình sang một cơ chế điều hành mới. Lớp diễn viên mới không được đào tạo chuyên ngành, chưa tích lũy vốn sống, lại chạy theo thu nhập "chạy sô" không còn thời gian cho tư duy sáng tạo đã góp phần làm giảm sút chất lượng nghệ thuật, giảm sút tính chân thật, hấp dẫn của phim.

d. Thị trường Điện ảnh có sự cải thiện mở rộng và phong phú hơn hẳn thời kỳ trước

Sự thay đổi trong chính sách trong hoạt động điện ảnh làm thay đổi đáng kể về hoạt động của thị trường điện ảnh Việt Nam, thể hiện sự phong phú hơn số lượng và chủng loại phim phổ biến trên thị trường, cụ thể là:

+ Mở ra nhiều khả năng lựa chọn cho người tiêu dùng đối với sản phẩm Điện ảnh. Kết quả của quá trình đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật và thiết bị chiếu phim, người xem có thể được thưởng thức sản phẩm điện ảnh dưới nhiều hình thức khác nhau như xem phim nhựa tại rạp, xem phim nổi (3D), người xem thuê và xem băng hình nhiều tập của nước ngoài nhập khẩu băng đầu video tại nhà, xem phim qua hệ thống truyền hình miễn phí, xem phim qua thiết bị chiếu phim lưu động 35 mm, 100 Inches, 300 Inches phục vụ tại các bãi chiếu phim ngoài trời tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

+ Quy mô sản xuất phim được mở rộng hơn đó là các hãng sản xuất phim có thể sản xuất được nhiều loại sản phẩm phim ảnh ghi trên các loại vật liệu khác nhau như phim

nhựa, băng đĩa hình, phim phát sóng trên truyền hình... nhưng phim nhựa vẫn là loại hình Điện ảnh đích thực, hình ảnh có độ phân giải cao nhất được chiếu tại rạp, cụm rạp với màn ảnh rộng.

+ Thành phần tham gia thị trường mở rộng hơn thể hiện ngành cung cấp sản phẩm gồm cả Điện ảnh và truyền hình; các thành phần kinh tế trong nước được tham gia thị trường Điện ảnh đáp ứng nhu cầu người xem các ngành nghề và ở tất cả các lứa tuổi trong xã hội. Hình thức sản xuất và lưu hành tác phẩm Điện ảnh trên thị trường ngày càng phong phú, thể hiện không chỉ về nội dung tác phẩm, đề tài, thể loại mà cả kỹ thuật thể hiện và phương tiện kỹ thuật phổ biến phim nhằm chuyển tải nội dung đến với người xem thuận tiện nhất, với chất lượng kỹ thuật cao.

Có thể khái quát về giai đoạn này là: Điện ảnh nước ta đã tạo ra một thị trường thực sự về hình thức thể hiện cũng như quy mô và thành phần tham gia, sản phẩm cung cấp trên thị trường gồm phim trong nước và phim nước ngoài với nhiều đề tài, thể loại phim đáp ứng thị hiếu người xem trong nước. Quy luật thị trường bắt đầu đi vào vận hành, tuy nhiên nó chưa đủ mạnh để phát huy tác dụng bởi còn tùy thuộc nội lực vốn có của điện ảnh trong nước và nhận thức vận dụng sáng tạo cơ chế chính sách đồng bộ với quy luật và thực tiễn của thị trường. Chưa bao giờ khán giả trong nước được hưởng thụ các loại hình sản phẩm điện ảnh nhiều và phong phú như hiện nay, xem phim bằng nhiều hình thức thuận tiện qua các phương tiện kỹ thuật hiện đại và xem phim trên hệ thống truyền hình trung ương và địa phương.

2.3.2.2. Những mặt hạn chế trong đầu tư phát triển điện ảnh và tác động của nó đến hoạt động điện ảnh Việt Nam thời gian qua

a/ Hiệu quả đầu tư trong các cơ sở điện ảnh rất kém

Một biểu hiện dễ thấy nhất về của đầu tư phát triển điện ảnh trong thời gian qua là hiệu quả về tài chính thấp vì phim sản xuất ra ở các hãng phim không có nơi tiêu thụ, càng đầu tư cho sản xuất phim càng thua lỗ do không thu hồi được vốn để bù đắp chi phí và trả nợ ngân hàng. Sự kém hiệu quả của các Hãng phim trong thời gian qua thể hiện tại bảng hạch toán kết quả hoạt động như sau:

Bảng (2.15): KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA MỘT SỐ HÃNG PHIM

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DOANH THU	LÃI KD	LÃI KHÁC	CỘNG LÃI (LỖ)
1	Hãng phim Truyền VN				
	Năm 2001	4.998	-1.565	76	-1.489
	Năm 2002	8.460	-2.109	190	-1.919

	Năm 2003	15.122	-3.400	190	-3.210
	Năm 2004	14.289	-5.407	276	-5.131
2	Hãng phim Truyện I				
	Năm 2001	11.458	52	34	86
	Năm 2002	8.699	-	50	50
	Năm 2003	14.828	-	69	69
	Năm 2004	15.877	-	88	88
3	Hãng phim Giải Phóng				
	Năm 2001	8.323	-1.429	22	-1.407
	Năm 2002	8.228	-1.160	35	-1.125
	Năm 2003	10.383	-1.041	161	-880
	Năm 2004	13.501	- 540	-	- 540
4	Hãng phim Tài liệu KHTW				
	Năm 2001	4.310	-36	221	185
	Năm 2002	3.798	-645	277	-368
	Năm 2003	4.137	-1.946	184	-1.762
	Năm 2004	4.543	-1.750	205	-1.545
5	Hãng phim Hoạt hình VN				
	Năm 2001	2.481	-960	33	-927
	Năm 2002	3.212	-877	0	-877
	Năm 2003	2.628	-1.233	-872	-2.105
	Năm 2004	2.825	-534	-996	-1.530
6	Công ty Fafim Việt Nam				
	Năm 2001	57.094	-164	576	412
	Năm 2002	48.181	126	0	126
	Năm 2003	45.838	-121	133	12
	Năm 2004	44.536	28	-8	20

Nguồn: Tổng hợp báo cáo quyết toán các đơn vị Điện ảnh thuộc Bộ VH TT

Nếu như số liệu bảng (2.14) cho thấy, tài sản cố định và vốn sở hữu của các hãng tăng lên đáng kể trong quá trình đầu tư phát triển thì số liệu bảng (2.15) thể hiện sự kém hiệu quả về sử dụng vốn đầu tư trong sản xuất kinh doanh của các Hãng phim thuộc Bộ Văn hoá-Thông tin, nơi chiếm phần lớn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước.

+ Doanh thu tăng giảm thất thường, ngoài Hãng phim Giải Phóng và Hãng phim Truyện 1, các hãng phim khác doanh thu đạt được đều có xu hướng giảm. Đặc biệt, kết quả kinh doanh trong thời gian từ 2001- 2004 thì gần như 100% các hãng phim đều thua lỗ, vì vậy sau khi cấp vốn tài trợ, đặt hàng sản xuất phim, ngân sách lại tiếp tục cấp bù lỗ cho hãng. Thời kỳ này, các Hãng phim trong ngành càng đầu tư cho sản xuất kinh doanh thì lại càng thua lỗ lớn. Nguyên nhân chủ yếu là:

+ Chi phí sản xuất phim lớn (700 triệu đến trên tỷ đồng) xu hướng chi phí sản xuất phim ngày càng tăng do giá cả tăng nhanh, rạp vắng khách, khó thu hồi vốn, phần nhiều là lỗ. Ngân sách nhà nước tài trợ không đáp ứng đủ chi phí sản xuất phim đồng thời đầu tư thấp cũng có lý do giảm sút lòng tin khi phim tài trợ đặt hàng tại khó chiếu tại rạp, không thu hồi được vốn, hiệu quả kinh doanh kém. Các Hãng phim và các nhà sản xuất không dám tự đầu tư vốn sản xuất phim truyện nhất là phim truyện nhựa.

+ Một số phim "ăn khách" mới sản xuất ra, phát hành vòng đầu, thu hồi vốn chưa đáng kể đã bị mất bản quyền, khán giả không đến rạp xem phim mà xem băng đĩa "lậu" tại nhà. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến thua lỗ trong đầu tư sản xuất phim, do ta chưa có các biện pháp hữu hiệu về quản lý và kỹ thuật chống tẻ ăn cắp bản quyền bằng máy quay video tại các rạp, in sao trộm..

+ Phim truyện nước ngoài chiếu trên truyền hình ngày càng nhiều, người xem không phải trả tiền thuê kênh truyền hình, xem tại nhà thuận tiện, mặt khác một số phim Việt Nam cũng có nội dung nghệ thuật, kỹ thuật và tính hấp dẫn chưa cao, rạp bãi chưa thật tốt nên không thu hút được khán giả đến rạp mua vé xem phim.

+ Phim truyện Việt Nam kém sức cạnh tranh so với phim nước ngoài, đa số phim hay chỉ phục vụ tại các thành phố thị xã, không về được các vùng nông thôn, miền núi, số lượt người xem ngày càng giảm sút, hiệu quả xã hội kém. Các hãng phim luôn chìm đắm trong cảnh thiếu việc làm, thường phải xin xoá nợ với ngân hàng, xin nhà nước bù lỗ hàng năm nhiều tỷ đồng để có tiền trả lương, đội ngũ nghệ sĩ và kỹ thuật viên giỏi chuyển sang làm việc trong các ngành nghề khác.

b/ Quy mô về đầu tư còn nhỏ và thiếu đồng bộ, dẫn tới trình độ kỹ thuật của ngành điện ảnh Việt Nam trong tình trạng tụt hậu so với trình độ điện ảnh quốc tế và khu vực

+ Máy móc thiết bị sản xuất phim, in tráng phim tuy có hiện đại hơn trước nhưng chưa đồng bộ và còn nằm ở thế hệ khá xa so với quốc tế, nhiều máy móc thiết bị cũ kỹ, gần hết thời gian khấu hao nhưng vẫn phải sử dụng trong khi công nghệ kỹ thuật sản xuất phim của thế giới đã vượt xa ta về âm thanh lập thể, âm thanh vòng, âm thanh kỹ thuật số... hình ảnh trong sáng rõ nét, kỹ xảo hiện đại gây hiệu quả nghệ thuật cao; nhà xưởng không được cải tạo sửa chữa, đổi mới nên xuống cấp trầm trọng ảnh hưởng tới chất lượng kỹ thuật phim, dẫn đến kết quả phim Việt Nam ngày càng không đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ của nhiều tầng lớp khán giả khác nhau, đặc biệt là tầng lớp khán giả có trình độ ngày càng cao trong xã hội.

+ Công nghệ và thiết bị kỹ thuật của điện ảnh thế giới tiến bộ không ngừng, điện ảnh luôn tiếp thu, tận dụng, cập nhật với công nghệ cao, hiện đại hàng đầu trên thế giới vì vậy đầu tư công nghệ kỹ thuật cho điện ảnh cần khối lượng vốn rất lớn, đòi hỏi đầu tư phải đồng bộ mới khai thác và phát huy có hiệu quả vốn đầu tư. Trong khi đó ngân sách nhà nước và bản thân nền điện ảnh chưa thể đáp ứng yêu cầu đầu tư đồng bộ dứt điểm, yêu cầu cần nhập cả một dây chuyền công nghệ đồng bộ, hiện đại nhưng do thiếu vốn nên cách thức đầu tư là có vốn đến đâu mua đến đó, thiết bị kỹ thuật có thể chưa hiện đại nhất... Vì vậy, không phù hợp với chủ trương “đi tắt đón đầu” trong công nghiệp hoá-hiện đại hoá của đất nước dẫn tới thiết bị công nghệ nhanh lạc hậu, chất lượng kỹ thuật của phim chưa thật tốt về âm thanh, hình ảnh, màu sắc, độ nét, độ trong sáng, chưa có các yếu tố kỹ xảo đặc biệt về hình ảnh và âm thanh nên chưa đủ sức chuyển tải nội dung và cảm thụ nghệ thuật đến người xem.

+ Phim sản xuất từ nguồn tài trợ và đặt hàng của Nhà nước phần nhiều chỉ chú trọng đến nội dung tư tưởng tốt, nghệ thuật thể hiện và tính hấp dẫn trong phim còn thiếu và yếu nên không lôi cuốn được khán giả thành phố đến rạp xem phim, những phim này nếu chiếu miễn phí thì có khán giả nhưng không đủ sức hấp dẫn để khán giả bỏ tiền mua vé xem phim kể cả khán giả nông thôn và thành thị.

+ Chưa sản xuất nhiều loại phim có đề tài phong phú, đa dạng như phim giáo dục truyền thống, phim cho đối tượng thanh niên, phim cho trẻ em, phim tâm lý xã hội, phim hành động giải trí lành mạnh... nên chưa đáp ứng được nhu cầu thưởng thức của các đối tượng và tầng lớp khán giả khác nhau trong xã hội kết quả là không thu hút được khán giả đến rạp, doanh thu thấp (thu 10%-20% so với chi phí sản xuất phim) không thu hồi được vốn dẫn đến thua lỗ. Nguyên nhân trên một phần do thiếu vốn đầu tư cho sản xuất phim nên số lượng phim sản xuất hàng năm thấp, không mở rộng được đề tài, đầu tư đổi mới và

hiện đại hoá thiết bị kỹ thuật sản xuất phim chưa đủ và đồng bộ để khai thác các ưu thế về kỹ thuật nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng nghệ thuật dẫn đến xu hướng khán giả thành phố chỉ thích xem phim nước ngoài;

+ Trình độ đội ngũ cán bộ kỹ thuật còn hạn chế, bước đầu được đào tạo nhưng chỉ dừng ở hình thức đào tạo nhỏ lẻ, nặng về tham quan thực tập ngắn ngày, chưa được đầu tư đào tạo toàn diện về chiều sâu để nắm bắt kỹ năng và trình độ kỹ thuật sản xuất phim theo công nghệ hiện đại của khu vực và trên thế giới. Đội ngũ nghệ sĩ các khâu sáng tác như biên kịch, đạo diễn, hoạ sĩ, quay phim và các thành phần làm phim khác chưa được đưa đi đào tạo nâng cao về nghệ thuật để cập nhật với kỹ năng sáng tạo vượt bậc của điện ảnh thế giới, đây mới chính là lực lượng khai thác và phát huy hiệu quả của vốn đầu tư, làm thay đổi về chất của tác phẩm điện ảnh Việt Nam, đáp ứng trình độ hưởng thụ nghệ thuật ngày càng cao của công chúng trong xã hội.

c/ Sử dụng vốn trong nhập khẩu, phát hành phim thiếu năng động và kém hiệu quả

+ Công ty Xuất nhập khẩu và phát hành phim Trung ương là nơi mua bản quyền phim để phát hành nhưng khả năng thu hồi vốn trong nước rất thấp, không dám mạnh dạn vay vốn để trực tiếp mua phim. Mặc dù đã có sự cải tiến nhất định về việc nhập khẩu phim, áp dụng nhiều hình thức hợp tác kinh doanh để phát hành phim ở Việt Nam như: Phía nước ngoài ứng trước vốn phim, thanh toán tiền bán phim sau theo tỷ lệ chia nguồn thu chiếu phim; cho thuê phim; hợp tác cùng chiếu phim để chia lợi nhuận... đã giải quyết được phần nào khó khăn về nguồn phim nhập khẩu, tuy vậy các đối tác chủ yếu chỉ tập trung vào khu vực phim của các nước nói tiếng Trung Quốc (85% số lượng phát hành).

+ Fafim TW không có vốn để mua hết phim của các Hãng sản xuất trong nước và nhập nhiều phim hay của nước ngoài cho hệ thống phát hành, vốn mua phim trong nước và phim nhập khẩu có giá bán bản quyền cao, phát hành không thu hồi đủ vốn. Tình trạng mất bản quyền phim và băng, đĩa hình “video đen” nhập lậu tràn ngập gây hỗn độn trên thị trường điện ảnh, việc phát hành phim và phổ biến thua lỗ, không làm chủ thị trường điện ảnh trong nước.

+ Chưa mở rộng được thị trường nhập khẩu phim sang các nước do thiếu vốn, tiền mua bản quyền cao, không chủ động tiếp thị, tìm hiểu mở rộng thị trường xuất nhập khẩu phim, phát hành và phổ biến phim gần đây thua lỗ, kém hiệu quả, Fafim TW mất vai trò là chỗ dựa và người phân phối điều hoà về nội dung và tài chính của toàn ngành điện ảnh.

+ Vốn thu hút cho khâu phổ biến phim không tăng mà còn thu hẹp và giảm sút nhiều, hầu hết các rạp chiếu phim không sử dụng được, nhiều rạp chiếu phim trên phạm vi cả nước phải bán hoặc chuyển mục đích sử dụng, thiết bị kỹ thuật chiếu phim lạc hậu kỹ thuật và xuống cấp, không còn hấp dẫn khán giả đến rạp xem phim, tạo thành một vòng luẩn quẩn, khó khăn theo xu thế đi xuống trong thu hút đầu tư và sử dụng vốn cho mạng lưới phát hành phim, phổ biến phim và cả lĩnh vực sản xuất.

*

* *

Đánh giá khái quát tình hình hoạt động, thực trạng thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam thời gian qua cho thấy:

Những kết quả đạt được : Trong giai đoạn 10 năm gần đây (1995 - 2005) từ khi nhà nước ban hành các chính sách mới, thể hiện sự quyết tâm củng cố và phát triển nền điện ảnh dân tộc, đã thu được những kết quả nhất định. Tạo điều kiện để duy trì và khơi dậy không khí sáng tác và sản xuất phim của đội ngũ những người làm công việc sáng tạo, kỹ thuật và quản lý điện ảnh; khối lượng vốn đầu tư phát triển điện ảnh cho các khâu sản xuất phim, phát hành phim và phổ biến phim tăng lên đáng kể so với thời kỳ trước; công nghệ kỹ thuật từng bước được nâng cấp, năng lực sản xuất và phổ biến phim trong toàn ngành điện ảnh nâng lên; bước đầu tạo được nguồn vốn từ các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho điện ảnh, nguồn vốn này tuy còn rất thấp nhưng có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ thúc đẩy sản xuất, phá bỏ sự độc quyền nhà nước trong hoạt động điện ảnh ở Việt Nam,

Những hạn chế:

+ Thu hút các nguồn vốn đầu tư không đáp ứng được các nhu cầu cho đầu tư phát triển ngành. Yêu cầu đặt ra là phát triển nhanh, đồng bộ, tiên tiến và hiện đại cả về công nghệ kỹ thuật lẫn đào tạo đội ngũ cán bộ để tạo sự chuyển biến toàn diện về chất lượng trong toàn ngành nhưng chưa tạo được tiềm lực lớn về nguồn vốn đầu tư.

+ Chưa đề ra được các chính sách và tạo ra môi trường hấp dẫn để tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách, do chưa thấy được tiềm năng và vị trí quan trọng của nguồn vốn này, đồng thời chưa chú trọng thực hiện chủ trương xã hội hoá trong hoạt động điện ảnh.

+ Tỷ trọng vốn đầu tư còn nhiều bất hợp lý vì nguồn vốn ngân sách gần như chiếm tuyệt đối trong tổng nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh, đã thể hiện tính bao cấp còn nặng nề trong chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh.

+ Việc khai thác các nguồn vốn và sử dụng vốn đạt hiệu quả thấp, chưa tạo được sự phát triển nhảy vọt về chất lượng phim và hiệu quả kinh doanh, vì thiếu vốn để đầu tư đồng bộ các khâu sản xuất và phổ biến phim, giữa thiết bị và con người.

Nguyên nhân của những hạn chế trên : Xuất phát điểm là sự chưa thống nhất về quan điểm đầu tư phát triển ngành của các nhà lãnh đạo, quản lý thuộc các Bộ, ngành cũng như các cơ sở sản xuất kinh doanh, hoạt động điện ảnh. Có ý kiến cho rằng điện ảnh là một ngành công nghiệp giải trí thì phải để cho nó phát triển tự do, vốn đã là ngành thu lợi nhuận khổng lồ cho các nhà tư bản vì vậy mọi thành phần đều có thể tham gia và tự do kinh doanh không cần đầu tư của nhà nước để hỗ trợ và mang tính định hướng trong hoạt động điện ảnh.

Ngược lại có những quan điểm cho rằng tác phẩm điện ảnh giữ vai trò vị trí quan trọng là công cụ tuyên truyền tư tưởng của Đảng, hướng dẫn về thẩm mỹ, giáo dục nhân cách con người, vấn đề hiệu quả kinh tế là thứ yếu do đó cần có sự hỗ trợ tối đa của nhà nước nhưng chưa đưa ra được cơ chế phù hợp về đầu tư và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư từ ngân sách, tạo sức hút các nguồn vốn khác nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển ngành. Đây là điều mà các nhà quản lý và lãnh đạo ngành điện ảnh cần suy nghĩ, trăn trở, tháo gỡ nhằm đổi mới một cách có hiệu quả chính sách thu hút và sử dụng vốn đầu tư phát triển điện ảnh để đồng thời đạt được hiệu quả về kinh tế và xã hội đối với ngành. Đây cũng là hướng nghiên cứu chính được đặt ra để có cơ sở khoa học đề xuất các giải pháp mang tính khả thi để có thể thu hút và sử dụng tối đa các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam đúng hướng, đạt hiệu quả trong giai đoạn tới.

CHƯƠNG 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THU HÚT VÀ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2010 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020

3.1. PHƯƠNG HƯỚNG THU HÚT VÀ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2010 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020.

3.1.1. Những căn cứ xác định phương hướng thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

Đại hội Đảng X đã khẳng định 5 năm 2006-2010 có ý nghĩa quyết định đối việc hoàn thành thắng lợi chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001-2010 do đại hội của Đảng đề ra, làm nền tảng để đến năm 2020 xây dựng nước ta thành nước công nghiệp hiện đại.

Mục tiêu và phương hướng tổng quát 5 năm tới: "...Đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; phát triển văn hoá;...Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp hiện đại". [Trang 53]

Năm 2006-2010 là thời kỳ 5 năm đầu tiên thi hành luật điện ảnh và thực chủ trương của Chính về xã hội hoá hoạt động văn hoá và mục tiêu điện ảnh trong chương trình văn hoá là những căn cứ vững chắc để đưa ra các quan điểm và mục tiêu phù hợp về thu hút và sử dụng vốn đầu tư phát triển điện ảnh đến năm 2010.

3.1.1.1. Quan điểm cơ bản của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam

"Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Mọi hoạt động văn hoá nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hoá, quan hệ hài hoà trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Văn hoá trở thành nhân tố thúc đẩy con người tự hoàn thiện nhân cách, kế thừa truyền thống cách mạng của dân tộc, phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc". [Trang 114]

Đường lối của Đảng ta về xây dựng và phát triển nền Văn hoá Việt Nam tại Nghị quyết TW 5 (Khoá VIII) của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định:

"Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội, đồng thời là một mục tiêu của chủ nghĩa xã hội "

"Nhiệm vụ trung tâm của văn hoá văn nghệ là góp phần xây dựng con người về tư tưởng, đạo đức tâm hồn, tình cảm lối sống, có nhân cách tốt đẹp, có bản lĩnh vững vàng "

"Tăng nhanh mức đầu tư của Nhà nước và của xã hội cho sự nghiệp phát triển văn hoá. Tạo điều kiện để nhân dân ngày càng nâng cao trình độ thẩm mỹ và thưởng thức nghệ thuật, trở thành những chủ thể sáng tạo văn hoá, đồng thời hưởng thụ ngày càng nhiều các thành quả văn hoá". [Trang 59]

Mục tiêu tổng quát của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 tại Văn kiện Đại hội IX của Đảng nêu:

"Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học công nghệ và kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao". [Trang 159]

Các chỉ tiêu định hướng về phát triển kinh tế-xã hội chủ yếu: "Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 theo giá so sánh gấp hơn 2,1 lần năm 2000. Trong 5 năm 2006-2010, tốc độ tăng trưởng GDP là 7,5 - 8%/năm và phấn đấu đạt trên 8%/năm".

Các chỉ tiêu định hướng về phát triển kinh tế-xã hội chủ yếu trong nghị quyết đại hội X của Đảng đã thể hiện sức sản xuất và đời sống dân cư ngày càng tăng, tốc độ đô thị hoá ngày càng lớn, trình độ dân trí tăng lên, thu nhập và thời gian nhàn rỗi cho phép nâng cao nhu cầu và mức hưởng thụ văn hoá.

Nghị quyết Đại hội X của đảng tiếp tục khẳng định "Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội...không ngừng nâng cao văn hoá là điều kiện quyết định bảo đảm cho sự phát triển toàn diện và bền vững của đất nước".

Các mục tiêu, quan điểm nêu trong nghị quyết đại hội X là cơ sở để xác định định hướng và các nhu cầu phát triển Điện ảnh phù hợp với sự phát triển chung về kinh tế-văn hoá-xã hội của đất nước; điều kiện đặt ra cho Điện ảnh Việt Nam sự cần thiết phải đầu tư đổi mới, hiện đại hoá để phát triển ngành, tạo được các tác phẩm Điện ảnh tiên tiến, đậm

"*bản sắc văn hoá Việt Nam*" đáp ứng yêu cầu hưởng thụ văn hoá, nâng cao dân trí của công chúng trong thời kỳ mới.

3.1.1.2. Luật điện ảnh mới ban hành ngày 21/6/2006 kỳ họp thứ 9 của Quốc hội khoá XI và các chính sách của nhà nước về Tổ chức và hoạt động điện ảnh

Những vấn đề cơ bản về chính sách phát triển được nêu trong Luật điện ảnh:

"Đầu tư xây dựng nền điện ảnh Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc. Hiện đại hoá công nghiệp điện ảnh. Nâng cao chất lượng phim, phát triển quy mô sản xuất và phổ biến phim, đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần ngày càng cao của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế-xã hội, mở rộng giao lưu văn hoá với các nước"

"Khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh theo quy định của pháp luật; Bảo đảm để các cơ sở điện ảnh được bình đẳng trong hoạt động, được hưởng các chính sách ưu đãi về tín dụng, thuế, và đất đai"

"Tài trợ cho việc sản xuất phim truyện về đề tài thiếu nhi, truyền thống lịch sử, dân tộc thiếu số; Phim khoa học, phim hoạt hình. Tài trợ cho việc phổ biến phim phục vụ miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, nông thôn, thiếu nhi, lực lượng vũ trang nhân dân, phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội, đối ngoại, tổ chức, tham gia liên hoan phim quốc gia, liên hoan phim quốc tế"

"Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm thông qua chương trình mục tiêu phát triển điện ảnh nhằm phát huy sự sáng tạo nghệ thuật; Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động điện ảnh; Đào tạo bồi dưỡng nhân lực về chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý hoạt động điện ảnh, nâng cao cơ sở vật chất kỹ thuật cho sản xuất và phổ biến phim". [Trang 02; 03]

Luật quy định cho các doanh nghiệp sản xuất phim, phát hành phim, phổ biến phim được thành lập hợp pháp tại Việt Nam, được quyền nhập khẩu phim và phải có rạp chiếu phim để tham gia phổ biến phim.

Luật còn quy định về tổ chức và hoạt động của Điện ảnh Việt Nam mang tính định hướng nhưng cũng đặt ra những quy định cụ thể tạo điều kiện cho ngành hoạt động phù hợp với môi trường và cơ chế kinh tế mới của đất nước.

3.1.1.3. Căn cứ dự báo về các tiến bộ khoa học kỹ thuật của điện ảnh thế giới và kỹ thuật nghe nhìn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020

Trong những năm 90 của thế kỷ XX, thế giới đã đề cập đến công nghệ kỹ thuật số (Digital) trong điện ảnh, đến nay việc số hoá hình ảnh và số hoá âm thanh trong phim đã trở thành hiện thực. Kỹ thuật và công nghệ hiện đại của điện ảnh ngày nay đã trợ giúp và chuyển tải sự sáng tạo từ ý tưởng trong tư duy đến công chúng hưởng thụ tác phẩm điện

ảnh. Cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI những công nghệ hiện đại trên sẽ mở rộng và phát triển mạnh, xu hướng công nghệ sản xuất phim hiện đại sẽ thay thế công nghệ sản xuất phim truyền thống thể hiện ở các mặt sau:

Sự thay thế âm thanh Analog bằng âm thanh kỹ thuật số trong sản xuất phim và phổ biến phim điện ảnh - chuyển từ âm thanh Mono sang âm thanh Hifi, âm thanh lập thể, âm thanh vòng, âm thanh kỹ thuật số tạo hiệu quả nghệ thuật cao...

Việc sản xuất vật liệu phim sống được thực hiện bởi công nghệ hoàn thiện, tạo độ sáng, độ nhạy cao, tạo màu sắc rực rỡ chân thực cho các hình ảnh thu được. Hình ảnh phim thực hiện bằng máy quay phim, máy in tráng kỹ thuật số đa chức năng, công nghệ tiên tiến làm hình ảnh trở nên trong sáng, sống động, giàu sức truyền cảm tác động mạnh đến cảm xúc của người xem.

Hệ thống thiết bị máy chiếu phim thực hiện chuyển tải những bộ phim màn ảnh siêu rộng với phim nhựa 65-70mm/15 lỗ răng phim, tốc độ 48-60 hình/giây (thay dần cho 24 hình/giây hiện tại). Sản xuất và phổ biến phim đồng cảm (Cinelax), phim nổi chiếu trong rạp hình cầu, người xem phim cảm giác như đang sống trong thế giới thực của xã hội và con người trên màn ảnh; phim chiếu trong không gian không cần màn ảnh truyền thống; phim chiếu do truyền dẫn kỹ thuật số tại rạp chiếu phim kỹ thuật số không sử dụng phim nhựa, phim kỹ xảo không gian 3 chiều (3D;4D), chuyển từ phim nhựa sang băng đĩa, chuyển từ băng đĩa hình sang phim nhựa...

Sự hoàn thiện các thiết bị gia công hậu kỳ phim nhờ kỹ thuật vi tính như dựng phim trên thiết bị kỹ thuật số AVID, thu thanh và hoà âm trên những dàn âm thanh kỹ thuật số nhiều đường tiếng hiện đại. Công nghệ gia công in tráng phim và làm sạch phim (bụi bẩn, xước phim), thiết bị kiểm tra tự động bằng máy vi tính (thay cho kiểm tra thủ công) tiến bộ nhảy vọt. Kỹ thuật số sẽ phát triển mạnh trong sản xuất và phổ biến phim (Quay phim và chiếu phim bằng kỹ thuật số...) tiết kiệm chi phí, tăng chất lượng phim trong một hai thập kỷ tới.

3.1.1.4. Quan điểm và mục tiêu phát triển điện ảnh Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020

Đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 là tạo ra những khởi sắc đáng kể và toàn diện trên các lĩnh vực của hoạt động điện ảnh, đặc biệt nhấn mạnh nhiều đến yếu tố chất lượng nghệ thuật, kinh tế và kỹ thuật. Cụ thể là:

Về nghệ thuật: Nâng cao chất lượng tác phẩm điện ảnh, lành mạnh về nội dung tư tưởng nghệ thuật, coi trọng tính giải trí, hấp dẫn, giàu cảm xúc trong hình thức thể hiện. Tập trung xây dựng được những tác phẩm điện ảnh lớn giàu tính nhân văn, xứng đáng với tầm vóc thời đại, mang tâm hồn của con người Việt Nam trong lịch sử huy hoàng của dân tộc và trong công cuộc đổi mới đất nước. Tác phẩm đủ sức đề kháng trong giao lưu và hội nhập quốc tế, tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Về kinh tế: Tiếp tục củng cố và phát triển ngành, đa dạng hoá các thành phần kinh tế trong hoạt động điện ảnh. Cổ phần hoá các doanh nghiệp điện ảnh nhà nước, khuyến khích mở rộng các Hãng phim tư nhân, hợp tác đầu tư để thu hút mọi nguồn lực của xã hội, đa dạng hoá hình thức hoạt động, đa dạng hoá sản phẩm điện ảnh. Tạo điều kiện cho phim Việt Nam đủ sức cạnh tranh trên thị trường điện ảnh trong nước, kinh doanh đạt hiệu quả, đứng vững trong cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phấn đấu nâng cao số lượng cũng như chất lượng phim sản xuất hàng năm, đặc biệt là phim nhựa; tăng cường trao đổi phim và tiến tới xuất khẩu phim Việt Nam sang các nước trong khu vực và trên thế giới.

Về kỹ thuật: Hiện đại hoá ngành Điện ảnh, đặc biệt chú trọng đầu tư hoàn thiện Trung tâm kỹ thuật điện ảnh và xây dựng các trường quay hiện đại để bảo đảm tính chuyên nghiệp trong sản xuất phim. Đào tạo cán bộ đủ năng lực trình độ để sử dụng và khai thác có hiệu quả các thiết bị hiện đại. Phấn đấu đến năm 2010 kỹ thuật công nghệ sản xuất phim của ta ngang bằng các nước trong khu vực về hình ảnh, âm thanh, phương tiện truyền tải phim đến công chúng. Đến năm 2020 tiếp cận và trang bị cơ bản công nghệ kỹ thuật số trong sản xuất và phổ biến phim, nhiều mặt đạt trình độ khá so với các nước có nền điện ảnh phát triển trên thế giới. Lưu trữ và bảo quản tốt các tác phẩm điện ảnh Việt Nam, giữ gìn di sản văn hoá của dân tộc.

Về phổ biến tác phẩm Điện ảnh: Đến năm 2010 trang bị toàn bộ máy chiếu phim nhựa hiện đại âm thanh lập cho các rạp; đến năm 2020 xây dựng được các cụm rạp hiện đại ở các thành phố lớn. Đến năm 2010 xoá hoàn toàn các điểm trắng về chiếu phim ở các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và vùng nông thôn khác, giảm tối đa chênh lệch về mức hưởng thụ tác phẩm điện ảnh của nhân dân các vùng trên với nhân dân các thành phố, thị xã và các trung tâm văn hoá lớn của đất nước. Chú trọng chiếu phim nhựa tại rạp kết hợp với phổ biến phim trên hệ thống video gia đình và phổ biến các sản phẩm nghe nhìn qua các phương tiện khác. Phối hợp chặt chẽ với truyền hình trong sản xuất và phổ biến phim, tạo thêm sản phẩm cho truyền hình và coi truyền hình là một trong những đầu ra quan trọng để phổ biến phim và thu hút vốn cho sản xuất phim. Phấn đấu

đạt tỷ lệ 50% phim Việt Nam phát trên truyền hình và 30% phim Việt Nam chiếu tại rạp nhằm thúc đẩy sản xuất phim Việt Nam, bảo tồn và phát triển nền điện ảnh dân tộc.

3.1.2. Dự báo nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển điện ảnh Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

Thu hút và sử dụng vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam đến năm 2010 là yêu cầu, đòi hỏi khách quan để trong một thời gian giới hạn cần thiết, đảm bảo tập trung thu hút mọi nguồn vốn, sử dụng vốn đầu tư đúng hướng, đạt hiệu quả cao, tạo ra bước thay đổi quan trọng, nâng cao chất lượng hoạt động điện ảnh. Vì vậy, căn cứ môi trường và điều kiện hiện tại để đưa ra những dự báo có cơ sở khoa học về nhu cầu vốn đầu tư, xây dựng những bước đi phù hợp trong từng giai đoạn phát triển nhằm tiến tới mục tiêu cần đạt được cho ngành ngành điện ảnh trong tương lai gần.

Dự báo tầm nhìn đến năm 2020, về cơ bản điện ảnh thế giới vẫn phát triển theo hướng hoàn thiện công nghệ kỹ thuật hiện đại cho sản xuất phim nhựa 35mm, 70mm, phát triển công nghệ kỹ thuật số với tốc độ cao, ứng dụng trong quay phim, dựng phim, làm kỹ xảo hình ảnh đặc biệt để làm những phim giả tưởng, thay thế những cảnh phim nguy hiểm, phim đồng cảm, không gian 3 chiều, nâng cao chất lượng âm thanh và hình ảnh, tăng sự hấp dẫn trong phim. Điện ảnh trên thế giới tiếp tục được khẳng định là một ngành công nghiệp-dịch vụ giải trí, vừa thoả mãn đời sống tinh thần của con người, vừa là ngành kinh doanh hấp dẫn thu lợi nhuận lớn.

Bảo đảm nhu cầu vốn phát triển điện ảnh đến năm 2010 sẽ tạo tiềm năng cho bước chuyển biến nhảy vọt của điện ảnh Việt Nam đến năm 2020 bắt nhịp các nước có nền điện ảnh phát triển trên thế giới; tăng sức cạnh tranh của điện ảnh trong nước, đặc biệt trong xu thế đổi mới hội nhập của Việt Nam với kinh tế thế giới và sau khi Việt Nam trở thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới (WTO)

3.1.2.1. Những căn cứ xác định nhu cầu vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam đến năm 2010

Căn cứ kết quả nghiên cứu tại chương 1 và chương 2, căn cứ mục tiêu định hướng phát triển điện ảnh Việt Nam làm cơ sở để dự báo nhu cầu vốn đầu tư, đó là:

Một là: *Mục tiêu và các chính sách khuyến khích phát triển hoạt động điện ảnh trong thời gian tới*

Để thực hiện các quan điểm và mục tiêu chung về phát triển điện ảnh như đã xác định ở trên, các định hướng cơ bản được nêu trong luật điện ảnh và chủ trương của Chính phủ về chính sách xã hội hoá các hoạt động văn hoá, khuyến khích phát triển hoạt động điện ảnh trong thời gian tới đó là:

Các lĩnh vực chủ yếu trong hoạt động điện ảnh bao gồm sản xuất phim, phổ biến phim, xuất nhập khẩu phim về phạm vi được mở rộng; Hoạt động điện ảnh không mang tính chất kinh doanh đơn thuần, các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực điện ảnh là loại hình doanh nghiệp hoạt động công ích.

Nhà nước đặt hàng, ưu đãi về thuế, cho vay vốn với lãi suất thấp, trợ giá cho sáng tác kịch bản, sản xuất và phổ biến các loại phim như tài liệu, khoa học, hoạt hình, phim thiếu nhi, phim giáo khoa, phim tuyên truyền chính sách của Đảng, nhà nước, một số phim truyện, các hoạt động điện ảnh ở vùng núi, hải đảo, và phim thể nghiệm. Trợ giá một phần đối với việc nhập khẩu phim cho thiếu nhi và trợ giá phổ biến một số phim tuyên truyền phục vụ các ngày lễ trọng đại của dân tộc.

Đầu tư có mục tiêu, có trọng điểm cho việc nghiên cứu lý luận, đào tạo cán bộ, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại đối với các cơ sở điện ảnh của nhà nước trên các lĩnh vực sản xuất, phổ biến phim và lưu trữ, bảo quản các tác phẩm điện ảnh.

Cơ sở kinh doanh điện ảnh được thành lập hợp pháp tại Việt Nam, bao gồm cả doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài, có rạp chiếu phim nhựa đáp ứng các tiêu chuẩn do Bộ Văn hoá - Thông tin quy định, thì được quyền nhập khẩu phim nhựa để chiếu tại các rạp thuộc cơ sở kinh doanh của mình.

Những vấn đề nêu trong các văn bản pháp quy cao nhất về ngành đã quy định cụ thể nhưng cũng mang tính định hướng tạo điều kiện cho điện ảnh Việt Nam hoạt động trong cơ chế và môi trường mới.

Hai là: *Nhu cầu và khả năng sản xuất, phổ biến và bảo quản phim*

Căn cứ khoa học và thực tiễn cho công tác dự báo nhu cầu đầu tư vốn phát triển điện ảnh Việt Nam là: phấn đấu đến năm 2010, công nghệ sản xuất và phổ biến phim sẽ đạt được các tiêu chuẩn và trình độ chung của thế giới, cụ thể là:

Sản xuất phim nhựa 35 mm: Phim có âm thanh lập thể (Dolby SRA, Dolby SRD); Dụng phim theo công nghệ số hoá (Phi tuyến tính); Về hình ảnh phim có độ nét cao, sáng, hình ảnh trong sáng, màu sắc chân thực, tiến tới quay và thu tiếng đồng bộ, đưa một số hình ảnh kỹ xảo vào phim nhựa để tăng hấp dẫn. Sản xuất phim hoạt hình bằng vẽ thủ công kết hợp với làm phim bằng công nghệ kỹ thuật số (2D-Maya, 3D-Animo). Ngoài sản xuất phim nhựa 35 mm, dành một tỷ lệ thích hợp sản xuất phim tài liệu khoa học bằng kỹ thuật video để phục vụ kịp thời công tác tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị.

Về phổ biến phim: Bên cạnh hệ thống rạp đơn (1 phòng chiếu) trên phạm vi cả nước, các thành phố lớn cần có ít nhất một rạp cụm (4 phòng chiếu trở lên), các rạp được cải tạo nâng cấp và trang bị máy chiếu phim nhựa âm thanh lập thể. Các đội chiếu phim lưu động vùng cao được trang bị máy chiếu video 100Inches, các đội chiếu phim lưu động miền núi khác trang bị máy chiếu phim nhựa lưu động 35mm.

Các mục tiêu khác: Về chỉ tiêu sản xuất phim đáp ứng 10 lượt người xem phim/năm trên hệ thống rạp, bãi, đội chiếu phim. Hệ thống lưu trữ, bảo quản và khai thác phim tư liệu an toàn, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Căn cứ nhu cầu và khả năng để đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng cho quá trình đầu tư phát triển Điện ảnh Việt Nam

3.1.2.2. Nhu cầu vốn đầu tư phát triển điện ảnh đến năm 2010 và tầm nhìn 2020

Để đưa ra được kết quả dự báo về nhu cầu đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam năm 2010 và tầm nhìn năm 2020, tác giả dựa vào mục tiêu và nhiệm vụ đầu tư cho từng lĩnh vực hoạt động điện ảnh để xác định các đối tượng đầu tư cụ thể như đầu tư hiện đại hoá thiết bị kỹ thuật công nghệ đồng bộ cho sản xuất và phổ biến phim, đầu tư cho con người.

Căn cứ số lượng phim được sản xuất đến năm 2010 và 2020, tiêu chuẩn chất lượng kỹ thuật của phim và mạng lưới chiếu phim cả nước trong quy hoạch phát triển ngành. Căn cứ dự báo về tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ của điện ảnh thế giới đến năm 2010 và 2020, tham khảo mô hình điện ảnh các nước để lựa chọn thiết bị, công nghệ hiện đại. Tham khảo thông tin giá cả thiết bị, chi phí chuyển giao công nghệ trên thị trường thế giới và trong nước, thống kê và thực hiện phương pháp cộng dồn chi phí để xác định nhu cầu vốn tối ưu cho đầu tư phát triển điện ảnh.

Bảng (3.1): NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM ĐẾN 2010 VÀ 2020 PHÂN CHIA THEO NGUỒN VỐN VÀ ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG ĐẦU TƯ	TỔNG SỐ ĐẦU TƯ ĐẾN 2010	CHIA RA CÁC NGUỒN			TỔNG SỐ ĐẦU TƯ ĐẾN 2020
			TRUNG ƯƠNG	ĐỊA PHƯƠNG	NGUỒN KHÁC	
	Sáng tác	10	10	-	-	30
	Sản xuất phim	1.330	569	11	750	3.350
	<i>Trong đó:</i>				-	
	- Thiết bị tiền kỳ	200	189	11	200	350
	- Thiết bị hậu kỳ	380	180	-	-	500
	- Trường quay	750	200	-	550	2.500

	Phổ biến phim	1.642	110	12	1.520	4.200
	<i>Trong đó:</i>					
	- Rạp cụm	1.300	80	12	1.220	3.000
	- Loại hình khác	342	30		300	1.200
	Đào tạo	50	30	-	20	500
	<i>Trong đó:</i>					
	- Dài hạn trong nước	25	15	-	10	200
	- Đào tạo nước ngoài	15	10	-	5	250
	- Đào tạo nâng cao	10	5	-	5	50
	TỔNG CỘNG	3.032	719	23	2.290	8.080

Nguồn: Nhu cầu vốn đầu tư cho điện ảnh đến 2010 và 2020

Số liệu bảng (3.1) nhu cầu vốn đầu tư đến 2010 là 3.032 tỷ đồng, trong đó:

- Tổng số vốn đầu tư từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương là 742 tỷ đồng. Ngân sách TW là 719 tỷ đồng là nguồn vốn đầu tư chủ đạo cho tất cả các khâu sản xuất, phổ biến phim và lưu trữ phim. Ngân sách địa phương 23 tỷ đồng chủ yếu là vốn đối ứng cho phổ biến phim là nguồn vốn rất nhỏ so với vốn cấp của ngân sách trung ương. Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách sẽ giảm dần từ sau năm 2005.

- Tổng vốn đầu tư thu hút từ các nguồn khác là 2.290 tỷ đồng, trong đó chủ yếu tập trung đầu tư vào khâu phổ biến phim và trường quay. Phát hành phim và phổ biến phim là lĩnh vực khuyến khích xã hội hoá cao nhất trong ngành. Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nếu tự bỏ vốn đầu tư xây dựng rạp được toàn quyền mua phim trong nước và phim nhập khẩu để chiếu tại các rạp của mình, Nhà nước chỉ kiểm soát nội dung phim để cho phép phổ biến, nguồn vốn này tăng dần từ 2005 đến năm 2010, vốn đầu tư trong lĩnh vực phổ biến phim chủ yếu được thu hút từ nguồn vốn ngoài ngân sách và nguồn vốn nước ngoài đầu tư cho xây dựng cụm rạp nhiều phòng chiếu.

Số liệu bảng (3.1) nhu cầu vốn đầu tư đến 2020 là 8.080 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn tăng lớn nhất trong hai khu vực là sản xuất phim (2,5 lần so với 2010) tập trung vốn đầu tư cho trường quay hiện đại tương đương với các trường quay lớn trên thế giới phân ra hai miền Bắc và Nam. Phổ biến phim tăng 2,55 lần so 2010, tập trung chủ yếu xây dựng các cụm rạp hiện đại nhiều phòng chiếu, thiết bị chiếu phim hiện đại và phương tiện vận chuyển cho chiếu phim lưu động, tuy nhiên mục tiêu thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách và nguồn vốn nước ngoài đạt trên 70% nhu cầu vốn.

- Vốn đầu tư cho đào tạo có tốc độ tăng lớn nhất gấp 10 lần so với 2010 và ưu tiên cho đào tạo nước ngoài vì đây là khâu quyết định đến hiệu quả đầu tư của sản xuất và phổ biến phim. Sau khi ra nhập WTO, việc tài trợ cho sản xuất phim trong nước sẽ bị hạn chế, vì vậy phải tăng cường đầu tư cho khâu sáng tác kịch bản phim.

3.1.3. phương hướng thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020

3.1.3.1. Quan điểm về thu hút và sử dụng vốn đầu tư phát triển điện ảnh

Thu hút tối đa mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước; sử dụng vốn đầu tư mau chóng phát huy hiệu quả, tập trung đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật và đầu tư cho năng lực sáng tạo hay là đầu tư đào tạo đội ngũ làm nghề nhằm tạo ra nhiều tác phẩm điện ảnh có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, hấp dẫn khán giả, kinh doanh và thu hồi vốn đầu tư với thời gian nhanh nhất. Vì vậy cần:

Một là: Đa dạng hóa thành phần kinh tế, chuyển đổi nhanh và cổ phần hoá các doanh nghiệp điện ảnh thuộc khu vực nhà nước, đa phương hóa quan hệ hợp tác để mở rộng và thu hút tối đa các nguồn vốn đầu tư và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư phát triển điện ảnh. Nội dung quan điểm này thể hiện: Tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước như vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn đầu tư theo mục tiêu chương trình, vốn ngân sách sự nghiệp... Kết hợp với việc triệt để thu hút mọi nguồn vốn từ mọi thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân trong xã hội; thu hút vốn từ chính các nghệ sĩ Điện ảnh, từ trong dân cư; các nguồn vốn từ trong và ngoài nước... Trong đó, vốn ngân sách nhà nước là nguồn vốn giữ vai trò chủ đạo định hướng phát triển, điều tiết vĩ mô và thực hiện chức năng quản lý nhà nước và phát triển đối với toàn xã hội.

Hai là: Coi trọng tính đồng bộ và tập trung đầu tư có trọng điểm thu hút và sử dụng đạt hiệu quả các nguồn vốn đầu tư. Thu hút vốn lớn đồng thời phải đầu tư đồng bộ, có trọng điểm theo quy hoạch phát triển và chương trình dự án. Vì vậy thu hút và sử dụng vốn là hai mặt của một quá trình đầu tư phát triển điện ảnh, việc này làm tiền đề cho việc kia và hiệu quả đem lại là do cả thu hút và sử dụng vốn đem lại.

Vấn đề sử dụng vốn cần tập trung đầu tư vào những khâu trọng yếu trong sản xuất phim, hiện đại hoá về kỹ thuật đi đôi với đào tạo để từng bước thoát khỏi tình trạng yếu kém về chất lượng nghệ thuật và tính hấp dẫn của phim Việt Nam.

Đặc biệt chú trọng đến việc đầu tư đào tạo nguồn nhân lực thay thế, bổ sung cho sản xuất phim. Đầu tư cho sáng tác, tạo ra những tác phẩm có giá trị tư tưởng nghệ thuật

cao, nâng cao sức cạnh tranh và làm chủ thị trường điện ảnh của phim Việt Nam ở trong nước, tiến tới xuất khẩu phim sang thị trường khu vực và các nước trên thế giới. Thu hút đi đôi với sử dụng vốn đồng bộ, trọng điểm đạt hiệu quả cao.

Ba là: Bảo đảm tính đồng bộ và trọng điểm trong từng khâu của quá trình sáng tạo sản phẩm điện ảnh, cụ thể:

Trang bị công nghệ kỹ thuật hiện đại trong các khâu sản xuất phim:

Tiếp tục đầu tư chiều sâu, hiện đại hoá thiết bị công nghệ sản xuất phim khâu sản xuất tiền kỳ cho các hãng phim.

Kết hợp đầu tư mở rộng và đầu tư chiều sâu khâu sản xuất hậu kỳ đối với Trung tâm Kỹ thuật điện ảnh để đồng bộ hoá kỹ thuật sản xuất tiền kỳ với gia công hậu kỳ. Đầu tư xây dựng trường quay lớn tại Cổ Loa - Đông Anh và tại thành phố Hồ Chí Minh là hai trung tâm điện ảnh lớn của đất nước. Hiện đại hoá công nghệ sản xuất phim, đi thẳng vào công nghệ tiên tiến, hiện đại của Điện ảnh thế giới.

Đến năm 2010 điện ảnh Việt Nam có thiết bị công nghệ sản xuất phim hiện đại ngang tầm các nước khu vực, một số lĩnh vực xếp loại khá so với các nước có nền điện ảnh phát triển, đến năm 2020 trang bị cơ bản công nghệ kỹ thuật số cho sản xuất và phổ biến phim nhằm thu hút dịch vụ và hợp tác làm phim với nước ngoài.

Đầu tư sáng tác kịch bản điện ảnh, tạo điều kiện về vật chất và tinh thần để các nghệ sĩ có điều kiện sáng tạo theo định hướng sáng tác và nhu cầu của khán giả. Tạo ra các tổ chức môi giới giao dịch trao đổi kịch bản trên thị trường, tổ chức các hình thức đấu giá kịch bản, đấu thầu sản xuất phim và vốn đầu tư sản xuất ...

Đặc biệt quan tâm đến công tác tuyên truyền, quảng cáo phim, tiếp thị thu hút khán giả... định hướng đề tài cho khâu sản xuất. Xây dựng các rạp cụm quy mô lớn, trang thiết bị hiện đại để chiếu phim nhựa tại các thành phố lớn. Phát triển đội chiếu bóng lưu động ở nông thôn và miền núi. Quy hoạch hệ thống cửa hàng và đại lý cho thuê băng hình theo hướng mở rộng sang thành phần kinh tế tư nhân.

Phấn đấu đến năm 2010 đạt đến tỷ lệ 40%, đến 2020 đạt 60 % phim truyện Việt Nam phát trên truyền hình; Truyền hình chỉ lựa chọn nhập những phim có giá trị nghệ thuật cao để bảo vệ nền điện ảnh dân tộc và phù hợp với văn hoá Việt Nam. Đến năm 2010 sẽ xuất khẩu được 20 - 25% số lượng phim Việt Nam.

Khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vốn, liên doanh, liên kết cải tạo, xây dựng rạp chiếu phim trong cả nước để mở rộng nguồn nhập phim.

Phối hợp giữa điện ảnh với truyền hình, khẳng định truyền hình là đầu ra quan trọng của điện ảnh. Đến 2010, điện ảnh được sử dụng một kênh truyền hình riêng để phát phim truyện Việt Nam và phim nhập khẩu có giá trị nghệ thuật cao.

Bốn là: Tạo lập các yếu tố mới để đầu tư phát triển điện ảnh trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cụ thể:

Hoàn thiện mọi mặt về tổ chức và hoạt động điện ảnh theo hướng tăng cường quản lý nhà nước về điện ảnh, mở rộng cơ sở và tăng cường tự chủ trong hoạt động.

Tổ chức liên kết 3 khâu sản xuất - phát hành - chiếu bóng nhằm gắn liền giữa “đầu vào và đầu ra”, gắn liền giữa sản xuất và thị trường, gắn liền giữa đầu tư với hiệu quả cuối cùng của hoạt động điện ảnh.

Đa dạng hoá thành phần kinh tế trong hoạt động điện ảnh, đa dạng hoá hình thức sở hữu, cổ phần hoá các doanh nghiệp điện ảnh nước nhằm huy động vốn, khai thác tiềm năng, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng.

Năm là: Đầu tư đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển điện ảnh theo hướng hiện đại hóa, cụ thể là:

Hiện đại hoá các trường điện ảnh bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác của tập thể và cá nhân trong nước và nước ngoài. Đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ giảng viên, cán bộ kỹ thuật, nghệ sĩ và sản xuất phim. Đầu tư phương tiện thiết bị kỹ thuật cho xưởng trường. Đổi mới giáo trình, giáo án...

Dành ngân sách thích đáng hàng năm cử giảng viên, cán bộ, sinh viên đi thực tập ở nước ngoài để nhanh chóng tiếp thu công nghệ kỹ thuật mới của điện ảnh thế giới. Thu hút mọi nguồn vốn đào tạo từ nước ngoài...

3.1.3.2. Phương hướng thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh

Điện ảnh ra đời khởi nguồn từ những phát minh về kỹ thuật từ thế kỷ thứ XIX, sự phát triển của điện ảnh gắn liền với các cuộc cách mạng kỹ thuật công nghệ của thế giới, để từng bước tiến kịp với điện ảnh thế giới, cần một lượng vốn đầu tư rất lớn cho điện ảnh Việt Nam. Trong thời gian qua, vốn đầu tư cho điện ảnh chủ yếu là từ nguồn từ ngân sách, trong khi đó khả năng cân đối vốn từ ngân sách từ nhiều năm nay vô cùng eo hẹp, đầu tư cho điện ảnh hàng năm ví như “Cho áo thì không có quần, cho xe thì không đủ

bánh...”. Để đạt được các mục tiêu phát triển điện ảnh đến 2010 nêu trên, chúng ta cần nhất quán những quan điểm và phương hướng thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh trong thời gian tới nhằm khai thác tối đa các nguồn vốn trong xã hội để tập trung đầu tư đạt hiệu quả kinh tế - xã hội đó là:

a/ Thu hút tối đa mọi nguồn vốn trong xã hội để đầu tư phát triển Điện ảnh

Đây là quan điểm đầu tiên và cơ bản nhất chỉ đạo quá trình thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam đến năm 2010. Trên cơ sở mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và định hướng phát triển văn hoá nói chung và phát triển điện ảnh tại Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt nam khoá IX nêu:

“...Nâng cao chất lượng nền Điện ảnh Việt Nam, phấn đấu xây dựng nhiều bộ phim hay, phim tốt...” [Trang 208]. “... Đầu tư thích đáng để đào tạo nhân tài, nghệ sĩ; có chính sách động viên lực lượng văn học nghệ thuật sáng tác, xây dựng các công trình, các tác phẩm có giá trị về nội dung và nghệ thuật...” [Trang 297].

Quan điểm này của Đảng thể hiện việc thu hút vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam không chỉ từ nguồn lực từ Nhà nước mà còn huy động vốn theo hướng xã hội hoá các hoạt động điện ảnh từ nguồn thu của các cơ sở hoạt động điện ảnh trong cả nước; Nguồn vốn từ các tổ chức và cá nhân trong xã hội như các thành phần kinh tế ngoài lĩnh vực điện ảnh thuộc nhà nước, tập thể hoặc tư nhân; Vốn thuộc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp...Đồng thời tranh thủ tối đa các nguồn vốn huy động từ các cá nhân và tổ chức nước ngoài. Mỗi nguồn vốn khác nhau từ trong và ngoài nước đều có một thế mạnh riêng hỗ trợ lẫn nhau thúc đẩy phát triển theo mục tiêu quan điểm của Đảng và chính sách của nhà nước.

Xuất phát từ vai trò vị trí và nhiệm vụ của ngành trong giai đoạn đến năm 2010, với công nghệ sản xuất phim bao gồm các loại hình như phim truyện, phim tài liệu khoa học, phim hoạt hình được hình thành từ sau hoà bình lập lại ở miền Bắc (1954), để củng cố và phát triển ngành, điện ảnh Việt Nam cần được nhà nước tập trung vốn đầu tư để có nền móng vững chắc tạo bước tiến nhảy vọt giúp điện ảnh làm ra được những tác phẩm đạt nội dung tương tốt, chất lượng nghệ thuật và tính hấp dẫn cao, đáp ứng mong đợi của công chúng yêu thích nền điện ảnh dân tộc.

Kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy, nếu điện ảnh Việt Nam không sản xuất được phim trong nước thì đất nước sẽ trở thành thị trường tiêu thụ phim ảnh của nước ngoài. Người dân, nhất là tầng lớp thanh niên sẽ mau chóng ảnh hưởng bởi văn hoá, lối

sống, nếp sống không phù hợp với truyền thống đạo đức và thuần phong mỹ tục của Việt Nam đã bao đời được giữ gìn và vun đắp.

Nhu cầu vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam đòi hỏi số lượng rất lớn, vốn cho yêu cầu đầu tư không chỉ cho thiết bị - công nghệ đắt tiền mà còn phải đầu tư cho con người sử dụng khai thác kỹ thuật công nghệ và sáng tạo nghệ thuật. Thu hút vốn đầu tư ở đây không chỉ cho một ngành kinh tế đơn thuần mà là đầu tư cho lĩnh vực công nghệ cao, sáng tạo sản phẩm tư tưởng, nghệ thuật mà sự tác động của nó đối với tâm tư tình cảm con người và rộng khắp đối với xã hội do đó không thể một vài cá nhân hay tổ chức nào có thể đứng ra đầu tư thay Nhà nước để tìm kiếm lợi nhuận đơn thuần. Vì vậy thu hút tối đa nguồn vốn từ Ngân sách đầu tư cho Điện ảnh để “Nâng cao chất lượng nền Điện ảnh Việt Nam, phấn đấu xây dựng nhiều bộ phim hay và tốt” [Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2001-2010 tại Đại hội IX của Đảng - Tr.208] phát triển nền văn hoá tiên tiến, giàu bản sắc Việt Nam và vì con người.

“Tăng nhanh mức đầu tư của nhà nước và của xã hội cho sự nghiệp phát triển văn hoá. Tạo điều kiện để nhân dân ngày càng nâng cao trình độ thẩm mỹ và thưởng thức nghệ thuật, trở thành những chủ thể sáng tạo văn hoá...” [Trích Báo cáo chính trị của BCHTW Đảng CSVN tại ĐH IX/2001- Trang 114].

Chủ trương của Chính phủ là tăng đầu tư cho văn hoá hàng năm theo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân, tuy nhiên lúc này nhà nước không định ra các tỷ lệ thích ứng trong tổng thu nhập quốc dân là điều khó khăn để tăng đầu tư cho văn hoá nói chung và Điện ảnh nói riêng - Đây là điều Nhà nước cần thay đổi để quan tâm giải quyết cho thoả đáng.

b/ Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời chuyển dần trọng tâm thu hút vốn sang các nguồn vốn khác theo hướng, thúc đẩy xã hội hoá hoạt động điện ảnh nhằm nâng cao vị trí của nguồn vốn ngoài ngân sách

Ở Việt Nam, điện ảnh không phải là ngành kinh doanh đơn thuần, mỗi một bộ phim làm ra không phải là tác phẩm vị nghệ thuật. Vì vậy, Nghị định 48/CP ngày 17/7/1995 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động Điện ảnh trong điều 1 nêu:

“Điện ảnh là loại hình nghệ thuật tổng hợp gắn liền với phương thức sản xuất công nghiệp, hoạt động điện ảnh nhằm giáo dục chính trị tư tưởng, tình cảm, nâng cao dân trí và trình độ thẩm mỹ, góp phần đáp ứng nhu cầu chính đáng sinh hoạt văn hoá tinh thần của nhân dân”. [Trang 03]

Mục đích vì con người chính là chức năng của nhà nước, do đó Nhà nước phải đầu tư vốn phát triển điện ảnh nhằm thực hiện sứ mệnh của mình với nhân dân. Vì vậy nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước đã, đang và sẽ là “xương sống” giữ vai trò định hướng và quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của điện ảnh Việt Nam.

Thu hút tối đa nguồn vốn từ ngân sách mang tính định hướng trong đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật - công nghệ của điện ảnh Việt Nam, là tiền đề để thu hút các nguồn vốn đầu tư khác từ trong và ngoài nước. Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước còn quyết định đến định hướng sáng tác tác phẩm điện ảnh, là công cụ quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước mở rộng hay thu hẹp từng lĩnh vực trong quá trình phát triển của điện ảnh Việt Nam.

Khẳng định vai trò chủ đạo của nguồn vốn đầu tư từ ngân sách chính là sự khẳng định vai trò, trách nhiệm của nhà nước trong quá trình điều hành phát triển nền kinh tế - xã hội như nghị quyết Đại hội Đảng CS Việt Nam lần thứ IX đã nêu.

Sự tương quan về đầu tư cho công nghiệp điện ảnh trong tương quan đầu tư chung của nền kinh tế đất nước những năm qua cho ta thấy rõ sự quan tâm của Đảng và nhà nước đối với ngành nhưng khả năng đầu tư hạn chế của nhà nước luôn mâu thuẫn với nhu cầu đầu tư đồng bộ, hiện đại, đa dạng hoá sản phẩm điện ảnh (Trong khi các loại máy móc thiết bị chuyên dùng hiện đại của điện ảnh sản xuất trên thế giới vô cùng đắt, chỉ sản xuất đơn chiếc theo đơn đặt hàng, giá cao gấp nhiều lần so với thiết bị dân dụng). Khai thác triệt để các nguồn vốn đầu tư khác trong nước là vô cùng quan trọng, nó thúc đẩy và hoàn thiện quá trình đầu tư của nhà nước, mau chóng đưa vào khai thác phát huy hiệu quả đầu tư cho điện ảnh Việt Nam.

Trong xu thế quan hệ kinh tế quốc tế mở rộng, việc thu hút một khối lượng vốn đầu tư nước ngoài cho điện ảnh Việt Nam luôn đi kèm với vốn là kỹ thuật - công nghệ có tác dụng như là lực khởi động cho quá trình phát triển. Tiếp nhận kỹ thuật - công nghệ cho dù chưa phải là hiện đại nhất của thế giới nhưng vẫn hiện đại gấp nhiều lần so với trình độ hiện tại trong nước, qua đó học tập được kinh nghiệm quản lý tiên tiến của nước ngoài, nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ ngày càng cao trong nước, từng bước hoà nhập với các nền điện ảnh thế giới.

Tuy nhiên, trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm tư tưởng thì không thể thu hút bằng bất cứ giá nào mà phạm vi và mức độ huy động phụ thuộc vào chủ trương chính sách và quan hệ kinh tế - chính trị - đối ngoại của Việt Nam với các nước cũng như sự cởi mở của luật đầu tư và sự hấp dẫn của môi trường đầu tư.

3.1.3.3. Quy mô thu hút vốn từ ngân sách thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về Văn hoá cho phát triển điện ảnh Việt Nam từ 2006 - 2010

Đây là nguồn vốn đầu tư theo các dự án thuộc mục tiêu chương trình điện ảnh được thu hút từ ngân sách nhà nước hàng năm

Bảng (3.2): VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH CHO MỤC TIÊU ĐIỆN ẢNH 2006 - 2010

Đơn vị: Triệu đồng

STT	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH	SỐ TIỀN
	Tổng vốn đầu tư	223.330
1	<i>Trong đó:</i> Phân theo nguồn đầu tư	
	- Vốn xây dựng cơ bản	124.720
	- Vốn ngân sách sự nghiệp	98.610
2	<i>Trong đó:</i> Phân theo mục đích sử dụng	
	- Vốn đầu tư khu vực sản xuất phim	123.640
	- Vốn đầu tư khu vực bảo quản phim	9.000
	- Vốn đầu tư khu vực phổ biến phim	85.890
	- Vốn đầu tư khu vực đào tạo	4.800

Nguồn: Kế hoạch mục tiêu chương trình của Cục điện ảnh

Vốn đầu tư sản xuất phim thu hút chủ yếu từ các thành phần kinh tế khác hàng năm thời kỳ 2006 - 2010 dự kiến:

b/ Thu hút vốn đầu tư cho các khu vực cần đầu tư

Nhà nước đầu tư hiện đại hoá cơ sở vật chất kỹ thuật một số công trình trọng điểm như: Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho trường quay, trung tâm kỹ thuật sản xuất phim hiện đại, Trung tâm bảo quản phim, xây mới và hoàn thiện 2 cụm rạp chiếu phim trang bị máy móc thiết bị hiện đại tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh phục vụ phát triển sự nghiệp và đối ngoại...

Các lĩnh vực đầu tư còn lại được huy động từ nhiều nguồn vốn trong và ngoài nước như: Vốn vay ưu đãi dài hạn từ hệ thống ngân hàng; Vốn liên danh của các cá nhân và tổ chức kinh tế trong xã hội; Vốn cổ phần huy động trong xã hội; Vốn hợp tác đầu tư với nước ngoài; Vốn đầu tư 100% của chủ đầu tư nước ngoài...

Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế được lựa chọn và tự quyết định hướng đầu tư có lợi nhất trong mọi lĩnh vực hoạt động điện ảnh.

Huy động vốn đầu tư phát triển sản xuất phim từ nhiều nguồn khác nhau như: Duy trì sản xuất phim từ nguồn vốn tài trợ, đặt hàng của Nhà nước như hiện nay để có các phim lớn, phim sản xuất theo các tiêu chí phục vụ nhiệm vụ chính trị của đất nước, phim phục vụ dân tộc thiểu số miền núi và phim phục vụ thiếu nhi. Tuy nhiên phương thức quản lý nguồn vốn tài trợ và đặt hàng cần thay đổi cho phù hợp để đạt chất lượng tư tưởng, nghệ thuật và tính hấp dẫn cao.

Khuyến khích các thành phần kinh tế, các ngành, các tổ chức quần chúng... trong xã hội đầu tư vốn sản xuất phim theo cơ chế tự chủ và tự chịu trách nhiệm trước mọi quyết định của mình.

Khai thác các nguồn vốn sản xuất phim hợp tác có nội dung phù hợp của nước ngoài và Việt Nam. Nguồn vốn từ cung cấp dịch vụ làm phim bằng vốn nước ngoài sản xuất tại Việt Nam. Đây là các nguồn vốn sản xuất phim đem lại hiệu quả kinh tế cao, qua đây đội ngũ những người làm phim trong nước được trực tiếp tiếp cận với công nghệ sản xuất phim hiện đại, nâng cao kỹ năng và trình độ chuyên môn mà không phải tốn kém tiền đi đào tạo ở nước ngoài.

Nguồn vốn huy động đóng góp cổ phần từng bộ phim bằng cách hăng phim chào hàng kịch bản để các thành phần kinh tế, tập thể, cá nhân góp vốn cổ phần sản xuất phim và phân chia vốn và kết quả kinh doanh theo tỷ lệ góp vốn từ nguồn thu bán phim và chiếu phim hoặc phát hành băng đĩa.

Quy hoạch, đầu tư cho khu vực phổ biến phim theo hướng: Xây dựng hệ thống rạp chiếu phim hiện đại nhiều phòng chiếu, trang thiết bị chiếu phim hiện đại, hoạt động kinh doanh tổng hợp tại rạp ở các thành phố lớn, đông dân cư, thu hút nhiều khán giả khán giả yêu thích điện ảnh, mở rộng thị trường, khai thác hiệu quả vốn đầu tư, tạo nguồn thu chiếu phim là chủ yếu, kinh doanh đạt hiệu quả cao.

Mỗi tỉnh đồng bằng, trung du có một rạp chiếu phim nhựa với quy mô vừa phải, trang bị máy chiếu phim nhựa hiện đại, kết hợp kinh doanh với nhiệm vụ công ích. Mỗi tỉnh miền núi, vùng cao có một rạp chiếu phim quy mô nhỏ, trang bị máy chiếu video 300 inches độ nét cao, chủ yếu chiếu phim video.

Tiếp tục tài trợ 100% chi phí chiếu phim miền núi, vùng cao, 50% ở các vùng nông thôn khác. Các đội này có thể do tư nhân hoặc các hộ gia đình thành lập và hoạt động để mở rộng xã hội hoá hoạt động điện ảnh.

Quy hoạch hệ thống cửa hàng đại lý cho thuê băng video gia đình phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng trong xã hội. Tăng cường sản xuất phim Việt Nam cung cấp cho hệ thống này để giảm và thay thế phim nước ngoài.

Đầu tư cho khu vực bảo quản phim, hoàn thiện công nghệ lưu trữ phim hiện đại để bảo quản, lưu trữ phim tốt nhất, bảo vệ khối lượng tài sản hình ảnh động vô giá của dân tộc; khai thác và sử dụng thuận lợi phục vụ nghiên cứu và sản xuất phim.

c/ Tăng nhanh các nguồn vốn đầu tư từ nội tại ngành, mở rộng nguồn vốn đầu tư từ các cá nhân, các tổ chức kinh tế khác

Như phương hướng đã nêu trên, thu hút tối đa nguồn vốn từ ngân sách để đầu tư cho điện ảnh, như thế không có nghĩa là không xoá bỏ dần bao cấp về vốn đầu tư trong hoạt động điện ảnh, tăng đầu tư là để nuôi dưỡng nguồn thu trong tương lai. Vì vậy, các nguồn thu của điện ảnh có thể đầu tư trở lại cho ngành như:

- Vốn khấu hao máy móc thiết bị của các cơ sở sản xuất và phát hành phim.
- Thu từ các hoạt động dịch vụ khác như quảng cáo và làm gia công phim quảng cáo, cho thuê thiết bị và chuyên gia kỹ thuật, dịch vụ làm phim cho các tổ chức trong nước và nước ngoài, kinh doanh dịch vụ khách sạn nhà hàng qua hoạt động đa năng... của các cơ sở sản xuất và phát hành.
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động điện ảnh.

Nhà nước đã có chủ trương về xã hội hoá hoạt động điện ảnh, vì vậy có thể thu hút vốn từ các nguồn sau:

- Vốn đầu xây dựng nhà xưởng, xây dựng rạp, vốn mua sắm máy móc thiết bị từ các hợp đồng hợp tác, liên doanh liên kết với các cơ sở hoạt động điện ảnh.
- Vốn đầu tư huy động từ các nghệ sĩ điện ảnh, các thành phần kinh tế trong xã hội để sản xuất từng bộ phim sau đó phát hành thu hồi vốn góp và chia lãi.
- Làm phim theo đặt hàng hoặc phim gia công cho các hãng sản xuất lớn với các đề tài ví dụ như về hàng không, điện tử, tin học, may mặc, da, giấy... với mục đích quảng cáo sản phẩm một cách nghệ thuật đồng thời tạo ra những bộ phim tâm lý xã hội đương đại, biểu dương người tốt, việc tốt.

d/ Tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài

Đây là tiềm năng rất lớn đối với ngành điện ảnh mà từ lâu nay ta chưa có cơ hội khai thác vì nhiều lý do khác nhau, đó là các nguồn:

Vốn thiết bị để đầu tư đối với các trung tâm kỹ thuật điện ảnh, vốn đầu tư xây dựng các trường quay nội hoặc trường quay ngoại cảnh lớn hiện nay ta chưa có. Các nguồn vốn này khai thác thế mạnh về kỹ thuật - công nghệ của các tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực điện ảnh, các nguồn vốn đầu tư này không chỉ phối đến nội dung tư tưởng và nghệ thuật phim.

Vốn đầu sản xuất phim theo hình thức Việt Nam cung cấp dịch vụ để sản xuất phim cho nước ngoài (vốn 100% của nước ngoài), hoặc hợp tác làm phim (phía Việt Nam đóng góp một phần vốn, thường là rất nhỏ). Thông qua dịch vụ và hợp tác làm phim, phía nước ngoài tận dụng lợi thế giá lao động chuyên môn kỹ thuật cũng như lao động khác ở Việt Nam rẻ hơn ở họ rất nhiều, phong cảnh mới lạ... trong khi đó thu nhập cao gấp nhiều lần ở ta. Cái quan trọng hơn là tiếp thu được kiến thức kinh nghiệm về kỹ năng sáng tạo, kỹ thuật và quản lý từ phía nước ngoài.

Thu hút các nguồn vốn từ ODA, FDI...

e/ Thực thu hút phải gắn liền với việc sử dụng vốn đạt hiệu quả cao

Mục đích của việc thu hút vốn là để đầu tư phát triển, nếu thu hút vốn đầu tư mà sử dụng yếu kém thì sẽ không đạt hiệu quả về kinh tế - xã hội, cũng đồng thời không thể đạt mục đích phát triển. Thu hút và sử dụng vốn là hai vấn đề luôn gắn liền và tác động tương hỗ lẫn nhau, muốn thu hút được nhiều vốn đầu tư thì cần phải sử dụng vốn đạt hiệu quả; sử dụng vốn đạt hiệu quả cao sẽ tạo điều kiện và uy tín để thu hút vốn đầu tư lớn hơn.

3.1.3.4. Phương hướng sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh

Trước hết việc thu hút vốn đầu tư phải gắn liền với việc sử dụng vốn đạt hiệu quả. Càng tăng cường thu hút vốn, càng đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư cho Điện ảnh thì việc tăng cường các chính sách thu hút và chế độ quản lý sử dụng vốn đầu tư phải càng chặt chẽ và cần được ban hành đồng bộ để thực hiện được quan điểm này.

Sử dụng vốn theo hướng tập trung không dàn trải.

Sử dụng vốn theo chương trình mục tiêu để tránh lãng phí và thất thoát vốn.

Đầu tư vốn theo dự án và tập trung có trọng điểm, tuân theo các trình tự, thủ tục quản lý đầu tư để đạt hiệu quả sử dụng vốn tối ưu.

a/ Sử dụng vốn đầu tư cho kịch bản sản xuất phim

Kịch bản văn học điện ảnh là chất liệu đầu tiên và cơ bản nhất để tạo ra một bộ phim hay. Kịch bản điện ảnh có thể là sáng tác mới nhưng cũng có thể viết chuyển thể dựa trên nội dung tác phẩm văn học đối với phim truyện, phim hoạt hình, dựa trên phóng sự, ký sự... đối với phim ngắn. Trong thời gian qua, kịch bản văn học điện ảnh chưa được đầu tư một cách thích đáng về mọi mặt nên chưa tạo ra được những tác phẩm hay có tính đột phá mang tầm vóc thời đại. Điều này cũng thấy rõ cả trong lĩnh vực sáng tác văn học của nước nhà.

Không có kịch bản tốt thì không thể có bộ phim hay vì vậy phải quan tâm đầu tư cho khâu kịch bản trước một bước. Trong cơ chế thị trường, các hãng sản xuất phim cần áp dụng nhiều biện pháp chủ động phát hiện nguồn kịch bản như: Hợp đồng đặt hàng viết kịch bản điện ảnh với tác giả giỏi; mua đứt bản quyền kịch bản với giá thoả thuận; tạo ra các tổ chức môi giới giao dịch kịch bản, giúp các nhà sản xuất phát hiện tác phẩm văn học, kịch bản điện ảnh hay, phù hợp và hấp dẫn để có thể đưa vào mua bán trao đổi trên thị trường kịch bản. Tổ chức các cuộc đấu giá kịch bản để lựa chọn được các kịch bản điện ảnh tốt. Những kịch bản đã được lựa chọn cần đấu thầu làm phim để đưa vào sản xuất tạo ra các bộ phim hay.

Tạo nguồn kịch bản là nhiệm vụ của các hãng sản xuất phim để chủ động trong kế hoạch sản xuất. Có số lượng kịch nhiều về số lượng, phong phú về nội dung đề tài, tạo điều kiện cho việc lựa chọn kịch bản tốt, đảm bảo thời gian trong các khâu chuẩn bị để đưa phim vào sản xuất... để tạo được phim hay.

Hỗ trợ khâu tạo nguồn kịch bản cho các cơ sở sản xuất phim, hàng năm các cơ quan có liên quan trong lĩnh vực điện ảnh cần đầu tư đúng mức để tổ chức các hình thức như đi xâm nhập thực tế, phản ánh cuộc sống đương đại diễn ra rất sống động và sâu sắc là vô cùng cần thiết, có vậy kịch bản điện ảnh mới phản ánh hiện thực, giàu tính nhân văn, mang hồn cuộc sống. Thực tiễn và cảm xúc của tác giả sẽ tạo dựng được những nhân vật điển hình mang tính khái quát cao, phản ánh được những vấn đề mang tính thời đại trong tác phẩm, thúc đẩy sáng tác nhanh hơn, mới lạ hơn, sâu sắc hơn về lịch sử và cuộc sống đương đại, tạo tiền đề tốt cho đạo diễn và chất sống cho tác phẩm điện ảnh trong tương lai.

Mở trại sáng tác, mở các cuộc thi để có điều kiện phát hiện các tài năng trẻ. Hội thảo các vấn đề về nâng cao chất lượng kịch bản và chất lượng phim. Đầu tư chiều sâu, thi kịch bản theo định hướng sáng tác từng thời kỳ... để lựa chọn ra những kịch bản có chất lượng cao, tạo tiền đề cho những tác phẩm điện ảnh có giá trị.

Dành vốn đầu tư chiều sâu cho các nhà biên kịch điện ảnh giỏi, các nhà văn, các tác giả đã có bề dày trong lĩnh vực sáng tác kịch bản điện ảnh có điều kiện khai thác có điều kiện thời gian và vật chất để tập trung khai thác các tác phẩm văn học có giá trị tư tưởng nghệ thuật cao, giàu tính nhân văn, sống mãi với thời gian trong kho tàng văn học Việt Nam để chuyển thể thành kịch bản điện ảnh, tạo nguồn kịch bản dồi dào, giúp các hãng phim có điều kiện chủ động lựa chọn đề tài phù hợp đưa vào sản xuất phim, tạo thêm sức sống cho các tác phẩm văn học Việt Nam.

Để làm tốt được việc này phải có định hướng sáng tác và sự đầu tư vốn thoả đáng, thể hiện vai trò "Bà đỡ" của Nhà nước đối với văn hoá nghệ thuật; đặc biệt là các biện pháp kích thích năng lực sáng tạo của nghệ sĩ, khơi nguồn cảm hứng, thức dậy tình yêu trách nhiệm với công chúng, với đất nước với thời đại họ đang sống... tạo ra tác phẩm điện ảnh bằng văn bản, là chất liệu tốt, là tiền đề cho bộ phim hay trong tương lai.

b/ Sử dụng vốn đầu tư trang bị công nghệ kỹ thuật hiện đại cho sản xuất phim

Đối với khâu sản xuất tiên kỳ: Tiếp tục đầu tư chiều sâu, hiện đại hoá thiết bị công nghệ sản xuất phim cho Hãng phim Truyện Việt Nam tại Hà Nội, Hãng phim Giải Phóng tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hãng phim Tài liệu khoa học TW. Trang bị đồng bộ các loại máy quay phim nhựa hiện đại của thế giới, kèm theo các thiết bị phục vụ quay như cần trục, traveling, hệ thống đèn chiếu sáng, thiết bị thu thanh và lồng tiếng, hệ thống thiết bị dựng phim và thiết bị hoà âm... theo công nghệ sản xuất phim kỹ thuật số hiện đại. Kỹ thuật hiện đại sẽ tạo điều kiện sáng tạo cho nghệ sĩ. Sớm đưa Xưởng phim khoa học vào hoạt động theo đề án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt. Đảm bảo đến năm 2010 năng lực sản xuất của các hãng được nâng lên gấp 3 lần so với hiện tại; đạt các chỉ tiêu về số lượng và chất lượng sản phẩm cao.

Hiện đại hoá Xưởng phim Công an thuộc Bộ Công an và Hãng phim Nguyễn Đình Chiểu của Thành phố Hồ Chí Minh nhưng chỉ thực hiện ở khâu sản xuất tiên kỳ, phần hậu kỳ tập trung vào hai Trung tâm Kỹ thuật điện ảnh ở hai đầu đất nước.

Đầu tư nâng cấp dây truyền công nghệ sản xuất phim hiện đại đồng bộ và khép kín (Cả sản xuất phim tiên kỳ và sản xuất phim khâu hậu kỳ) cho Điện ảnh Quân đội với quy

mô vừa để thực hiện những phim theo yêu cầu bí mật quốc gia, đặc biệt là một số loại phim và tư liệu thuộc quốc phòng và an ninh.

Đối với khâu sản xuất hậu kỳ: Sản xuất hậu kỳ sẽ kết hợp việc đầu tư mở rộng và đầu tư chiều sâu đối với Trung tâm kỹ thuật điện ảnh phía Bắc tại Hà Nội và Trung tâm kỹ thuật điện ảnh phía Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh lấy cơ sở là Hãng phim Giải Phóng (vốn đã là xưởng phim tổng hợp trước kia) để hoàn thiện giai đoạn sản xuất gia công hậu kỳ. Trang bị hệ thống thiết bị in tráng hiện đại cả hình và tiếng, trang bị thiết bị làm kỹ xảo phim; Trang bị thiết bị công nghệ làm phụ đề phim và lồng tiếng cho phim nhằm thay thế thuyết minh phim hiện tại... đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đồng bộ với giai đoạn sản xuất tiền kỳ tại các hãng sản xuất phim.

Xúc tiến sớm việc đầu tư xây dựng trường quay lớn cho các hãng phim. Trường quay sẽ đáp ứng yêu cầu sáng tạo nghệ thuật và tiêu chuẩn kỹ thuật điện ảnh, chủ động dựng bối cảnh làm phim tại trường quay trong mọi thời tiết. Hơn nữa là thực hiện đúng công nghệ sản xuất phim điện ảnh “Làm giả như thật” nhất là khi quay các phim về lịch sử, dã sử... bối cảnh sau khi quay sẽ là những công trình văn hoá lớn để nhân dân có thể tham quan, vui chơi giải trí tại đây.

Hướng đầu tư kỹ thuật cho khâu sản xuất phim là: Hiện đại hoá công nghệ sản xuất phim truyền thống bằng cách đi thẳng vào công nghệ tiên tiến, hiện đại của điện ảnh thế giới, đặc biệt là kỹ thuật điện tử và kỹ thuật số tạo hiệu quả hình ảnh trong sáng mới lạ, âm thanh lập thể đa chiều, âm thanh vòm (Dolby Surround) nhằm phục hồi lại thị trường màn ảnh lớn thị trường phim nhựa của điện ảnh chính thống. áp dụng các quy chuẩn quốc tế trong sản xuất phim. Đầu tư đổi mới thiết bị kỹ thuật phải gắn liền với đào tạo cán bộ để tiếp thu, sử dụng, bảo quản, khai thác có hiệu quả công nghệ mới.

Đến năm 2010 điện ảnh Việt Nam có thiết bị công nghệ sản xuất phim hiện đại ngang tầm các nước trong khu vực, một số lĩnh vực xếp loại khá so với các nước có nền điện ảnh phát triển. Đảm nhiệm 100% việc sản xuất phim với kỹ thuật cao trong nước, để đồng bộ với hệ thống máy chiếu thể hệ mới đã và đang tiếp tục được trang bị tại các rạp trong cả nước, thu hút mạnh gia công dịch vụ và hợp tác làm phim với nước ngoài, khai thác có hiệu quả vốn đầu tư trong khu vực sản xuất phim.

c/ Sử dụng vốn đầu tư cho khu vực phát hành phim

Là cầu nối giữa khâu sản xuất phim và khán giả, kết quả hoạt động ở khâu này thước đo hiệu quả kinh tế - xã hội của mọi hoạt động điện ảnh. Công tác tuyên truyền, quảng cáo phim, tiếp thị khán giả ngày càng có tầm quan trọng không kém gì quá trình sản xuất phim. Phát hành phim và chiếu phim là đầu ra của sản phẩm điện ảnh, thu hồi vốn cho khu vực sản xuất, góp phần định hướng cho sản xuất, cần sản xuất những loại phim gì? đề tài nào và hướng tới ai? với nội dung tốt, hấp dẫn hợp thị hiếu, giải trí lành mạnh để thu hút mọi tầng lớp khán giả đến rạp xem phim.

Hiện nay, thời gian nghỉ ngơi của người lao động đã nhiều hơn (02 ngày/tuần). Mức sống ở đô thị ngày càng cao, chắc chắn nhu cầu hưởng thụ văn hoá tinh thần cũng tăng theo. Tại các nước phát triển, mặc dù truyền hình và phương tiện nghe nhìn đầy đủ và hiện đại hơn ta rất nhiều, nhưng những rạp chiếu phim hiện đại, tiện nghi sang trọng, phim hay... vẫn thu hút đông khán giả đến xem. Chính vì vậy việc nâng cấp, cải tạo rạp hoặc xây mới, trang bị máy chiếu phim hiện đại, kết hợp với các hoạt động vui chơi giải trí khác tạo thành một quần thể văn hoá để đáp ứng nhu cầu nêu trên là cần thiết trong thời gian trước mắt và cả lâu dài.

Đến năm 2010 những thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh ngoài các rạp đơn (rạp có một phòng chiếu), mỗi nơi có ít nhất hai rạp cụm quy mô lớn, mỗi rạp cụm có từ 5 đến 8 phòng chiếu, trong đó chủ yếu là phòng chiếu phim nhựa. Hoàn thành giai đoạn II của Trung tâm chiếu phim quốc gia với việc đầu tư các phòng chiếu phim đồng cảm (Cinelax); phim màn ảnh hình cầu với hình ảnh nổi (không gian 3 chiều); nhà bảo tàng nghệ thuật và bảo tàng điện ảnh.

Các thành phố tập trung đông dân cư như Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Cần Thơ... sẽ tận dụng cơ sở vật chất kỹ thuật sẵn có, cải tạo các rạp chiếu đơn cũ thành các rạp cụm quy mô vừa, mỗi phòng chiếu từ 200-500 chỗ, đầu tư thiết bị chiếu phim hiện đại, âm thanh lập thể, phòng chiếu tốt, hiện đại và tiện nghi.

Các thành phố và thị xã khác mỗi nơi có ít nhất một rạp đơn trên cơ sở cải tạo rạp cũ hoặc xây mới, trang bị máy chiếu phim nhựa hiện đại, phòng chiếu đẹp, đầy đủ tiện nghi. Các thị trấn, thị tứ thuộc huyện, mỗi nơi có một rạp mini khoảng 100 đến 200 ghế, chiếu phim nhựa bằng các loại máy có kỹ thuật hiện đại vừa phải hoặc chiếu bằng máy chiếu phim nhựa lưu động và chiếu bằng cả phim video.

Đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa và các vùng nông thôn hẻo lánh khác sẽ có các đội chiếu phim video 100 Inches, chiếu phim nhựa bằng máy chiếu phim nhựa lưu

động; mỗi huyện ít nhất có một đội chiếu phim lưu động phục vụ tại địa bàn. Ngoài ra còn có khoảng 300 đội chiếu phim nhựa lưu động của quân đội chuyên phục vụ các chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và đồng bào sống gần nơi đóng quân trên cả nước đặc biệt là các vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa.

Năm 2010 cả nước có khoảng 350 rạp với 100.000 ghế ngồi; có 700 đội chiếu bóng lưu động (Hiện tại là 220 rạp với trên 80.000 ghế ngồi; 600 đội chiếu bóng lưu động). Đến năm 2005 đạt 8 lượt người xem/năm (gấp đôi hiện nay), trong đó xem phim tại rạp đạt 1 lượt người /năm. Phần đầu đến năm 2010 số lượt người xem phim tại rạp cả nước đạt 1,5 lượt người/năm.

Quy hoạch lại hệ thống cửa hàng và đại lý cho thuê băng hình của nhà nước và tư nhân, đảm bảo cân đối giữa nhu cầu người xem và số lượng cửa hàng cho thuê; tránh tình trạng mất cân đối gây lộn xộn trong quản lý hoạt động và nội dung băng hình cho thuê trên thị trường. Tăng cường kiểm tra kiểm soát và xử lý nghiêm các vi phạm trong lĩnh vực này.

Khâu lưu trữ nghiên cứu ứng dụng công nghệ bảo quản phim hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế, thể nghiệm bảo quản phim tư liệu bằng đĩa hình. Đến giai đoạn 2010 Viện Nghệ thuật và lưu trữ điện ảnh Việt Nam sẽ hoàn thiện công nghệ lưu trữ phim hiện đại tại hai cơ sở là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh để giữ gìn được các bộ phim có giá trị và tư liệu quý về dân tộc về đất nước cho các thế hệ sau.

Xuất nhập khẩu phim: Xuất nhập và trao đổi phim giữa các nước có nền điện ảnh trên thế giới nhằm giới thiệu đất nước, con người, nền điện ảnh của dân tộc mình với thế giới, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại thông qua tác phẩm điện ảnh và vì lợi ích kinh tế mỗi bên. Định hướng cho lĩnh vực này như sau:

Lựa chọn nhập những tác phẩm điện ảnh thế giới có giá trị nghệ thuật cao, gần với tập quán dân tộc, truyền thống đạo đức của người Việt Nam, giải trí lành mạnh để phát hành trong rạp chiếu phim và hệ thống của hàng cho thuê phim video, là lực lượng bổ sung thêm trong khi số lượng phim Việt Nam còn ít.

Khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vốn, liên doanh, liên kết với các đơn vị hoạt động điện ảnh cải tạo, xây dựng mới rạp chiếu phim nhựa trong cả nước; đây là những đầu mối được phép và có nhiều khả năng khai thác tốt nguồn phim nhựa ở ngoài nước, nhập phim cung cấp cho hệ thống rạp ngoài số lượng phim nhập

của FAFIM Việt Nam. Thực hiện nghị định 26/CP và hưởng ứng chủ trương xã hội hoá hoạt động Điện ảnh của Chính phủ mới ban hành.

Mỗi năm nhập từ 60-70 phim truyện nhựa; mỗi phim từ 5-6 bản để có thể cùng lúc chiếu ở nhiều rạp (hiện tại 30-35 phim; mỗi phim từ 1-2 bản). Mỗi năm nhập khoảng 100 phim truyện video 1 tập để chiếu tại các rạp chưa có điều kiện trang bị máy chiếu phim nhựa và cung cấp cho các cửa hàng và đại lý cho thuê băng hình (hiện tại nhập khoảng trên 200 phim/năm). Nhập từ 80- 90 băng hình nhiều tập để cung cấp cho hệ thống cửa hàng cho thuê băng, đĩa hình cả nước, tiến tới giảm dần phim nhập khẩu, thay thế bằng phim nhiều tập do điện ảnh Việt Nam sản xuất (hiện tại nhập khoảng 120 bộ/năm).

Việc nhập phim sẽ được tuân thủ theo các quy định của pháp luật; theo định hướng nội dung, đề tài, tỷ lệ phim nhập từ các nước khác nhau... đặc biệt chú trọng việc nhập khẩu phim tốt cho thiếu nhi, phim có giá trị nghệ thuật cao đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của công chúng.

Phần đầu đến năm 2005 và 2010 ngoài việc gửi phim tham dự Liên hoan phim quốc tế, sẽ xuất khẩu được 20-25% số lượng phim Việt Nam sản xuất trong năm sang các nước, trước mắt là khối ASEAN và các nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (bao gồm cả phim truyện, phim tài liệu và phim hoạt hình).

d/ Sử dụng vốn đầu tư cần phối hợp hoạt động giữa điện ảnh và Truyền hình

Khẳng định truyền hình là một phương tiện chuyển tải giúp cho tác phẩm điện ảnh mau chóng tiếp cận với công chúng, thể hiện sự phối hợp giữa điện ảnh và truyền hình ngày càng trở nên chặt chẽ hơn. Truyền hình là một trong những đầu ra quan trọng của điện ảnh để huy động vốn cho sản xuất phim từ thu quảng cáo thương mại.

Các nước có nền điện ảnh tiên tiến kể cả Trung Quốc, người dân xem phim truyện trên truyền hình đều phải trả tiền dưới hình thức nộp lệ phí truyền hình. Đây là nguồn thu quan trọng để đầu tư trở lại cho sản xuất phim, tạo điều kiện cho các nghệ sĩ điện ảnh có điều kiện để làm nghề, trong khi phim nhựa đang còn gặp nhiều khó khăn về kinh phí và đầu ra. Muốn thực hiện được điều này, trước hết cần có sự nỗ lực của bản thân ngành điện ảnh, sau đó là sự điều hành sát sao của Chính phủ, trên tinh thần hai ngành hợp tác cùng thực hiện nhiệm vụ chung của Chính phủ.

Trước mắt từ nay đến năm 2010 mỗi tuần phát một chương trình dành riêng cho điện ảnh trên truyền hình, có tên gọi là “Điện ảnh chiều thứ bảy” với thời lượng được nâng từ 100 phút hiện tại lên 180 phút vào thời gian thích hợp nhất trong ngày. Chương

trình này đi sâu giới thiệu các vấn đề của điện ảnh như kỹ thuật, kỹ xảo làm phim, góc nhìn điện ảnh của công chúng và những người làm nghề. Giới thiệu phim kinh điển trong nước và thế giới, giới thiệu các phim truyện của điện ảnh mới sản xuất... nhằm giới thiệu cho công chúng những vấn đề đằng sau bộ phim, nâng cao mức hưởng thụ, hướng dẫn thẩm mỹ cho người xem... đặc biệt là nâng cao thời lượng phát sóng phim Việt Nam trên truyền hình theo Luật điện ảnh. Chương trình được đặt hàng bằng nguồn vốn thu từ quảng cáo của đài Truyền hình Việt Nam.

Đến 2010 đề nghị Chính phủ cho phép điện ảnh được sử dụng một kênh truyền hình riêng để chuyên phát sóng phim truyện và các loại phim khác do điện ảnh Việt Nam sản xuất; phát sóng những phim nhập khẩu có giá trị đã phát hành trên hệ thống rạp. Chương trình này phát hình trong nước và ra cả nước ngoài với thời lượng 24/24 giờ trong ngày. Với mục tiêu trước mắt là tăng mức hưởng thụ tác phẩm điện ảnh cho khán giả trong nước, giới thiệu những tác phẩm của nhiều nền điện ảnh thế giới với công chúng Việt Nam và giới thiệu điện ảnh Việt Nam ra thế giới qua kênh truyền hình này. Từng bước tạo nguồn thu quảng cáo đầu tư trở lại cho sản xuất phim truyện và đặc biệt là phim truyện nhựa (Nếu chủ trương này được thực hiện, dự kiến hàng năm sẽ thu về trên dưới 30 tỷ đồng, tương đương chi phí sản xuất khoảng 20 phim truyện nhựa, gấp 3 lần số phim truyện nhựa của ta sản xuất trong một năm hiện nay) .

e/ Sử dụng vốn cho sản xuất phim đáp ứng nhu cầu khán giả đến năm 2010

Chất lượng phim là vấn đề quyết định sự tồn tại và phát triển của điện ảnh. Phim tốt, phim hay mới lôi cuốn được khán giả bỏ tiền mua vé đến rạp xem phim, tạo nguồn thu cho điện ảnh. Đầu tư vốn cho sản xuất phim nhằm đáp ứng nhu cầu thưởng thức sản phẩm điện ảnh và nghe nhìn của công chúng đồng thời thu hồi vốn cho tái sản xuất của cả quá trình hoạt động điện ảnh.

Thị trường điện ảnh Việt Nam với khoảng 80 triệu dân sau khi đất nước đổi mới toàn diện đời sống người dân dần được nâng lên. Với chủ trương công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước làm tốc độ đô thị hoá nhanh, hình thành các khu tập trung đông dân cư. Trình độ dân trí ngày càng cao, nhu cầu giải trí tăng nhất từ khi thực hiện làm việc 40 giờ/tuần. Phim nhựa với các lợi thế về màn ảnh rộng, hình ảnh lớn, sắc nét, âm thanh ánh sáng hiện đại sức truyền cảm cao, và các phương tiện nghe nhìn khác ngày càng phát triển. Số lượng phim sản xuất đến năm 2010 để đáp ứng nhu cầu thưởng thức của khán giả thể hiện ở bảng sau:

Bảng (3.3): DỰ BÁO SẢN LƯỢNG PHIM ĐẾN NĂM 2010 VÀ 2020*Đơn vị: Bộ phim*

	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT	2000	2005	2010	2020
1	Phim truyện nhựa	10	20	36	60
2	Phim truyện Video	20	35	50	200
	- Phim 1 tập	20	20	25	50
	- Phim nhiều tập		15	25	150
3	Phim tài liệu	10	18	24	60
4	Phim khoa học	2	6	24	40
5	Phim hoạt hình	8	18	36	50
6	Băng hình miền núi	12	18	24	35

Nguồn: Quy hoạch điện ảnh đến 2010 và tầm nhìn đến 2020

Cần tập trung vốn sản xuất phim, thực hiện cho được các chỉ tiêu nêu trên:

Đến năm 2005 số lượng phim truyện nhựa 35mm sản xuất đạt gấp 2 lần với năm 2000, trong đó phim đề tài về thiếu nhi chiếm 20%. Đến năm 2010 đạt 3,6 lần so với năm 2000 là 36 phim truyện nhựa/năm, trong đó phim cho thiếu nhi đạt 25% so với tổng số. Năm 2005 phim truyện có âm thanh lập thể chiếm 50% số lượng phim sản xuất trong năm; Năm 2010 chiếm 80% số lượng phim sản xuất trong năm. Như vậy mới phù hợp với hệ thống máy chiếu hiện đại đã trang bị cho các thành phố lớn và tiếp tục trang bị mở rộng trong toàn hệ thống chiếu bóng cả nước, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ nghệ thuật điện ảnh ngày càng cao cho công chúng cả nước.

Sản xuất 50 phim truyện video/năm, gấp 2,5 lần so với năm 2000, trong đó 50% là phim nhiều tập, đáp ứng 30% nhu cầu phim cho mạng lưới video gia đình. Sản xuất để cung cấp phim cho hệ thống truyền hình trong cả nước, phần đầu đến năm 2010 đạt tỷ lệ phim Việt Nam chiếu trên truyền hình đạt 40% tổng thời lượng phát sóng phim truyện.

Sản xuất 36 phim hoạt hình/năm, đạt 4,5 lần so với hiện tại, đáp ứng mỗi tháng có ít nhất ba phim mới cho trẻ em, chiếu trong các rạp dành riêng cho thiếu nhi và phát sóng trên truyền hình. Trong đó 50% phim hoạt hình được sản xuất bằng kỹ thuật vi tính.

Sản xuất 24 phim tài liệu và 24 phim khoa học/năm. Phim tài liệu, phim phổ biến khoa học là những phim mang tính thời sự, cập nhật với cuộc sống hàng ngày... sản xuất từ nguồn tài trợ của nhà nước hoặc theo đặt hàng của các đài truyền hình, cần chú trọng đến chất lượng nghệ thuật nhưng chủ yếu thực hiện bằng chất liệu phim video để phát

sóng trên truyền hình và đưa vào các chương trình băng hình phục vụ miền núi để đảm bảo kỹ thuật, tránh tốn kém nếu làm phim nhựa sẽ phải telecine sang băng hình.

Chương trình băng hình phục vụ miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải được duy trì và nâng cao về chất lượng nghệ thuật. Nội dung mang tính tổng hợp phong phú, bổ ích, thiết thực, gần gũi, với các dân tộc, đặc biệt là dân tộc ít người. Tạo điều kiện cho cộng đồng dân tộc hiểu biết, gắn bó với nhau hơn trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Đến năm 2010 sản xuất thấp nhất đạt 24 chương trình/năm, đảm bảo mỗi tháng đồng bào được xem 2 chương trình mới.

Phần đầu đến năm 2010 các cơ sở sản xuất phim trong nước vươn lên làm chủ thị trường phim quảng cáo thương mại trong và ngoài nước nhằm phát huy nghề nghiệp của đội ngũ nghệ sĩ điện ảnh, nâng cao chất lượng nội dung và nghệ thuật của các chương trình quảng cáo.

g/ Đầu tư vốn trang bị cho công nghệ sản xuất và bảo quản phim đạt trình độ kỹ thuật tiên tiến của điện ảnh khu vực và thế giới

Việc hiện đại hoá ngành điện ảnh đòi hỏi một sự đầu tư tốn kém vì điện ảnh ra đời và phát triển gắn liền với sự phát triển và tiên bộ của khoa học công nghệ nói chung và kỹ thuật công nghệ điện ảnh nói riêng, nó là điều kiện quan trọng nhất để tạo ra tác phẩm điện ảnh. Ngày nay, khi khoa học kỹ thuật nói chung và kỹ thuật công nghệ điện ảnh tiến bộ không ngừng, nhu cầu thưởng thức điện ảnh của công chúng đòi hỏi ngày càng cao.

Sử dụng vốn cho hiện đại hoá thiết bị kỹ thuật và công nghệ sản xuất phim tiên tiến bao gồm khâu sản xuất tiền kỳ tại các hãng sản xuất phim và khâu sản xuất hậu kỳ tại Trung tâm Kỹ thuật điện ảnh để đảm bảo cho các nghệ sĩ có đủ điều kiện thể hiện và sáng tạo trong tác phẩm điện ảnh như: Máy quay phim và các thiết bị trường quay đồng bộ, hiện đại; dùng thiết bị kỹ xảo thay thế một số diễn xuất nguy hiểm, phức tạp của diễn viên; thiết bị làm tiếng động giả, âm thanh lập thể, hệ thống đèn chiếu nhiều màu sắc, chủng loại tạo hiệu quả nghệ thuật cao, tạo cảm xúc mạnh cho người xem. Hệ thống máy móc thiết bị, công nghệ in tráng phim sạch với chất lượng cao tạo hình ảnh âm thanh trong sáng, màu sắc chân thật, hấp dẫn...

Trong một thời gian ngắn ngân sách nhà nước tập trung đầu tư thiết bị đồng bộ cho dây truyền sản xuất phim của các hãng phim lớn do nhà nước thành lập, không phân tán cào bằng, đây là việc đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng để đổi mới về căn bản nhằm hiện đại hoá ngành điện ảnh. Để đủ điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật khi tiến hành cổ phần hoá;

thiếu đồng bộ một công đoạn nhỏ trong dây truyền sản xuất sẽ không phát huy hiệu quả sản phẩm, thậm chí lạc hậu và lãng phí vốn đầu tư.

h/ Đầu tư vốn đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ sáng tác gắn liền với đào tạo đội ngũ kỹ thuật sản xuất và bảo quản phim

Sử dụng vốn đầu tư đồng bộ trong hoạt động điện ảnh mới khai thác phát huy hiệu quả, vì vậy phải đầu tư cả đội ngũ những người làm công việc sáng tạo để phát triển điện ảnh lâu dài bền vững, phải chú trọng đào tạo đồng bộ cả đội ngũ những người sáng tác và đội ngũ kỹ thuật sản xuất phim (Biên kịch, đạo diễn, quay phim, họa sĩ, âm thanh, âm nhạc, dựng phim...).

Lịch sử của điện ảnh là ra đời và phát triển không ngừng ở các nước Châu Âu và phương Tây, do đó cứ người đi đào tạo ở nước ngoài để tiếp cận phương pháp làm phim hiện đại và nâng cao trình độ nghề nghiệp vừa cần thiết cấp bách trước mắt vừa tạo nguồn lực lâu dài cho phát triển. Đội ngũ những người làm phim này giàu năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành theo công nghệ làm phim hiện đại đạt trình độ quốc tế; tạo tiềm năng cho điện ảnh Việt Nam nâng cao chất lượng phim trong nước, đáp ứng việc mở rộng dịch vụ hợp tác quốc tế làm phim.

Đào tạo đội ngũ làm phim giỏi, thiết bị kỹ thuật hiện đại, áp dụng công nghệ sản xuất phim tiên tiến theo kịp trình độ phát triển của khu vực và thế giới là hai vấn đề cốt lõi có quan hệ hữu cơ tạo ra tác phẩm điện ảnh tốt. Trang bị thiết bị công nghệ sản xuất phim hiện đại phải có con người khai thác sử dụng mới phát huy hiệu quả; ngược lại con người nghệ sĩ đầy ý tưởng phong phú, táo bạo mà không có phương tiện thể hiện thì tác phẩm hay không thể ra đời.

Giải quyết đồng thời hai vấn đề trên giúp tháo gỡ khó khăn cơ bản về nguồn lực con người trong hiện tại của điện ảnh Việt Nam, là sử dụng vốn đầu tư đúng hướng, tiết kiệm và có hiệu quả. Tạo tiền đề cho những bộ phim có chất lượng nghệ thuật và kỹ thuật trong tương lai, hấp dẫn về hình thức thể hiện; đạt hiệu quả kinh tế cao gắn liền với hiệu quả xã hội.

i/ Sử dụng vốn cho hiện đại hoá kỹ thuật công nghệ phải đồng bộ với làm chủ kỹ thuật công nghệ mới

Trong công nghệ sản xuất phim, bất kỳ một khâu nào đều quyết định đến chất lượng cuối cùng của sản phẩm điện ảnh. Trong khâu sản xuất tiền kỳ, từ kịch bản, đạo diễn, phục trang của nhân vật, bối cảnh chân thực trong thiết kế mỹ thuật, lồng tiếng cho

nhân vật, khuôn hình máy quay, kỹ thuật quay, thu thanh hoà âm cho phim... đều góp phần làm cho phim thành công hay thất bại.

Trong khâu sản xuất hậu kỳ, chất lượng in, tráng phim từ các bản phim Negatip gốc, bản in tráng hàng loạt với hệ thống máy lọc hậu, vệ sinh công nghiệp không tuân thủ nghiêm ngặt, nhân viên kỹ thuật kém sẽ làm cho phim bụi bẩn, xước, màu sắc không đều và hình ảnh không sắc nét, âm thanh không chân thực... sẽ làm hỏng cả sự cố gắng của khâu sản xuất tiền kỳ.

Phương tiện chuyển tải phim tới khán giả như rạp chiếu phim ẩm mốc, sập sệ, ghế ngồi tồi tàn, thiếu không gian văn hoá, máy chiếu phim cũ kỹ lạc hậu hình ảnh mờ nhạt, âm thanh âm nhạc méo mó, không có sức truyền cảm đến khán giả thì coi như cả công đoạn sản xuất và phát hành trước đó sẽ đều thất bại.

Quyết định đến chất lượng và hiệu quả của các yếu tố nói trên chính là Con người. Máy móc thiết bị - công nghệ hiện đại (phần cứng) của ngành công nghiệp điện ảnh thế giới ta có thể mua được trong thời gian ngắn nhưng không đào tạo người sử dụng (phần mềm) thì máy móc sẽ bị hao mòn vô hình và trở thành lãng phí như đã từng xảy ra trong ngành điện ảnh những năm qua.

Qua các vấn đề nêu trên, việc sử dụng vốn đầu tư hiện đại hoá kỹ thuật - công nghệ phải đồng bộ với đầu tư cho con người cần được quán triệt một cách tuyệt đối. Coi nhẹ khâu nào trong quá trình đầu tư thì đồng nghĩa với việc đó là đầu tư sẽ không có hiệu quả và dẫn đến lãng phí vốn đầu tư cho điện ảnh.

Trong quá trình đầu tư, cần đặc biệt chú trọng các khâu trọng yếu của quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm điện ảnh. Nhà nước cần tập trung đầu tư ở khâu nào để giữ vai trò chủ đạo của các cơ sở điện ảnh nhà nước trong định hướng tư tưởng và nghệ thuật của ngành; khâu nào có thể thu hút vốn từ các thành phần kinh tế khác để mở rộng các nguồn lực trong xã hội đầu tư và sử dụng vốn đầu tư cho hoạt động điện ảnh đạt hiệu quả hơn.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP THU HÚT VÀ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2010 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020

3.2.1. Giải pháp về thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam

- Huy động đối đa nguồn vốn từ ngân sách đầu tư cho phát triển điện ảnh trên cơ sở tập trung, có trọng điểm theo quy hoạch ngành và mục tiêu Chương trình quốc gia phát triển điện ảnh được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Lựa chọn khâu đột phá để đầu tư, bảo đảm tính hiệu quả trong đầu tư, tránh phân tán, cào bằng.

- Tạo môi trường thông thoáng, hấp dẫn trong đầu tư bằng bằng hệ thống pháp luật và các chính sách ưu đãi nhà đầu tư trong lĩnh vực điện ảnh. Cho phép các thành phần trong xã hội được tham gia hoạt động điện ảnh thay bằng hiện nay chỉ có cơ sở sản xuất phim thuộc nhà nước được hoạt động. Tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong mọi hoạt động của các doanh nghiệp hoạt động điện ảnh.

- Cho phép thành lập các liên doanh hoạt động trong nhiều lĩnh vực kinh tế trong đó có hoạt động điện ảnh, thay bằng hiện nay chỉ được liên doanh hoạt động trong lĩnh vực chiếu phim.

- Cần đơn giản hoá thủ tục cấp giấy phép đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài hoặc cung cấp dịch vụ làm phim. Kiểm duyệt nội dung phim thông thoáng.

- Hoàn thiện các chính sách khuyến khích đầu tư vào điện ảnh thông qua các chính sách ưu đãi các loại thuế vì thuế là biện pháp quan trọng nhất trong chính sách ưu đãi đầu tư, hướng đầu tư vào các mục tiêu phát triển. Thuế tác động đến lợi nhuận thu được của nhà đầu tư, thuế bảo vệ sản xuất trong nước, thuế tác động đến giá cả để tạo ra môi trường hấp dẫn đầu tư cho điện ảnh...

Từ những quan điểm trên, giải pháp chủ yếu mang tính xã hội hoá cao trong thu hút vốn đầu tư cho phát triển điện ảnh thời gian đến 2010 là: **Đa dạng hoá hoạt động điện ảnh, đa phương hoá quan hệ hợp tác, đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư, để thu hút tối đa các nguồn vốn đầu tư phát triển Điện ảnh Việt Nam.**

3.2.1.1. Sự cần thiết phải đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam

Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh là: Thu hút nhiều nguồn vốn khác nhau trong xã hội đầu tư vào các lĩnh vực hoạt động điện ảnh nhằm tăng nhanh khối lượng vốn đầu tư đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển ngành. Như vậy, ngoài nguồn vốn đầu tư từ ngân sách hiện hành, vốn cho đầu tư phát triển điện ảnh đồng thời được thu hút từ nhiều nguồn khác nhau, vốn đầu tư từ nhiều ngành kinh tế, nhiều thành phần kinh tế khác nhau ở trong nước và vốn đầu tư từ nước ngoài sử dụng cho đầu tư phát triển điện ảnh. Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư nhằm nâng cao khả năng thu hút và sử dụng nhiều nguồn vốn đầu tư cho phát triển điện ảnh.

Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư nhằm mục đích huy động, khai thác triệt để các nguồn vốn đầu tư tiềm năng trong nền kinh tế của đất nước nhằm tạo ra những tác phẩm điện ảnh hấp dẫn, có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của công chúng trong xã hội.

Đa dạng hoá hoạt động điện ảnh và đa dạng hoá thành phần kinh tế sẽ đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư, tạo ra nhiều nguồn vốn tham gia đầu tư vào các lĩnh vực khác nhau trong hoạt động điện ảnh, tạo ra các loại hình sản phẩm điện ảnh phong phú, thúc đẩy đầu tư có hiệu quả tăng sức cạnh tranh trong môi trường kinh doanh.

Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư sẽ thu hút được các nguồn lực lớn trong xã hội đáp ứng nhu cầu đầu tư đồng bộ, hoàn thiện cho điện ảnh như: Đầu tư cho đào tạo; đầu tư cơ sở hạ tầng trường quay, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại cho sản xuất phim tiền kỳ và hậu kỳ; đầu tư vốn cho sản xuất phim, vốn cho xuất nhập khẩu và phát hành phim; cải tạo rạp, xây dựng cụm rạp chiếu phim hiện đại nhiều phòng chiếu, mở rộng và phát triển thị trường điện ảnh là khâu cuối cùng thu hồi và thu hồi vốn nhanh để bù đắp cho quá trình sản xuất.

Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư phát triển để mở rộng các nguồn vốn đầu tư, khai thác tiềm năng về các nguồn lực tập trung cho tiến trình hiện đại hoá ngành điện ảnh Việt Nam, đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, giao lưu giới thiệu nền văn hoá giàu bản sắc Việt Nam nói chung và nền điện ảnh dân tộc ta ra nước ngoài.

Đa phương hoá quan hệ hợp tác để phát triển: Là mở rộng các mối quan hệ hợp tác với các nước, các khu vực, các vùng lãnh thổ trên thế giới theo các hình thức hợp tác song phương, đa phương; tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ, tài trợ của các tổ chức kinh tế quốc tế như ODA, các tổ chức phi chính phủ và tư nhân, đầu tư trực tiếp của nước ngoài FDI... Nhằm giới thiệu văn hoá và nguồn lực điện ảnh Việt Nam với thế giới mở ra nhiều khả năng hợp tác quốc tế, tận dụng thế mạnh về công nghệ kỹ thuật, kỹ năng sáng tạo, năng lực quản lý từ các nền điện ảnh phát triển trên thế giới, thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư cho phát triển điện ảnh trong nước.

Để thực hiện quan hệ hợp tác với điện ảnh quốc tế đạt hiệu quả cao cần chú trọng, phân định hướng khai thác tiềm năng ở khu vực và các nước khác nhau đó là: Thế mạnh về công nghệ kỹ thuật của điện ảnh Cộng hoà liên bang Đức và khối cộng đồng châu Âu; Kỹ năng sáng tạo (Sáng tác, kỹ xảo...), năng lực quản lý điều hành sản xuất, phát hành và phổ biến phim trên thị trường thế giới của điện ảnh Hoa kỳ; Hiện đại hoá kỹ thuật công nghệ gắn liền với giữ bản sắc văn hoá dân tộc trong phim của Hàn Quốc, Trung quốc; Hợp tác phát hành phim Việt Nam tại các nước ASEAN bởi nhiều nét tương đồng về văn hoá Việt Nam với các nước trong khu vực...

Thực hiện giải pháp đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư đa phương hoá quan hệ hợp tác để phát triển điện ảnh Việt Nam là xuất phát từ:

a/ Đặc điểm của điện ảnh là sản phẩm nghệ thuật, đa dạng ngành nghề

Trong cơ chế thị trường sản phẩm điện ảnh là sản phẩm hàng hoá đặc biệt, điện ảnh là sản phẩm của quá trình sáng tạo đi từ cái triu tượng về ý tưởng, tình cảm thể hiện qua hình ảnh trong phim, chuyển tải đến người xem thông qua các phương tiện kỹ thuật nghe - nhìn để biến thành cái cụ thể là nhận thức và chỉ đạo hành động; điện ảnh phản ánh hiện thực cuộc sống và phục vụ con người.

Khác với các ngành nghệ thuật khác, điện ảnh là một ngành nghệ thuật tổng hợp hoàn toàn phụ thuộc vào máy móc, thiết bị ,kỹ thuật công nghệ. Sản phẩm sáng tạo từ ý tưởng nghệ thuật nhưng được sản xuất trên dây truyền công nghiệp hiện đại, các yếu tố nghệ thuật - kinh tế - kỹ thuật gắn bó với nhau tác động hỗ trợ lẫn nhau, sáng tạo càng độc đáo, phương tiện kỹ thuật càng tiên tiến hiện đại thì chất lượng sản phẩm càng tốt và đạt hiệu quả kinh tế cao.

Sản phẩm điện ảnh là kết quả lao động sáng tạo của một tập thể được gắn kết với nhau chặt chẽ, điện ảnh tập hợp hàng nghìn ngành nghề khác nhau tham gia phục vụ sản xuất phim, thu hút lực lượng lao động chuyên nghiệp và sáng tạo, vốn đầu tư rất lớn. Tại các nước có nền kinh tế thị trường phát triển, điện ảnh trở thành ngành công nghiệp dịch vụ giải trí đem lại nguồn lợi nhuận khổng lồ cho các nhà sản xuất phim, phát hành phim và chiếu phim.

Sản phẩm điện ảnh mang tính xã hội cao từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, sự phân công ngành nghề trong hoạt động điện ảnh rất rộng lớn vì vậy đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh là cần thiết, để khai thác triệt tiềm năng về nhân lực, vật lực, hoàn toàn phù hợp với phân công lao động và đặc thù ngành nghề.

b/ Vốn đầu tư thiết bị công nghệ và vốn đầu tư cho sản xuất phim rất lớn

Vốn cho hoạt động điện ảnh được đầu tư ở 3 khâu là: Sản xuất phim - Phát hành phim và chiếu phim.

Xuất phát từ đặc điểm sản phẩm điện ảnh mang tính xã hội cao từ sản xuất đến tiêu dùng; sản phẩm bao hàm các yếu tố nghệ thuật - kinh tế - kỹ thuật thu hút nhiều ngành nghề tham gia; sản phẩm được sản xuất trên dây truyền thiết bị công nghệ hiện đại với vốn đầu tư sản xuất phim và trang thiết bị rất lớn; lực lượng lao động chính trong điện ảnh phải được đào tạo mang tính chuyên nghiệp cao

Chi phí cho một bộ phim tại các nước có nền điện ảnh phát triển trên thế giới từ hàng triệu đến vài trăm triệu Đôla, thu chiếu bóng có phim đạt doanh thu tới hàng tỷ Đôla. Diễn viên hay đạo diễn ngôi sao thế giới có thu nhập từ 10 triệu đến trên 20 triệu Đôla

cho mỗi phim. Chi phí sản xuất một bộ phim truyện nhựa ở Việt Nam hiện nay so với chi phí sản xuất một bộ phim của thế giới thì chi phí ở ta rất nhỏ, nhưng khả năng thu hồi vốn đầu tư sản xuất phim Việt Nam rất khó khăn, tính rủi ro cao trong khi đó vẫn phải đầu tư đồng bộ và rất tốn kém; vì vậy không chỉ riêng Nhà nước hoặc một tổ chức hoặc cá nhân nào có đủ khả năng đáp ứng nhu cầu đầu tư, mà phải đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư, nâng cao khả năng thu hút vốn đầu tư cho phát triển điện ảnh.

Mặc dù khó khăn và rủi ro trong đầu tư trực tiếp cho sản xuất phim nhưng điện ảnh tác động gián tiếp đến tăng trưởng kinh tế của các ngành khác, điện ảnh nước ta được coi là một lực lượng kinh tế quan trọng, có trách nhiệm cung cấp các sản phẩm và dịch vụ công ích theo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của đất nước; thực hiện các đơn đặt hàng của nhà nước để đảm bảo sự cân đối hài hoà trong sự phát triển bền vững và ổn định kinh tế - xã hội.

Kinh tế ngày càng phát triển, đời sống vật chất và nhu cầu hưởng thụ văn hoá tinh thần ngày càng được nâng cao, điện ảnh trở thành ngành công nghiệp dịch vụ giải trí, nâng cao dân trí và thu lợi nhuận cao. Điện ảnh ngày nay càng trở nên hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước; các tổ chức và cá nhân, các thành phần kinh tế mong muốn đầu tư vốn sản xuất phim, kinh doanh phát hành phim, phổ biến phim và mọi lĩnh vực khác trong hoạt động điện ảnh, vì vậy đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh là sự cần thiết mang tính tất yếu trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.

c/ Sản xuất phát hành phim trong nước và mở rộng quan hệ quốc tế

Trong nền kinh tế thị trường, quan hệ kinh tế quốc tế phát triển và tác động mạnh đến phát triển kinh tế và văn hóa của các nước. Trong điều kiện tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ việc mở cửa hội nhập và giao lưu giữa điện ảnh Việt Nam với điện ảnh thế giới ngày càng phát triển và mở rộng như hợp tác sản xuất, cung cấp dịch vụ làm phim, phát hành phim và chiếu phim, bảo quản phim, đào tạo và trao đổi tuần phim mở rộng quan hệ quốc tế.

Mở cửa và hội nhập trong lĩnh vực hoạt động điện ảnh là cơ hội để phim Việt Nam sản xuất trong nước được phát hành ra nước ngoài, giới thiệu về đất nước, con người và nền văn hoá Việt Nam để thế giới hiểu về một Việt Nam giàu truyền thống, giàu bản sắc văn hoá, vì vậy phim Việt Nam sản xuất ra không chỉ phổ biến trong nước mà còn được phát hành ra nước ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu giải trí và thoả mãn nhu cầu tìm hiểu văn

hoá Việt Nam của khán giả quốc tế tạo tiền đề cho việc hợp tác quốc tế về điện ảnh và các lĩnh vực kinh tế xã hội khác của đất nước.

Sản xuất và xuất khẩu phim Việt Nam ra nước ngoài, ngoài giới thiệu về giá trị về tư tưởng nghệ thuật với quốc tế còn thu lợi ích về kinh tế gấp bội. Dịch vụ và hợp tác làm phim với nước ngoài là một nguồn thu lớn hàng triệu Đôla mỗi phim, mặt khác tạo cơ hội cho điện ảnh Việt Nam tiếp cận với kỹ thuật hiện đại, công nghệ sản xuất phim tiên tiến của thế giới, tiếp thu kỹ năng trong sáng tạo nghệ thuật, nâng cao thu nhập cho đội ngũ văn nghệ sĩ của ngành và lao động xã hội.

Mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế, điện ảnh Việt Nam là môi trường đầy tiềm năng hấp dẫn người nước ngoài vào tìm kiếm cơ hội, khai thác lợi thế so sánh để đầu tư cơ sở vật chất và sản xuất phim, xuất nhập khẩu phim, phát hành phim và xây dựng rạp chiếu phim tại Việt Nam....

Mở cửa và hội nhập quốc tế hiện nay đem lại cho điện ảnh Việt Nam những cơ hội và khả năng rất lớn trong thu hút vốn đầu tư nhưng thách thức sẽ lớn gấp bội, bởi chúng ta đang thiếu rất nhiều vốn để đầu tư đổi mới hiện đại hoá cơ sở vật chất kỹ thuật công nghệ của ngành, thiếu vốn đầu tư cho đào tạo đội ngũ nghệ sĩ, chuyên gia kỹ thuật, các nhà quản lý giỏi...để có thể chuyển hoá khả năng thành hiện thực; thiếu vốn đầu tư sản xuất phim lớn, dẫn tới nguy cơ trở thành thị trường tiêu thụ phim nước ngoài, du nhập quốc tế hoá văn hoá, lu mờ bản sắc văn hoá Việt Nam.

Vì vậy đa dạng hoá các nguồn vốn để thu hút khối lượng vốn đáng kể từ nước ngoài đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam, nâng cao sức cạnh tranh của phim trong nước và các dịch vụ điện ảnh, chiếm lĩnh thị trường điện ảnh trong nước và xuất khẩu phim Việt Nam ra nước ngoài, tăng nhanh nguồn thu dịch vụ, thu hồi vốn, góp phần phát triển ngành, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước.

d/ Nhu cầu đầu tư lớn, khả năng ngân sách có hạn, cần thu hút và sử dụng các nguồn vốn khác để đầu tư phát triển

Nhằm hạn chế mâu thuẫn giữa nhu cầu vốn đầu tư lớn với khả năng đáp ứng thấp trong thời gian tới, cần tập trung đầu tư để đạt các mục tiêu phát triển ngành:

Thứ nhất, khắc phục hạn chế của nguồn vốn ngân sách đầu tư cho điện ảnh:

Xuất phát từ sự đòi hỏi không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động điện ảnh đáp ứng nhu cầu thưởng thức và giao lưu xã hội của người xem, chiêm ngưỡng những công

trình văn hoá lớn, văn minh... Đó là đòi hỏi chính đáng và bức thiết của khán giả điện ảnh cả nước, cũng là cơ hội và thách thức đối với điện ảnh Việt Nam.

Trong những năm qua từ 1995 đến 2005, mặc dù ngân sách còn nhiều khó khăn nhưng nhà nước đã dành vốn thuộc chương trình mục tiêu (302,783 tỷ đồng trong 10 năm) đầu tư cho phát triển điện ảnh, việc đầu tư này đã chặn đứng được sự xuống cấp và có nguy cơ tan rã của điện ảnh Việt Nam, bước đầu đổi mới thiết bị kỹ thuật công nghệ theo hướng hiện đại hoá ngành, từng bước phát triển theo hướng hiện đại hoá như các nền điện ảnh trong khu vực và thế giới.

Tuy nhiên, với sự cố gắng và ưu tiên đầu tư của Nhà nước cho điện ảnh nhưng nguồn vốn ngân sách có hạn, yêu cầu phải đầu tư hiện đại, đồng bộ để phát huy hiệu quả trong một thời gian ngắn thì ngân sách nhà nước mới chỉ đáp ứng khoảng 20% (567 tỷ đồng/ 3.032 tỷ đồng dự báo đến năm 2010) nhu cầu vốn đầu tư cho hiện đại hoá điện ảnh Việt Nam đến năm 2010. Do thiếu vốn nên đầu tư phân tán thiếu đồng bộ, hiệu quả khai thác và sử dụng vốn đầu tư thấp...

Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư trong đó nguồn vốn ngân sách giữ vai trò chủ đạo định hướng phát triển điện ảnh theo chương trình mục tiêu. Các thành phần kinh tế khác trong xã hội được đầu tư vốn vào mọi lĩnh vực hoạt động điện ảnh như sản xuất phim, đầu tư xây dựng cải tạo rạp và trực tiếp nhập khẩu phim. Các nhà đầu tư, các hãng phim nước ngoài được đầu tư vốn vào Việt Nam để sản xuất phim, xây dựng rạp chiếu phim, xuất nhập khẩu và hợp tác dịch vụ làm phim.

Điện ảnh Việt Nam từ chỗ độc quyền nhà nước nay xu hướng độc quyền trong hoạt động điện ảnh dần được dỡ bỏ, các thành phần trong xã hội đều được tham gia hoạt động điện ảnh tạo điều kiện đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư nâng cao chất lượng hoạt động điện ảnh theo đường lối công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước để tiến kịp nền điện ảnh tiên tiến của thế giới.

Trong công cuộc đổi mới đất nước, chủ trương xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thực hiện chủ trương đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam là cần thiết nhằm khắc phục tình trạng thiếu vốn đầu tư cho ngành.

Thứ hai, theo kịp tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ của điện ảnh thế giới:

Điện ảnh là ngành nghệ thuật ra đời dựa trên tiền đề là kỹ thuật điện ảnh. Trong giai đoạn kỹ thuật công nghệ thế giới tiến bộ không ngừng, kỹ thuật điện ảnh thế giới cũng phát triển nhảy vọt. Hiện đại hoá ngành điện ảnh Việt Nam nhằm tiếp thu nhanh nhất tiến bộ kỹ thuật của điện ảnh thế giới, phù hợp với chủ trương của Đảng và Chính phủ về công nghiệp hoá - hiện đại hoá nền kinh tế đất nước.

Mục tiêu đến năm 2010 và tầm nhìn 2020 điện ảnh Việt Nam sẽ có những bước tiến vượt bậc về mặt nghệ thuật, kỹ thuật - công nghệ sản xuất phim; xác định bước đi thích hợp phù hợp với điều kiện kinh tế đất nước, đa dạng hoá các nguồn vốn để khai thác triệt để các nguồn vốn, tập trung đầu tư đổi mới, hiện đại hoá ngành để điện ảnh Việt Nam theo kịp với tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ của điện ảnh khu vực và thế giới, sản xuất nhiều phim hay, phim tốt đáp ứng nhu cầu thưởng thức tác phẩm điện ảnh ngày càng cao của công chúng đồng thời thu lợi ích kinh tế.

Thứ ba, tận dụng thế mạnh của công nghệ truyền hình và các phương tiện nghe nhìn khác để hỗ trợ phát triển điện ảnh:

Truyền hình ra đời sau nhưng đã tận dụng được những ưu thế của cách mạng công nghệ trên thế giới, từ kỹ thuật điện tử đến kỹ thuật số truyền hình đã có những bước tiến kỹ thuật nhảy vọt. Ngày nay truyền hình là một phương tiện chuyển tải tác phẩm đến người xem nhanh nhất, phổ cập nhất, điện ảnh bị cạnh tranh theo xu hướng bị thu hẹp, bị chia sẻ khán giả và thị trường.

Trong thời đại bùng nổ thông tin, Internet và các loại thiết bị nghe nhìn hiện đại phát triển, khán giả có thể lựa chọn nhiều hình thức xem phim tiện lợi mà không cần đến rạp xem phim theo cách thức truyền thống.

Loại hình nghệ thuật thứ bảy, niềm tự hào của nhân loại không thể biến mất, điện ảnh phải tìm con đường riêng, hiện đại hoá để tồn tại và phát triển trong xu thế phát triển chung của các phương tiện nghe nhìn và các loại hình nghệ thuật khác.

Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư mới tạo đủ tiềm lực hiện đại hoá ngành tạo chỗ đứng riêng, tạo sự phối hợp hiệu quả, đồng bộ, tận dụng được ưu thế của truyền hình và các phương tiện nghe nhìn khác, giúp điện ảnh phát huy sức mạnh và khả năng tiềm tàng về mặt nghệ thuật của mình, cùng tồn tại, bổ sung hỗ trợ cho nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển ngày càng rực rỡ trong giai đoạn mới.

Qua thực tế khảo sát khán giả tại các địa phương khác nhau, nhất là khán giả ở các vùng nông thôn (chiếm khoảng 75% dân số cả nước), đều thừa nhận rằng họ vẫn thích phim Việt Nam, công chúng không quay lưng lại với phim ảnh nhất là phim Việt Nam. Có điều họ đòi hỏi điện ảnh Việt Nam phải làm được những bộ phim hay không chỉ ở tính tư tưởng nghệ thuật mà phải có sức hấp dẫn, thể hiện tâm tư tình cảm, khát vọng của con người Việt Nam đương đại, phong phú về thể loại, đáp ứng được nhu cầu đa dạng lành mạnh và ngày càng cao của công chúng. Đòi hỏi điện ảnh phải nâng cao chất lượng hoạt

động, đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư để thu hút đầu tư lớn, sử dụng tiết kiệm đạt hiệu quả kinh tế và xã hội là yêu cầu bức bách đối với điện ảnh Việt Nam.

e/ Hoàn thiện chính sách đổi mới về thu hút và sử dụng vốn thời gian qua

Nhu cầu đầu tư đổi mới về kỹ thuật, công nghệ và đào tạo đội ngũ cán bộ lớn nhưng khả năng đáp ứng rất nhỏ, chưa thu hút được các nguồn vốn khác đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển.

Thời gian qua, vốn đầu tư phát triển chủ yếu dựa vào nguồn ngân sách nhà nước, việc đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư được đặt ra để giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhưng chưa có phương hướng và giải pháp cụ thể, chủ yếu là phân cấp nguồn chi đầu tư phát triển giữa trung ương và địa phương nhưng vẫn là nguồn ngân sách. Nguồn vốn đầu tư phát triển khác chiếm tỷ trọng không đáng kể so với đầu tư từ ngân sách, nguồn vốn tư nhân và nước ngoài chủ yếu đầu tư cho sản xuất phim.

Có chủ trương mở rộng các thành phần tham gia hoạt động điện ảnh nhưng chưa đưa ra được các chính sách khuyến khích để các nhà đầu tư yên tâm đầu tư vốn vào hoạt động, chưa tạo ra môi trường kinh doanh chưa bình đẳng và thông thoáng.

Việc sử dụng vốn đầu tư chưa đạt được hiệu quả như mong muốn, nguyên nhân là khả năng vốn hạn chế và trải ra trong thời gian rất dài; nhiều mục tiêu đầu tư đặt ra rất bức thiết, yêu cầu phải đầu tư đồng bộ... dẫn tới đầu tư kéo dài, dàn trải chưa đưa vào khai thác sử dụng và phát huy hiệu quả kịp thời.

Chưa có phương thức phân bổ vốn thực sự khoa học dẫn đến tỷ trọng đầu tư giữa các khâu chưa hợp lý như đầu tư thiết bị sản xuất tiền kỳ lớn nhưng đầu tư thiết bị hậu kỳ nhỏ và không đồng bộ; chú trọng đến đầu tư cho thiết bị nhưng chưa chú trọng đầu tư cho con người để làm chủ kỹ thuật và công nghệ mới... và nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác ảnh hưởng đến hiệu quả thu hút và sử dụng vốn đầu tư phát triển điện ảnh thời gian qua.

Vì vậy, ngân sách nhà nước cần tập trung đầu tư vào những khâu quan trọng, có tính chất quyết định nhất đối với sự phát triển ngành như vốn đầu tư hiện đại hoá cơ sở vật chất kỹ thuật ngành, vốn đào tạo. Những khâu khác huy động tối đa các nguồn vốn ngoài ngân sách trong nước và nguồn vốn nước ngoài.

Xác định đúng nhu cầu vốn, cơ cấu đầu tư và nguồn hình thành để hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật cho sản xuất phim.

Bảo đảm tính đồng bộ từ khâu đào tạo con người đến trang thiết bị đồng bộ cho sản xuất phim - phát hành phim - chiếu phim và hệ thống bảo quản phim.

Vốn đầu tư cho sản xuất phim: Một phần từ nguồn tài trợ đặt hàng của Nhà nước, phần vốn chủ yếu từ các tổ chức kinh tế - xã hội, cá nhân trong và ngoài nước.

Vốn đầu tư hiện đại hoá hệ thống rạp chiếu phim: Huy động từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước dưới mọi hình thức như liên doanh liên kết đầu tư rạp và máy chiếu phim hiện đại giữa nhà nước và tư nhân, thu hút vốn từ các doanh nghiệp hoạt động trên các lĩnh vực khác; nguồn vốn đầu tư 100% từ tư nhân...

3.2.1.2. Nội dung giải pháp đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam

a/ Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách

Vốn ngân sách giữ vai trò chủ đạo và quyết định định hướng phát triển ngành vì vậy nguồn vốn này cần tập trung vào hai lĩnh vực là đầu tư đào tạo đội ngũ sáng tác trong nghệ thuật và đội ngũ cán bộ kỹ thuật; đầu tư đổi mới và hiện đại hoá kỹ thuật công nghệ điện ảnh, đây là hai khâu quan trọng và quyết định đến chất lượng hoạt động của ngành điện ảnh. Cụ thể là:

Thứ nhất, đầu tư đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ sáng tác và kỹ thuật điện ảnh - tạo nguồn lực cho phát triển điện ảnh

Yếu tố con người là tiền đề cho ra đời của tác phẩm điện ảnh, là lao động sáng tạo của người nghệ sĩ. Sáng tạo quyết định sự thành công hay thất bại của tác phẩm - đó chính là sự đòi hỏi việc đầu tư đúng mức cho con người, yếu tố đầu tiên quyết định sự thành công của quá trình đầu tư đầu tư phát triển điện ảnh.

Từ những năm trước Cách mạng tháng 8 năm 1945 khi chưa ra đời nền điện ảnh cách mạng Việt Nam, một vài nhà sản xuất và phát hành phim nước ngoài đã vào Việt Nam làm một số phim về Việt Nam nhưng đó chỉ là những sản phẩm “lai căng, nô dịch”, mục đích vì tiền cho nên họ đều thất bại vì khán giả trong nước không thấy được bản sắc văn hoá, truyền thống và con người Việt Nam trong phim.

Chỉ có các nghệ sĩ Việt Nam mới sáng tạo ra được những tác phẩm điện ảnh phản ánh lịch sử, truyền thống, đất nước, con người, nhân cách, văn hoá Việt Nam, thực hiện đúng tôn chỉ mục đích từ khi khai sinh ra nền điện ảnh dân tộc.

Đầu tư cho đội ngũ kỹ thuật sản xuất phim: Đầu tư sáng tác tạo nguồn kịch bản tốt và đạo diễn tài năng mới là bước đầu tiên và là một mắt xích trong quá trình sản xuất phim. Để biến các ý tưởng sáng tạo nghệ thuật thành bộ phim hiện thực cần phải đào tạo

cơ bản và đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ các kỹ thuật viên làm phim giỏi, như vậy mới đảm bảo tính đồng bộ trong đầu tư phát triển nguồn nhân lực ở cả lĩnh vực sáng tác và lĩnh vực sản xuất phim (Biên kịch, đạo diễn, quay phim, hoạ sĩ, âm thanh, âm nhạc, ánh sáng, dựng phim, in tráng phim...).

Lịch sử của điện ảnh là ra đời ở các nước Châu Âu và phương Tây, từ đó đến nay điện ảnh thế giới phát triển không ngừng, nó có những bước tiến nhảy vọt về kỹ thuật - công nghệ như các ngành công nghiệp hiện đại khác. Do đó cử người đi đào tạo ở nước ngoài để tiếp thu phương pháp làm phim hiện đại, nâng cao trình độ và kỹ năng nghề nghiệp của điện ảnh thế giới - là việc làm vừa cần thiết cấp bách trước mắt vừa tạo nguồn lực lâu dài cho phát triển. Có được đội ngũ những người làm phim giàu năng lực sáng tạo và kỹ năng thực hành theo công nghệ làm phim hiện đại đạt trình độ quốc tế sẽ tạo điều kiện cho điện ảnh Việt Nam nâng cao chất lượng phim trong nước, mở rộng dịch vụ hợp tác làm phim với nước ngoài.

Điểm lại thực tế phát triển điện ảnh thế giới trong hơn một thập kỷ qua cho thấy kỹ thuật điện ảnh thế giới tiến bộ vượt bậc, các mảng đề tài phim ngày càng đa dạng phong phú, nhu cầu hưởng thụ điện ảnh của khán giả đòi hỏi ngày càng cao. Trong khi đó từ sau năm 1988 nhà nước không gửi sinh viên, giáo viên điện ảnh đi đào tạo ở nước ngoài, trường điện ảnh thu hẹp và xuống cấp, kiến thức của đội ngũ giáo viên lạc hậu, già cỗi...

Đào tạo đội ngũ làm phim giỏi phải đồng thời với việc đầu tư thiết bị kỹ thuật hiện đại - công nghệ sản xuất phim tiên tiến theo kịp trình độ phát triển của khu vực và thế giới là hai vấn đề cốt lõi có quan hệ hữu cơ tạo ra tác phẩm điện ảnh tốt.

Trang bị thiết bị công nghệ sản xuất phim hiện đại phải có con người khai thác sử dụng, máy hiện đại đến đâu chẳng nữa cũng phải do con người điều khiển mới phát huy hiệu quả; ngược lại con người nghệ sĩ đầy ý tưởng phong phú, táo bạo mà không có phương tiện thể hiện thì tác phẩm điện ảnh tốt cũng không thể ra đời.

Từ năm 1994 vốn mục tiêu Chương trình quốc gia củng cố và phát triển điện ảnh đầu tư cho đào tạo rất nhỏ giọt, rất ít đạo diễn phim truyện và hoạt hình được trang bị kiến thức mới để làm chủ kỹ thuật, vì vậy thiết bị hiện đại, đắt tiền nhập về không khai thác sử dụng hết tính năng để hỗ trợ sáng tạo nghệ thuật. Từ năm 2003 có vốn đào tạo chiều sâu cho cán bộ kỹ thuật âm thanh, in tráng phim ở nước ngoài nhưng các công đoạn kỹ thuật và nghệ thuật khác không đào tạo dẫn đến tình trạng vốn đầu tư phân tán, thiếu đồng bộ, rất lãng phí và kém hiệu quả.

Thứ hai, đầu tư đổi mới, hiện đại hoá kỹ thuật và công nghệ điện ảnh

Yếu tố kỹ thuật Nghệ thuật điện ảnh ra đời và phát triển gắn liền với sự phát triển và tiến bộ của khoa học công nghệ nói chung và kỹ thuật công nghệ điện ảnh nói riêng, nó là phương tiện và điều kiện quan trọng nhất để chuyển tải ý tưởng sáng tạo của người nghệ sĩ thành tác phẩm điện ảnh. Không có kỹ thuật - công nghệ điện ảnh cũng đồng nghĩa với việc không có ngành nghệ thuật điện ảnh. Ngày nay, khi khoa học kỹ thuật nói chung và kỹ thuật công nghệ điện ảnh tiến bộ không ngừng, kỹ thuật hỗ trợ, thể hiện và nâng cao chất lượng nghệ thuật đáp ứng nhu cầu thưởng thức điện ảnh của công chúng đòi hỏi ngày càng cao. Việc hiện đại hoá ngành điện ảnh theo tiến trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá của đất nước ta, cần thiết một sự đầu tư tốn kém là tất yếu.

Đầu tư đào tạo đội ngũ, đổi mới và hiện đại hoá kỹ thuật công nghệ là hai khâu cơ bản, quan trọng nhất trong quá trình đầu tư phát triển điện ảnh vì vậy cần thu hút nguồn vốn đầu tư từ ngân sách, sự đầu tư mang tính chủ đạo định hướng, tạo ra bộ máy cái và nền móng vững chắc cho ngành, làm tiền đề đảm bảo sự ổn định trong đầu tư và thu hút vốn đầu tư từ các nguồn khác cho phát triển điện ảnh.

b/ Vốn đầu tư từ các nguồn khác

Thứ nhất, nguồn vốn tư nhân và các nguồn vốn khác:

Là nguồn vốn rất quan trọng bởi khai thác ở khu vực này không chỉ là nguồn tài lực mà còn là nguồn nhân lực, khai thác tài năng cho sáng tạo điện ảnh.

Đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư trong khu vực này là vốn tự huy động của các doanh nghiệp, cá nhân hợp tác đầu tư để sản xuất từng bộ phim theo hợp đồng hợp tác kinh doanh, góp vốn và phân chia kết quả theo từng tỷ lệ vốn góp, đây là lĩnh vực đầu tư chủ yếu vì thời gian thu hồi vốn nhanh.

Vốn hợp tác phát hành phim hợp tác đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh để xuất khẩu phim Việt Nam ra nước ngoài hoặc nhập khẩu phim nước ngoài để phát hành ở thị trường trong nước, góp vốn và phân chia kết quả theo tỷ lệ vốn góp thời gian thu hồi vốn nhanh đặc biệt là kinh doanh băng đĩa hình phim truyện nguồn phim truyện nhựa nhập khẩu từ nước ngoài.

Vốn hợp tác đầu tư để xây dựng cụm rạp hiện đại nhiều phòng chiếu, hoặc thuê lại rạp của Nhà nước để đầu tư cải tạo lại cho chiếu phim theo hình thức thành lập cơ sở liên doanh để hoạt động cách đầu tư này sẽ mở ra thị trường điện ảnh hoạt động ổn định đảm bảo ổn định cho đầu tư kinh doanh hàng hoá phim ảnh. Vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật điện ảnh như trường quay, thiết bị sản xuất phim giai đoạn tiền kỳ nguồn vốn loại này còn hạn chế vì vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn kéo dài.

Thứ hai, các nguồn vốn đầu tư nước ngoài:

Bao gồm vốn của các nhà sản xuất và phát hành phim nước ngoài, nguồn vốn này cần khai thác triệt để và xu hướng tăng nhanh vì các nhà hoạt động điện ảnh nước ngoài nhận thấy Việt Nam là thị trường tiềm năng để đầu tư phát triển ngành công nghiệp giải trí thu lợi nhuận cao đặc biệt là đầu tư vào điện ảnh.

Các nguồn tài trợ từ Chính phủ các nước như vốn ODA, FDI; nguồn vốn phi Chính phủ và của cá nhân các nhà tài trợ nước ngoài chủ yếu đầu tư theo dự án, đây là nguồn vốn không lớn nhưng rất quan trọng vì sẽ tranh thủ được kỹ thuật công nghệ cao của điện ảnh nước ngoài, tranh thủ đào tạo nguồn nhân lực là lĩnh vực điện ảnh Việt Nam đang rất cần và gặp nhiều khó khăn về chi phí và nơi giảng dạy.

3.2.2. Giải pháp về sử dụng vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam

3.2.2.1. Phân định nguồn vốn và khu vực ưu tiên tập trung vốn đầu tư

Lựa chọn khâu trọng điểm mang tính đột phá: Đó là đầu tư hiện đại hoá kỹ thuật công nghệ và đầu tư cho con người trong lĩnh vực sáng tạo tác phẩm điện ảnh

Cơ sở lựa chọn là chất lượng nghệ thuật và kỹ thuật phim cao sẽ lôi cuốn được khán giả - Vấn đề quyết định sự tồn tại và phát triển của điện ảnh. Đầu tư đúng mức cho con người và thiết bị kỹ thuật - Yếu tố quyết định sự thành công của định hướng phát triển điện ảnh. Hiện đại hoá ngành điện ảnh, một sự đầu tư tốn kém là tất yếu. Đến 2010 lựa chọn khâu đầu tư hiện đại hoá thiết bị kỹ thuật công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực cho quá trình sản xuất phim là giải pháp cơ bản mang tính đột phá.

Hiện đại hoá điện ảnh đến năm 2010 và tầm nhìn 2020 không chỉ tập trung cho kỹ thuật - công nghệ mà phải chú trọng đến con người để tương xứng với yêu cầu của kỹ thuật công nghệ mới. Lựa chọn đầu tư đào tạo nguồn nhân lực và hiện đại hoá thiết bị kỹ thuật - công nghệ cho quá trình sản xuất phim là hai vấn đề chủ chốt mang tính chất đột phá là giải pháp đầu tiên để thu hút và sử dụng vốn đầu tư phát triển điện ảnh. Hiện đại hoá thiết bị kỹ thuật, công nghệ sản xuất phim và đào tạo con người cần tập trung đầu tư, đồng bộ, dứt điểm ở từng khâu, không phân tán cào bằng. Đây là lựa chọn đầu tư được tập trung từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Đầu tư vốn giải quyết đồng thời hai vấn đề trên mới giúp tháo gỡ khó khăn về cơ bản trong hiện tại, tạo đà cho điện ảnh Việt Nam bứt phá trong tương lai. Tạo tiền đề cho

những bộ phim có chất lượng nghệ thuật và kỹ thuật, hấp dẫn về hình thức thể hiện; đạt hiệu quả kinh tế cao gắn liền với hiệu quả xã hội rộng lớn.

a/ Đầu tư hiện đại hoá thiết bị kỹ thuật và công nghệ sản xuất phim tiên tiến

Đầu tư cho khâu sản xuất tiền kỳ tại các hãng sản xuất phim với yêu cầu đảm bảo cho các nghệ sĩ có đủ điều kiện thể hiện sự sáng tạo trong tác phẩm điện ảnh như: Máy quay phim và các thiết bị phụ trợ khác tại trường quay như ray trượt, cần cầu... đồng bộ, hiện đại. Trang bị thiết bị thuật để làm kỹ xảo thay thế một số diễn xuất nguy hiểm, phức tạp của diễn viên. Trang bị thiết bị chuyên dùng quay phim dưới nước, thiết bị làm tiếng động giả, hệ thống micro chuyên dùng và thiết bị làm âm thanh lập thể. Đầu tư hệ thống đèn chiếu nhiều màu sắc, nhiều chủng loại tạo hiệu quả nghệ thuật cao, tạo cảm xúc mạnh cho người xem.

Đầu tư cho khâu sản xuất hậu kỳ cho Trung tâm kỹ thuật điện ảnh bao gồm hệ thống máy móc thiết bị in phim với nhiều đường tiếng, kỹ thuật số; trang bị công nghệ in tráng phim sạch với chất lượng cao, âm thanh rõ nét, hình ảnh trong sáng, màu sắc chân thật, hấp dẫn... Hoàn thiện và nâng cấp các thiết bị telecine, các phần mềm làm phụ đề và lồng tiếng các nhân vật cho phim nhập khẩu phát hành tại rạp.

Vấn đề trường quay gây tranh cãi trong và ngoài ngành điện ảnh lâu nay - Theo tôi để chuyên nghiệp hoá nghề sản xuất phim, điện ảnh quay cảnh thật thì thành giả mà làm giả mới thành thật khi lên hình. Vì vậy nhà nước cần đầu tư gấp cho điện ảnh (sử dụng được cho cả truyền hình) một trường quay lớn, hiện đại tại một khu vực phù hợp rộng hàng trăm hecta đất với các địa hình khác nhau như sông, núi, đồng bằng... để xây dựng nhiều trường quay nội cảnh (Studio) và trường quay ngoại cảnh. Có trường quay lớn mới có điều kiện để sản xuất một số bộ phim lịch sử, dã sử Việt Nam. Mỗi bộ phim trước sản xuất tại trường quay, bối cảnh để lại chỉ cần cải tạo bối cảnh là có thể sử dụng được cho phim sau, như vậy sẽ đỡ tốn kém và lãng phí. Sau nhiều phim sản xuất tại trường quay, các bối cảnh để lại sẽ thành những công trình văn hoá phong phú, độc đáo, thu hút khách du lịch đến tham quan giải trí... Mô hình này điện ảnh nhiều nước đã làm và rất thành công như Hollywood (Mỹ), Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc...

Trong một thời gian ngắn ngân sách nhà nước tập trung đầu tư thiết bị đồng bộ cho dây truyền sản xuất phim của các hãng phim lớn, không phân tán cào bằng, đây là việc đầu

tư cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng và đầu tư công nghệ để đổi mới về căn bản nhằm hiện đại hoá ngành điện ảnh. Nếu chậm, thiếu đồng bộ một công đoạn nhỏ trong dây truyền sản xuất sẽ không phát huy hiệu quả cuối cùng trên sản phẩm điện ảnh, thậm chí thiết bị kỹ thuật sẽ lạc hậu và lãng phí vốn đầu tư.

b/ Đầu tư cho con người trong lĩnh vực sáng tạo tác phẩm điện ảnh

Căn cứ định hướng phát triển văn hoá “Đầu tư thích đáng để đào tạo nhân tài, nghệ sĩ; có chính sách động viên lực lượng văn học nghệ thuật sáng tác, xây dựng các công trình, các tác phẩm có giá trị về nội dung nghệ thuật” [Trích Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX/2001(Trang 297)]. Ta khẳng định nguồn vốn đầu tư trong lĩnh vực này chủ yếu do ngân sách đảm nhiệm nhằm phát hiện các tài năng trẻ, có kế hoạch tiếp tục bồi dưỡng đào tạo cung cấp nguồn lực cho ngành.

Nguồn ngân sách sự nghiệp hàng năm cần tổ chức các trại sáng tác cho các biên kịch và đạo diễn chuyên nghiệp; đầu tư chiều sâu cho các nhà văn, nhà biên kịch và đạo diễn đã có nhiều tác phẩm điện ảnh có giá trị được khẳng định trong thời gian qua. Cách đầu tư này sẽ lựa chọn được những đề tài theo định hướng sáng tác, những kịch bản làm phim sát với nhu cầu của xã hội và công chúng.

Hai hướng đầu tư trên hiện đang thực hiện, mỗi hình thức đầu tư đều có lợi thế riêng. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả cao, cơ quan tài chính cần định mức chi để ổn định nguồn chi ngân sách cho hoạt động trong thời gian 3 đến 5 năm, trước mắt thực hiện đến năm 2010, như vậy ngành sẽ chủ động trong kế hoạch hoạt động đồng thời có sự phân công và phối hợp các hoạt động để tránh chồng chéo, lãng phí vốn đầu tư.

Cần vận động, thu hút nguồn tài trợ từ các tổ chức kinh tế, các cá nhân và tổ chức xã hội trong và ngoài nước đầu tư cho sáng tác bằng nhiều hình thức khác nhau như đua nghệ sĩ đi thực tập tại các đoàn làm phim nước ngoài để nắm kỹ năng viết kịch bản và các thủ pháp đạo phim hấp dẫn, ăn khách; đầu tư với hình thức quảng cáo cho thương hiệu, đầu tư kịch bản theo đề tài lựa chọn trước để hợp tác sản xuất phim.

Vốn đào tạo mũi nhọn hay đào tạo nâng cao đối với các kỹ sư, cán bộ kỹ thuật đang làm việc trong các cơ sở hoạt động điện ảnh sẽ được gửi đến các rung tâm kỹ thuật điện ảnh hiện đại của nước ngoài để đào tạo theo yêu cầu hiện đại hoá kỹ thuật công nghệ điện ảnh đến năm 2010 như mục tiêu điện ảnh trong Chương trình quốc gia về văn hoá của Chính phủ. Như vậy mới có được đội ngũ cán bộ kỹ thuật đồng bộ đáp ứng cho dây truyền

sản xuất, nhằm khai thác và phát huy hiệu quả hệ thống thiết bị sản xuất phim hiện đại, nâng cao chất lượng tác phẩm điện ảnh.

Khi nhập khẩu thiết bị chuyên dùng ngành điện ảnh, các dự án chỉ quan tâm đến việc mua máy móc mà không chú trọng đến việc đào tạo sử dụng và chuyển giao công nghệ mới quy định bắt buộc đối với mỗi dự án nhập khẩu thiết bị sản xuất phim phải dành vốn đầu tư để đào tạo chuyển giao công nghệ cho cán bộ kỹ thuật để nắm vững và khai thác có hiệu quả thiết bị mới phục vụ sản xuất phim.

Có chính sách để các cơ sở sản xuất phim trong nước hàng năm dành kinh phí đào tạo lại thích hợp gửi cán bộ đi thực tập ngắn hạn ở nước ngoài bằng nhiều hình thức như: Đơn vị đài thọ 100% chi phí; khi ký kết hợp đồng dịch vụ và hợp tác làm phim với nước ngoài, các hãng sản xuất phim cần đưa vào các cam kết cử cán bộ đi làm phim theo các đoàn phim ở nước ngoài để có điều kiện thực tập nắm bắt kỹ thuật mới; cá nhân tự đài thọ một phần chi phí đi học hoặc xin tài trợ của các đơn vị điện ảnh nước ngoài...

Bộ Giáo dục và đào tạo cần có nguồn ngân sách ưu tiên để cử nhiều sinh viên ưu tú ra nước ngoài đào tạo cơ bản đáp ứng cho ngành, đặc biệt là bổ sung đội ngũ giảng viên các trường điện ảnh. Đã từ 15 năm nay đội ngũ này không được bổ sung và nâng cao, trong khi đó điện ảnh thế giới có nhiều bước phát triển nhảy vọt về nghệ thuật và kỹ thuật công nghệ. Giáo viên trường đại học sân khấu điện ảnh hầu hết do các nghệ sĩ điện ảnh kiêm nhiệm, thiếu đội ngũ giáo viên chuyên nghiệp, tiêu chuẩn hoá để nâng cao chất lượng đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo.

3.2.2.2. Quy hoạch phát triển ngành để sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư

Xây dựng quy hoạch ngành phát triển ngành nhằm đầu tư đúng hướng, sử dụng vốn đầu tư tập trung trong một thời hạn xác định để tiết kiệm và đạt hiệu quả. Trước hết là quy hoạch phát triển hệ thống chiếu bóng trong cả nước để cân đối giữa sản xuất, nhập khẩu với phát hành phim và phổ biến phim, thực hiện việc chuyển tải tác phẩm điện ảnh đến với công chúng nhằm đạt cả hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội.

a/ Sự cần thiết phải quy hoạch phát triển ngành

Chiếu phim là thị trường của điện ảnh. Thị trường này lâu nay đã mất đi vị trí độc tôn do bản thân sự giảm sút của hoạt động điện ảnh và sự phát triển không ngừng của các phương tiện nghe nhìn khác. Là nơi thể hiện sự gắn kết giữa sản xuất phim với khán giả điện ảnh. Người xem đến rạp thưa vắng dẫn tới hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội cũng giảm sút theo. Công tác quy hoạch hệ thống chiếu bóng ở nước ta theo hướng tiện nghi, hiện đại

hoá nhằm thu hút khán giả, tạo thói quen đến rạp xem phim là nhiệm vụ lớn đặt ra, là cách chọn hướng đi đúng, đạt hiệu quả mọi mặt.

Công chúng là đối tượng phục vụ của điện ảnh. Hiện tại và trong tương lai gần, thời gian nghỉ ngơi tăng, đời sống vật chất ngày một nâng cao, nhu cầu phong phú về đời sống tinh thần cũng tăng lên tương ứng. những yếu tố đó đòi hỏi sự chuyển hướng nhanh nhạy của các lĩnh vực giải trí nói chung và chiếu bóng nói riêng cần nắm bắt và đáp ứng kịp thời mới mang lại hiệu quả.

Quy hoạch phát triển hệ thống chiếu bóng nhằm thực hiện chính sách kinh tế, văn hoá - xã hội của Đảng và nhà nước đối với các vùng miền khác nhau trên cả nước, giảm bớt sự chênh lệch giữa thành thị với nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa... góp phần xoá đói giảm nghèo trong lĩnh vực đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân ta.

Triệt để khai thác các nguồn lực trong và ngoài nước để đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành, tăng cường xã hội hoá hoạt động điện ảnh nhằm đạt hiệu quả kinh tế cũng như hiệu quả xã hội trong hoạt động điện ảnh.

b/ Nội dung và mô hình quy hoạch

Xây dựng hệ thống rạp nhiều phòng chiếu (Rạp cụm), trang bị thiết bị chiếu phim hiện đại, hoạt động kinh doanh tổng hợp tại các thành phố lớn, đông dân cư, có nhiều khán giả yêu thích điện ảnh. Đây là khâu thu hồi vốn lớn nhất của điện ảnh.

Cải tạo hoặc xây dựng mới để mỗi tỉnh đồng bằng, trung du có một rạp chiếu phim nhựa với quy mô vừa phải, trang bị máy chiếu phim nhựa hiện đại, kết hợp giữa kinh doanh và phục vụ nhiệm vụ chính trị. Mỗi tỉnh miền núi, vùng cao có một rạp chiếu phim quy mô vừa phải, trang bị máy chiếu phim nhựa và video 300 inches độ nét cao để phù hợp với điều kiện phục vụ các vùng miền ở khu vực này.

Củng cố và duy trì các đội chiếu bóng lưu động phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa, căn cứ kháng chiến cũ. Các đội đi phục vụ được nhà nước tài trợ 100% kinh phí ở miền núi cao, tài trợ 50% ở các vùng nông thôn khác. Các đội này tiến tới khoán cho cho các hộ gia đình có đủ điều kiện về trang thiết bị và con người sẽ tham gia hoạt động chiếu bóng lưu động, được hưởng tài trợ theo chính sách chung, thực hiện chủ trương mở rộng xã hội hoá hoạt động điện ảnh cả ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Quy hoạch hệ thống cửa hàng đại lý cho thuê băng video gia đình phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng trong xã hội. Ổn định thị trường cho thuê băng đĩa hình về chính sách kinh tế cũng như nội dung chương trình. Tăng cường sản xuất phim Việt Nam cung

cấp cho hệ thống này, tiến tới giảm dần và thay thế một phần phim nhiều tập nhập khẩu từ nước ngoài vì hiện tại loại phim này đã quá nhiều và đôi chỗ không có lợi cho nhu cầu giải trí của khán giả trong nước.

3.2.3. Giải pháp về tổ chức và cơ chế chính sách nhằm tăng cường thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam

3.2.3.1. Đổi mới tổ chức và quản lý trong hoạt động điện ảnh

a/ Đổi mới về tổ chức trong hoạt động điện ảnh

Đối với khu vực sản xuất phim: Thành lập các loại hình doanh nghiệp sản xuất phim thuộc mọi thành phần kinh tế để khai thác triệt để mọi tiềm năng về vốn và nguồn lực con người, tạo môi trường và sự lựa chọn hình thức phù hợp cho các nhà đầu tư, bao gồm: Các hãng phim do Nhà nước thành lập; các hãng phim do các ngành, các đoàn thể thành lập; các hãng phim thực hiện cổ phần có phần vốn của Nhà nước; các hãng phim do Nhà nước bán một phần sở hữu cho tư nhân; các hãng phim liên doanh giữa các thành phần kinh tế; các hãng phim do tư nhân thành lập; các hãng phim thành lập và hoạt động theo luật đầu tư nước ngoài; thành lập đoàn phim trong các hãng phim để hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sản xuất từng bộ phim...

Các hãng phim trên hoạt động theo luật doanh nghiệp, tự hạch toán kinh doanh để tồn tại. Trừ một số hãng hoạt động công ích, Nhà nước đặt hàng và tài trợ một phần theo nhiệm vụ Nhà nước giao cụ thể hàng năm hoặc các hãng phim thực nghiệm làm nhiệm vụ phục vụ đào tạo và nghiên cứu hoạt động sự nghiệp.

Khuyến khích các cơ sở hoạt động điện ảnh hình thành các tập đoàn điện ảnh trong nước hoạt động theo hình thức “Công ty mẹ và công ty con” khép kín từ quá trình Sản xuất phim - Phát hành phim và chiếu phim, tạo khả năng thu hút nguồn vốn lớn, đầu tư tập trung, gắn liền giữa đầu vào với đầu ra, nắm bắt nhu cầu thị trường (hay thị hiếu khán giả) để điều tiết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Ngoài ra, một số hãng phim thực nghiệm trực thuộc các trường điện ảnh, Viện nghiên cứu nghệ thuật điện ảnh hoạt động theo cơ chế tự chủ hoàn toàn về tài chính, gắn liền với nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu ứng dụng thực nghiệm.

Đối với khu vực phát hành phim: Mọi tổ chức và cá nhân đều có quyền thành lập doanh nghiệp phát hành phim theo quy định và hoạt động kinh doanh bình đẳng theo luật doanh nghiệp. Với các hình thức như nhập khẩu mua đứt bản quyền phim; hợp tác phát hành chia lợi nhuận; đại lý phát hành hưởng hoa hồng...

Tổ chức phát hành phim bao gồm: Công ty xuất nhập khẩu và phát hành phim Việt Nam tại Hà Nội có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng là doanh nghiệp ngoài hoạt động hạch toán kinh doanh còn thực hiện một số nhiệm vụ công ích (phục vụ nhiệm vụ chính trị trong từng thời kỳ).

Liên doanh liên kết giữa các đơn vị phát hành phim, các rạp chiếu phim với các đề phát hành và chiếu phim do các hãng trực tiếp sản xuất.

Tại 64 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương các Công ty điện ảnh hoặc Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng là các doanh nghiệp (ở các thành phố lớn) hoặc đơn vị sự nghiệp có thu hoạt động tự chủ về tài chính đồng thời thực hiện nhiệm vụ công ích (chiếu phim phục vụ miền núi...).

Mô hình các doanh nghiệp liên doanh trong nước hoặc liên doanh với nước ngoài hoạt động xuất nhập khẩu và phát hành phim; thành lập doanh nghiệp chiếu phim do trực tiếp đầu tư hoặc liên doanh với trong nước hoặc nước ngoài đầu tư xây dựng rạp, cụm rạp chiếu phim để xuất khẩu, nhập khẩu, phát hành và chiếu phim.

Đối với hệ thống rạp chiếu phim: Hệ thống rạp chiếu phim được mở rộng ra các thành phần kinh tế bao gồm: Rạp, cụm rạp thuộc FAFIM Việt Nam; Rạp chiếu phim thuộc các Công ty hoặc Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng các tỉnh, thành phố trong cả nước; Rạp thuộc sở hữu của các hãng phim; rạp của các đoàn thể, các Hội; rạp thuộc sở hữu tư nhân; rạp chiếu phim liên doanh liên kết với nước ngoài.

Các bãi chiếu phim, các đội chiếu bóng lưu động thuộc các tỉnh, thành phố trong cả nước trong đó có đơn vị thuộc quân đội và công an quản lý; đội chiếu phim lưu động của tư nhân hoạt động phục vụ miền núi.

Hệ thống rạp trên nếu rạp đơn hoạt động chiếu phim là chủ yếu. Rạp cụm nhiều phòng chiếu, ngoài chiếu phim còn kết hợp các hoạt động kinh doanh dịch vụ khác như sinh hoạt câu lạc bộ điện ảnh, dịch vụ thể thao, thẩm mỹ, kinh doanh nhà hàng... rạp được xây dựng trong các siêu thị lớn để thu hút khán giả đến xem phim, tăng thu nhập, nâng cao hiệu quả kinh doanh và hiệu quả xã hội, loại rạp này hiện nay còn ít, hướng phát triển nhiều từ sau năm 2005 - 2010.

Trung tâm Chiếu phim quốc gia tại Hà Nội là một đơn vị đầu tiên giữ vai trò thử nghiệm hoạt động theo mô hình rạp cụm ở Việt Nam. Tại đây, xây dựng 6 phòng chiếu, cùng lúc có thể chiếu các thể loại phim khác nhau, thử nghiệm tuyên truyền thăm dò thị hiếu khán giả, tổ chức các tuần phim trong nước và quốc tế, tổ chức liên hoan phim. Rạp chiếu cả các phim mang tính chất hướng dẫn thị hiếu khán giả, chiếu phim Việt Nam chuyên đề, kinh doanh tổng hợp... trước mắt là đơn vị sự nghiệp có thu, trong vài năm tới sẽ

chuyển thành doanh nghiệp phổ biến phim hoạt động kinh doanh tổng hợp, là mô hình mẫu để xây dựng và phát triển ở các thành phố lớn trong cả nước.

b/ Đổi mới về cơ chế quản lý trong hoạt động điện ảnh

Thứ nhất, tạo lập các yếu tố phát triển điện ảnh trong cơ chế thị trường:

Tổ chức cơ sở cơ bản vẫn theo các khâu trong quá trình hoạt động điện ảnh là Sản xuất phim - Phát hành phim - Phổ biến phim. Tuy nhiên trên cơ sở phát triển đa dạng hoá thành phần kinh tế, đa dạng hoá sản phẩm điện ảnh, đa phương hóa quan hệ hợp tác phát triển điện ảnh nhằm huy động vốn, khai thác tiềm năng, khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo ra nhiều sản phẩm điện ảnh tốt cho xã hội.

Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho hoạt động điện ảnh: Với mục đích khuyến khích mọi thành viên trong xã hội đầu tư vào lĩnh vực điện ảnh, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong hoạt động điện ảnh nhằm khai thác triệt để mọi tiềm năng về vốn đầu tư và nguồn lực con người ở trong nước và nước ngoài để đầu tư thúc đẩy phát triển ngành. Vì vậy, ngoài việc duy trì một số cơ sở sản xuất phim tài liệu, phim khoa học phục vụ nhiệm vụ công ích và cơ sở sản xuất phim hoạt hình cho thiếu nhi thuộc thành phần kinh tế nhà nước, các cơ sở sản xuất khác tiến hành chuyển đổi thành doanh nghiệp cổ phần. Khuyến khích thành lập loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp liên doanh, liên danh trong nước và nước ngoài, phát triển doanh nghiệp tư nhân...Mở ra nhiều kênh huy động vốn từ nhiều thành phần kinh tế, huy động vốn trong nước và nước ngoài cho hoạt động điện ảnh, bảo đảm cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khai thác tiềm năng về nguồn lực con người cho hoạt động điện ảnh.

Đa dạng hóa sản phẩm điện ảnh nhằm đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư trong hoạt động điện ảnh: Nhằm mục đích tạo ra nhiều phim hay, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ sản phẩm nghe nhìn ngày càng cao của xã hội vì vậy, ngoài việc sản xuất phim nhựa truyền thống để phát hành và phổ biến trên hệ thống rạp, chiếu phim lưu động, với sự tương đồng trong sáng tạo và công nghệ sản xuất phim điện ảnh, video, truyền hình vì vậy, cần khuyến khích các cơ sở hoạt động điện ảnh khai thác tiềm năng về con người và thiết bị để sản xuất phim video, in nhân bản từ phim nhựa sang băng, đĩa hình đáp ứng cho hệ thống phát hành, phổ biến phim video gia đình trong nước và xuất khẩu, sản xuất phim truyền hình, chương trình giải trí, games. Cung cấp cho hệ thống truyền hình, hệ thống

Internet ngày càng mở rộng và phát triển trên cả nước; gia công, hợp tác sản xuất phim, cung cấp các dịch vụ cho sản xuất phim ở trong nước và nước ngoài

Đa dạng hóa loại hình hoạt động điện ảnh nhằm đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư cho hoạt động điện ảnh: Nhằm mục đích nâng cao tính chuyên nghiệp và chuyên môn hoá cao trong hoạt động điện ảnh, ngoài các loại hình doanh nghiệp hoạt động điện ảnh truyền thống và chuyên môn hoá cao là cơ sở sản xuất phim, cơ sở phát hành phim, cơ sở chiếu phim, để phù hợp và khai thác có hiệu quả các nguồn lực tài chính và chuyên môn trong lĩnh vực điện ảnh. Có thể hình thành các doanh nghiệp theo hình thức Tổng công ty hoạt động khép kín từ khâu sản xuất đến phổ biến phim. Hình thành doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - công ty con để đầu tư và khai thác các thế mạnh khác nhau trong sản xuất và kinh doanh sản phẩm Điện ảnh. Thành lập các doanh nghiệp trong lĩnh vực chuyên ngành như doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kỹ thuật, doanh nghiệp dịch vụ cung cấp con người (Casting) cho các đạo diễn hoặc giám đốc sản xuất phim. Cũng có thể chỉ thành lập các doanh nghiệp nhỏ, lẻ phù hợp như doanh nghiệp sản xuất và cung cấp đạo cụ, phục trang, hoá trang cho sản xuất phim bán và cho thuê băng đĩa hình, doanh nghiệp chiếu phim lưu động miền núi, vùng sâu, vùng xa...

Đa phương hóa quan hệ hợp tác quốc tế nhằm đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư thu hút từ nước ngoài cho phát triển điện ảnh: Nhằm giới thiệu đất nước, con người, nền văn hoá Việt Nam thông qua tác phẩm điện ảnh ra thế giới, tiến tới xuất khẩu phim trong nước ra nước ngoài nhằm mục đích thương mại. Tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá thế giới với khán giả trong nước thông qua tác phẩm điện ảnh. Tiếp cận và tiếp thu nhanh chóng kỹ năng sáng tạo, kỹ thuật hiện đại, công nghệ sản xuất phim của các nền điện ảnh tiên tiến trên thế giới vì vậy, cần mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế với tất cả các nền điện ảnh trên thế giới theo phương châm “Đi tắt, đón đầu”, thu hút mọi nguồn vốn đầu tư từ các nước để xây dựng và phát triển nền điện ảnh Việt Nam hiện đại, tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc. Trong đa phương hoá cần phân định mục tiêu hợp tác, tiếp thu công nghệ, đào tạo về kỹ thuật với Mỹ, Nhật và các nước cộng đồng Châu Âu. Hợp tác tiếp thu, đào tạo về mặt nghệ thuật hướng tới các nước có nền văn hoá tương đồng với ta như Hàn Quốc, Trung Quốc, các nước ASEAN. Muốn thu hút nguồn vốn nước ngoài chúng ta cần tạo môi trường đầu tư hấp dẫn bởi giá cả dịch vụ trong nước, thông thoáng trong thủ tục đầu tư, cởi mở trong kiểm duyệt phim cho phép phổ biến...

Thứ hai, đổi mới quản lý Nhà nước về hoạt động điện ảnh: Thống nhất quản lý các cơ sở hoạt động điện ảnh do nhà nước thành lập cũng như cơ sở do tư nhân và các

thành phần kinh tế khác thành lập. Tạo môi trường hoạt động ổn định lâu dài, công bằng và bình đẳng, đảm bảo lợi ích của từng cá nhân, tập thể và của toàn xã hội. Tăng cường phân cấp quản lý hoạt động điện ảnh đặc biệt trong việc thẩm định và cho phép phổ biến phim, tăng cường quyền chủ động cho các địa phương gắn liền quyền hạn với trách nhiệm của các cấp, các ngành và cá nhân trong hoạt động điện ảnh.

Tôn trọng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở hoạt động điện ảnh; đảm bảo quyền sở hữu và vai trò của đại diện chủ sở hữu trong các cơ sở hoạt động điện ảnh của Nhà nước, tư nhân và các thành phần kinh tế khác. Tách bạch vai trò quản lý nhà nước và việc điều hành sản xuất kinh doanh trong các cơ sở hoạt động điện ảnh.

Duy trì, củng cố, nâng cao năng lực và hiệu lực quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về điện ảnh giúp Bộ Văn hoá-Thông tin thống nhất quản lý điện ảnh về định hướng phát triển trong nước cũng như mở rộng quan hệ quốc tế. Nghiên cứu, đổi mới cơ chế chính sách chuyên ngành nhằm thúc đẩy điện ảnh phát triển. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch và thực hiện các hoạt động sự nghiệp theo phân công của Bộ.

Sản phẩm điện ảnh là sản phẩm hàng hoá đặc biệt bao hàm ba yếu tố nghệ thuật, kinh tế và kỹ thuật, thuộc lĩnh vực tư tưởng văn hoá, tính nhạy cảm cao vì vậy càng mở rộng hoạt động càng phải đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước. Phát huy dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò của các cấp hội để tăng cường quản lý của các cấp, kiểm tra xử lý vi phạm, nâng cao chất lượng hoạt động và tư cách hành nghề của các cá nhân.

3.2.3.2. Đổi mới các cơ chế chính sách trong đầu tư phát triển điện ảnh

a/ Thay đổi cơ chế phân bổ vốn từ ngân sách cho đầu tư phát triển điện ảnh

Thứ nhất, về vốn đầu tư hiện đại hoá ngành điện ảnh:

Hiện tại vẫn chưa có một tiêu chí phân bổ ngân sách nhà nước có căn cứ khoa học để đầu tư cho hiện đại hoá kỹ thuật điện ảnh Việt Nam, vẫn còn nặng về cơ chế “Xin - Cho”; “Công bằng, cùng hưởng lợi”... Vì vậy, hàng năm việc phân bổ vốn đầu tư cho phát triển điện ảnh theo mục tiêu chương trình cần thực hiện như sau:

Mọi nguồn vốn sự nghiệp, đầu tư xây dựng cơ bản, vốn mục tiêu chương trình đều tổng hợp chung để thực hiện đầu tư theo dự án. Các dự án được lựa chọn căn cứ vào quy trình công nghệ và thiết bị kỹ thuật hiện đại đạt trình độ cao của điện ảnh khu vực và thế giới.

Đầu tư tập trung, dứt điểm những hạng mục quan trọng nhất quyết định đến việc đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, thực hiện đúng mục tiêu đề ra.

Đầu tư đồng bộ về thiết bị và công nghệ. đồng bộ về thiết bị tiên kỳ và hậu kỳ sản xuất phim. Đồng bộ về thiết bị sản xuất phim với thiết bị chiếu phim và rạp chiếu. Đầu tư đồng bộ về thiết bị kỹ thuật với đầu tư cho con người (chuyên gia kỹ thuật khai thác sử dụng thiết bị, đội ngũ nghệ sĩ hoạt động sáng tạo và người quản lý), chỉ một khâu trong quá trình thiếu đồng bộ sẽ không đạt được hiệu quả đầu tư và sử dụng vốn.

Thứ hai, về vốn sản xuất phim đặt hàng, tài trợ:

Hiện tại vẫn đang phân bổ theo chỉ tiêu kế hoạch hàng năm cho các Hãng sản xuất phim thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin, vì vậy chưa sản xuất đơn vị đã nắm chắc số tiền Nhà nước cấp từ đầu năm, sẽ tìm mọi cách chi tiêu hết kế hoạch ngân sách, dẫn đến thiếu sự năng động và cạnh tranh, đơn vị không chịu trách nhiệm đến cùng về thu hồi vốn đầu tư cho sản xuất phim và hiệu quả kinh tế - xã hội của sản phẩm điện ảnh.

Vì vậy, thay thế cách phân bổ vốn theo kế hoạch bằng phương thức đầu tư vốn sản xuất phim đặt hàng theo từng dự án độc lập đối với các thể loại phim truyện, phim tài liệu khoa học và cả phim hoạt hình. Chỉ cấp vốn sau khi đã tuyển chọn được kịch bản hay (theo tiêu chí về đề tài, tốt về nội dung tư tưởng, hấp dẫn về nghệ thuật), đã thông qua đấu thầu chi phí sản xuất phim và phương án thu hồi vốn phim qua các hệ thống phát hành và chiếu phim ở trong nước và xuất khẩu mới tạo ra sức cạnh tranh.

Thứ ba, về vốn đào tạo:

Đào tạo nâng cao: Thời gian qua việc đào tạo lại và đào tạo "mũi nhọn" đã được Nhà nước quan tâm để duy trì và phát triển đội ngũ cán bộ nghệ sĩ điện ảnh và nền điện ảnh dân tộc như ngày nay. Tuy nhiên trước yêu cầu mới, lĩnh vực đào tạo này cần được đầu tư và sử dụng có hiệu quả hơn.

Trước hết cần tập trung đào tạo lại và đào tạo mới để nâng cao trình độ giảng viên, tiêu chuẩn hoá đội ngũ giảng viên tại các trường điện ảnh; thấp nhất 50% giảng viên các trường điện ảnh phải có trình độ trên đại học, tránh tình trạng lấy người từ các hãng phim đến giảng dạy tại các trường sẽ thiếu chuyên nghiệp và kém hiệu quả.

Việc cần làm ngay đó là hàng năm dành một phần ngân sách thích đáng để cử giáo viên ra nước ngoài học tập, thực tập nâng cao tại các trường điện ảnh, các Hãng sản xuất phim của các nước có nền điện ảnh phát triển, nhằm kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, giúp giảng viên tiếp cận với phương pháp đào tạo mới, với kỹ thuật công nghệ hiện đại,

trang bị kiến thức mới để truyền đạt cho sinh viên. Củng cố và nâng cấp 2 trường điện ảnh tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, đổi mới và chuẩn hoá giáo trình, giáo án để đáp ứng yêu cầu giảng dạy, kỹ năng thực hành, sáng tạo, sản xuất phim theo công nghệ hiện đại.

Đào tạo dài hạn: Việc phân bổ định mức đào tạo theo đầu sinh viên điện ảnh cần được nâng cao vì đào tạo người làm điện ảnh mang tính đặc thù, rất tốn kém cho nhà trường cũng như gia đình học viên. Đầu tư phương tiện thiết bị kỹ thuật cho đào tạo điện ảnh chính quy từ các trường điện ảnh trong nước, trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho xưởng trường (hoặc xưởng phim thực nghiệm) để chấm dứt tình trạng dạy, học "chay" trong các trường điện ảnh. Mời chuyên gia nước ngoài có trình độ cao giảng dạy tại trường điện ảnh hoặc khoa điện ảnh để sinh viên được cập nhật kiến thức khoa học - công nghệ mới của điện ảnh thế giới. Tạo điều kiện cho sinh viên đi thực tập theo đoàn làm phim trong nước, hoặc đi thực tập ở nước ngoài, đặc biệt là đối với kỹ thuật - công nghệ sản xuất phim nhựa.

Kết hợp đào tạo dài hạn với đào tạo ngắn hạn, đào tạo trong nước và đào tạo ở ngoài nước. Khuyến khích thu hút mọi nguồn học bổng của nhà nước, của các tổ chức quốc tế để đào tạo mũi nhọn cho giảng dạy và sản xuất phim. Ngân sách nhà nước đài thọ một số học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học và một số cán bộ trẻ có năng lực, có trình độ ngoại ngữ tốt cử đi học dài hạn tại các trường đại học điện ảnh và đi thực tập tại các cơ sở điện ảnh nước ngoài, để tiếp thu kiến thức, kỹ năng sáng tạo, kỹ thuật công nghệ mới, bổ sung và thay thế cho ngành trong tương lai gần.

Khi nhập thiết bị công nghệ mới cho các cơ sở sản xuất phim sẽ dành thấp nhất từ 20% đến 30% vốn đầu tư để đào tạo chuyển giao công nghệ cho công nhân, kỹ thuật viên và kỹ sư thực hành. Đảm bảo khai thác vận hành ổn định chất lượng sản phẩm, bảo quản thiết bị tốt theo yêu cầu kỹ thuật. Thường xuyên mở các lớp tập huấn về và kỹ thuật mới cho đội ngũ cán bộ làm nghề cả nước.

b/ Tăng cường xã hội hoá hoạt động điện ảnh, tạo môi trường thông thoáng bình đẳng trong hoạt động kinh doanh

Tăng cường xã hội hoá hoạt động điện ảnh là yêu cầu tất yếu khách quan trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta. Xã hội hoá để mở rộng chủ thể sở hữu hoạt động điện ảnh, thu hút toàn xã hội tham gia hoạt động sáng tạo, sản xuất và phổ biến tác phẩm điện ảnh.

Xã hội hoá tạo bước ngoặt cho sự ra đời hàng loạt các doanh nghiệp điện ảnh, tạo môi trường kinh doanh và cạnh tranh lành mạnh trong ngành công nghiệp giải trí đầy tiềm năng và hứa hẹn ở Việt Nam, thu hút nguồn lực trong xã hội, giảm áp lực cho ngân sách nhà nước về đầu tư cho điện ảnh. Ban hành Luật điện ảnh, cho phép các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước được tham gia mọi lĩnh vực hoạt động điện ảnh và thể chế hoá các chủ trương trên là việc làm cần thiết và mang tính chất quyết định.

Thứ nhất, về sản xuất phim:

+ Khuyến khích các tổ chức cá nhân thành lập Hãng phim tư nhân, Hãng phim cổ phần, Hãng phim liên doanh giữa các thành phần kinh tế trong cả nước để đa dạng hoá thành phần hoạt động điện ảnh, khai thác tiềm năng trong xã hội đầu tư cho phát triển điện ảnh. Các Hãng sản xuất phim thuộc các thành phần kinh tế được phép hoạt động như các hãng phim công lập theo những ngành nghề đã đăng ký kinh doanh; được tham gia nhận vốn sản xuất phim đặt hàng và trợ giá từ ngân sách nhà nước thông qua khâu tuyển chọn kịch bản và đấu thầu sản xuất phim...

+ Mở rộng quyền tự chủ cho các Hãng sản xuất phim không sử dụng nguồn vốn từ ngân sách được quyền tự lựa chọn kịch bản đưa vào sản xuất và chịu trách nhiệm về nội dung phim và hiệu quả kinh doanh; nhà nước duyệt phim ở khâu cuối cùng thông qua Hội đồng thẩm định phim để cho phép phổ biến, nếu không vi phạm điều cấm.

+ Các hãng sản xuất phim thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được cung cấp dịch vụ làm phim, hợp tác sản xuất phim, liên doanh trong mọi lĩnh vực hoạt động điện ảnh để tăng cường khả năng thu hút vốn đầu tư, tài trợ và nhanh chóng tiếp thu trình độ sản xuất và phổ biến phim tiên tiến của thế giới.

+ Tiếp tục có chính sách đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, đào tạo đội ngũ cho các hãng phim do nhà nước thành lập để giữ vững vai trò chủ đạo trong sản xuất và phổ biến phim - Sản phẩm mang tính đặc thù về tư tưởng và nghệ thuật (theo cách "cho cần câu để tự câu cá").

+ Mở rộng quyền tự chủ cho các cơ sở sản xuất phim trong việc tạo nguồn thu để chi trả thu nhập thoả đáng cho các chuyên gia kỹ thuật giỏi, nghệ sĩ tài năng để giữ người tài và tránh "chảy máu chất xám".

Thứ hai, về phát hành phim:

Khuyến khích các tổ chức cá nhân thành lập cơ sở phát hành phim; nếu cơ sở đầu tư xây dựng rạp, đầu tư sản xuất phim thì được trực tiếp xuất nhập khẩu phim nhựa và băng đĩa hình để phát hành trong phạm vi cả nước.

Thứ ba, về phổ biến phim:

+ Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng rạp, cụm rạp chiếu phim kết hợp với các hoạt động kinh doanh khác. Được thuê lại rạp, liên doanh cải tạo, đầu tư xây dựng nâng cấp rạp hiện có của nhà nước để chiếu phim.

+ Ưu tiên đầu tư đối với các đơn vị chiếu phim thuộc các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa hạch toán kinh doanh gặp nhiều khó khăn. Thành lập Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng hoạt động sự nghiệp có thu thực hiện nhiệm vụ công ích chiếu phim lưu động phục vụ đồng bào dân tộc, miền núi trên địa bàn tỉnh.

+ Ưu đãi các tổ chức, cá nhân tham gia phục vụ chiếu phim miền núi, vùng cao, biên giới hải đảo, được thành lập các đội chiếu phim lưu động, được tham gia thực hiện nhiệm vụ công ích theo yêu cầu của địa phương và được tài trợ chi phí buổi chiếu phim bình đẳng về mọi mặt với các đơn vị chiếu phim công lập.

3.2.3.3. Ban hành các chính sách ưu đãi, tạo môi trường hấp dẫn và thông thoáng trong sáng tạo tác phẩm và kinh doanh phù hợp với đặc thù của điện ảnh để thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh

Những khó khăn khi bước vào cơ chế thị trường khiến điện ảnh lao đao nhưng do nhà nước đã ban hành một số chính sách trong thời gian qua nên phần nào đã nâng đỡ, tạo điều kiện cho ngành điện ảnh từng bước thoát ra khỏi khủng hoảng. Nhiều mặt hoạt động đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị nhà nước giao, giữ gìn được đội ngũ cán bộ làm nghề, động viên các nghệ sĩ điện ảnh nỗ lực đóng góp sức mình vào sự nghiệp phát triển ngành.

Tuy nhiên nhiều chế độ chính sách đặc thù cho hoạt động văn hoá nghệ thuật trong đó có điện ảnh không thích ứng trong điều kiện hiện tại làm cho điện ảnh hoạt động trì trệ kém hiệu quả. Vì vậy các chính sách sách này cần sớm được thay đổi cho phù hợp với thực tế như:

Chế độ nhuận bút tác giả cần sửa đổi tăng lên cho các thành phần tham gia sáng tạo tác phẩm điện ảnh để khuyến khích sáng tạo, làm căn cứ chi trả đối với tác phẩm điện ảnh do ngân sách đặt hàng tài trợ và làm cơ sở thoả thuận chi trả thù lao đối với các tác phẩm điện ảnh sản xuất bằng các nguồn vốn khác.

Thực hiện nhiều hình thức chi trả nhuận bút tác giả như mua đứt bản quyền; chi trả nhuận bút theo sự thoả thuận giữa người sử dụng với tác giả kịch bản; coi nhuận bút là một khoản tiền góp vốn đầu tư của tác giả để tham gia sản xuất phim... nhằm thiết thực nâng cao chất lượng sản phẩm.

Xây dựng và ban hành chế độ đánh giá xếp loại chất lượng phim và chế độ thưởng theo chất lượng phim hàng năm để khuyến khích những tác phẩm tốt, những bộ phim có chất lượng kỹ thuật cao, đặc biệt đối với những phim có nội dung tư tưởng nghệ thuật tốt, tính hấp dẫn cao.

Có chế độ thưởng cuối năm (hoặc tài trợ sau khi phim hoàn thành) đối với những phim đạt được doanh thu cao nhất trong năm để khuyến khích các thành phần kinh tế tự đầu tư vốn sản xuất phim tạo ra những bộ phim đúng định hướng tư tưởng, ăn khách, giải trí lành mạnh đạt cả hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội.

Các chính sách khác như tiền lương ưu đãi đối với nghệ thuật, phục hồi phụ cấp thanh sắc cho diễn viên; chế độ phụ cấp nặng nhọc, độc hại cho đạo diễn, quay phim, in tráng phim, bảo quản phim; chế độ phụ cấp làm đêm, đi rừng núi, mang vác, phụ cấp thuyết minh phim theo đặc thù ngành nghề cho các đội chiếu bóng lưu động...

Xây dựng và ban hành mới những quy trình quy phạm, tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật ngành. Tổ chức lại hệ thống KCS trong ngành điện ảnh. Kiểm tra giám sát thực hiện quy chế quản lý nhà nước về kỹ thuật điện ảnh.

Đầu tư cho công tác thông tin khoa học kỹ thuật ngành để có thể cung cấp cập nhật những thông tin mới về tiến bộ khoa học kỹ thuật của điện ảnh thế giới. Đầu tư đúng mức cho công tác nghiên cứu ứng dụng tiến bộ kỹ thuật điện ảnh.

Cần xúc tiến thành lập một Công ty hay Trung tâm dịch vụ tư vấn hợp tác làm phim để chuyên môn hoá và thúc đẩy trao đổi, hợp tác quốc tế với điện ảnh thế giới. Tổ chức này có chức năng hướng dẫn về pháp lý và làm dịch vụ cho các cơ sở trong và ngoài nước có hoạt động dịch vụ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực điện ảnh.

Ban hành các chính sách kinh tế tài chính phù hợp với đặc thù ngành điện ảnh Thực sự coi điện ảnh là một ngành sản xuất kinh doanh hàng hoá đặc biệt để thực hiện chính sách ưu đãi đối với sản xuất và phổ biến phim, nhằm thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh đến 2010 có hiệu quả như :

- Bảo vệ bản quyền phim, bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư, tích cực ngăn chặn việc ăn cắp bản quyền.

- Thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh nhằm thu hút nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, hỗ trợ cho sáng tác, tuyển chọn kịch bản, hỗ trợ sản xuất phim thể nghiệm, thưởng cho tác phẩm điện ảnh có giá trị tư tưởng nghệ thuật cao, hỗ trợ đạo diễn phim đầu tay, hỗ trợ đào tạo khuyến khích tài năng trẻ...

- Cấp vốn lưu động cho các hãng phim thuộc khu vực nhà nước hoạt động công ích trong ngành điện ảnh, giúp đơn vị hoàn thành nghĩa vụ công ích và chủ động trong sản xuất kinh doanh.

- Trong mô hình cụm rạp, lấy thu từ các hoạt động dịch vụ khác tự bù lỗ cho hoạt động chiếu phim đặc biệt là chiếu các phim phục vụ nhiệm vụ chính trị vì vậy các hoạt động kinh doanh tổng hợp trong rạp cụm chỉ thu một loại thuế suất ưu đãi tính trên doanh thu (thu chủ yếu để quản lý).

- Ưu tiên dành quỹ đất tại các khu trong khi quy hoạch các khu đô thị, khu dân cư để xây dựng rạp chiếu phim. Miễn trả tiền sử dụng đất và tiền thuế đất cho các rạp chiếu phim và các rạp chiếu phim kinh doanh tổng hợp vì đây là các cơ sở hoạt động phục vụ phúc lợi công cộng cho toàn xã hội.

- Miễn thuế nhập khẩu thiết bị chuyên dùng cho ngành điện ảnh. Không thu thuế nhập khẩu đối với phim nhựa dạng nguyên liệu và các vật tư chuyên dùng để khuyến khích đầu tư sản xuất phim nhựa.

3.2.3.4. Sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh từ ngân sách nhà nước. Cải tiến công tác lập, trình duyệt và thẩm định dự án đầu tư cho điện ảnh

Thứ nhất, cần định hướng rõ khu vực nào do nhà nước đầu tư, khu vực nào thuộc các thành phần kinh tế khác trong xã hội có thể làm. Việc xác định chính sách trong đầu tư phát triển như trên nhằm tập trung có trọng điểm nguồn vốn ngân sách cho những công trình, những lĩnh vực đòi hỏi vốn lớn cần đầu tư dứt điểm trong một thời gian nhất định tạo cơ sở hạ tầng cho ngành điện ảnh (như hiện đại hóa công nghệ sản xuất phim, đầu tư trường quay hiện đại, đào tạo nâng cao). Các hoạt động khác như vốn sản xuất các bộ phim, vốn đầu tư cho rạp chiếu phim, vốn nhập khẩu phim... Khai thác từ các nguồn vốn xã hội hóa hoạt động điện ảnh nhằm tiết kiệm và giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

Thứ hai, nguồn vốn từ ngân sách nhà nước là có hạn, để đầu tư phát triển điện ảnh tiết kiệm và có hiệu quả, các dự án đầu tư cần được xem xét cân đối trong toàn ngành, nên tập trung thông qua một đầu mối, đầu tư theo đúng quy trình công nghệ hiện đại và

đồng bộ trong sản xuất và phổ biến phim, tránh tình trạng đầu tư mang tính cục bộ dẫn đến đầu tư chông chéo dẫn đến có việc nhiều nơi cùng đầu tư, có dự án đáng phải đầu tư thì không nơi nào làm (vì nhiều lý do khác nhau), dẫn đến đầu tư không đồng bộ, lãng phí vốn đồng thời không phát huy hiệu quả đầu tư.

Thứ ba, quy định chế độ trách nhiệm đối với việc sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách để tài trợ đặt hàng các tác phẩm điện ảnh khi hoàn thành công chiếu không đạt cả về hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội. Cách thức đặt hàng tài trợ hiện tại nhiều cấp có quyền nhưng cũng đồng thời nhiều cấp không chịu trách nhiệm về kết quả cuối cùng sau đầu tư. Việc đặt hàng tài trợ phải thực hiện trực tiếp đối với tác phẩm vì vậy:

- Kịch bản được tuyển chọn đặt hàng, tài trợ theo tiêu chí xác định phải được tuyển chọn từ các hãng phim nhà nước, hãng phim tư nhân và trực tiếp từ cá nhân tác giả kịch bản để có điều kiện lựa chọn kịch bản tốt nhất đưa vào sản xuất. Kịch bản được chọn sản xuất phim cần được thông qua đấu thầu sản xuất phim đó là: Lựa chọn đạo diễn phù hợp; lập phương án kinh tế dựa trên kịch bản phân cảnh để chọn phương án sản xuất tối ưu từ bộ phim trên giấy đến bộ phim bằng hình ảnh.

- Phải có cơ quan chịu trách nhiệm ký hợp đồng đặt hàng, tài trợ sản xuất phim với cơ quan nhận vốn sản xuất phim, mọi điều khoản thông qua hợp đồng kinh tế từ khâu sản xuất đến phát hành phim.

- Đơn vị nhận vốn sản xuất phim phải chịu trách nhiệm từ khâu đầu đến khâu cuối của quá trình từ sản xuất đến phát hành và phổ biến phim thông qua phương án đấu thầu nhằm gắn liền giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, tránh tình trạng phim sản xuất ra không có người chịu trách nhiệm phổ biến đến khán giả (Phim bỏ kho).

- Cần ban hành lại hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật trong ngành điện ảnh (Ban hành cách đây 30 năm đã quá lạc hậu) để việc chấp hành dự toán chi phí sản xuất phim nghiêm túc, đúng mục đích theo quy định của Luật ngân sách hiện hành.

3.2.3.5. Hoàn thiện Luật điện ảnh và ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành

Đất nước ta bước vào thời kỳ đổi mới, yêu cầu của đất nước và công chúng rất cao, đòi hỏi phải nhanh chóng hiện đại hoá để phát triển ngành; từ nhiều năm qua điện ảnh được Nhà nước dành nhiều ưu đãi trong chính sách phát triển nhưng chưa chuyển đổi, thích ứng kịp thời với cơ chế mới vận nền kinh tế của đất nước, kỹ năng, kỹ thuật sản xuất

phim lạc hậu, sản xuất bị thu hẹp, tư tưởng trông chờ vào sự bao cấp của nhà nước còn nặng nề dẫn đến trì trệ, xơ cứng trong hoạt động.

Nghị định 48/CP ngày 17/7/1995 của Chính phủ ban hành “Về Tổ chức và hoạt động Điện ảnh”, là văn bản pháp quy cao nhất đối với ngành điện ảnh cho đến nay. Nghị định 48/CP cùng với sự ra đời cùng với Chương trình mục tiêu “Củng cố và phát triển điện ảnh Việt Nam” của Chính phủ được triển khai thực hiện đã từng bước chống suy thoái và trượt dốc, các cơ sở hoạt động điện ảnh dần ổn định về tổ chức và tạo bước phát triển mới cho ngành. Tạo điều kiện cho nhiều hãng phim được thành lập, nhiều thành phần kinh tế trong và ngoài nước bước đầu tham gia hoạt động điện ảnh, đặc biệt là sự ra đời của các hãng phim tư nhân trong thời gian gần đây.

Tuy nhiên, trong hơn 10 năm qua từ khi ban hành Nghị định 48/CP, đất nước đổi mới và phát triển không ngừng nhưng điện ảnh Việt Nam vẫn trong tình trạng kém phát triển so với điện ảnh các nước trong khu vực và trên thế giới, quy mô sản xuất nhỏ, công nghệ, kỹ thuật sản xuất phim lạc hậu, số lượng phim sản xuất hàng năm thấp, chất lượng nghệ thuật và kỹ thuật ít được nâng lên, phim thiếu hấp dẫn và chưa đáp ứng được nhu cầu của mọi tầng lớp khán giả. Trong khi các phương tiện nghe nhìn và Truyền hình Việt Nam ra đời sau đã có những bước phát triển nhảy vọt và hoạt động rất hiệu quả, điện ảnh chỉ có thể phát triển được khi biết tận dụng mọi ưu thế phát triển của kỹ thuật mới, tạo nên một ngành công nghiệp điện ảnh hiện đại kết hợp với các yếu tố văn học, nghệ thuật, âm nhạc, phát huy năng lực sáng tạo nghệ thuật điện ảnh;

Trước xu thế hội nhập quốc tế để phát triển không chỉ về kinh tế mà trong cả lĩnh vực văn hóa nghệ thuật của đất nước, Nghị định 48/CP ngày 17/7/1995 của Chính phủ ban hành từ năm 1995 đã trở nên bất cập, nhiều chính sách trong Nghị định mất tính khả thi, không còn phù hợp với chủ trương đổi mới và chính sách xã hội hoá của Đảng và nhà nước, hạn chế sự cởi mở năng động của cơ sở điện ảnh, thiếu các quy phạm pháp luật điều chỉnh những vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động của ngành;

Cũng trong 10 năm qua, Luật xuất bản, Luật báo chí, Luật sở hữu trí tuệ (trước là Luật bản quyền), Luật di sản văn hoá được ban hành đã phát huy vai trò rất lớn trong công cuộc đổi mới đất nước. Vì vậy Luật điện ảnh ban hành để đồng bộ với hệ thống pháp luật quản lý trong lĩnh vực văn hoá - thông tin, những vấn đề đặt ra trong thực tiễn cần sớm được luật hoá, đảm bảo môi trường thông thoáng và sự ổn định bền vững trong chính sách đầu tư phát triển ngành, phù hợp với những cam kết của Việt Nam với tổ chức

thương mại thế giới WTO, góp phần xây dựng và phát triển nền Văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Luật điện ảnh Việt Nam nhằm thể chế hoá đường lối quan điểm của Đảng và chủ trương chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực điện ảnh. Xây dựng hành lang pháp lý để phát triển điện ảnh Việt Nam trở thành ngành công nghiệp dịch vụ giải trí hiện đại, trình độ sản xuất phim tiên tiến; rút ngắn khoảng cách tụt hậu của điện ảnh Việt Nam, từng bước đưa điện ảnh phát triển ngang bằng với trình độ phát triển của điện ảnh khu vực và trên thế giới, tạo nguồn thu và hỗ trợ các ngành khác cùng phát triển.

Các văn bản dưới Luật như Nghị định, Thông tư và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật khác cần được ban hành đồng bộ với Luật điện ảnh để Luật điện ảnh có hiệu lực thi hành trên thực tế, tạo hành lang pháp lý thông thoáng, tự chủ cho các cơ sở hoạt động điện ảnh để Luật mau chóng đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả.

Ngày 29/6/2006 tại kỳ họp thứ IX, Quốc hội khoá XI đã biểu quyết thông qua Luật điện ảnh. Đây là bộ luật đầu tiên được ban hành đối với một ngành nghệ thuật, thể hiện sự quan tâm lớn nhất, tạo cơ hội phát triển ngành điện ảnh cả trước mắt và lâu dài.

Luật điện ảnh đã ban hành bao gồm 8 chương, 55 điều, với nội dung điều chỉnh hoạt động điện ảnh của các tổ chức và cá nhân hoạt động sản xuất, phát hành và phổ biến phim trên lãnh thổ Việt Nam. Điểm thể hiện nổi bật nhất trong luật là chính sách đầu tư của nhà nước nhằm xây dựng và phát triển nền điện ảnh Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Mở rộng các thành phần tham gia hoạt động điện ảnh tiếp tục đẩy mạnh chủ trương xã hội hoá hoạt động điện ảnh, từ sản xuất đến phát hành và phổ biến phim. Tạo điều kiện cho các tổ chức và cá nhân hoạt động theo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nhà nước chỉ quản lý nội dung tác phẩm điện ảnh thông qua cấp giấy phép phổ biến phim. Thúc đẩy sự sáng tạo nghệ thuật điện ảnh, đổi mới cơ chế hoạt động và ổn định tổ chức, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp điện ảnh vươn mạnh ra nước ngoài và phát triển phù hợp với xu thế giao lưu và hội nhập quốc tế.

Ban hành Luật điện ảnh là việc làm cần thiết và cấp bách nhằm đẩy mạnh sản xuất phim, phục vụ nhân dân, đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần ngày càng cao của mọi thành viên trong xã hội. Giới thiệu điện ảnh Việt Nam ra thế giới, tiếp thu tinh hoa văn hoá thế giới qua tác phẩm điện ảnh. Phát triển nền điện ảnh Việt Nam đa dạng, phong phú đạt hiệu quả kinh tế và xã hội trong kỷ cương, tăng cường hội nhập để phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hướng tới mục tiêu "Xây dựng và phát triển nền điện ảnh Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc".

Tuy nhiên, nhìn tổng quan Luật điện ảnh vẫn bộc lộ chính sách bao cấp rất lớn đối với ngành từ đào tạo, sản xuất đến phổ biến phim, sẽ tiếp tục tạo sự trì trệ trong các hãng

phim do nhà nước thành lập, giảm tính cạnh tranh và hạn chế sự phát triển lành mạnh của thị trường điện ảnh (Điều 5: Chính sách của nhà nước về đầu tư phát triển điện ảnh; Điều 6: Chính phủ thành lập quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh; Điều 24: Chính sách đặt hàng sản xuất phim; Điều 34: Tài trợ chiếu phim lưu động...).

Một số điều Luật còn lúng túng chưa đề cập đến vấn đề chuyển đổi các doanh nghiệp điện ảnh nhà nước và các chính sách về vấn đề này. Chưa cập nhật những thông tin về các cam kết quốc tế của Việt Nam nên một số điều ban hành trong Luật điện ảnh đã không phù hợp với các cam kết khi Việt Nam ra nhập tổ chức thương mại thế giới WTO, Luật điện ảnh sẽ phải tiến hành sửa đổi cho phù hợp và tháo gỡ khó khăn về quản lý và hoạt động điện ảnh trong hiện tại (Luật quy định về hạn ngạch nhập khẩu phim; Chính sách tài trợ cho sản xuất và phổ biến phim; Không cho người nước ngoài thành lập và làm giám đốc cơ sở sản xuất phim tại Việt Nam).

*

* *

Chương 3 được trình bày về quan điểm, mục tiêu phát triển điện ảnh, quan điểm, mục tiêu về thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

Xuất phát từ việc phân tích thực trạng thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh giai đoạn 1995 - 2005 ở chương 2, kết hợp với những căn cứ khoa học để đưa ra các dự báo về nhu cầu vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam đến 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

Nêu quan điểm về đầu tư phát triển điện ảnh trên cơ sở đa dạng hoá hoạt động điện ảnh, đa phương hoá quan hệ hợp tác quốc tế trong hoạt động điện ảnh. Thu hút các nguồn vốn đầu tư lớn gắn liền với việc sử dụng vốn đạt hiệu quả cao. Đầu tư đồng bộ, đầu tư trọng điểm trên cơ sở hiện đại hoá công nghệ sản xuất phim. Tạo lập các yếu tố mới để thu hút vốn đầu tư. Đầu tư đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng phát triển, tăng cường thu hút nguồn vốn nước ngoài cho đào tạo, nâng cao nguồn lực con người.

Khẳng định vai trò chủ đạo và định hướng của nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trong đầu tư phát triển ngành. Tăng cường thu hút các nguồn vốn ngoài ngân sách theo chủ trương đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động điện ảnh.

Đề xuất các giải pháp nhằm thu hút triệt để và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh trên cơ sở phân định nguồn vốn và khu vực ưu tiên tập trung vốn đầu tư, lựa chọn khâu trọng điểm mang tính đột phá đó là đầu tư hiện đại hoá kỹ thuật công nghệ và đầu tư cho con người. Đa dạng hoá thành phần tham gia hoạt động điện ảnh,

đa dạng hoá loại hình hoạt động điện ảnh, đa dạng hoá ngành nghề điện ảnh, đa dạng hoá sản phẩm điện ảnh, đa phương hoá quan hệ hợp tác quốc tế. Đổi mới tổ chức quản lý và cơ chế chính sách để thu hút các nguồn vốn đầu tư.

KẾT LUẬN

Điện ảnh vừa là ngành nghệ thuật sản xuất ra sản phẩm mang tính tư tưởng, vừa là ngành công nghiệp dịch vụ giải trí. Điện ảnh có nhiệm vụ quan trọng là góp phần phát triển văn hoá xã hội của đất nước, mở mang nâng cao dân trí, vừa là một ngành kinh tế phải đương đầu trước những thử thách khắc nghiệt của thị trường.

Công nghệ kỹ thuật điện ảnh hiện đại và tiên bộ không ngừng, đầu tư cho phát triển điện ảnh Việt Nam là tất yếu và rất tốn kém. Để đáp ứng nhu cầu đầu tư hiện đại hoá ngành, cần xác định quan điểm và phương hướng đầu tư đúng đắn, lựa chọn các giải pháp thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư cho phát triển, tạo ra nhiều tác phẩm điện ảnh giàu bản sắc văn hoá Việt Nam, đạt giá trị nghệ thuật cao, hấp dẫn, lành mạnh, vừa giữ vững định hướng tư tưởng, vừa mau chóng phát huy được hiệu quả kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở phân tích thực trạng hoạt động của ngành, xác định vai trò vị trí của điện ảnh trong phát triển kinh tế và đời sống xã hội, tham khảo kinh nghiệm đầu tư phát triển điện ảnh của các nước, đề xuất các giải pháp về thu hút và sử dụng các nguồn vốn nhằm đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam ngay trong những năm đầu của thế kỷ XXI . Đề tài đã đạt được những kết quả sau đây:

1. Xác định những đặc điểm riêng của điện ảnh so với các ngành khác. Những đặc điểm này có tác dụng chi phối rất cơ bản đến việc xác định hướng đầu tư phát triển hiện đại hoá ngành điện ảnh trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam.

2. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng, khẳng định vai trò, vị trí của điện ảnh Việt Nam trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Xác định điện ảnh là ngành sáng tạo nghệ thuật đồng thời là ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm dịch vụ giải trí, ngành kinh tế tạo thu nhập cao cho xã hội. Nêu quan điểm, phương hướng đầu tư phù hợp với tính chất đặc thù của điện ảnh để thúc đẩy phát triển ngành.

3. Tham khảo mô hình hoạt động và kinh nghiệm đầu tư phát triển điện ảnh của các nước trong khu vực và những nước có nhiều điểm tương đồng với điện ảnh Việt Nam trong cơ chế thị trường để rút ra bài học cho điện ảnh Việt Nam.

4. Phân tích tình hình hoạt động điện ảnh trong quá trình phát triển. Đánh giá thực trạng thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển của điện ảnh Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Rút ra những nhận xét sát thực về mặt tích cực, những vấn đề hạn chế và nguyên nhân của thực trạng trên của điện ảnh Việt Nam.

5. Nêu những nội dung cơ bản về mục tiêu, quan điểm và định hướng quan trọng trong qua trình thu hút và sử dụng vốn đầu tư đến năm 2010 tầm nhìn năm 2020 phù hợp với nhu cầu đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam, đáp ứng được yêu cầu trong giai đoạn đổi mới để phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

6. Dưới góc độ nghiên cứu, luận án đã đề xuất hệ thống các giải pháp đa dạng hoá hoạt động điện ảnh, đa phương hoá quan hệ quốc tế trong hội nhập nhằm thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư cho phát triển điện ảnh Việt Nam. Đặc biệt, giải pháp có tính "đột phá" có trọng điểm vào khâu sản xuất phim, đầu tư đồng bộ về thiết bị và đào tạo, sẽ tác động mạnh thúc đẩy hiện đại hoá ngành.

Đề tài "**Giải pháp thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam đến năm 2010**" cũng đã mạnh dạn đưa ra các kiến nghị đối với Chính phủ về các vấn đề cơ chế, luật pháp... nhằm thông thoáng trong môi trường đầu tư, tạo sức hấp dẫn với các nhà đầu tư, tạo điều kiện thu hút tối đa các nguồn vốn và tăng vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam, đặc biệt là những giải pháp thiết thực nhằm tác động thúc đẩy ngành điện ảnh Việt Nam từng bước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu, hoạt động kém hiệu quả; tạo đà phát triển trong tầm nhìn đến năm 2020.

Đề xuất giải pháp thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam đến năm 2010 tầm nhìn đến năm 2020 để khai thác triệt để các nguồn vốn trong và ngoài nước đầu tư phát triển điện ảnh nhằm đạt những mục tiêu về hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội là những vấn đề rất khó cần được tiếp tục nghiên cứu.

Những kết luận nêu trên tuy còn một số hạn chế và bất cập nhưng sẽ có những đóng góp nhất định cho quá trình lựa chọn chiến lược phát triển điện ảnh Việt Nam trong những năm đầu của thế kỷ XXI. Tạo điều kiện khai thác có hiệu quả các nguồn lực đầu tư, đáp ứng yêu cầu cấp bách về vốn đầu tư cho phát triển, thúc đẩy sáng tạo ra nhiều tác phẩm điện ảnh có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao, hấp dẫn, lành mạnh, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, nâng cao dân trí, bảo tồn và phát triển nền điện ảnh dân tộc. Kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

1. Nguyễn Thị Hồng Thái (2000) “Định hướng và những giải pháp phát triển điện ảnh Việt Nam thời kỳ 2001 - 2010”, *Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.*
2. Nguyễn Thị Hồng Thái (2001) “Vài suy nghĩ về mục tiêu, quan điểm phát triển điện ảnh thời kỳ 2001-2010”, *Tạp chí Văn hoá nghệ thuật*, số 202/2001, trang 71.
3. Nguyễn Thị Hồng Thái (2003) “Đánh giá công tác chiếu phim lưu động phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi từ 1998 - 2002”. *Tài liệu Hội thảo quốc gia về “Văn hoá - Thông tin phục vụ miền núi” do Bộ Văn hoá - Thông tin tổ chức tại tỉnh Quảng Ngãi, 23-25/7/2003.*
4. Nguyễn Thị Hồng Thái (2003) “Công tác chiếu phim lưu động phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” *Sổ tay công tác Văn hoá - Thông tin vùng dân tộc thiểu số và miền núi*, của Bộ Văn hoá - Thông tin năm 2003, trang 83.
5. Nguyễn Thị Hồng Thái (2003) “Giới thiệu một số đội chiếu phim lưu động tiêu biểu” *Sổ tay công tác Văn hoá - Thông tin vùng dân tộc thiểu số và miền núi*, của Bộ Văn hoá - Thông tin năm 2003, trang 209.
6. Nguyễn Thị Hồng Thái (2005) “Vấn đề phát triển hoạt động điện ảnh ở Tây Nguyên”. *Tài liệu Hội thảo quốc gia về “Phát triển hoạt động Văn hoá - Thông tin vùng Tây Nguyên đến năm 2010” do Bộ Văn hoá - Thông tin tổ chức tại tỉnh Đắk Lắk, 28-29/6/2005.*
7. Nguyễn Thị Hồng Thái (2006) “Điện ảnh Việt Nam trong đời sống xã hội” phần I, *Tạp chí điện ảnh ngày nay*. số 138/2006, trang 14.
8. Nguyễn Thị Hồng Thái (2006) “Điện ảnh Việt Nam trong đời sống xã hội” phần II, *Tạp chí điện ảnh ngày nay*. số 139/2006, trang 14.
9. Nguyễn Thị Hồng Thái (2006) “điện ảnh trong xây dựng đời sống văn hoá và đẩy mạnh giao lưu văn hoá ở khu vực biên giới nước ta trong giai đoạn hiện nay” *Tài liệu Hội nghị - Hội thảo quốc gia về “Xây dựng đời sống văn hoá ở khu vực biên giới trong giai đoạn hiện nay” do Bộ Văn hoá-Thông tin tổ chức tại tỉnh Lào cai, 25-26/11/2006.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bộ Văn hoá - Thông tin (2003) *Đề cương văn hoá Việt Nam 1943, những giá trị tư tưởng văn hoá*, Viện Văn hoá - Thông tin và VPB xuất bản.
2. Bộ Văn hoá - Thông tin (2000 - 2005) *Kỷ yếu tổng kết công tác Văn hoá - Thông tin*, Bộ Văn hoá - Thông tin xuất bản.
3. Bộ Văn hoá - Thông tin (1995 - 2005) *Niên giám thống kê của Bộ Văn hoá - Thông tin*, Bộ Văn hoá - Thông tin xuất bản.
4. Bộ Văn hoá - Thông tin (1987 - 1994) *Văn bản pháp quy về Văn hoá - Thông tin tập 4*, Bộ Văn hoá - Thông tin xuất bản.
5. Bộ Văn hoá - Thông tin (1997 - 1999) *Văn bản pháp quy về Văn hoá - Thông tin - tập 5*, Bộ Văn hoá - Thông tin xuất bản.
6. Bộ Văn hoá - Thông tin (1999) *Một số văn bản pháp quy về công tác Tổ chức cán bộ và chế độ chính sách*, Bộ Văn hoá - Thông tin xuất bản.
7. Bộ Văn hoá - Thông tin (2006) *Một số quy định của pháp luật nước ngoài về điện ảnh và các lĩnh vực khác*, Bộ Văn hoá - Thông tin xuất bản.
8. Bộ Văn hoá - Thông tin (1998) *Chính sách tài chính đối với Văn hoá - Thông tin*, Bộ Văn hoá - Thông tin xuất bản.
9. Bộ Văn hoá - Thông tin (2003) *Văn bản của Đảng và Nhà nước về công tác Văn hoá - Thông tin vùng dân tộc thiểu số và miền núi*, Bộ Văn hoá - Thông tin xuất bản.
10. Bộ Văn hoá - Thông tin (2000) *Báo cáo tổng hợp quyết toán khối Điện ảnh các năm từ 1984 - 1999*, Hà Nội.
11. Bộ Ngoại giao, Vụ Hợp tác Kinh tế đa phương (2002) *Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế trong xu thế toàn cầu hoá - Vấn đề và giải pháp*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Chính phủ (1995) *Nghị định 48/ CP ngày 17/7/1995 của Chính phủ quy định về Tổ chức và hoạt động Điện ảnh*.
13. Chính phủ (2000) *Nghị định 26/ 2000/ NĐ-CP ngày 3/8/2000 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ 48/ CP ngày 17/7/1995 về tổ chức và hoạt động Điện ảnh*.
14. Cục Điện ảnh (2003; 2005) *Lịch sử điện ảnh Việt Nam (Tập I và II)*, Cục Điện ảnh xuất bản.

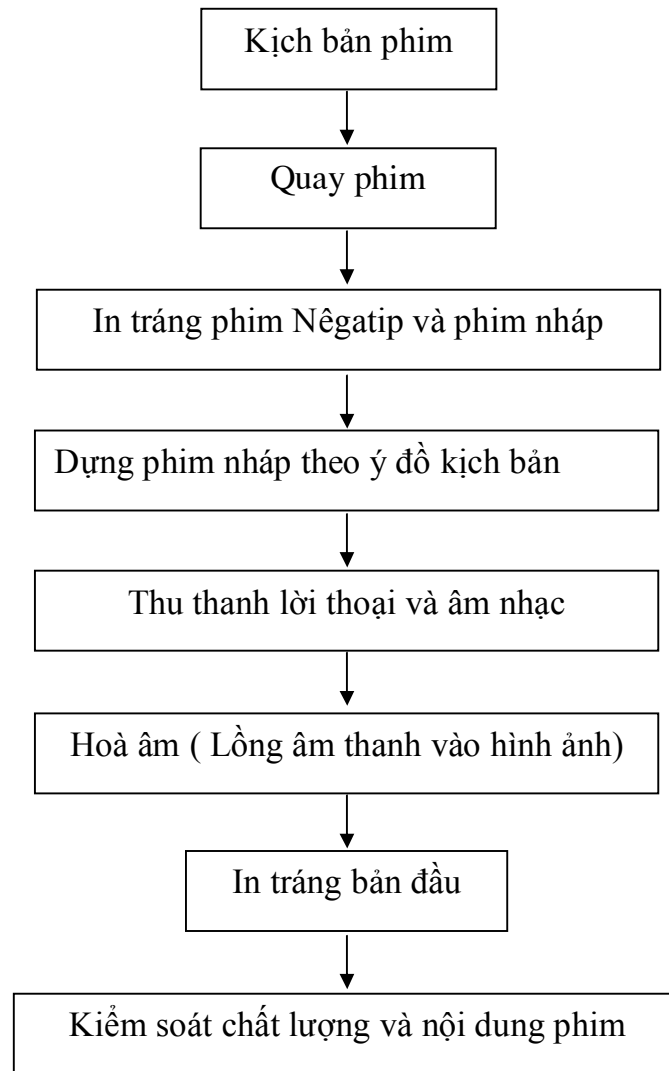
15. Cục Điện ảnh (2002) *Quy hoạch phát triển ngành Điện ảnh Việt Nam đến năm 2010*, Tài liệu của Cục điện ảnh.
16. Cục Điện ảnh (2005) *Báo cáo 10 năm thực hiện Nghị định 48/CP của Chính phủ từ năm 1995 - 2005*, Tài liệu của Cục điện ảnh.
17. Cục Điện ảnh (2006) *Báo cáo thực hiện chỉ tiêu sản xuất phim của các năm từ 1995 - 2005*, Tài liệu của Cục điện ảnh.
18. Hoàng Trần Doãn (2000) “Về nhu cầu Điện ảnh của công chúng hiện nay”, *Tạp chí nghiên cứu văn hoá nghệ thuật*, (4), tr. 91.
19. Nguyễn Thị Kim Dung (2002) *Thu hút và sử dụng nguồn vốn đầu tư cho giáo dục đại học nhằm phát triển kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 2001-2010*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998) *Nghị quyết TW 4/BCHTW khoá VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998) *Nghị quyết TW 5/BCHTW khoá VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. GS.TS Nguyễn Duy Gia (1994) *Quản lý nhà nước nền kinh tế thị trường trong giai đoạn hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
26. Phan Thanh Giang (2000) “Điện ảnh trong xu thế xã hội hoá”, *Tạp chí nghiên cứu văn hoá nghệ thuật*, (1), tr. 72.
27. Phan Bích Hà (1999) “Điện ảnh trong nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường”, *Tạp chí nghiên cứu văn hoá nghệ thuật*, (12), tr. 79.
28. Dương Phú Hiệp, Nguyễn Duy Dũng (1996) *Những thay đổi về Văn hoá, xã hội trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở một số nước châu Á*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

29. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2000) *Giáo trình lý luận văn hoá và đường lối văn hoá*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Khoa Kinh tế (2001) *Giáo trình Quản lý Kinh tế*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
31. IÊC-GI TE-PLIX (1978) *Lịch sử điện ảnh thế giới (tập II)*, Vũ Quang Chính và Đỗ Thuý Hà dịch, NXB Văn hoá, Hà Nội.
32. IÊC-GI TE-PLIX (1983) *Lịch sử điện ảnh thế giới (tập III)*, Đỗ Thuý Hà dịch, NXB Văn hoá, Hà Nội.
33. Juchereau de Saint - Derys (1990) *Bí mật của điện ảnh Mỹ*, Cao Nhị dịch, Tạp chí Nghệ thuật điện ảnh, Hà Nội.
34. Vũ Chí Lộc (1997) *Giáo trình Đầu tư nước ngoài*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
35. Tân Phương (2000) “Điện ảnh trong cơ chế thị trường mấy vấn đề cần nghiên cứu”, *Tạp chí nghiên cứu văn hoá nghệ thuật*, tr. 80.
36. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2006) *Luật Điện ảnh*, Luật số 62/2006/QH11, khoá XI, kỳ họp thứ 9, Hà Nội.
37. Vũ Ngọc Thanh (2000) “Kinh nghiệm xã hội hoá Điện ảnh của một số nước”, *Tạp chí nghiên cứu văn hoá nghệ thuật*, (3), tr. 104.
38. Vũ Ngọc Thanh (2000) “Xã hội hoá hoạt động điện ảnh trong bối cảnh Công nghiệp hoá-Hiện đại hoá”, *Tạp chí Nghiên cứu văn hoá nghệ thuật*, (6), tr. 67.
39. PGS .TS Võ Thanh Thu (1999) *Kinh tế đối ngoại*, NXB Thống kê, Hà Nội.
40. Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Khoa Kinh tế phát triển (1997) *Kinh tế phát triển*, NXB Thống kê, Hà Nội.
41. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (1997) *Kinh tế học vi mô*, NXB giáo dục, Hà Nội.
42. Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Khoa Kinh tế phát triển (1999) *Giáo trình Chương trình và Dự án phát triển kinh tế xã hội*, NXB Thống kê, Hà Nội.
43. Viện Nghệ thuật và Lưu trữ điện ảnh Việt Nam (2003) *Nửa thế kỷ điện ảnh Việt Nam*, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.
44. GS.PTS Hoàng Vinh (1999) *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng văn hoá ở nước ta*, Viện Văn hoá và NXB Văn hoá Thông tin xuất bản.

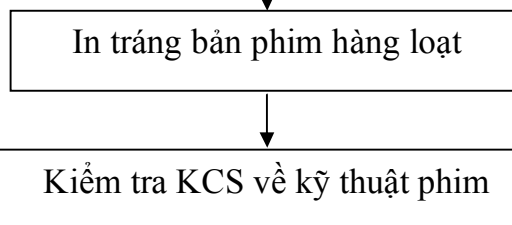
PHỤ LỤC

Phụ lục 1.1. Quy trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Điện ảnh theo công nghệ sản xuất phim truyền thống

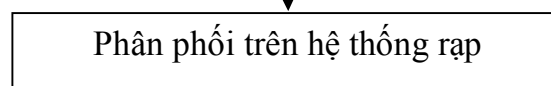
- Khâu sản xuất tiền kỳ:



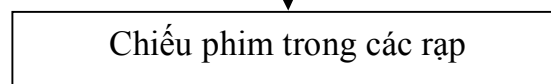
- Khâu sản xuất hậu kỳ:



- Phát hành phim:



- Chiếu phim:



Phụ lục 1.2. Quy trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Điện ảnh theo công nghệ sản xuất phim hiện đại, sử dụng công nghệ kỹ thuật số trong sản xuất phim

- Khâu sản xuất tiền kỳ:

Kịch bản phim



Quay phim và thu tiếng đồng bộ



- Khâu sản xuất hậu kỳ:

In tráng phim Nêgatip và chuyển sang số hoá hình ảnh (Không in phim nháp để dựng phim)



Dựng phi tuyến tính bằng kỹ thuật số cắt dựng trực tiếp trên phim Nêgatip



Thu tiếng động giả và âm nhạc



Hoà âm (Lồng âm thanh vào hình ảnh)



In tráng bản đầu



Kiểm soát về nội dung phim



In tráng bản phim hàng loạt



Kiểm tra KCS về kỹ thuật phim



- Phát hành phim:

Phân phối trên hệ thống rạp, hệ thống truyền hình, xuất nhập khẩu, trên hệ thống đại lý Video gia đình



- Phổ biến phim:

Chiếu phim trong các rạp, đội chiếu phim lưu động, phát sóng phim trên truyền hình, chiếu phim qua thiết bị Video, trên Internet

Phụ lục 2.1. BẢNG THỐNG KÊ PHIM TRUYỆN TÀI TRỢ TỪ NĂM 1992 ĐẾN 2005*Đơn vị: Triệu đồng*

Số TT	Tên phim	Hãng sản xuất	Tổng dự toán được duyệt	Tỷ lệ % Tài trợ	Mức tài trợ	Ghi chú
I	Năm 1992					
1	Cát bụi hè đường (phim nhựa)	Truyện VN	420	50%	210	
2	Truyện thuyết tình yêu thần nước	Hoạt hình	540	65%	351	
3	Đoạn cuối thiên đường	Giải phóng	420	50%	210	
4	Người hùng đá đỏ (phim Video)	C.ty Video	120	50%	60	
	<i>Giá bình quân phim truyện nhựa</i>					460
	<i>Giá bình quân phim truyện Video</i>					120
II	Năm 1993					
1	Cỏ lau	Truyện VN	500	50%	300	
2	Anh chỉ có mình em	Truyện VN	500	50%	300	
3	Dòng sông cười	Truyện VN	600	80%	480	
4	Trở về (phim XK)	Truyện VN	680	30%	200	
5	Tình yêu bên bờ vực thăm	nt			200	Trợ giá
6	Khách ở quê ra	Truyện I	500	60%	300	
8	Mảnh đất tình đời	Giải phóng	640	60%	360	
7	Tình ngỡ đã phai pha				100	Trợ giá
	<i>Giá bình quân phim truyện nhựa</i>					570
	<i>Giá bình quân phim truyện Video</i>					
III	Năm 1994					
1	Người yêu đi lấy chồng	Truyện VN	640	60%	384	
2	Dã tràng xe cát	Truyện VN	785	80%	628	
3	Lạc cảm	Truyện VN			442	
4	Cây bạch đàn vô danh	Truyện VN	667	60%	400	
5	Bông hoa rừng Sác	Truyện I	1.020	35%	357	
6	Lưỡi dao	Giải Phóng	740	60%	444	

7	Nhịp đập trái tim	nt	690	60%	414	
8	Biệt ly trắng	nt	575	60%	345	
9	Hoa đồng nội	nt	640	60%	384	
10	Người đi tìm dĩ vãng (2 tập)	Truyện I			942	
11	Ba trừ một bằng không (Video)	Cty Video	200	55%	110	
	<i>Giá bình quân phim truyện nhựa</i>					732.7
	<i>Giá bình quân phim truyện Video</i>					200
IV	Năm 1995					
1	Vàng trắng lửa	HĐA	790	60%	474	
2	Bản tình ca trong đêm	Truyện VN	806.6	60%	484	
3	Hoa của trời	Nt	800	60%	480	
4	Mùa hoa cúc quỳ	nt	900	60%	540	
5	Giải hạn	nt	860	60%	480	
6	Nhật thực làng hạ	Truyện I	840.2	60%	540.1	
7	Vành trăng khuyết	nt	945	60%	567	
8	Bụi hồng	Giải phóng	802.8	60%	481.7	
9	Lời thề	nt	834	60%	500	
10	Người đàn bà không con	nt	914	60%	548	
11	Ai xuôi Vạn lý	nt	995	60%	597	
	<i>Giá bình quân phim truyện nhựa</i>					862.5
	<i>Giá bình quân phim truyện Video</i>					
V	Năm 1996					
1	Số phận một tình yêu	Truyện VN	1.100	60%	660	
2	Bỏ trốn	nt	850	60%	510	
3	Cha tôi và 2 người đàn bà (Vdeo)	nt	233	60%	140	
4	Duyên nghiệp	nt	895	60%	537	
5	Đón khách (Video)	nt	240	60%	144	
6	Đảo vắng (Video)	Truyện I	240	60%	168	
7	Hạnh phúc qua đám mây màu	nt	823	60%	493.8	
8	Lời thì thầm của chiến tranh	nt	960	60%	576	
9	Nước mắt muộn màng	Giải phóng	868	60%	520	

10	Hạ sỹ quan	nt	930	60%	598	
11	Trái tim người mẹ (Video)	nt	266.7	60%	160	
12	Trăng không mùa	nt	288	60%	172.8	
13	Nước mắt thời mở cửa	HĐA	828	60%	496	
	Giá bình quân phim truyện nhựa					906.8
	Giá bình quân phim truyện Video					261.6
VI	Năm 1997					
1	Trưởng ban dân số	Truyện VN	920	80%	736	
2	Đầm hoang	nt	962	80%	770	
3	Khoảng vỡ	nt	957	80%	776	
4	Những mảnh đời giông bão(Video)		560	80%	448	
5	Hải nguyệt	Giải phóng	902	80%	722	
6	Pháp trường êm ả	nt	961	80%	769	
7	Cha con ông mắt mèo (Video)	nt	321	80%	257	
8	Ngọn lửa Trà Peng (Video)	nt	335	80%	268	
9	Hôn nhân không giá thú	Truyện I	1.154	80%	923	
10	Tiếng sáo ly hương	nt	1.070	80%	856	
11	Kỳ nghỉ hè nóng bỏng (Video0	nt	286	80%	229	
12	Hạnh phúc ghen ngào	nt	285	80%	228	
	Giá bình quân phim truyện nhựa					989.4
	Giá bình quân phim truyện Video					297.8
VII	Năm 1998					
1	Chiếc hộp gia bảo	Truyện VN	1.053	75%	790	
2	Những người thợ xẻ	nt	968	75%	726	
3	Những mảnh đời ngang trái (Video tập III)	Nt	290	75%	217	
4	Sóng ở đáy sông (5 tập Video)	Nt	1.480	75%	1.184	
5	Chung cư	Giải phóng	1.033	75%	775	
6	Ngày ấy ở quê tôi (tập 1,2 Video)	nt	581	75%	436	
7	Ngày ấy ở quê tôi (tập 3 Video)	nt	292	75%	219	
	Giá bình quân phim truyện nhựa					1.151

	<i>Giá bình quân phim truyện Video</i>					293.7
8	Trăng trên đất khách	nt	1.550	80%	1.240	
IIIX	Năm 1999					
1	Bến không chồng	Truyện VN	1.472	72%	1.060	
2	Đời cát	Nt	1.277	72%	919	
3	Chở đá lên núi	Truyện Vn				
4	Thư gửi thời gian (Video)	Nt	320	70%	224	
5	Chiếc chìa khoá vàng	Giải phóng	1.350	72%	972	
6	Trận đấu cuối cùng	Nt	1.130	72%	814	
7	Dưới tán rừng lặng lẽ	Truyện I	1.300	72	936	
	<i>Giá bình quân phim truyện nhựa</i>					1.305.8
	<i>Giá bình quân phim truyện Video</i>					320
IX	Năm 2000					
1	Vào Nam ra Bắc	Truyện I	1.350	72%	972	
2	Ba người đàn ông	Giải Phóng	1.230	72%	885	
3	Cấp cứu	Giải Phóng	1.125	72%	810	
4	Thiếu phụ chưa chồng	Truyện VN	1.300	72%	950	
5	Mùa ổi	Thanh Niên	1.070	72%	728	
	<i>Giá bình quân phim truyện nhựa</i>					1.215
X	Năm 2001					
1	Hai Bình làm thủy điện	Truyện VN	1.357	70%	950	
2	Thung lũng hoang vắng	Truyện VN	1.375	70%	863	
3	Cửa roi	Truyện VN	1.342	70%	940	
4	Vua bãi rác	Truyện VN	1.367	70%	957	
5	Tết này ai đến xông nhà	Truyện VN	1.385	70%	970	
6	Mái trường quê yên tĩnh	Truyện VN	1.385	70%	970	
7	Người đi tìm giấc mơ	Truyện I	1.357	70%	950	
8	Cái tát sau cánh gà	Truyện I	1.400	70%	980	
9	Thời vang bóng	Giải Phóng	1.370	70%	960	
10	Người đàn bà không hoá đá	Giải Phóng	1.300	70%	910	
11	Thời xa vắng	Giải Phóng	1.411	70%	188	

	<i>Giá bình quân phim truyện nhựa</i>					1.368
XI	Năm 2002					
1	Người đàn bà mộng du	Truyện VN	1.625	72%	1.190	
2	Một giờ làm quan	Truyện VN	1.408	72%	1.014	
3	Lưới trời	Truyện I	1.594	72%	1.148	
4	Trò đùa của thiên lôi	Truyện I	1.762	72%	1.269	
5	Gái nhảy	Giải Phóng	1.398	72%	1.006	
6	Cây rạo vàng	Giải Phóng	1.450	72%	1.044	
	<i>Giá bình quân phim truyện nhựa</i>					1.544
X	Năm 2003					
1	Tình biển	Truyện VN	1.718	72%	1.237	
2	Hàng xóm	Truyện VN	1.583	72%	1.140	
3	Chiến dịch trái tim bên phải	Truyện VN	1.610	72%	1.160	
4	Đường thư	Truyện VN	1.790	72%	1.289	
5	Khi người ta yêu nhau	Truyện I	1.639	72%	1.180	
6	Trận chung kết	Giải Phóng	1.495	100%	1.495	
7	Mùa len trâu	Giải Phóng	1.650	72%	1.188	
8	Tiếng dương cầm trong mưa	Giải Phóng	1.528	72%	1.100	
*	<i>Giá bình quân phim truyện nhựa</i>					1.185
XI	Năm 2004					
1	Có một chuyến đi	Truyện VN	1.695	72%	1.221	
2	Năm ngày của một vị tướng	Truyện VN	1.765	72%	1.271	
3	Thiên thần bé nhỏ	Truyện VN	1.875	72%	1.350	
4	Sinh mệnh	Truyện I	1.947	72%	1.402	
5	Hải quỳ	Truyện I	1.696	72%	1.221	
6	Trăng nơi đáy giếng	Giải Phóng	1.653	72%	1.190	
7	Thạch Thảo	Giải Phóng	1.749	72%	1.259	
8	Gió thiên đường	Giải Phóng	1.670	72%	1.202	
*	<i>Giá bình quân phim truyện nhựa</i>					1.265
XII	Năm 2005					
1	Những ngày mùa hè	Truyện VN	1.982	65%	1.300	
2	Đất lạnh	Truyện I	2.208	72%	1.590	

Nguồn: Số liệu thống kê của Cục điện ảnh